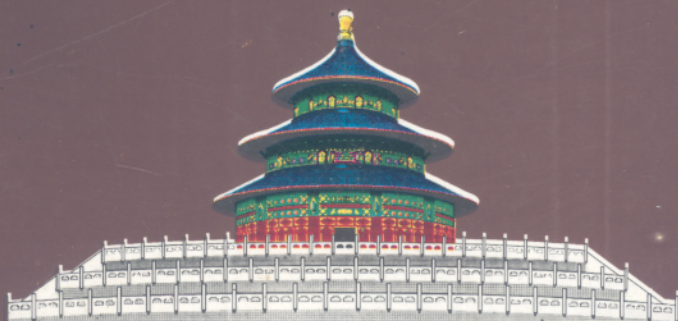


LÂM HÁN ĐẤT
TÀO DƯ CHƯƠNG

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LÂM HÂN ĐẠT, TÀO DƯ CHƯƠNG

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC
NĂM NGÀN NĂM
TẬP I

NGƯỜI DỊCH : TRẦN NGỌC THUẬN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI GIỚI THIỆU

Trung Quốc là một đất nước có lịch sử lâu dài và một kho tàng thư tịch lịch sử vô cùng phong phú. Truyền thống viết sử của Trung Quốc đã được bắt đầu từ rất lâu. Theo tài liệu thành văn hiện còn, thì bộ Xuân Thu do Khổng Tử (551 - 497 TCN), vị thủy tổ của Nho học viết ra, được coi là bộ sử biên niên mở đầu của ngành sử học Trung Quốc.

Đến đầu đời Hán, xuất hiện Tư Mã Thiên (145 hoặc 135 TCN - ...?) một nhà sử học lỗi lạc của Trung Quốc và thế giới với bộ Sử ký, một bộ thông sử đồ sộ gồm 130 thiên, 52 vạn chữ, bao quát một thời gian dài khoảng ba ngàn năm từ thời Hoàng Đế trong truyền thuyết tới đời Hán Vũ Đế là hoàng đế đương thời. Tiếp ngay sau đó, Ban Cố với bộ Hán Thư, là bộ sử về một triều đại (đoạn đại vì sử) đã chính thức đặt nền móng cho thể loại sử thư theo lối ký truyện của Trung Quốc. Sau cuộc đại nhất thống dưới triều Đường, ý thức về quốc gia dân tộc của người Trung Hoa đã hình thành vững chắc. Việc nhà nước ghi chép chính sử đã được định thành chế độ và được các đời sau kế thừa.

Trước hết, bốn bộ Sử Ký, Hán Thư, Hậu Hán Thư, Tam Quốc Chí⁽¹⁾ được quy định là "Tứ Sử".

Tiếp theo, chín bộ Tấn Thư, Tống Thư, Tề Thư, Lương Thư, Trần Thư, Ngụy Thư, Bắc Tề Thư, Chu

(1) Đây là bộ sử, không phải bộ tiểu thuyết lịch sử "Tam Quốc Chí diễn nghĩa" của La Quán Trung.

Thư và Tuỳ Thư được liệt thêm vào, thành "Thập Tam Sử"

Đời Tống, lại liệt thêm bốn bộ Nam Sử, Bắc Sử, Đường Thư (còn gọi Tân Đường Thư), Ngũ Đại Sử (còn gọi Tân Ngũ Đại Sử) vào thành "Thập Thất Sử".

Đời Càn Long nhà Thanh, lại liệt thêm năm bộ Tống Sử, Liêu Sử, Kim Sử, Nguyên Sử, Minh Sử vào thành "Khâm Định Nhị Thập Nhị Sử". Sau lại bổ sung hai bộ Cựu Đường Thư và Cựu Ngũ Đại Sử vào, thành "Khâm Định Nhị Thập Tứ Sử".

Sau khi triều Thanh diệt vong, Triệu Nhĩ Tốn chủ biên bộ Thanh Sử Cảo. Người ta gộp bộ này với "Nhị Thập Tứ Sử" và gọi chung là "Nhị Thập Ngũ Sử"⁽¹⁾.

Ngoài hai mươi lăm bộ chính sử nói trên, học giả các thời còn biên soạn nhiều bộ sử đồ sộ khác, như bộ Thông Điển của Đỗ Hựu thời Đường gồm hai trăm quyển, bộ Tư Trị Thông Giám của Tư mã Quang thời Tống gồm 294 quyển v.v..

Bên cạnh chính sử, nhiều triều đại còn biên soạn các bộ Thực lục cho mỗi đời vua, tất cả có tới 110 bộ, trong đó Thực lục của hai triều Minh, Thanh là tương đối hoàn chỉnh.

Khối lượng thư tịch lịch sử đồ sộ ấy khiến cho ngay cả các học giả Trung Quốc dù cả cuộc đời cũng không thể đọc hết được. Văn hào Lỗ Tấn đã từng than tiếc về điều đó.

(1) Thuyết khác nói rằng bộ sử thứ 25 không phải là Thanh Sử Cảo mà là bộ Tân Nguyên Sử do Kha Thiệu Mân soạn vào năm 1921.

Tình hình ấy làm nảy sinh yêu cầu phải biên soạn những loại sách phổ cập kiến thức lịch sử cho đông đảo người đọc, giúp họ chỉ mất ít thời gian cũng có được những hiểu biết vừa bao quát, vừa cụ thể về diễn tiến lịch sử trong suốt quá trình lâu dài và phức tạp ấy

Cuốn *Thượng Hạ Ngũ Thiên Niên* mà chúng tôi biên dịch và giới thiệu với độc giả Việt Nam là một trong những cuốn sách đáp ứng được những yêu cầu đó.

Sách do hai tác giả Lâm Hán Đạt, Tào Dư Chương biên soạn, được độc giả Trung Quốc và nước ngoài đón chào nồng nhiệt. Vì vậy, mà sau lần in thứ nhất vào tháng 11-1991, tới tháng 4-1995, đã được in lại tới lần thứ chín, với tổng số 240.800 bản.

Đây không phải là một cuốn sử mà là một cuốn sách kể chuyện lịch sử. Các tác giả đã khéo trình bày cô đọng toàn bộ quá trình lịch sử năm ngàn năm thành 262 câu chuyện⁽¹⁾ được xếp theo trình tự diễn biến lịch sử, móc nối với nhau thành một hệ thống hoàn chỉnh, bao quát mọi mặt hoạt động và đời sống của dân tộc Trung Hoa.

Các tiêu đề không nói lên được hết những gì chứa đựng trong từng câu chuyện, vì xoay quanh chủ đề và nhân vật chính, có nhiều sự kiện và nhân vật được triển khai trên mọi bình diện.

Đó là ưu điểm đầu tiên của cuốn sách

Ưu điểm thứ hai là các câu chuyện được dựa sát sự thực lịch sử nhưng được miêu tả trong sáng, sinh động gây được hứng thú cho người đọc.

(1) Chúng tôi bỏ bớt một chuyện trong nguyên bản, còn giữ lại và dịch 261 câu chuyện.

Ưu điểm thứ ba là, để tạo thuận lợi cho độc giả, mọi mốc thời gian ngoài niên hiệu hoàng đế, đều có chú thích rõ năm dương lịch; các địa danh cổ đều được bổ sung tên hoặc vị trí địa lý hiện tại. Cuối sách, còn có bảng niên biểu các sự kiện lớn

Cuối cùng, theo chúng tôi, một ưu điểm nữa của cuốn sách là đã miêu tả tương đối khách quan theo quan điểm lịch sử, dành sự đánh giá và bình luận cho người đọc.

Đọc cuốn sách này, độc giả sẽ có cảm giác như được xem một bộ phim dài ghi suốt quá trình lịch sử Trung Quốc kể từ khi xuất hiện những con người đầu tiên, trải qua chế độ công xã nguyên thủy, chế độ nô lệ, chuyển sang chế độ phong kiến dài nhất trong lịch sử loài người.

Trên vũ đài lịch sử, ta thấy xuất hiện đủ mọi loại nhân vật, mọi hoạt động từ đấu tranh với thiên nhiên đến việc tranh thành cướp đất, giành giật ngôi vị, thôn tính đất đai, mở rộng cương vực. Người ta đề xướng ra mọi học thuyết, định ra mọi chế độ chi phối đời sống vật chất và đời sống tâm linh của dân tộc Trung Hoa.

Trong số các nhân vật đông đảo hoạt động trên vũ đài lịch sử có đủ anh hùng nghĩa sĩ, tặc tử gian thần, có minh quân và hôn quân, hậu phi và thái giám, kẻ sĩ chính trực và bọn lưu manh gian xảo, có hành động từ tuyệt vời cao thượng đến những thủ đoạn lắt léo hèn hạ nhất.

Dòng chảy lịch sử là vô tận. Lịch sử mỗi dân tộc, ngoài những đặc điểm riêng, đều có điểm chung tuân theo quy luật phát triển của xã hội loài người. Vì vậy, đọc những câu chuyện lịch sử Trung Quốc, chúng ta tất

Tình hình ấy làm nảy sinh yêu cầu phải biên soạn những loại sách phổ cập kiến thức lịch sử cho đông đảo người đọc, giúp họ chỉ mất ít thời gian cũng có được những hiểu biết vừa bao quát, vừa cụ thể về diễn tiến lịch sử trong suốt quá trình lâu dài và phức tạp ấy

Cuốn *Thượng Hạ Ngũ Thiên Niên* mà chúng tôi biên dịch và giới thiệu với độc giả Việt Nam là một trong những cuốn sách đáp ứng được những yêu cầu đó.

Sách do hai tác giả Lâm Hán Đạt, Tào Dư Chương biên soạn, được độc giả Trung Quốc và nước ngoài đón chào nồng nhiệt. Vì vậy, mà sau lần in thứ nhất vào tháng 11-1991, tới tháng 4-1995, đã được in lại tới lần thứ chín, với tổng số 240.800 bản.

Đây không phải là một cuốn sử mà là một cuốn sách kể chuyện lịch sử. Các tác giả đã khéo trình bày cô đọng toàn bộ quá trình lịch sử năm ngàn năm thành 262 câu chuyện⁽¹⁾ được xếp theo trình tự diễn biến lịch sử, móc nối với nhau thành một hệ thống hoàn chỉnh, bao quát mọi mặt hoạt động và đời sống của dân tộc Trung Hoa.

Các tiêu đề không nói lên được hết những gì chứa đựng trong từng câu chuyện, vì xoay quanh chủ đề và nhân vật chính, có nhiều sự kiện và nhân vật được triển khai trên mọi bình diện.

Đó là ưu điểm đầu tiên của cuốn sách

Ưu điểm thứ hai là các câu chuyện được dựa sát sự thực lịch sử nhưng được miêu tả trong sáng, sinh động gây được hứng thú cho người đọc.

(1) Chúng tôi bỏ bớt một chuyện trong nguyên bản, còn giữ lại và dịch 261 câu chuyện.

nhiên sẽ có những liên tưởng, so sánh, suy ngẫm về lịch sử dân tộc mình

Độc giả Việt Nam từ lâu đã ít nhiều làm quen với lịch sử Trung Quốc qua các bộ tiểu thuyết Trung Hoa cổ điển (Đông Chu liệt quốc, Tam quốc chí...), thậm chí các vở tuồng cổ, nhưng trong một số người, không tránh khỏi có những lăm lăm giữa sự thực lịch sử với hư cấu trong văn học. Cuốn sách này sẽ giúp chúng ta hoàn chỉnh thêm hiểu biết của mình.

Về phần người biên dịch, để tạo thêm thuận lợi cho độc giả Việt Nam, ở đôi chỗ, chúng tôi có bổ sung thêm một số tư liệu rút từ chính sử Trung Quốc và chú thích thêm khi thấy cần thiết.

So với nguyên bản, chúng tôi cung cấp thêm một số bản đồ (thời Xuân Thu, thời Chiến Quốc, thời Tam Quốc, bản đồ hành chính nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa) và một biểu đồ diễn biến thời Tấn - Ngũ Hồ thập lục quốc

Cuốn sách được kết thúc trước khi Trung Quốc bước vào thời cận đại.

Chúng tôi hy vọng, vào dịp thuận tiện sẽ tiếp tục biên dịch và giới thiệu với độc giả giai đoạn tiếp sau của lịch sử Trung Quốc.

TRẦN NGỌC THUẬN

1- THẦN THOẠI VỀ KHAI THIÊN LẬP ĐỊA

Trung Quốc có một lịch sử rất lâu dài. Theo truyền thuyết, thì từ thời Hoàng Đế tới nay, đã ngót năm ngàn năm.

Trong gần năm ngàn năm đó có rất nhiều câu chuyện có ý nghĩa, trong đó, nhiều câu chuyện đã được ghi chép trong sử sách. Còn về thời viễn cổ từ năm ngàn năm về trước thì chưa có văn tự ghi chép, nhưng vẫn lưu truyền lại một số thần thoại và truyền thuyết.

Thí dụ để lý giải tổ tiên của người Trung Hoa là từ đâu tới thì từ xa xưa, đã lưu truyền câu chuyện thần thoại về Bàn Cổ tạo nên trời đất. Theo thần thoại này, trước khi có Trời đất, vũ trụ chỉ là một khối khí hỗn độn, trong đó không có ánh sáng và âm thanh. Lúc Bàn Cổ xuất hiện, dùng một chiếc rìu bổ khối khí ra. Khí nặng bay lên, thành ra trời, khí nhẹ chìm xuống, thành đất.

Sau mỗi ngày trời cao thêm một trượng, đất dày thêm một trượng, bản thân Bàn Cổ mỗi ngày cũng cao thêm một trượng. Cứ như thế suốt một vạn tám ngàn năm, trời cao mãi, đất dày mãi, và Bàn Cổ cũng trở

thành một người khổng lồ đội trời đạp đất. Sau này, Bàn Cổ chết đi, các bộ phận trong thân thể ông liền biến thành mặt trời, mặt trăng, sao, núi sông và cây cỏ.

Đó là thần thoại về chuyện khai thiên lập địa.

Nhưng thần thoại là thần thoại. Ngày nay không ai tin rằng đó là sự thực. Song người ta vẫn yêu thích câu chuyện đó, mỗi khi nói tới lịch sử, là lại nói "từ ngày Bàn Cổ khai thiên lập địa đến nay". Đó là vì câu chuyện đã nói lên khí phách chinh phục tự nhiên và sức sáng tạo phong phú của nhân loại.

Vậy thì, lịch sử nhân loại đúng ra là từ đâu? Sau này, khoa học phát triển người ta đã khai quật những hoá thạch trong lòng đất, chứng minh rằng tổ tiên của loài người là một loại người vượn nguyên thủy.

Ở Trung Quốc, đã khai quật được hoá thạch của người vượn cách đây hơn một triệu năm, như người vượn Nguyên Mưu ở Vân Nam cách đây một triệu bảy mươi vạn năm, người vượn Lam Điền ở Thiểm Tây có khoảng tám mươi vạn năm lịch sử. Còn người vượn Bắc Kinh nổi tiếng thì cũng cách đây bốn, năm mươi vạn năm.

Người vượn Bắc Kinh sống tại vùng Chu Khẩu Điếm. Lúc đó, khí hậu miền Bắc ấm áp và ẩm thấp hơn bây giờ, trên và dưới núi đều có rừng cây to, cỏ mọc rậm rạp, nhiều dã thú như hổ, báo, sói, gấu sinh sống; ngoài ra có cả voi, tê giác và hươu nai.

Sức lực của người vượn không bằng các loại mãnh thú, nhưng họ khác mọi loài vật khác là biết chế tạo và sử dụng công cụ. Những công cụ thời đó còn rất giản đơn, làm bằng gỗ và đá, qua sự đeo gọt thô sơ của người vượn.



Người vượn dùng những công cụ để hái quả, đào rễ và củ, đồng thời làm vũ khí để chống thú dữ.

Nhưng vì công cụ quá giản đơn, lại chỉ dựa vào sức cá nhân nên thức ăn kiếm được không nhiều. Họ đành phải sống thành bầy đàn để cùng lao động và cùng chống lại thú dữ, nên được gọi là bầy đàn nguyên thủy.

Qua mấy chục vạn năm đấu tranh gian khổ, người động vượn dần tiến hoá. Trong động Sơn Đình ở Long Cốt Sơn thuộc vùng Chu Khẩu Điếm, người ta phát hiện ra di tích người nguyên thủy có hình dạng rất giống người hiện đại. Loại người đó được gọi là "người động Sơn Đình".

Công cụ lao động của người động Sơn Đình đã tiến bộ rất nhiều. Họ không những làm ra được rìu đá, búa đá, mà còn dùng xương thú mài thành kim khâu. Đừng nên coi thường những chiếc kim này. Nhờ chúng, người ta đã có thể may da thú thành quần áo, chứ không còn trần truồng như người vượn Bắc Kinh nữa.

Người động Sơn Đình cũng vẫn sống thành bầy đàn, nhưng bầy đàn của họ đã được chia theo huyết thống. Mọi thành viên trong tập đoàn đều có chung tổ tiên, tức là cùng thuộc một thị tộc. Như vậy, xã hội loài người đã ở vào thời kỳ công xã thị tộc.

2- TRUYỀN THUYẾT VỀ DÙI CÂY LẤY LỬA

Về chuyện người nguyên thủy đã tiến hoá như thế nào từ bầy đàn nguyên thủy sang công xã thị tộc, cũng có khá nhiều truyền thuyết. Truyền thuyết thường nói tới những nhân vật lớn, vừa là thủ lĩnh, vừa là nhà phát minh. Đó là hình dung của người thời cổ về đời sống của người nguyên thủy.

Công cụ của người nguyên thủy thường rất giản đơn, xung quanh họ lại có nhiều thú dữ có thể gây nguy hiểm cho họ vào bất kỳ lúc nào, ở bất kỳ đâu. Sau, người ta quan sát thấy chim chóc làm tổ trên cành cao, đã thú không trèo lên được, liền bắt chước, cũng làm chỗ ở trên cành cây cao. Việc đó trên thực tế là do nhiều người quan sát và mò mẫm làm ra, nhưng truyền thuyết nói đó là do một người tên là Hữu Sào dạy mọi người làm*.

Người nguyên thủy còn chưa biết dùng lửa, mọi thứ đều ăn sống. Dù là thực vật và thịt động vật săn bắt được, cứ để nguyên cả máu me lông lá như thế mà ăn.

* Chữ Hán "Sào" nghĩa là "Tổ", "Hữu Sào" là "Có tổ".

Sau này, họ mới biết dùng lửa (trong di chỉ của người vượn Bắc Kinh ở vùng Chu Khẩu Điếm, đã phát hiện thấy dấu vết của lửa, cho thấy thời đó đã biết dùng lửa)

Hiện tượng lửa cháy đã sớm có trong tự nhiên Núi lửa phun ra, có lửa; sét đánh xuống, cây cối có thể bắt lửa. Nhưng người nguyên thủy thấy lửa lại sợ hãi, chưa biết lợi dụng. Sau do ngẫu nhiên lượm được xác dã thú bị lửa thiêu chết, ném thử thấy mùi thơm và vị ngon. Qua nhiều lần thử thách, người ta dần dần học được cách dùng lửa để làm chín thức ăn và nghĩ cách giữ lửa để sử dụng thường xuyên.

Trải qua một thời gian khá dài, người ta dùng hai khúc gỗ cứng, ra sức cọ xát vào nhau, làm bật ra lửa; hoặc dùng hai viên sỏi đánh mạnh vào nhau, làm toé ra lửa. Như vậy, là đã biết cách tạo ra lửa. Đó là phát minh của ai? Đương nhiên là của tập thể người lao động. Nhưng truyền thuyết cũng qui cho một người, là Toại Nhân*.

Việc tạo ra lửa là một phát minh lớn. Từ đó, người ta được ăn thức ăn chín và làm ra nhiều món ăn. Theo truyền thuyết, Toại Nhân còn dạy dân bắt cá. Cá, ba ba, trai ốc, lúc sống có mùi vị tanh rất khó ăn, nhờ có lửa, đã trở thành những món ăn ngon.

Không biết là trải qua thời gian bao lâu, người ta bắt đầu đan dây thành lưới, và dùng lưới bắt cá; rồi lại chế tạo ra cung tên. Như vậy, việc săn bắn có hiệu quả hơn nhiều so với khi chỉ dùng gậy đánh và đá ném. Từ đó, người ta không chỉ săn bắt được thú trên mặt đất, mà còn bắn được chim bay trên trời và bắt được cá sông

* Toại, chữ Hán có nghĩa là dụng cụ làm ra lửa.



dưới nước. Những chim, thú bắt được, số còn sống, chưa ăn tới thì có thể giữ lại, để ăn dần. Như vậy, người ta dần học được cách chăn nuôi. Những công việc đan lưới, săn bắt, chăn nuôi đều là kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm của nhiều người, nhưng truyền thuyết lại nói là do Phục Hi hay Bào Hi* phát minh ra.

Thời kỳ săn bắt không biết kéo dài bao lâu, nền văn minh nhân loại càng ngày càng phát triển lên. Ban đầu, người ta ngẫu nhiên đánh rơi hạt ngũ cốc xuống đất, đến năm sau, thấy có cây lúa mọc lên và tới mùa thu thì thấy có nhiều bông và hạt. Từ sự gợi ý đó, người ta bắt đầu gieo trồng. Ban đầu, người ta dùng gỗ chế ra nông cụ, cày bừa để trồng lúa, ngũ cốc thu hoạch ngày càng nhiều. Công việc đó, truyền thuyết lại gán cho một người, là Thần Nông.

Thần Nông trong truyền thuyết còn là người nếm thử các loại cây quả và thảo mộc. Không những ông tìm ra các loại thực phẩm mà còn tìm ra các loại cây cỏ làm thuốc. Nhờ đó, bắt đầu có nghề y.

Những nhân vật lớn trong truyền thuyết, từ Hữu Sào đến Thần Nông, trên thực tế không tồn tại. Nhưng những sự việc như làm tổ trên cây, dùi cây lấy lửa, cho đến những việc đánh cá, bắt thú, phát triển nông nghiệp, đã phản ánh việc phát triển sức sản xuất của người nguyên thủy, rất hợp với lý lẽ. Năm 1952, ở thôn Bán Pha thuộc Tây an, Thiểm Tây đã phát hiện thấy di chỉ một thôn xóm trước đây khoảng sáu bảy ngàn năm. Những đồ vật khai quật được tại di chỉ đó giúp ta biết được rằng vào thời kỳ đó, người ta đã biết cách chăn nuôi và trồng trọt.

* Chữ Hán "bào: là nhà bếp, "hi" là súc vật

3. HOÀNG ĐẾ ĐÁNH XUY VUU

Cách đây khoảng hơn bốn ngàn năm, ở lưu vực Hoàng Hà và Trường Giang có nhiều thị tộc và bộ lạc sinh sống. Hoàng Đế là một trong những thủ lĩnh bộ lạc nổi tiếng nhất trong truyền thuyết.

Bộ lạc do Hoàng Đế làm thủ lĩnh ban đầu sống ở vùng Cơ Thủy thuộc Tây Bắc Trung Quốc, sau dời tới vùng Trác Lộc (nay là Trác Lộc, Hoài Lai tỉnh Hà Bắc) bắt đầu định cư, phát triển chăn nuôi và trồng trọt.

Viêm Đế là thủ lĩnh một bộ lạc khác đồng thời với Hoàng Đế, ban đầu cư trú tại vùng Khương Thủy ở Tây Bắc Trung Quốc. Theo truyền thuyết, Viêm Đế có quan hệ thân tộc với Hoàng Đế. Trong khi bộ lạc của Viêm Đế ngày càng sa sút thì bộ lạc của Hoàng Đế lại rất thịnh vượng.

Lúc đó, Xuy Vuu là thủ lĩnh của bộ tộc Cửu Lê, rất hung tợn. Truyền thuyết nói Xuy Vuu có 81 anh em đều có thân hình mãnh thú, đầu đồng trán sắt, ăn sỏi đá, hung hăng mạnh mẽ vô cùng. Họ còn chế tạo ra các loại vũ khí như đao, kích, cung nỏ, thường dẫn bộ lạc đi xâm chiếm, cướp bóc bộ lạc khác.

Có lần, Xuy Vưu xâm chiếm vùng đất của Viêm Đế, Viêm Đế mang quân chống lại nhưng không địch nổi, bị Xuy Vưu đánh giết tan tác. Viêm Đế đành phải chạy đến Trác Lộc, xin Hoàng Đế giúp đỡ. Hoàng Đế vốn đã muốn tiêu trừ hiểm họa đó, liền liên kết các bộ lạc, chuẩn bị người ngựa vũ khí, triển khai một cuộc đại quyết chiến với Xuy Vưu trên cánh đồng Trác Lộc.

Về trận đại chiến này, có rất nhiều truyền thuyết hoang đường, như nói rằng ngày thường Hoàng Đế đã nuôi sáu loại dã thú là hùng, bi, tì, hưu, khu, hổ khi đánh nhau thì thả chúng ra trợ chiến (có người cho rằng, sáu loại dã thú trên, thực tế là sáu thị tộc mang tên các dã thú đó) Quân của Xuy Vưu tuy hung dữ, nhưng gặp phải quân của Hoàng Đế có dã thú giúp sức thì không địch nổi, liền tan vỡ tháo chạy.

Hoàng Đế dẫn quân thừa thắng đuổi theo, bỗng trời đất tối tăm, sương mù dày đặc, lại thêm cuồng phong dữ dội, sấm sét liên hồi, khiến quân của Hoàng Đế không sao đuổi được. Thì ra Xuy Vưu đã mời thần gió, thần mưa đến giúp. Hoàng Đế không chịu kém, liền mời Thiên Nữ giúp sức. Chỉ trong chớp mắt, trời quang mây tạnh, nên Xuy Vưu đã bị đánh bại. Lại có truyền thuyết nói rằng Xuy Vưu dùng yêu thuật, tạo ra sương mù dày đặc làm quân của Hoàng Đế mất phương hướng. Hoàng Đế liền dùng xe có kim chỉ nam dẫn đường, nhằm đúng hướng rút chạy của Xuy Vưu đuổi riết, kết quả đã bắt và giết được Xuy Vưu. Những truyền thuyết trên đã phản ánh mức độ khốc liệt của cuộc chiến tranh đó.

Các bộ lạc thấy Hoàng Đế đánh bại được Xuy Vưu, đều rất phấn khởi. Hoàng Đế được rất nhiều bộ lạc ủng hộ. Nhưng sau đó hai bộ lạc của Hoàng Đế và Viêm Đế



lại nảy ra xung đột, hai bên đánh nhau một trận ở Bản Tuyền (nay là Đông nam huyện Trác Lộc tỉnh Hà Bắc). Viêm Đế thất bại. Từ đó, Hoàng Đế trở thành thủ lĩnh của liên minh bộ lạc vùng Trung Nguyên.

Thời Hoàng Đế trong truyền thuyết, đã có rất nhiều phát minh sáng tạo, như làm nhà ở, đóng xe thuyền, may được quần áo ngũ sắc... Đương nhiên, những cái đó không thể là phát minh của một người, nhưng người đời sau đều qui công tất cả cho Hoàng Đế.

Theo truyền thuyết, Hoàng Đế có người vợ tên là Luy Tổ, tự mình làm mọi công việc lao động. Từ trước, giống tằm chỉ sống trong tự nhiên, người ta không biết tác dụng của nó, Luy Tổ dạy phụ nữ nuôi tằm, kéo tơ, dệt lụa. Từ đó, loài người mới có tơ lụa.

Hoàng Đế còn có một sứ quan* tên là Thương Hiệt, đã sáng tạo ra chữ viết thời cổ. Chúng ta không được thấy chữ viết thời đó, nên không có cách gì chứng minh việc này.

Trong các truyền thuyết thời cổ đại Trung Quốc, Hoàng Đế rất được tôn sùng. Người đời sau đều cho rằng Hoàng Đế là thủy tổ của tộc Hoa Hạ** và coi mình là con cháu Hoàng Đế. Vì Viêm Đế và Hoàng Đế vốn là thân thuộc, sau này hai bộ lạc lại hoà lẫn vào nhau, nên người Trung Quốc thường tự xưng mình là con cháu Viêm - Hoàng. Để kỷ niệm vị tổ tiên chung đó, đời sau người ta xây lăng Hoàng Đế ở Kiêu Sơn, phía Bắc huyện Hoàng Lăng tỉnh Thiểm Tây.

* Chức quan chuyên trách việc chép sử.

** Tộc Hán ngày nay.

4. NGHIÊU - THUẦN NHƯỜNG NGÔI

Theo truyền thuyết, sau Hoàng Đế, trước sau còn có ba thủ lĩnh liên minh bộ lạc rất nổi tiếng, là Nghiêu Thuần và Vũ. Họ vốn là thủ lĩnh của một bộ lạc, sau mới được bầu là thủ lĩnh của liên minh bộ lạc.

Lúc đó, khi gặp việc gì lớn thì thủ lĩnh liên minh bộ lạc đều phải bàn bạc với các thủ lĩnh bộ lạc.

Khi Nghiêu già cả, muốn tìm một người kế thừa chức vị của mình, liền mời thủ lĩnh bộ lạc các nơi đến họp.

Sau khi Nghiêu nêu ý kiến, có một người tên là Phóng Tế nói rằng: "Con trai ngài là Đan Chu là một người thông minh, có thể kế thừa chức vị của ngài".

Nghiêu nghiêm khắc nói: "Không được. Thằng bé đó tính không khoan hoà, chỉ thích cãi cọ với người khác".

Một người khác, tên là Hoan Đâu nói: "Người phụ trách thuỷ lợi là Cộng Công, làm việc rất tốt, được chẳng?"

Nghiêu lắc đầu: "Công Cộng nói giỏi làm giỏi, bên ngoài tỏ ra cung kính, nhưng lòng dạ khó lường. Trao cho người như thế, ta không yên tâm."

Lần họp bàn đó chưa có kết quả, Nghiêu tiếp tục tìm kiếm người kế vị. Sau đó, ông lại triệu tập thủ lĩnh các bộ lạc lại bàn bạc, bảo họ tiến cử một người. Hội nghị nhất trí chọn Thuấn.

Nghiêu gật đầu nói: "Đúng, ta cũng nghe nói người đó rất tốt, các ông thử nói kỹ hơn về Thuấn xem sao".

Mọi người liên kể về Thuấn: Cha của Thuấn là một người rất hiền đức, mọi người gọi ông ta là Cổ Tẩu (có nghĩa là một lão già mù). Mẹ đẻ Thuấn chết sớm, mẹ kế là một người độc ác. Mẹ kế sinh được một người em tên là Tượng, rất kiêu ngạo, nhưng lại được Cổ Tẩu rất cưng. Sống trong một gia đình như thế, nhưng Thuấn đối đãi với cha, mẹ kế và em rất mực hiếu thuận. Vì vậy, mọi người coi Thuấn là người có đức hạnh.

Nghiêu nghe nói rất hài lòng, quyết định thử thách thêm, liền đem hai con gái của mình là Nga Hoàng và Nữ Anh gả cho Thuấn, lại dựng cho Thuấn một kho lương thực, cho Thuấn nhiều bò dê. Mẹ kế và em thấy thế vừa thêm muốn, vừa ghen tị, liền cùng Cổ Tẩu lập mưu, nhiều lần muốn ám hại Thuấn.

Có lần, Cổ Tẩu bảo Thuấn lên chữa mái nhà kho. Khi Thuấn bắc thang leo lên mái, Cổ Tẩu liền phóng hoả, toan đốt cháy Thuấn. Thuấn thấy lửa cháy, liền tìm thang, thì thang đã bị lấy đi. May mà Thuấn có mang theo hai chiếc mũ lớn che nắng, liền dùng hai tay cầm mũ, nhảy xuống như con chim, không hề hấn gì.

Cổ Tẩu và Tượng vẫn chưa cam chịu, lại sai Thuấn đi đào giếng. Khi Thuấn ở dưới lòng giếng, Cổ Tẩu và



Tượng ở trên đồ đất đá xuống để chôn sống Thuấn trong giếng. Không ngờ, sau khi xuống giếng Thuấn đã đào một ngách ngang tránh được, rồi từ đấy lại moi đất lên, đi về nhà.

Tượng không biết Thuấn đã thoát hiểm, nên khi về tới nhà, đã dắc ý nói với Cổ Tẩu: "Lần này thì anh con chắc đã chết rồi. Diệu kế đó là do con nghĩ ra. Bây giờ, ta có thể chiếm tài sản của Thuấn rồi". Nói xong, liền đi về phía nhà Thuấn. Không ngờ, Tượng vừa bước vào, đã thấy Thuấn đang ngồi bên giường đánh đàn. Tượng giật mình, ngượng ngùng nói: "Ôi, em nhớ anh quá!".

Thuấn làm như không có chuyện gì xảy ra, bảo: "Em đến thật đúng lúc. Anh có nhiều việc, muốn nhờ em giúp đỡ đây".

Sau đó, Thuấn vẫn đối đãi tốt với cha, mẹ kế và em như trước kia. Cổ Tẩu, và Tượng không dám ám hại Thuấn nữa.

Sau khi nghe mọi người kể và tự mình cân nhắc, Nghiêu thấy Thuấn đúng là người vừa có đức hạnh, lại vừa giỏi giang, liền nhường chức vị thủ lĩnh cho Thuấn. Việc nhường chức vị đó, lịch sử gọi là "thiện nhượng". Kỳ thực, trong thời công xã thị tộc, khi thủ lĩnh bộ lạc già cả, việc dùng biện pháp tuyển cử để chọn thủ lĩnh mới, là một việc thường thấy.

Sau khi nhận chức, Thuấn vừa cần cù vừa tiết kiệm, cùng lao động với mọi người, được mọi người rất tin cậy. Mấy năm sau, Nghiêu chết, Thuấn lại muốn nhường chức thủ lĩnh cho con trai Nghiêu là Đan Chu, nhưng không ai tán thành. Thuấn mời chính thức đảm nhiệm chức vụ này.

5- ĐẠI VŨ TRỊ THUYẾT

Trong khi Nghiêu còn làm thủ lĩnh, lưu vực Hoàng Hà xảy ra nhiều thủy tai khiến cho hoa mầu bị ngập, nhà cửa bị đổ, dân chúng phải tránh lên chỗ cao. Nhiều nơi còn có rắn độc và mãnh thú gây hại cho người và gia súc, nhân dân rất khổ sở.

Nghiêu triệu tập hội nghị liên minh bộ lạc, bàn về việc trị thủy, bảo mọi người hãy tiến cử một người giỏi giang phụ trách việc này. Mọi người đều tiến cử Cỗn.

Nghiêu không tin nhiệm Cỗn lắm. Mọi người nói: "Hiện nay, không ai giỏi hơn Cỗn, Ngài cứ thử dùng xem". Nghiêu miễn cưỡng đồng ý.

Cỗn trị thủy suốt chín năm trời mà không có kết quả gì, vì Cỗn chỉ biết đắp đê và đập đê ngăn nước. Khi nước dâng cao, làm vỡ đê đập, tai họa còn lớn hơn trước.

Khi Thuấn lên thay Nghiêu, liền tự mình đi khảo sát việc trị thủy. Ông thấy Cỗn bất tài, liền giết đi, và sai con của Cỗn là Vũ thay cha.

Vũ thay đổi cách làm của cha, dùng biện pháp khơi thông sông ngòi để dẫn nước ra biển. Ông cùng làm việc với mọi người, đội mũ nan, dùng cuốc, xẻng đào đất, gánh đất, chăm chỉ miệt mài xây xát cả chân tay.

Trải qua mười ba năm nỗ lực, cuối cùng đã khơi thông cho nước chảy ra biển, đồng ruộng lại trông tươi được.

Vũ mới lấy vợ, nhưng vì bận việc trị thủy, nhiều lần đi qua cửa nhà mình cũng không bước vào. Có lần, vợ Vũ là Đỗ Sơn thị sinh con trai là Khải đang oe oe khóc, Vũ đi qua, nghe tiếng khóc, cũng dần lòng không dám ghé thăm con.

Lúc đó ở vùng trung du Hoàng Hà có một trái núi lớn là Long Môn Sơn (nay ở Tây Bắc huyện Hà Tân tỉnh Sơn Tây) ngăn chặn dòng chảy của sông, khiến dòng sông bị hẹp lại. Nước bị nghẽn, nhiều lần tràn bờ, sinh ra thủy tai lớn. Vũ đến nơi khảo sát rồi dẫn đầu mọi người đục núi cho nước chảy xuyên qua. Vì vậy, chấm dứt được nạn nước tràn bờ.

Người đời sau ca ngợi công lao trị thủy của Vũ, tôn xưng ông là Đại Vũ.

Khi Thuấn già cả, cũng làm như Nghiêu, là chọn người kế thừa chức vị. Vì Vũ có công trị thủy nên mọi người đều tiến cử Vũ. Đến khi Thuấn chết, Vũ liền kế nhiệm chức thủ lĩnh liên minh bộ lạc.

Lúc đó, đã là thời kỳ sau của công xã thị tộc, sức sản xuất phát triển, sản phẩm do một người làm ra, ngoài phân cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của mình, vẫn còn dư thừa. Thủ lĩnh các thị tộc và bộ lạc lợi dụng địa vị của mình, chiếm đoạt những sản phẩm dư thừa làm của



riêng, trở thành những quý tộc trong thị tộc. Có sản phẩm dư thừa, giữa các bộ lạc liền nổ ra chiến tranh, khi bắt được tù binh thì không giết đi nữa, mà biến họ thành nô lệ, bắt họ lao động phục vụ quý tộc. Như vậy, dần dần hình thành hai giai cấp, là chủ nô và nô lệ. Chế độ công xã thị tộc bắt đầu tan rã.

Do Vũ có công lao trị thủy, nên uy tín và quyền lực của thủ lĩnh liên minh bộ lạc được nâng cao. Truyền thuyết nói rằng khi Vũ đã già, có đi thị sát miền Đông và triệu tập rất nhiều thủ lĩnh bộ lạc đến Cối Kê (nay thuộc vùng Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang). Những người đến triều kiến đều cầm ngọc bạch, nghi thức rất long trọng. Có một thủ lĩnh bộ lạc là Phòng Phong Thị đến muộn. Vũ cho rằng như thế là vi phạm mệnh lệnh, liền sai chém đầu Phòng Phong thị. Điều này chứng tỏ rằng, chức vị thủ lĩnh liên minh bộ lạc của Vũ lúc đó trên thực tế đã trở thành một quốc vương rồi.

Vũ vốn có một trợ thủ tên là Cao Dao, từng giúp Vũ làm công việc cai trị. Sau khi Cao Dao chết, con là Bá Ích cũng là trợ thủ của Vũ. Theo chế độ thiện nhượng thì đáng ra nên để Bá Ích là người kế vị Vũ. Nhưng sau khi Vũ chết, những quý tộc trong bộ lạc Hạ của Vũ lại tôn con của Vũ là Khải lên kế vị.

Như thế, chế độ tuyển cử trong liên minh bộ lạc của thời kỳ công xã thị tộc chính thức bị phế bỏ và đổi thành chế độ thế tập vương vị. Triều Hạ, vương triều theo chế độ nô lệ đầu tiên của Trung Quốc đã xuất hiện.

6- THẦN TIÊN THỦ HẬU NGHỆ

Sau khi Hạ Khải lên làm vua, có một bộ lạc là Hữu Hộ thị không phục, đem quân chống lại. Giữa Khải và bộ lạc Hữu Hộ thị xảy ra chiến tranh. Sau, Khải tiêu diệt bộ lạc Hữu Hộ thị và biến tù binh thành nô lệ chăn nuôi gia súc. Những bộ lạc khác thấy vậy, không ai dám phản kháng nữa.

Hạ Khải chết, con là Thái Khang nối ngôi. Thái Khang là một ông vua ngu tối không chăm lo gì chính sự, chỉ ham săn bắn. Có lần, Thái Khang dẫn tùy tùng đi săn ở Nam ngạn Lạc Thủy, càng săn càng mê mải, hơn một trăm ngày không trở về.

Lúc đó, ở hạ du Hoàng Hà có tộc Di, thủ lĩnh bộ lạc tên là Hậu Nghệ, có dã tâm lớn, muốn giành quyền lực của Hạ Vương. Thấy Thái Khang đi săn vắng, Hậu Nghệ nắm lấy thời cơ, dẫn quân đóng giữ tại bờ bắc Lạc Thủy. Tới khi Thái Khang mang theo nhiều thú vật săn được, hớn hỏ về tới Lạc Thủy thì gặp quân Hậu Nghệ chặn giữ, ngăn mất đường về. Thái Khang không còn cách gì, đành phải sống lưu vong. Hậu Nghệ vẫn chưa dám xưng vương, bèn lập người anh em của Thái Khang



là Trọng Khang làm Hạ vương và nắm thực quyền trong tay.

Hậu Nghệ là tay thiện xạ thường bắn trăm phát trúng cả trăm. Thần thoại kể rằng, thời cổ trên không có tới mười mặt trời, mặt đất nóng như thiêu, làm cháy hết hoa màu. Mọi người xin Hậu Nghệ nghĩ cách giải quyết. Hậu Nghệ liền giương cung bắn liên mấy phát, làm chín mặt trời rụng xuống, chỉ để lại một mặt trời như ngày nay. Vì vậy, khí hậu trên Trái đất trở nên ôn hoà, không còn khô hạn nữa. Lại nói thời cổ trên các dòng sông có nhiều thuỷ quái, thường gây nên sóng gió, tạo thành thuỷ tai, làm ngập hết hoa màu, nhấn chìm người và gia súc. Hậu Nghệ lại dùng cung tên, bắn giết hết quái vật, mang lại cho dân cuộc sống yên bình. Những thần thoại đó chứng tỏ tài bắn cung của Hậu Nghệ rất cao cường, được mọi người công nhận. Lúc đầu, Hậu Nghệ chỉ giữ vai trò trợ thủ cho Trọng Khang. Tới khi Trọng Khang chết, ông ta liền đuổi con Trọng Khang là Tướng đi, giành lấy vương vị của triều Hạ. Hậu Nghệ ỷ vào tài bắn cung, cũng tác uy tác phúc, chỉ mãi mê chơi bởi săn bắn như Thái Khang, giao hết chính sự quốc gia cho người thân tín là Hàn Tróc. Hàn Tróc có âm mưu riêng, ngầm ngầm mua chuộc lòng người. Một lần, Hậu Nghệ đi săn về, bị Hàn Tróc sai người đến giết đi.

Giết Hậu Nghệ rồi, Hàn Tróc cướp ngôi. Vì sợ tộc Hạ tranh đoạt, Hàn Tróc liền tìm cách bắt giết Tướng, con của Trọng Khang, Tướng chạy đến đâu, cũng bị Hàn Tróc sai người đuổi tới đó. Cuối cùng, Hàn Tróc bắt và giết được Tướng. Lúc đó, vợ Tướng đang có mang, bị Hàn Tróc lũng bắt gắt gao quá, liền trốn về nhà mẹ đẻ ở

bộ lạc Hữu Nhung, sinh được một con trai, đặt tên là Thiệu Khang.

Khi Thiệu Khang lớn lên, làm nghề chăn nuôi gia súc cho nhà họ ngoại. Nghe tin, Hàn Tróc lại sai người lòng bắt, Thiệu Khang phải trốn đến chỗ con cháu của Thuấn là họ Hữu Ngu.

Thiệu Khang lớn lên trong hoàn cảnh gian khổ nên rèn luyện được sức khỏe và tài năng. Ông chiêu tập được nhiều người ở họ Hữu Ngu, bắt đầu tổ chức được đội ngũ. Sau đó, nhờ sự giúp đỡ của các đại thần và các bộ lạc trung thành với nhà Hạ, đã tổ chức đánh lại Hàn Tróc, giành lại được ngôi vua.

Triều Hạ từ Thái Khang đến Thiệu Khang, trải qua khoảng 100 năm hỗn chiến, mới khôi phục được. Lịch sử gọi đó là "Thiệu Khang trung hưng".

Thiệu Khang diệt được Hàn Tróc, nhưng cuộc đấu tranh giữa tộc Hạ và tộc Di vẫn chưa kết thúc. Tộc Di có nhiều xạ thủ giỏi, cung tên của họ rất lợi hại. Sau, con của Thiệu Khang là Trữ nổi ngôi, phát minh ra một loại áo chống được tên, gọi là giáp, nên đã chiến thắng được tộc Di. Thế lực triều Hạ lại phát triển sang phía Đông.

7- THƯƠNG THANG VÀ Y DOÃN

Ở hạ du Hoàng Hà có một bộ lạc tên là Thương. Truyền thuyết nói rằng Khiết là tổ tiên của bộ lạc Thương, trong thời kỳ Nghiêu Thuấn, đã từng theo Vũ đi trị thủy. Sau đó, bộ lạc Thương nhờ phát triển nhanh nghề chăn nuôi nên đến cuối thời Hạ, khi Shang làm thủ lĩnh, thì đã trở thành một bộ lạc lớn mạnh.

Vương triều Hạ đã thống trị hơn 400 năm, đến thế kỷ 16 trước Công nguyên, ông vua cuối cùng của triều Hạ là Kiệt, nổi tiếng là một ông vua tàn bạo. Vua Kiệt và các quý tộc chủ nô đã bóc lột nhân dân một cách thậm tệ và ra sức trấn áp nô lệ. Hạ Kiệt còn cho xây dựng nhiều cung điện, sống cuộc đời hoang dâm xa xỉ.

Dại thần Quan Long Bàng khuyên can Kiệt, nói nếu cứ tiếp tục như thế thì sẽ mất lòng người. Hạ Kiệt dùng dùng nổi giận ra lệnh giết ngay Quan Long Bàng. Dân chúng căm giận Hạ Kiệt, nguyện rửa: "Mặt trời kia sao không tắt ngay đi. Chúng ta sẽ cùng chết với mày!"

Thương Shang thấy Hạ Kiệt vô cùng hủ bại, liền quyết tâm tiêu diệt triều Hạ. Bề ngoài, ông tỏ ra phục

tòng Kiệt, nhưng bên trong, ngấm ngấm không ngừng mở rộng thế lực.

Lúc đó, các quý tộc trong bộ lạc đều rất mê tín, coi việc tế trời đất tổ tông là việc quan trọng nhất. Bên cạnh bộ lạc Thương có bộ lạc Cát, thủ lĩnh là Cát Bá không tế tự đúng kỳ hạn. Thang phái người đến trách. Cát Bá trả lời: "Chúng tôi rất nghèo. Không có súc vật để tế".

Thang đưa tới một số bò dê để làm đồ tế. Cát Bá cho làm thịt ăn hết, nhưng vẫn không tế. Thang lại cho người đến trách. Cát Bá nói: "Chúng tôi không có lương thực, lấy gì để tế?".

Thang lại phái người giúp đỡ Cát Bá cày ruộng, và cử người già, trẻ em mang cơm cho họ. Không ngờ, nửa đường, Cát Bá cho cướp đi hết, lại giết chết một em bé đưa cơm.

Hành động đó của Cát Bá khiến ai nấy đều tức giận. Thang nắm lấy việc đó, liền mang quân tiêu diệt bộ lạc Cát. Sau đó, lại liên tục đánh chiếm một số bộ lạc lân cận. Thế lực của Thương Thang dần phát triển lớn mạnh, nhưng Hạ Kiệt ngu tối, vẫn chưa chú ý tới.

Trong những nô lệ theo vợ Thương Thang về nhà chồng*, có một người tên là Y Doãn. Truyền thuyết nói, khi Y Doãn tới nhà Thương Thang, thì làm nghề nấu ăn, phục vụ Thương Thang. Dần về sau, Thương Thang phát hiện thấy Y Doãn không giống với những kẻ hầu người hạ khác. Hỏi chuyện, mới biết Y Doãn cố ý tham

* Thời cổ, nữ quý tộc đi lấy chồng, thường đem theo cả nô lệ nam và nữ.



gia vào đoàn bồi giá* là để tìm gặp Thương Thang. Y Doãn đàm đạo với Thương Thang về vấn đề trị nước, được Thương Thang tán thưởng. Vì vậy, Thương Thang lập tức dùng Y Doãn làm trợ thủ cho mình.

Thương Thang và Y Doãn bàn bạc với nhau với nhau về việc đánh Hạ Kiệt. Y Doãn bày mưu: "Hiện nay Hạ Kiệt vẫn còn mạnh, trước hết chúng ta hãy thử bãi việc triều cống, xem thái độ thế nào?".

Thương Thang theo kế của Y Doãn, không tiến cống cho Hạ Kiệt nữa. Quả nhiên Hạ Kiệt nổi giận, hạ lệnh cho bộ tộc Cửu Di đem quân đánh Thương Thang. Y Doãn thấy bộ tộc Cửu Di vẫn phục tùng lệnh của Hạ Kiệt, liền tạ tội và lại tiến cống như cũ.

Một năm sau, một số bộ lạc thuộc Cửu Di không chịu nổi sự bóc lột và trấn áp của Hạ Kiệt, dần dần rời bỏ triều Hạ, Thương Thang và Y Doãn mới quyết định mở cuộc tiến công lớn.

Từ Hạ Kiệt đến lúc đó, triều Hạ đã truyền được hơn bốn trăm năm. Muốn lật đổ một vương triều có lịch sử lâu dài như thế, không phải là một việc dễ dàng. Thang và Y Doãn quyết định họp các tướng sĩ, tổ chức lễ thệ sư. Tại cuộc lễ, Thang nói: "Không phải ta muốn làm loạn. Nhưng Hạ Kiệt quá tàn ác, Thượng Đế hạ lệnh cho ta phải tiêu diệt hắn, ta không dám không nghe lời". Sau đó, ông tuyên bố về kỷ luật thưởng phạt.

Thương Thang mượn danh Thượng Đế để động viên tướng sĩ, cộng thêm với nỗi căm giận của tướng sĩ muốn Hạ Kiệt chóng diệt vong, khiến họ chiến đấu rất dũng

* Bồi giá: đi theo cô dâu về nhà chồng.

cảm. Quân Hạ và quân Thương đánh nhau một trận lớn ở Minh Điều (nay ở phía Bắc trấn An Ấp, huyện Vạn Thành, tỉnh Sơn Tây) Quân Hạ Kiệt bị đại bại.

Cuối cùng, Hạ Kiệt chạy đến Nam Sào (nay ở tây nam huyện Sào, Tỉnh An Huy) Thang đuổi đến đó, bắt được Kiệt, dày Kiệt ở đó cho đến hết đời.

Như vậy, triều Hạ bị triều Thương thay thế. Lịch sử gọi việc Thương Thang đánh Hạ là cuộc cách mạng Thương Thang. Vì giai cấp thống trị thời cổ gọi việc thay đổi triều đại là sự thay đổi mệnh trời, nên gọi đó là "cách mạng". Cách gọi đó hoàn toàn khác với khái niệm "cách mạng" ngày nay.

8- BÀN CANH DỜI ĐÔ

Khi Thương Thang thành lập triều Thương thì quốc đô đầu tiên đóng ở Băc (nay là Thương Khâu, Hà Nam). Trong khoảng ba trăm năm từ đó về sau, đô thành phải chuyển dời tất cả năm lần. Đó là do nội bộ vương tộc thường xuyên tranh đoạt ngôi vua, và do vùng hạ du Hoàng Hà thường có thủy tai. Có một lần thủy tai lớn làm chìm ngập cả đô thành, nên buộc phải dời đô.

Bàn Canh, vua thứ hai mươi kể từ Thương Thang, là một ông vua có tài trị quốc. Để thay đổi cục diện không an định trong xã hội lúc đó, ông quyết định dời đô một lần nữa.

Nhưng đại đa số quý tộc luyện tiết cuộc sống an nhàn, không muốn dời đô, một số quý tộc có thể lực còn xúi giục bình dân nổi dậy, gây nên tình hình căng thẳng.

Đứng trước thế lực phản đối lớn mạnh, Bàn Canh không lay chuyển quyết tâm dời đô. Ông triệu tập các quý tộc đó lại bên bờ thuyết phục: "Ta yêu cầu các khanh chuyển đi là để cho nước nhà được an định. Các khanh

không thấy nổi khổ tâm của ta, mà còn gây rắc rối. Các khanh không thể làm thay đổi quyết tâm của ta đâu".

Do Bàn Canh giữ vững chủ trương dời đô, làm thất bại thế lực phản đối, nên cuối cùng đã đem theo binh dân và nô lệ, vượt qua Hoàng Hà, di chuyển đến đất Ân (nay là thôn Tiểu Đôn, huyện An Dương, Hà Nam). Tại đây, ông đã chinh đồn nên chính trị, làm cho triều Thương từ chỗ suy yếu đã trở lại phục hưng. Từ đó đến suốt hơn hai trăm năm sau, không phải dời đô nữa. Vì vậy, triều Thương còn được gọi là Ân Thương hoặc triều Ân.

Từ đó tới nay đã hơn ba ngàn năm, đô thành cũ của triều Thương đã trở nên hoang phế. Đến thời cận đại, người ta khai quật được ở vùng Tiểu Đôn huyện An Dương Hà Nam rất nhiều di vật thời cổ, chứng tỏ rằng ở đây đã từng là quốc đô của triều Thương, nên gọi nó là "Ân Khư" (di chỉ đã đổ nát thời Ân).

Từ những di vật khai quật được ở Ân Khư, có hơn mười vạn mảnh mai rùa và xương thú vật, trên đó có khắc nhiều chữ cổ rất khó đọc. Qua nghiên cứu của các nhà khảo cổ, những chữ đó mới được làm rõ. Thì ra, giai cấp thống trị triều Ân rất mê tín quỷ thần. Khi tế tự, đi săn và chinh chiến, họ đều dùng mai rùa và xương thú để bói toán điểm lành điểm dữ. Sau khi bói toán, liền khắc chữ lên trên mai rùa và xương thú về tình hình lúc đó và về kết quả bói toán. Chữ viết thời đó khác xa chữ viết ngày nay, nên được gọi là "văn giáp cốt"*. Chữ Hán sử dụng thời nay là do diễn biến từ văn giáp cốt mà có.

* giáp là mai (rùa), cốt là xương.



Trong những di vật khai quật được ở Ân Khu, còn rất nhiều đồ đồng đen gồm vỏ chậu và vũ khí thuộc nhiều chủng loại, chế tạo rất tinh xảo. Trong số đó, có một chiếc đỉnh vuông, gọi là "tứ mẫu tuất" nặng 875 kg, cao hơn 1m30, có khắc hoa văn rất đẹp. Loại đồ đồng đen to như vậy nói lên rằng trong thời Ân Thương, kỹ thuật đúc đồng và trình độ nghệ thuật đã rất cao. Nhưng ta cũng có thể tưởng tượng được, chiếc đỉnh lớn đẹp đẽ đó đã thấm đượm bao nhiêu mồ hôi và cả xương máu của nô lệ!

Các nhà khảo cổ còn khai quật được ở Ân Khu rất nhiều mộ huyết của chủ nô thời Ân Thương. Trong ngôi mộ lớn của một quốc vương đào được ở thôn Vũ Quan huyện An Dương, ngoài những đồ châu ngọc xa xỉ được chôn theo, còn có rất nhiều nô lệ bị giết và tuần táng. Trên đường vào ngôi mộ lớn, một bên chất nhiều bộ xương không đầu, bên kia bày toàn xương sọ.

Theo ghi chép trên các mảnh giáp cốt, khi vua chúa tế tự tổ tiên, cũng giết nhiều nô lệ làm đồ tế, lần nhiều nhất có tới hai ngàn sáu trăm người. Đó là chứng cứ tội ác tàn sát nô lệ thời đó.

Từ văn tự giáp cốt khai quật được ở Ân Khu, chúng ta có những tài liệu tin cậy về triều Ân - Thương. Có thể nói, lịch sử thành văn sớm nhất ở Trung Quốc, là bắt đầu từ triều Ân - Thương.

9- KHUƠNG THÁI CÔNG CẦU CÁ

Sau khi Bàn Canh chết, còn truyền được mười một đời vua nữa. Vua cuối cùng tên là Trụ. Trụ vốn là người khá giỏi giang và có sức khoẻ. Những năm đầu, ông đích thân cầm quân, tiến hành cuộc chiến tranh lâu dài với Đông Di. Trụ rất có tài về quân sự, liên tục đánh thắng, cuối cùng bình định được Đông Di, đưa văn hoá của triều Thương truyền bá tới lưu vực Hoài Thuỷ và Trường Giang. Trong sự kiện này, Trụ đã có vai trò quan trọng. Nhưng do chiến tranh lâu dài, thiệt hại rất lớn, nhân dân phải đóng góp nặng nề, nên đời sống ngày càng khổ cực.

Trụ giống như Hạ Kiệt, chỉ biết hưởng lạc, không quan tâm đến đời sống nhân dân. Ông ta không ngừng xây dựng cung điện nguy nga, nhất là cung "Lộc đài" rất lớn ở biệt đô Triều Ca (nay là huyện Kỳ tỉnh Hà Nam), chứa đầy vàng bạc châu báu. Ngoài ra, còn cho dựng một nhà kho cực lớn, gọi là Cự Kiều để chứa lương thực. Trụ còn cho đổ rượu đầy ao và treo thịt đầy rừng cây gọi đó là ao rượu, rừng thịt. Trụ cùng sủng phi là Đát Kỷ, sống cuộc sống cực kỳ xa xỉ. Ngoài ra, còn dùng

nhục hình tàn bạo để trấn áp nhân dân. Nếu chư hầu hoặc nô lệ nào chống đối, Trụ đều cho bắt và nướng cháy trên cột đồng nung đỏ.

Hành động tàn bạo của Trụ đã đẩy nhanh sự sụp đổ của triều Thương. Lúc đó, ở phía tây có một bộ lạc đang hưng thịnh. Đó là bộ lạc Chu.

Chu vốn là một bộ lạc lâu đời. Vào cuối triều Hạ, bộ lạc này sống ở vùng Thiểm Tây, Cam Túc ngày nay. Về sau, do bị các bộ lạc Nhung, Địch quấy phá, thủ lĩnh bộ lạc Chu là Cổ Công Đản Phụ mang dân dời đến Kỳ Sơn (nay ở đông bắc huyện Kỳ Sơn Thiểm Tây) và định cư ở đó.

Đến đời cháu của Cổ Công Đản Phụ là Cơ Xương (sau là Chu Văn Vương) kế vị, bộ lạc Chu đã rất lớn mạnh. Chu Văn Vương là một nhà chính trị tài giỏi. Cuộc sống của ông hoàn toàn ngược với Trụ. Trong khi Trụ thích uống rượu, săn bắn và lạm dụng hình phạt, thì Chu Văn Vương cấm uống rượu, không cho phép quý tộc săn bắn, dẫm đạp lên hoa màu của nhân dân. Ông khuyến khích nhân dân nuôi nhiều bò dê và trồng nhiều lương thực. Ông còn khiêm tốn tiếp đãi những người có tài, vì vậy thu hút được nhiều nhân tài đi theo.

Sự lớn mạnh của bộ lạc Chu là mối uy hiếp lớn với triều Thương. Một đại thần là Sùng Hầu Hổ nói xấu Chu Văn Vương với Trụ, nói ảnh hưởng của Chu Văn Vương rất lớn, nếu cứ để như thế, sẽ nguy hại cho triều Thương.

Trụ Vương liền hạ lệnh bắt Chu Văn Vương, giam ở Dữu Lý (nay ở huyện Thang Âm, Hà Nam). Các quý tộc ở bộ lạc Chu phải đưa nhiều gái đẹp, ngựa tốt và châu báu đến dâng cho Trụ Vương và biếu các đại thần.



Trụ Vương thấy gái đẹp và châu báu liền cười tít mắt, nói: "Những thứ này đủ để chuộc Cơ Xương" liền ra lệnh tha Chu Văn Vương về.

Chu Văn Vương thấy Trụ Vương ngu tối, bạo ngược, không được lòng dân, liền quyết định đánh đổ triều Thương. Nhưng bên cạnh ông còn thiếu một người có tài năng quân sự để chỉ huy tác chiến. Ông ra sức kiếm tìm.

Một hôm, Chu Văn Vương ngồi xe, dẫn theo con và một số quân lính đi săn ở bờ Bắc sông Vị Thủy. Ông nhìn thấy một ông già đang ngồi bên bờ sông câu cá. Đoàn người ngựa đi tới, nhưng ông già đó làm như không nhìn thấy, vẫn lặng thinh ngồi câu. Thấy lạ, Văn Vương liền xuống xe, đi tới, nói chuyện với ông già nọ.

Sau khi nói chuyện, được biết ông tên là Khương Thượng (còn gọi là Lã Thượng, Lã là vùng đất phong của tổ tiên ông), là một người tinh thông binh pháp.

Văn Vương vô cùng phấn khởi, nói: "Khi ông nội ta còn sống, từng nói với ta là sau này sẽ có một người rất giỏi giúp đỡ tộc Chu ta hưng vượng lên. Ngài chính là người đó. Ông nội ta từng trông mong ngài rất lâu rồi". Nói xong, liền mời Khương Thượng lên xe, cùng về cung. Ông già vuốt râu, rồi cùng Văn Vương lên xe.

Vì ông nội của Văn Vương được gọi là Thái Công, từng mong đợi Khương Thượng từ lâu nên về sau, người ta gọi Khương Thượng là Thái Công vọng*.

* Vọng, nghĩa là mong đợi, Thái Công Vong có nghĩa: Người mà Thái Công mong đợi. Sau này Khương Thượng cũng được phong là Thái Công và cai trị đất Tề, nên còn được gọi là Khương Thái Công, hoặc Tề Thái Công.

Thái Công Vọng là trợ thủ đắc lực của Chu Văn Vương. Ông vừa khuyến khích sản xuất, vừa thao luyện binh mã, khiến thế lực bộ tộc Chu lớn mạnh vượt bậc. Một lần, Văn Vương hỏi Thái Công Vọng: "Ta muốn đánh đổ bạo quân. Vậy nên đánh nước nào trước".

Thái Công Vọng nói: "Nên đánh Mật Tu trước".

Có người phản đối: "Thủ lĩnh Mật Tu rất lợi hại, sợ không đánh nổi".

Thái Công Vọng nói: "Thủ lĩnh Mật Tu ngược đãi dân chúng, mất lòng người từ lâu. Dù hấn ta lợi hại thế nào, cũng không đáng sợ".

Chu Văn Vương đem quân đến đánh Mật Tu, còn chưa khai chiến, nhân dân Mật Tu đã nổi dậy, bắt trói Mật Tu đem nộp cho Văn Vương.

Ba năm sau, Chu Văn Vương lại đem quân đánh đất Sùng (nay ở huyện Bạng Thủy, tỉnh Thiểm Tây), là một thuộc quốc lớn nhất ở phía Tây triều Thương. Sau khi diệt nước Sùng, Văn Vương liền xây đắp thành trì, xây dựng kinh đô ở đây gọi là Phong ấp. Mấy năm sau, bộ tộc Chu dần dần chiếm lĩnh đại bộ phận đất đai dưới quyền thống trị của triều Thương, ngày càng có nhiều bộ lạc qui phục Văn Vương.

Nhưng Chu Văn Vương không kịp hoàn thành sự nghiệp diệt Thương. Trong khi đang dự tính tiến đánh triều Thương, thì ông bị bệnh mất.

10- NÔ LỆ KHỎI NGHĨA

Sau khi Chu Văn Vương mất, con trai là Cơ Phát lên nối ngôi, tức là Chu Vũ Vương.

Chu Vũ Vương tôn Thái Công Vọng làm thầy và yêu cầu các em là Chu Công Đán và Chiêu Công Thích làm trợ thủ cho mình, tiếp tục chinh đồn nội trị, mở rộng thế lực để chuẩn bị đánh Trụ.

Năm sau, Chu Vũ Vương dẫn quân đến Minh Tân (nay ở đông bắc Mạnh Tân, Hà Nam), tổ chức duyệt binh, có hơn 800 nước chư hầu không hẹn trước cũng mang quân đến hội hợp. Mọi người đều đề nghị Vũ Vương cầm đầu cuộc diệt Thương. Nhưng Vũ Vương nhận thấy thời cơ chưa chín, nên sau khi duyệt binh, lại đem quân trở về Phong Kinh.

Lúc đó, Trụ Vương ngày càng bạo ngược. Các Vương tử, quý tộc triều Thương là Tỉ Can và Cơ Tử, Vi Tử hết sức lo lắng, ra sức khuyên can Trụ Vương không nên tiếp tục như vậy. Trụ Vương không những không nghe, còn nổi giận, giết chết Tỉ Can và sai mổ phanh bụng Tỉ Can, moi gan ruột ra ngoài để xem lá gan to thế nào. Cơ

Tử phải giả điên mới thoát chết, bị giáng làm nô lệ, giam giữ trong lao tù. Vì Tử thấy triều Thương không còn hy vọng, liền bỏ trốn khỏi biệt đô Triều Ca.

Vào khoảng thế kỷ 11 trước Công nguyên, Vũ Vương nhận được báo cáo của thám tử, biết Trụ lâm vào cảnh bị chán ghét cùng cực, cho rằng thời cơ đã chín muồi, liền cử năm vạn quân, do Thái Công Vọng, người rất tinh thông binh pháp làm nguyên soái, vượt qua Hoàng Hà tiến về phía đông. Đến Minh Tân, tám trăm nước chư hầu lại hội họp. Chu Vũ Vương tiến hành đại hội thệ sư, tuyên bố tội trạng của Trụ, động viên mọi người đồng tâm đánh Trụ.

Trên đường tiến quân của Vũ Vương, một hôm có hai ông già ngăn đường, đòi gặp Vũ Vương. Có người nhận ra, đó là hai người con của vua nước Cô Trúc (nay ở huyện Lư Long, tỉnh Hà Bắc). Người anh tên là Bá Di, người em tên là Thúc Tề. Vua nước Cô Trúc yêu mến Thúc Tề, muốn truyền lại ngôi vua cho Thúc Tề. Bá Di biết ý cha, liền chủ động rời nước Cô Trúc; Thúc Tề không chịu nhận ngôi vua mà anh nhường cho mình, cũng bỏ đi ẩn náu. Khi Chu Văn Vương còn sống, hai người đều đến trú tại nước Chu. Bây giờ nghe tin Vũ Vương đi đánh Trụ, cả hai đều ra can ngăn.

Khi Chu Văn Vương ra tiếp kiến họ, cả hai nắm chặt dây cương, nói: "Trụ Vương là thiên tử, ngài là bầy tôi. Bầy tôi đánh lại thiên tử, là việc đại nghịch bất đạo".

Những người xung quanh Vũ Vương nghe nói, đều vô cùng nổi giận. Có người rút kiếm toan giết.

Thái Công Vọng thấy hai người chẳng qua là phường mọt sách, dạn tả hữu không được làm gì, chỉ kéo họ ra. Ai ngờ, cả hai vẫn không hiểu ra, rủ nhau lên núi Thù



Dương (nay ở tây nam Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây) tuyệt thực đến chết.

Dại quân đánh Trụ của Chu Vũ Vương sĩ khí cao ngút, thế như chẻ tre, chẳng mấy chốc đã tới Mục Dã (nay ở tây nam huyện Kỳ, tỉnh Hà Nam), chỉ cách kinh thành Triều Ca bảy mươi dặm.

Trụ nghe tin, vội thu thập chấp và được bảy mươi vạn người ngựa, tự mình chỉ huy, đến Mục Dã nghênh chiến. Trụ nghĩ, quân của Chu Vũ Vương có không tới năm vạn, sao chống nổi bảy mươi vạn quân của mình.

Nhưng số quân đó quá nửa là những nô lệ và tù binh bắt từ Đông Di về, được tổ chức vội vàng. Ngày thường, họ bị Trụ Vương áp bức và ngược đãi, đã căm giận Trụ từ lâu, không ai muốn bán rẻ sinh mạng cho Trụ. Trên chiến trường Mục Dã, khi quân Chu dừng mãnh tiến công, họ liền cùng nhau quay ngược ngọn giáo, cùng quân Chu đánh vào quân của Trụ Vương. bảy mươi vạn quân Thương trong phút chốc bị tan tành tơi tả tháo chạy. Thái Công Vọng chỉ huy quân Chu lập tức truy kích, đuổi tới tận kinh đô Triều Ca.

Trụ Vương chạy về Triều Ca, thấy tình thế không còn cứu vãn được nữa, ngay đêm đó, đã trốn vào Lộc Đài, phóng hoả, tự sát trong biển lửa.

Chu Vũ Vương diệt xong triều Thương, liền rời quốc đô từ Phong đến Hạo Kinh* xây dựng nên vương triều Chu.

Để củng cố nền thống trị của triều Chu, từ đời Chu Vũ Vương, liền phân phong cho anh em họ hàng và công

* Cũng gọi là Cảo Kinh, Kiếu Kinh, nay thuộc phía tây thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây.

thần đi cai trị các vùng, xây dựng các nước chư hầu, như Thái Công Vọng được phong ở nước Tề, Chu Công Đán được phong ở nước Lỗ, Chiêu Công Thích được phong ở nước Yên. Theo truyền thuyết, từ đời Vũ Vương đến đời con là Thành Vương, đã phong tất cả hơn bảy mươi nước chư hầu.

Triều Thương tuy bị diệt vong, nhưng những quý tộc và chủ nô còn lại của nó vẫn còn thế lực nhất định trong xã hội. Để vỗ về những kẻ đó, Vũ Vương liền phong cho Vũ Canh, con của Trụ Vương làm Ân Hầu, lưu giữ Ân Đô, lại sai ba em của mình là Quản Thúc, Thái Thúc và Hoắc Thúc đến giúp Vũ Canh. Danh nghĩa là giúp đỡ, nhưng thực tế là giám sát, vì vậy, ba người trên được gọi là "Tam giám".

11- CHU CÔNG PHÒ TÁ THÀNH VƯƠNG

Xây dựng vương triều Chu mới được hai năm, Chu Vũ Vương bị bệnh mất. Con là Cơ Tụng kế thừa vương vị, tức là Chu Thành Vương. Năm đó, Thành Vương mới mười ba tuổi, vương triều lại mới thành lập, mọi điển chương chế độ chưa kịp xây dựng. Vì vậy, em Chu Vũ Vương là Chu Công Đán, cũng tức là chú ruột của Thành Vương, đã phò tá Thành Vương quản lý công việc quốc gia, thực tế là làm thay quyền thiên tử. Lịch sử thường không gọi tên Chu Công Đán, mà chỉ gọi là Chu Công.

Đất phong của Chu Công ở nước Lỗ, nhưng vì ông phải lưu ở kinh thành để giải quyết chính sự, không thể về đất phong nên khi con ông là Bá Cầm trưởng thành, ông liền cử Bá Cầm thay ông về nước Lỗ làm quốc quân.

Khi Bá Cầm lên đường, hỏi cha có gì dặn dò, Chu Công nói: "Ta là con của Văn Vương, là em của Vũ Vương và là chú của đương kim thiên tử, con nói xem địa vị của ta thế nào?"

Bá Cầm nói: "Tất nhiên là rất cao".

Chu Công nói: "Đúng như vậy. Địa vị của ta rất cao. Nhưng khi ta đang gội đầu, gặp việc cần giải quyết gấp, thì vắt tóc lên tay mà đi làm việc, khi đang ăn cơm, nghe nói có người xin gặp, thì liền nhả cơm ra mà tiếp kiến. Ta làm như vậy, mà vẫn còn sợ nhân tài trong thiên hạ không chịu đến. Con tới nước Lỗ, chẳng qua chỉ là vua một nước chư hầu, nên chớ có kiêu ngạo."

Bá Cầm liền tục gặt đầu, hứa xin ghi nhớ lời dạy của cha.

Chu Công toàn tâm toàn ý phò tá Thành Vương giải quyết việc nước, nhưng các em của ông là Quản Thúc, Thái Thúc ở ngoài lại phao tin, là ông có dã tâm muốn cướp ngôi vua.

Con của Trụ Vương là Vũ Canh, tuy được phong là Ân Hầu, nhưng bị triều Chu giám sát, cảm thấy rất oán giận, chỉ mong triều Chu có nội loạn để thừa cơ giành lại vương vị, liền tư thông với Quản Thúc, Thái Thúc, liên lạc với các quý tộc cũ, xúi giục mấy bộ lạc Đông Di nổi loạn.

Tin đồn đại do Vũ Canh, Quản Thúc... tung ra làm kinh đô Hạo Kinh xôn xao, ngay cả Chiêu Công Thích cũng nghi ngờ Chu Công. Thành Vương còn nhỏ chưa hiểu việc đời, không rõ tin trên là thật hay giả, cũng đâm ra nghi hoặc ông chú là đại thần phò tá của mình.

Chu Công rất buồn, trước hết tâm sự với Chiêu Công Thích, nói ông quyết không có ý khác, mong Chiêu Công Thích nghĩ tới lợi ích chung, chớ nhẹ dạ tin vào lời đồn đại. Chiêu Công Thích cảm động trước lời lẽ thành khẩn của Chu Công, nên xóa bỏ nghi ngờ và hợp tác trở lại với Chu Công. Sau khi làm yên tâm trong nội bộ, Chu Công kiên quyết điều quân đi đông chinh.



Lúc đó, ở phương Đông có mấy bộ lạc như Hoài Di, Từ Nhung, phối hợp với Vũ Canh chuẩn bị nổi dậy. Chu Công hạ lệnh cho Thái Công Vọng thay quyền mình, được phép đánh dẹp những bộ lạc không phục tùng triều Chu. Như vậy, Thái Công Vọng không chế phương Đông, còn Chu Công đem toàn lực đối phó với Vũ Canh.

Mất một thời gian ba năm, Chu Công mới dẹp yên cuộc nổi loạn của Vũ Canh, giết chết Vũ Canh. Thấy Vũ Canh thất bại, Quản Thúc thấy không còn mặt mũi nào nhìn thấy em và cháu, liền treo cổ tự sát. Chu Công dẹp loạn xong, liền cách chức Hoắc Thúc và bắt Thái Thúc đi sung quân.

Trong quá trình Chu Công đông chinh, nhiều quý tộc triều Thương bị bắt làm tù binh. Vì chúng chống lại triều Chu, nên bị gọi là "ngoan dân" (dân buống binh). Chu Công không yên tâm khi thấy chúng ở đất cũ, lại thấy Hạo Kinh ở lệch về phía tây, không tiện không chế miền đông, liền xây dựng thêm một đô thành ở phía đông, gọi là Lạc Ấp (nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam), điều các "ngoan dân" ở triều Ân tới đó và phái quân đội đến giám sát.

Từ đó về sau, triều Chu có hai đô thành, ở phía Tây là Hạo Kinh, còn gọi là Tông Chu, ở phía đông là Lạc Ấp, còn gọi là Thành Chu.

Chu Công phò tá Thành vương trong bảy năm, đã củng cố được nền thống trị của vương triều Chu. Ông còn định ra một hệ thống điển chương chế độ cho vương triều. Đến khi Thành Vương tròn hai mươi tuổi, ông trao trả lại chính quyền cho Thành Vương.

Đời Thành Vương và đời con là Khang Vương, khoảng trong năm mươi năm, là thời kỳ cường thịnh, thống nhất của triều Chu. Lịch sử gọi đó là "Thành

Khang chi trị" (thời thịnh trị Thành Vương và Khang Vương).

12- QUỐC NHÂN BẠO ĐỘNG

Thời Thành Vương và Khang Vương, tình hình chính trị triều Chu khá ổn định. Về sau, do quý tộc chủ nô bóc lột nặng nề, không ngừng phát động chiến tranh, nên tâm lý bất mãn trong binh dân và nô lệ dần dần tăng lên. Để trấn áp nhân dân, giai cấp thống trị triều Chu áp dụng những hình phạt rất tàn khốc. Thời Chu Mục Vương, đã đặt ra ba ngàn điều hình luật, chia hình phạt thành năm loại, gọi là "ngũ hình", như khắc chữ lên trán, cắt mũi, chặt chân v.v.. Nhưng hình phạt dù nghiêm khắc thế nào cũng không ngăn được sự phản kháng của chúng dân.

Đến đời vị vua thứ mười thời Tây Chu là Chu Lệ Vương, việc bóc lột nhân dân càng nặng nề. Chu Lệ Vương tin yêu một đại thần là Vinh Di Công, cho thực hiện chế độ "độc quyền". Tầng lớp quý tộc chiếm cứ hết mọi hồ ao, sông suối, không cho dân kiếm nguồn lợi thiên nhiên. Không những thế, chúng còn thu tài vật, ra sức ngược đãi nhân dân.

Lúc đó, những nông phu sống ngoài đồng ruộng được gọi là "dã nhân", những bình dân sống ở đô thành, được gọi là "quốc nhân". Quốc nhân ở Hạo Kinh bất mãn với các biện pháp bạo ngược của Chu Lệ Vương, đâu đâu cũng nghe thấy lời oán giận.

Đại thần Chiêu Công Hồ nghe thấy những lời bàn luận của quốc nhân ngày càng nhiều, liền vào cung tâu với Lệ Vương: "Trăm họ không chịu nổi, nếu Đại Vương không nhanh chóng thay đổi chính sách, thì có rối loạn sẽ khó mà tránh khỏi".

Lệ Vương thần nhiên đáp: "Người chó vùi, ta đã có biện pháp đối phó".

Thế là Lệ Vương liền ra lệnh, cấm chỉ quốc nhân bàn về chính sự. Rồi tìm từ nước Vệ về một thầy bói, chuyên dò xét những người hay phê phán: "Nếu thấy kẻ nào phỉ báng ta thì người phải tâu lên lập tức".

Để nịnh nọt Lệ Vương, tên thầy bói liền phái rất nhiều tay chân đi khắp kinh thành. Bọn này cậy thế hạch sách mọi người, ai không phục tùng là bị vu cáo hãm hại.

Lệ Vương tin theo tên thầy bói, giết mất nhiều người. Quốc nhân không dám bình luận công khai nữa. Người đi đường gặp nhau, chỉ dùng mắt làm hiệu trao đổi rồi đi thẳng.

Lệ Vương nghe lời tâu, thấy những người ta thán ít đi thì rất phấn khởi. Một lần, Chiêu Công Hồ vào tiếp kiến, Lệ Vương dương dương tự đắc nói: "Người xem, hiện nay chẳng phải là không còn kẻ nào dám phê bình triều chính rồi sao?"



Chiêu Công Hồ thở dài nói: "Ôi, làm như thế sao được. Nút chặt miệng người ta lại không cho nói, còn nguy hiểm hơn là chặn lấp mọi dòng sông lại, không cho chảy nữa! Trị thủy thì phải khơi thông dòng chảy, cho nước ra biển, trị nước cũng như vậy, phải kêu gọi mọi người nêu ý kiến. Nếu chặn lấp dòng chảy thì sẽ vỡ đê đập, ngăn chặn ngôn luận thì sẽ sinh đại loạn".

Lệ Vương bấu môi không thềm nghe, Chiêu Công Hồ đành phải lui ra ngoài.

Chính sách bạo ngược của Lệ Vương và Vinh Di Công càng ngày càng quá quắt, nên ba năm sau, tức là năm 841 trước Công nguyên, quốc nhân không nín nhịn được nữa, liền tổ chức một cuộc bạo động qui mô lớn. Quân khởi nghĩa bao vây vương cung, tìm giết Lệ Vương.

Được tin, Lệ Vương sợ hãi, liền cùng một số thân tín chạy trốn, vượt qua Hoàng Hà, đến đất Trệ (nay ở đông bắc huyện Hoắc, tỉnh Sơn Tây) và ẩn náu ở đó.

Quốc nhân tiến vào vương cung, không tìm thấy Lệ Vương, nhưng biết tin thái tử Tĩnh trốn vào nhà Chiêu Công Hồ, liền bao vây nhà Chiêu Công Hồ, đòi giao nộp thái tử. Chiêu Công Hồ phải đem con trai mình, mạo xưng là thái tử, nộp cho quân khởi nghĩa, mới bảo vệ được thái tử.

Sau khi Lệ Vương bỏ trốn, triều đình không vua, lấy ai giải quyết việc triều chính? Các đại thần thương nghị, cử ra hội đồng chấp chính quý tộc gồm Chiêu Công Hồ và Chu Công để tạm thời thay thế chức quyền của thiên tử. Lịch sử gọi sự kiện đó là "Cộng hoà hành chính"*. Từ năm đầu Cộng hoà, tức là năm 841 trước

* Một thuyết khác nói rằng hội đồng chấp chính đó do Công Bá Hoà cầm đầu nên mới có tên "Cộng hoà hành chính".

Công nguyên, lịch sử Trung Quốc mới bắt đầu được ghi chép chính xác theo năm tháng.

Nền Cộng hoà hành chính duy trì được mười bốn năm, thì Chu Lệ Vương chết ở đất Trệ. Các đại thần lập thái tử Cơ Tĩnh lên nối ngôi, tức là Chu Tuyên Vương*. Về chính trị, Chu Tuyên Vương tương đối tiến bộ, được các chư hầu ủng hộ. Nhưng, qua cuộc bạo động của quốc nhân, nền thống trị của triều Chu bắt đầu suy yếu, không còn hưng thịnh lên được nữa.

* Tiểu thuyết lịch sử Đông Chu Liệt Quốc chép truyện bắt đầu từ thời vua này.

13- KHÓI LỬA LY SƠN

Sau khi Chu Tuyên Vương chết, con là Cơ Cung Niết nối ngôi, tức Chu U Vương. U Vương không ngó ngàng gì tới việc triều chính, chỉ vui chơi hưởng lạc, phái người đi khắp nơi tìm gái đẹp. Có một đại thần là Bao Quýnh khuyên can U Vương, ông không những không nghe theo, còn bắt Bao Quýnh giam vào ngục.

Bao Quýnh bị giam giữ suốt ba năm trời, gia đình tìm mọi cách cứu ông ra, bằng cách xuống nông thôn tìm mua một cô gái đẹp, dạy cho múa hát, trang điểm lộng lẫy, đặt tên là Bao Tự, rồi đem hiến cho U Vương, xin chuộc Bao Quýnh về.

U Vương được Bao Tự, vui mừng khôn xiết, liền tha Bao Quýnh ra. Ông hết lòng chiều chuộng Bao Tự. Nhưng từ ngày vào cung Bao Tự tỏ ra buồn bã, không lúc nào cười. U Vương tìm mọi cách để có được nụ cười của mỹ nhân nhưng chưa tìm được cách nào có hiệu quả. Ông liền treo giải, rằng người nào làm cho Bao Tự cười thì sẽ được thưởng một ngàn lạng vàng.

Có một kẻ nịnh nọt tên là Quắc Thanh Phụ nghĩ ra một kế lạ. Vốn là, để đề phòng sự tiến công của bộ tộc Khuyển Nhung, vương triều Chu cho xây dựng ở vùng Ly Sơn (nay ở vùng đông nam Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây) hơn hai mươi đài đốt lửa, cứ cách mấy dặm là một đài. Nếu quân Khuyển Nhung tiến công thì các đài đốt khói lửa truyền tin báo động cho các nước chư hầu, để họ mang quân tới cứu viện. Quắc Thạch Phụ nói với Chu U Vương: "Hiện nay thiên hạ thái bình, các đài đốt lửa đã lâu không dùng đến. Tôi muốn mời đại vương và nương nương lên đó chơi ít hôm. Đến buổi tối, chúng ta sẽ đốt lửa lên để quân chư hầu kéo tới. Nương nương thấy quân chư hầu mắc lừa, kéo tới mà không có việc gì, thì nhất định là sẽ bật cười".

Chu U Vương vỗ tay khen: "Hay lắm. Chúng ta sẽ làm như thế!"

Họ lên Ly Sơn, đốt lửa ở các đài báo động. Các nước chư hầu gần đó tưởng rằng quân Khuyển Nhung kéo vào quấy nhiễu, vội vàng mang quân tới cứu. Không ngờ khi tới nơi, không thấy một hình bóng quân Khuyển Nhung nào, chỉ thấy trên núi đang đàn sáo vang lừng, các tướng sĩ đều ngậy người ra kinh ngạc.

U Vương cử người ra bảo các nước chư hầu: "Các ngươi thật vất vả. ở đây không có chuyện gì, chẳng qua đại vương và vương phi đốt lửa mua vui thôi. Các ngươi có thể đi về". Các nước chư hầu thấy mình bị đem ra làm trò đùa, đều rất tức giận dẫn quân về.

Bao Tự không hiểu là chuyện gì, chỉ thấy dưới chân núi Ly Sơn ồn ào binh mã, liền hỏi U Vương. Sau khi nghe U Vương giải thích tường tận, Bao Tự quả nhiên thích thú, cười khanh khách.



U Vương thấy Bao Tự khi cười lại càng xinh đẹp, liền thưởng cho Quốc Thạch Phụ một ngàn lạng vàng.

U Vương say mê Bao Tự, nên đã phế bỏ Vương hậu và Thái tử, lập Bao Tự làm Vương hậu, lập con trai do Bao Tự sinh ra, tên là Bá Phục làm Thái tử. Cha của Vương hậu là chư hầu ở Thân quốc, khi nghe tin đó liền liên kết với Khuyển Nhung, tiến công vào Hạo Kinh.

U Vương nghe tin quân Khuyển Nhung tiến công thì hoang mang sợ hãi, vội vàng hạ lệnh đốt lửa ở các đài báo động Ly Sơn. Lửa được đốt lên, nhưng các nước chư hầu đã bị lừa một lần, không có nước nào dẫn quân tới cả.

Lửa khói ngùn ngụt suốt ngày đêm mà viện binh không tới. U Vương đành đưa một số ít quân không hề được tập luyện ra chống cự, bị quân Khuyển Nhung đánh cho tan tác. Quân Khuyển Nhung ồa vào cung vua, giết chết Chu U Vương, Quốc Thạch Phụ và Bá Phục rồi bắt Bao Tự mang đi.

Tới lúc đó, các nước chư hầu mới biết đúng là quân Khuyển Nhung chiếm được Hạo Kinh, liền đem quân tới cứu. Thủ lĩnh Khuyển Nhung thấy lực lượng quân chư hầu đông đảo, liền hạ lệnh cho quân lính vơ vét, cướp bóc hết của cải do nhà Chu tích lũy từ bao đời, rồi phóng hoả đốt kinh thành và rút về. Sau khi các nước chư hầu đánh đuổi được quân Khuyển Nhung, liền lập thái tử cũ là Cơ Nghi Cửu lên làm vua, tức Chu Bình Vương. Sau đó, họ đem quân về đất phong của mình.

Không ngờ quân chư hầu vừa rút thì Khuyển Nhung lại đánh trở lại, chiếm mất nhiều đất đai ở phía tây nhà Chu. Bình Vương lo không giữ được Hạo Kinh, quyết định dời đô về Lạc ấp.

Năm 770 trước Công nguyên, Chu Bình Vương dời đô về Lạc Ấp. Vì Hạo Kinh ở phía tây, Lạc ấp ở phía đông, nên lịch sử gọi thời kỳ nhà Chu đóng đô ở Hạo Kinh là thời Tây Chu và thời kỳ nhà Chu đóng đô ở Lạc ấp là thời Đông Chu.

14- NHÂN TÀI TRONG XE TÙ

Thời Đông Chu từ khi Chu Bình Vương dời đô sang Lạc Ấp, lại phân làm hai thời kỳ là Xuân Thu và Chiến Quốc.

Triều đình nhà Chu ngày càng suy yếu, thiên tử nhà Chu tuy danh nghĩa là vua của các nước chư hầu, nhưng trên thực tế, lực lượng chỉ bằng một nước chư hầu trung bình. Một số nước chư hầu lớn mạnh, dùng vũ lực thôn tính các nước nhỏ. Các nước lớn cũng thường xuyên đánh nhau để tranh giành đất đai. Những nước chư hầu chiến thắng, có thể hạ lệnh cho các chư hầu khác, được gọi là bá chủ.

Nước chư hầu đầu tiên xưng bá thời Xuân Thu là nước Tề (đô thành là Lâm Tri, nay ở Tri Bác, tỉnh Sơn Đông). Nước Tề là đất phong cho đại công thần Thái Công Vọng đời Chu Vũ Vương, vốn là một nước lớn, lại có các nguồn lợi vùng ven biển, sản xuất khá phát triển, trở nên giàu mạnh.

Năm 686 trước Công nguyên, nước Tề phát sinh nội loạn, quốc quân là Tề Tương Công bị giết. Lúc đó, hai

con là Công tử Củ ở nước Lỗ (đô thành nay ở Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông) và Công tử Tiểu Bạch đang ở nước Cử (đô thành nay ở huyện Cử tỉnh Sơn Đông). Cả hai đều có quân sự để bày mưu tính kế. Quân sự của Công tử Củ là Quản Trọng, quân sự của Công tử Tiểu Bạch là Bao Thúc Nha. Hai công tử nghe tin Tề Tương Công bị giết, đều vội vàng trở về nước Tề để giành ngôi vua.

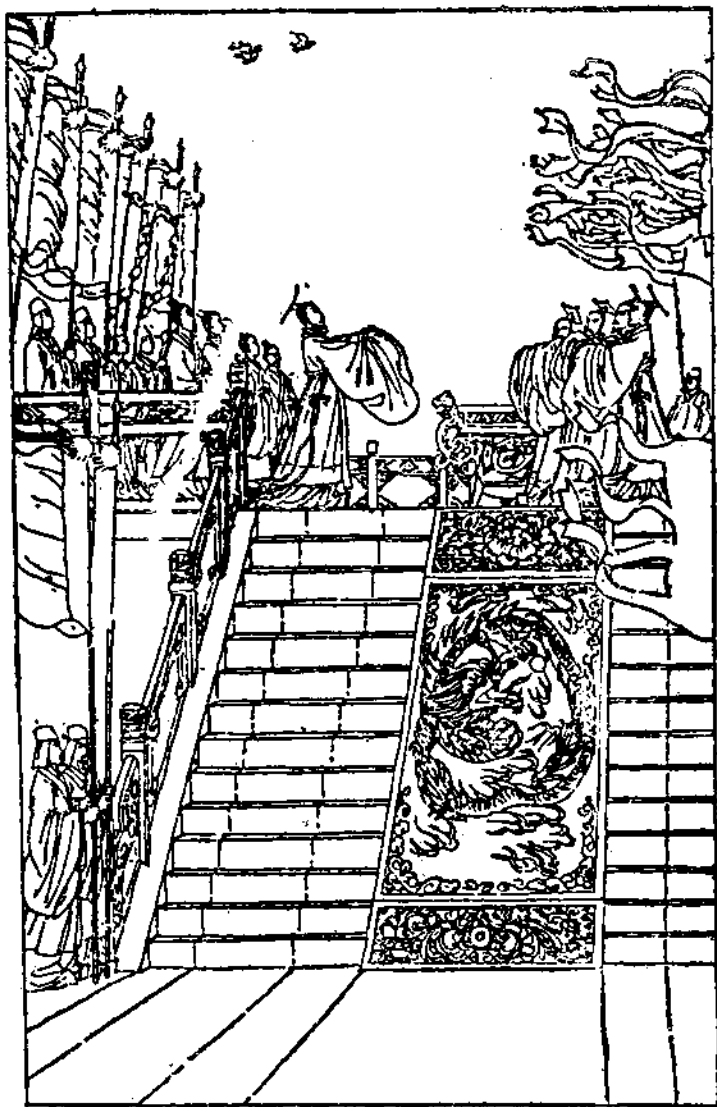
Vua Lỗ là Lỗ Trang Công quyết định tự mình đưa Công tử Củ về nước Tề. Quản Trọng nói với Lỗ Trang Công: "Công tử Tiểu Bạch hiện đang ở nước Cử, gần nước Tề hơn nếu để Tiểu Bạch về được trước thì rất phiền phức. Vậy tôi xin đem một đội quân đi chặn đường".

Đúng như Quản Trọng dự liệu, Công tử Tiểu Bạch đang trên đường về. Quản Trọng đem quân chặn lại và giương cung nhằm đúng Tiểu Bạch bắn một phát. Chỉ thấy Tiểu Bạch kêu to một tiếng và ngã vào trong xe.

Quản Trọng cho rằng Tiểu Bạch đã chết, liền ung dung đưa Công tử Củ về nước Tề. Ai ngờ Quản Trọng chỉ bắn trúng đai lưng của Tiểu Bạch, Tiểu Bạch nhân đó vờ kêu to và ngã vào xe để đánh lừa Quản Trọng. Sau đó, Tiểu Bạch và Bao Thúc Nha đi gấp về Tề. Tiểu Bạch lên ngôi quốc quân, tức là Tề Hoàn Công.

Tề Hoàn Công lập tức mang quân đánh bại nước Lỗ, buộc Lỗ Trang Công phải giết Công tử Củ và nộp Quản Trọng để Tề xử tội. Lỗ Trang Công đành phải tuân theo.

Quản Trọng bị nhốt trong xe tù, đưa trở về nước Tề. Bao Thúc Nha vốn là bạn cũ của Quản Trọng, biết Quản Trọng là một nhân tài hiếm có, liền tiến cử với Tề Hoàn Công.



Tề Hoàn Công nổi giận nói: "Quản Trọng đã bán tên suýt giết chết ta. Sao ta có thể dùng hắn được".

Bảo Thúc Nha nói: "Lúc đó Quản Trọng theo phò Công tử Củ, ông ta bắn vào nhà vua chính là vì trung thành với chủ của mình. Về tài năng, thì Quản Trọng giỏi hơn tôi rất nhiều. Nếu chúa công muốn lập nên nghiệp lớn thì phải dùng Quản Trọng".

Tề Hoàn Công vốn là người độ lượng, nghe Bảo Thúc Nha nói thế, thì không những không trị tội Quản Trọng mà còn phong ông làm tướng quốc, cai quản mọi việc.

Quản Trọng giúp đỡ Tề Hoàn Công chinh đốn nội chính, phát triển kinh tế, mở mở khai thác quặng sắt, chế tạo nông cụ. Ngoài ra còn mở rộng nghề làm muối, đánh cá, bán cho các nước ở xa biển. Vì vậy, nước Tề nhanh chóng giàu mạnh lên.

Tề Hoàn Công ôm hoài bão làm bá chủ để sai khiến các nước chư hầu khác và buộc họ phải tiến cống cho mình. Ông nói với Quản Trọng: "Hiện nay ta quân nhiều lương đủ, đã có thể hội họp chư hầu để ký minh ước được chưa?"

Quản Trọng nói: "Ta lấy danh nghĩa gì để hội họp chư hầu? Tất cả đều là chư hầu của thiên tử nhà Chu, có ai chịu phục ai đâu? Tuy hiện nay thiên tử có thất thế, nhưng vẫn là thiên tử của các nước chư hầu. Chúa công phải nhận lệnh của thiên tử, hội họp chư hầu, định ra minh ước, cùng nhau tôn trọng thiên tử, chống lại các bộ lạc bên ngoài*. Trong số các nước chư hầu, ai có khó khăn thì cùng giúp đỡ, ai có sai trái thì cùng trách phạt.

* Chữ Hán gọi việc này là: Tôn Vương nhượng di.

Đến lúc đó, Chúa công có không muốn làm bá chủ thì các nước chư hầu cũng tiến cử Chúa công".

Tề Hoàn Công nói: "Khanh nói đúng. Nhưng nên bắt đầu thế nào?"

Quản Trọng nói: "Có cách này: hiện nay, Chu thiên tử (tức Chu Ly Vương) mới lên ngôi, chúa công có thể cử sứ giả đến chúc mừng, luôn tiện tâu là nước Tống (đô thành ở Thương Khâu, Hà Nam hiện nay) hiện đang có nội loạn, địa vị của quốc quân mới chưa vững chắc, trong nước không yên ổn. Xin thiên tử ra chiếu, khẳng định địa vị của quốc quân mới. Chúa công nắm lấy lệnh đó là có thể thừa lệnh thiên tử để triệu tập chư hầu. Làm như vậy, thì không ai phản đối được".

Tề Hoàn Công thấy phải, quyết định làm theo ý kiến Quản Trọng.

Lúc đó, thiên tử nhà Chu không có thực quyền. Các nước chư hầu mãi tranh giành đất đai, chẳng còn nghĩ gì đến việc triều kiến thiên tử. Chu Ly Vương vừa lên ngôi đã thấy sứ thần của một nước lớn là nước Tề vào chúc mừng thì rất vừa lòng, liền ra lệnh cho Tề Hoàn Công thay mặt thiên tử tới tuyên bố chúc vị cho vua Tống.

Năm 681 trước Công nguyên, Tề Hoàn Công phụng mệnh Chu Ly Vương, thông tri cho các nước chư hầu đến họp ở Bắc Hạng (nay ở phía bắc huyện Đông A, Sơn Đông) trên biên giới phía tây nam nước Tề.

Khi đó, uy tín của Tề Hoàn Công còn chưa cao, khi triệu tập, chỉ có bốn nước là Tống, Trần, Châu, Thái đến họp. Còn những nước khác, như Lỗ, Vệ, Tào, Trịnh... còn nghe ngóng tình hình nên chưa đến.

Tại hội nghị Bắc Hạnh, mọi người đều tiến cử Tể Hoàn Công làm minh chủ, cùng nhau định ra minh ước, gồm có ba điều: Một là, tôn trọng thiên tử, giúp đỡ triều đình nhà Chu. Hai là, chống lại các bộ lạc bên ngoài, không để xâm nhập Trung Nguyên. Ba là giúp đỡ các nước chư hầu nhỏ và gặp khó khăn.

15- TÀO QUỆ ĐÁNH LUI QUÂN TÊ

Sau khi Tê Hoàn Công lên ngôi, nhờ sự giúp đỡ của Quản Trọng, Tê đã giành được địa vị bá chủ. Nhưng, trong cuộc chiến tranh với nước Lỗ, lại gặp thất bại không nhỏ.

Năm thứ hai sau khi lên ngôi, tức là năm 684 trước Công nguyên, Tê Hoàn Công mang quân đánh Lỗ. Lỗ Trang Công thấy nước Tê ỷ thế ức hiếp mình, không nhìn được, quyết liều một trận tử chiến với Tê.

Tê tiến công Lỗ cũng khiến nhân dân Lỗ căm phẫn. Một người nước Lỗ là Tào Quệ (còn đọc là Tào Uế) đến gặp Lỗ Trang Công, xin tham gia cuộc chống Tê. Có người khuyên Tào Quệ: "Việc quốc gia đại sự, đã có các đại thần lo toan, việc gì ông phải nhúng tay vào".

Tào Quệ nói: "Các quan đều có tầm nhìn thiên cận, chưa hẳn đã có kế gì hay, thấy nước nhà nguy cấp, sao không quan tâm cho được". Nói xong, liền tới vương cung xin gặp Lỗ Trang Công. Lỗ Trang Công đang lo lắng vì không có mưu sĩ, nghe nói có Tào Quệ xin hội kiến, liền mời vào.

Tào Quệ gặp Lỗ Trang Công, đề đạt nguyện vọng của mình rồi hỏi: "Xin chúa công cho biết, dựa vào cái gì để chống lại quân Tề?"

Lỗ Trang Công nói: "Ngày thường, có thức ăn ngon, quần áo đẹp, ta không hưởng riêng mình, bao giờ cũng chia cho mọi người cùng hưởng. Dựa vào điều đó, ta nghĩ rằng mọi người sẽ ủng hộ ta".

Tào Quệ lắc đầu nói: "Những ân huệ nhỏ nhặt đó, số người được hưởng không nhiều. Trăm họ không thể vì thế mà ủng hộ chúa công".

Lỗ Trang Công nói: "Khi tế tự, bao giờ ta cũng rất thành kính".

Tào Quệ cười nói: "Sự thành kính đó cũng không đáng kể gì. Quý thần không thể giúp được chúa công".

Lỗ Trang Công ngẫm nghĩ một lát rồi nói: "Khi dân chúng có kiện cáo, ta tuy không thể tra xét rõ mọi việc, nhưng đã cố gắng phân xử cho hợp tình hợp lý".

Tào Quệ gật đầu nói: "Đó là việc được lòng người. Tôi thấy dựa vào lòng người thì có thể đánh lại nước Tề".

Tào Quệ xin được cùng theo Lỗ Trang Công ra trận. Thấy Tào Quệ là người có ý kiến xác đáng, Lỗ Trang Công đồng ý để ông cùng đi. Hai người cùng ngồi trên một xe trận, dẫn người ngựa ra chiến trường.

Quân hai nước Tề, Lỗ bày trận ở Trường Thục (cũng gọi là Trường Chuốc, nay ở đông bắc Lai Vu, Sơn Đông). Nước Tề cậy thế nhiều quân, vừa bắt đầu đã thúc trống trận âm ỉ, mở cuộc tiến công. Lỗ Trang Công định hạ lệnh phản kích, thì Tào Quệ vội ngăn lại, nói: "Thông thả đã. Chưa đến lúc".



Khi quân Tề thúc hồi trống trận thứ hai, Tào Quệ vẫn bảo Lỗ Trang công án binh bất động. Quân Lỗ thấy quân Tề hung hăng nhe nanh múa vuốt, ai cũng muốn xông ra đánh, nhưng chưa có lệnh chủ soái, nên đành nín giận chờ đợi.

Tướng Tề thấy quân Lỗ vẫn không động tĩnh, liền hạ lệnh thúc hồi trống thứ ba. Quân Tề cho rằng quân Lỗ nhút nhát, liền khinh địch xông lên.

Lúc đó, Tào Quệ mới nói với Lỗ Trang Công: "Bây giờ có thể hạ lệnh phản công được rồi".

Bên hàng ngũ quân Lỗ vang lên tiếng trống tiến công, tinh thần binh sĩ lên cao, xông lên như mãnh hổ. Quân Tề bị bất ngờ, chống đỡ không nổi, bị tan vỡ.

Lỗ Trang Công thấy quân Tề thua, toan hạ lệnh truy kích. Tào Quệ lại ngăn lại, nói: "Chớ vội!" Rồi nhảy xuống đất, xem kỹ vết bánh xe của quân Tề, sau đó trèo lên cột cờ, quan sát đội hình quân Tề, rồi mới nói: "Xin chúa công hạ lệnh truy kích".

Quân Lỗ được lệnh, dừng cầm thừa thắng truy kích, đuổi quân Tề ra khỏi địa phận nước Lỗ.

Quân Lỗ đại thắng. Lỗ Trang Công thấy Tào Quệ bình tĩnh chủ động thì ngầm khâm phục, nhưng vẫn có điều vướng mắc trong lòng. Khi về tới cung, sau khi khen ngợi Tào Quệ, liền hỏi: "Tại sao khi quân Tề đã thúc hai hồi trống, người lại ngăn không cho ta hạ lệnh phản kích?"

Tào Quệ nói: "Việc đánh trận, là phải dựa vào sĩ khí. Khi đối phương thúc hồi trống thứ nhất, thì sĩ khí đang hăng. Đến hồi trống thứ hai thì sĩ khí đã lơ lửng. Hồi trống thứ ba là lúc sĩ khí đã xẹp xuống. Sĩ khí đối

phương đã xếp, mà sĩ khí quân ta dồi dào, thì sao lại không đánh thắng?"

Lỗ Trang Công lại hỏi tại sao không lập tức truy kích. Tào Quệ nói: "Quân Tề tuy bị thua, chùn lại, nhưng Tề là nước lớn, quân đông, rất có thể nghi binh, cho quân mai phục phía sau để đánh ta. Vì vậy, ta phải đề phòng. Sau thần thấy quân Tề vết xe rối loạn, cờ xí ngã nghiêng, biết chắc là nó thua chạy thật, mới tâu chúa công cho truy kích".

Lúc đó Lỗ Trang Công mới hết sức khâm phục sự xét đoán của Tào Quệ.

Nhờ tài năng chỉ huy của Tào Quệ, nước Lỗ đánh lui được quân Tề, tình hình mới được ổn định lại.

16- TÊ HOÀN CÔNG CHÍN LẦN HỢP CHU HẦU

Tê Hoàn Công tuy thua trận Trường Thuộc, nhưng vẫn không bị ảnh hưởng đến địa vị bá chủ sau này. Hơn mười năm sau, nước Yên (đô thành là Bắc Kinh hiện nay) phái sứ giả đến xin quân cứu viện để chống lại Sơn Nhung. Tê Hoàn Công liền quyết định đem đại quân đi cứu nước Yên.

Năm 663 trước Công nguyên, đại quân Tê kéo đến nước Yên thì quân Sơn Nhung đã cướp tài sản, bắt một số dân và rút đi rồi.

Quân Tê hợp với quân Yên, đuổi theo về phía Bắc. Không ngờ, họ bị quân địch lừa vào một vùng rộng, tìm không thấy đường về.

Cuối cùng Quản Trọng nghĩ ra một mẹo, là dùng mấy con ngựa ở địa phương, cho đi trước, quả nhiên chúng dẫn được đại quân tìm ra đường cũ.

Sau khi Tê Hoàn Công giúp nước Yên đánh đuổi Sơn Nhung, lại giúp nước Hình đánh đuổi bộ lạc Dịch và xây dựng lại thành trì. Tiếp đó, khi bộ lạc Dịch xâm phạm

nước Vệ, Tề Hoàn Công lại giúp Vệ xây dựng kinh đô mới ở bờ nam Hoàng Hà. Vì những việc làm đó, uy tín của Tề Hoàn Công ngày càng lên cao.

Chỉ có nước Sở ở phương nam (đô thành ở Tây bắc Giang Lăng, Hồ Bắc hiện nay) không những không phục nước Tề, mà ngược lại, muốn cùng Tề tranh hơn kém.

Nước Sở ở phương nam Trung Quốc, xưa nay vốn không lai vãng tới các nước ở Trung Nguyên. Lúc đó, các nước Trung Nguyên coi nước Sở là "man di". Nhưng Sở khai khẩn đất đai phương nam, dần dần thu phục được các bộ lạc lân cận và trở thành một nước lớn. Về sau, vua Sở xưng vương, không coi thiên tử nhà Chu ra gì.

Năm 656 trước Công nguyên, Tề Hoàn Công tập hợp quân bảy nước Tống, Lỗ, Trần, Vệ, Trịnh, Tào, Hứa, cùng tiến công nước Sở.

Sở Uy Vương được tin, liền tập hợp nhân mã chuẩn bị chống cự. Nhà vua cử sứ giả gặp Tề Hoàn Công nói: "Đại vương của chúng tôi bảo tôi đến hỏi ngài: nước Tề ở phương bắc, nước Sở ở phương nam, hai nước không hề lai vãng, không có quan hệ gì với nhau, tại sao các ngài lại đem binh mã đến đây?"

Quản Trọng trách lại: "Hai nước chúng ta tuy xa cách nhau, nhưng đều do thiên tử nhà Chu phong đất. Khi Tề Thái Công được phong, có lệnh: Ai không phục tùng thiên tử, nước Tề có quyền chinh phạt. Xưa nay, nước Sở hàng năm đều tiến cống cỏ bao mao (một thứ cỏ dùng để ủ men rượu) tại sao nay không tiến cống nữa?"

Sứ giả đáp: "Đó là lỗi của chúng tôi. Sau này sẽ xin tiến cống".



Sứ giả ra về, liên quân các nước lại tiến đến Triệu Lăng (nay là huyện Yển Thành, Hà Nam).

Sở Thành Vương lại phái Thuật Hoàn đến đón. Để tỏ rõ quân uy, Tề Hoàn Công bảo Khuất Hoàn ngồi lên xe để xem binh mã của Trung Nguyên. Khuất Hoàn nhìn thấy, quả nhiên là binh hùng tướng mạnh, quân đội nghiêm chỉnh.

Tề Hoàn Công đặc ý bảo Khuất Hoàn: "Người xem, binh mã hùng mạnh thế này, ai có thể chống lại được?"

Khuất Hoàn cười nhạt, nói: "Quân hầu nói việc đạo nghĩa, hiệp trợ thiên tử, giúp đỡ kẻ yếu, thì người khác mới phục. Nếu chỉ dựa vào vũ lực thì tuy nước tôi không mạnh, nhưng dựa vào Phương Thành (một thành dài của nước Sở, từ phía bắc Phương Thành đến đông bắc Mật Dương Hà Nam) làm thành lũy, sông Hán Thủy làm hào ngăn, thì tuy ngài có nhiều người ngựa cũng chưa chắc đã chinh phục được".

Tề Hoàn Công nghe lời lẽ cứng cỏi của Khuất Hoàn, tính toán thấy khó lòng đánh bại được nước Sở, vả lại nước Sở đã nhận lỗi chịu tiến cống cỏ bao mao, thì chẳng còn lý do gì để hạch sách. Vì vậy, tám nước chư hầu Trung Nguyên cùng với nước Sở, lập minh ước ở Triệu Lăng rồi đem quân về nước.

Sau đó, nội bộ triều Chu xảy ra tranh chấp, Tề Hoàn Công giúp thái tử Cơ Trịnh củng cố được địa vị. Thái tử lên ngôi, tức là Chu Tương Vương. Để tỏ lòng biết ơn Tề Hoàn Công, Chu Tương Vương phái sứ giả đem biểu thị tế cho Tề Hoàn Công, coi như một hậu lễ.

Nhân dịp đó, Tề Hoàn Công lại hợp chư hầu ở Quý Khâu (nay ở phía đông Lam Khảo, Hà Nam) thuộc nước

Tổng để chiêu đãi sứ giả của thiên tử. Đồng thời định một minh ước, nội dung chủ yếu là: xây đắp công trình thuỷ lợi, đề phòng thuỷ tai, không cho phép tháo nước sang nước láng giềng, khi nước láng giềng có nạn đói, thì không được ngăn chặn việc mua lương thực, các nước trong minh ước, phải đối đãi hữu hảo với nhau.

Đó là lần họp chư hầu cuối cùng của Tề Hoàn Công. Có nhiều cuộc hội họp lớn như vậy, lịch sử gọi là "chín lần họp chư hầu".

Năm 645 trước Công nguyên, Quản Trọng ốm chết. Hai năm sau, Tề Hoàn Công cũng chết, năm người con tranh đoạt ngôi vua, nước Tề phát sinh nội loạn. Công tử Chiêu chạy sang nước Tống. Từ đấy, địa vị bá chủ của nước Tề kết thúc.

17- SỰ NGU XUẤN CỦA TỔNG TƯƠNG CÔNG

Tổng Tương Công thấy nước Tề có nội loạn, liền thông tri cho các nước chư hầu, yêu cầu họ cùng họ tống Công tử Chiêu về Tề lên ngôi vua. Nhưng lời hiệu triệu của Tổng Tương Công không có sức mạnh. Nhiều nước không thêm chú ý tới lời hiệu triệu đó, chỉ có ba nước nhỏ đem một ít quân tới.

Tổng Tương Công dẫn quân bốn nước đến Tề. Một số đại thần nước Tề thấy quân đội bốn nước tới liền đầu hàng Tổng, đưa công tử Chiêu lên ngôi, tức là Tề Hiếu Công.

Tề vốn là nước bá chủ chư hầu. Nay Tề Hiếu Công phải nhờ vào Tổng mới giành được ngôi vua, nên địa vị của Tổng tự nhiên được nâng cao.

Tổng Tương Công lòng đầy tham vọng, muốn kế thừa sự nghiệp bá chủ của Tề. Lần này mời các nước chư hầu, chỉ có ba nước đem quân tới còn các nước lớn ở Trung Nguyên không hưởng ứng. Tổng Tương Công muốn mượn lực lượng của nước lớn để đè nén nước nhỏ, liền liên lạc với nước Sở. Ông ta cho rằng, nếu có nước Sở hợp tác, thì các nước khác phải phục tùng Tổng.

Ông ta nói chủ trương đó cho các đại thần biết. Đại thần là Công tử Mục Di không tán thành, cho rằng Tống là một nước nhỏ, làm mình chủ chẳng có lợi gì. Tống Tương Công không nghe, cứ mời Sở Thành Vương và Tề Hiếu Công đến nước Tống họp, bàn việc tụ họp chư hầu lại ký kết minh ước. Sở Thành Vương và Tề Hiếu Công đều đồng ý, quyết định trong tháng bảy năm đó (tức 639 trước Công nguyên) sẽ họp các nước chư hầu ở đất Vu.

Đến tháng 7, Tống Tương Công lên xe đi họp. Công tử Mục Di nói: "Lỡ Sở Vương có ý xấu, thì làm thế nào? Chúa công cứ nên mang theo nhiều quân đi".

Tống Tương Công nói: "Như thế không được. Chúng ta vì không muốn có chiến tranh mới họp nhau lại. Sao tự mình lại có thể mang quân đi!"

Công tử Mục Di không sao thuyết phục được, đành phải tay không đi theo.

Quả nhiên, khi họp, Sở Thành Vương và Tống Tương Công đều muốn làm mình chủ, xảy ra tranh chấp. Nước Sở có thế lực lớn, được nhiều nước phụ họa. Tống Tương Công nổi giận, toan tiếp tục tranh cãi, thì thấy các quan lại tùy tùng của Sở Thành Vương cởi bỏ áo ngoài, lộ ra khôi giáp và vũ khí, ủa tới bắt lấy Tống Tương Công.

Sau nhờ nước Lỗ và nước Tề hoà giải đồng ý để Sở Thành Vương làm mình chủ, Tống Tương Công mới được thả về.

Khi về nước, Tống Tương Công vẫn không chịu phục, lại nhân việc vua nước Trịnh láng giềng cũng hòa theo Sở để chống lại mình, liền nổi giận, quyết đem quân đánh Trịnh trước.



Năm 638 trước Công nguyên, Tống Tương Công dẫn quân đánh Trịnh. Trịnh cầu cứu với Sở. Sở Thành Vương là người khôn ngoan, không đem quân cứu nước Trịnh, mà đưa quân đánh thẳng vào nước Tống. Tống Tương Công không đề phòng tình huống đó, vội đem quân trở về. Quân Tống đến bờ nam Sông Hoàng Thủy (nay ở Tây bắc Thạch Thành tỉnh Hà Nam) liền đóng quân lại.

Quân hai nước đối diện cách sông. Quân Sở bắt đầu vượt sông để đánh quân Tống. Công tử Mục Di thấy quân Sở đang tưu tít qua sông, liền giục Tống Tương Công: "Quân Sở cậy có nhiều quân, dám vượt sông ban ngày, không coi chúng ta ra gì. Nhân lúc chúng chưa qua hết, ta nên tranh thủ đón đánh, thì nhất định thắng".

Tống Tương Công nói: "Không được. Chúng ta là nước chủ trương nhân nghĩa. Trong lúc kẻ địch chưa vượt sông xong mà đánh thì còn gì là nhân nghĩa".

Quân Sở đã vượt sông xong, hàng ngũ còn rối loạn, đang mải sắp xếp lại, công tử Mục Di lại vội giục Tống Tương Công: "Bây giờ không nên đợi nữa, nhân lúc chúng đang lộn xộn mà không đánh thì không còn kịp nữa đâu".

Tống Tương Công nói: "Người thật không nói gì đến nhân nghĩa cả. Người ta chưa bày xong trận, làm sao lại đánh được".

Chẳng mấy chốc, quân Sở đã dàn trận xong, thúc một hồi trống, quân lính tràn sang như nước lũ, ào ạt tiến công. Quân Tống không chống nổi, tan vỡ thua chạy.

Tổng Tương Công còn cố sức chỉ huy quân lính chống đỡ, thì bị một phát tên vào đùi. May mà nhờ các tướng sĩ xông tới cứu, mới giữ gìn được tính mạng.

Tổng Tương Công trở về đô thành Thương Khâu, mọi người bàn luận sôi nổi, ai cũng oán trách ông ta đã gây sự binh đao với quân Sở và lại chỉ huy chiến đấu dở như thế.

Công tử Mục Di đem ý kiến của mọi người nói với Tổng Tương Công. Tổng Tương Công ôm vết thương nói: "Theo ta, quân đội nhân nghĩa thì phải đánh như vậy. Thí dụ, thấy người đã bị thương thì không làm hại, thấy người già tóc bạc thì không bắt làm tù binh".

Công tử Mục Di không nén được giận, nói: "Đánh trận là để nhằm thắng quân địch. Nếu sợ làm hại nó, thì thà rằng không đánh. Nếu không bắt kẻ già yếu, thì thà để nó bắt mình".

Tổng Tương công vì bị trọng thương, một năm sau thì chết. Trước khi chết, liền dặn dò thái tử: "Nước Sở là kẻ thù của ta. Con phải báo thù này. Ta xem nước Tấn (đô thành nay ở đông nam Ký Thành, tỉnh Sơn Tây) có công tử Trùng Nhĩ là người có chí khí, tương lai nhất định sẽ làm bá chủ. Khi con gặp khổ khăn, nên tìm tới nước Tấn, nhất định sẽ được giúp đỡ."

18- CÔNG TỬ LƯU VONG TRÙNG NHĨ

Công tử Trùng Nhĩ là con của Tấn Hiến Công. Khi Tấn Hiến Công về già, sủng ái quý phi là Li Cơ, muốn lập con trai của Li Cơ là Hề Tề làm thái tử thay cho thái tử Thân Sinh đã bị giết. Thấy thái tử bị giết, hai người con khác của Tấn Hiến Công là Trùng Nhĩ và Di Ngô thấy nguy hiểm, liền tìm cách chạy sang nước khác lánh nạn.

Khi Tấn Hiến Công chết, nước Tấn sinh nội loạn. Sau, Di Ngô trở về nước giành được ngôi vua, muốn tìm cách diệt trừ Trùng Nhĩ, khiến Trùng Nhĩ phải long đong trốn tránh khắp nơi. Khi ở nước Tấn, Trùng Nhĩ là một công tử có tiếng tăm, nên nhiều đại thần tài giỏi tình nguyện theo công tử đi lưu vong.

Trước hết, Trùng Nhĩ ở nước Địch trong mười hai năm, sau phát hiện có người hành thích, liền chạy sang nước Vệ. Nước Vệ thấy Trùng Nhĩ đang bị thất thế, không chịu tiếp đãi. Cả đoàn đi tới Ngũ Lộc (nay ở đông nam Bộc Dương tỉnh Hà Nam) thì quá đói, liền cử người đi xin ăn.

Nông dân địa phương không ai chú ý đến họ, có một người còn đưa cọt, đưa cho họ một nắm đất bùn. Trùng Nhĩ nổi giận, thủ hạ của ông muốn xúm lại trị người đó, nhưng Hồ Yển vội vàng can ngăn, nhận lấy nắm bùn và nói để an ủi Trùng Nhĩ: "Bùn cũng tức là đất đai, dân chúng cho ta đất đai là một điểm tốt".

Trùng Nhĩ đành gượng cười, đi tiếp.

Đoàn của Trùng Nhĩ lưu vong đến nước Tề, lúc đó Tề Hoàn Công còn sống, tiếp đãi ân cần, tặng Trùng Nhĩ nhiều xe ngựa và nhà cửa, còn đem một cô gái trong họ gả cho Trùng Nhĩ. Trùng Nhĩ thấy vậy, rất muốn ở lại nước Tề, nhưng thủ hạ trong đoàn, ai cũng muốn trở về Tấn.

Những người tùy tùng họp riêng với nhau trong bãi dâu, bàn cách trở về nước Tấn, không ngờ có một nữ nô lệ đang hái dâu nghe lỏm được câu chuyện về nói lại với vợ Trùng Nhĩ là Khương thị. Khương thị bảo Trùng Nhĩ: "Thiếp nghe nói chàng và mọi người muốn trở về Tấn, điều đó rất phải".

Trùng Nhĩ vội vàng biện bạch, nói: "Không hề có chuyện đó".

Khương thị ra sức khuyên Trùng Nhĩ về nước: "Chàng cứ ham vui sướng ở đây thì không làm nên chuyện gì đâu". Nhưng Trùng Nhĩ vẫn không muốn về. Tối hôm đó, Khương thị bàn với tùy tùng, chuốc rượu cho Trùng Nhĩ thật say rồi vực lên xe, đi khỏi nước Tề. Khi Trùng Nhĩ tỉnh dậy, thì đã cách nước Tề rất xa.

Sau đó, Trùng Nhĩ lại tới nước Tống. Tống Tương Công đang ốm nặng, quan lại dưới quyền nói với Trùng Nhĩ: "Chúa công tôi rất kính trọng Công tử, nhưng chúng tôi không có quân đội để đưa ngài về nước".



Hồ Yến nói: "Chúng tôi hiểu rõ điều đó. Chúng tôi sẽ không dám phiền các ngài nữa".

Rời khỏi nước Tống, đoàn lưu vong lại đến Sở. Sở Thành Vương coi Trùng Nhĩ như khách quý, dùng nghi thức tiếp đãi các nước chư hầu để tiếp Trùng Nhĩ. Thành Vương đối đãi tốt và Trùng Nhĩ cũng rất tôn kính trở lại, hai người liền kết làm bè bạn.

Một lần, trong khi thết tiệc Trùng Nhĩ, Sở Thành Vương hỏi vui: "Nếu sau này Công tử trở về nước Tấn, thì sẽ báo đáp lại tôi thế nào?"

Trùng Nhĩ nói: "Vàng bạc của cải thì quý quốc không thiếu gì. Tôi biết lấy gì để báo đáp lại ân đức của đại vương được?"

Sở Thành Vương cười nói: "Nói như thế, thì không báo đáp gì sao?"

Trùng Nhĩ nói: "Nếu nhờ hồng phúc của đại vương, tôi được trở về nước Tấn, thì sẽ nguyện giữ tình hoà hảo với quý quốc, để nhân dân hai nước được sống thái bình. Nếu vạn nhất hai nước xảy ra chiến tranh, khi quân đội hai bên gặp nhau, tôi nhất định sẽ lùi nhường ba xá*.

Sở Thành Vương không để ý lắm đến câu nói đó, nhưng đại tướng nước Sở là Thành Đắc Thần thì rất giận. Tan tiệc, khi Trùng Nhĩ đã ra về, Thành Đắc Thần nói với Sở Thành Vương: "Trùng Nhĩ nói như vậy, sau này tất là kẻ vong ân phụ nghĩa, chỉ bằng nhân lúc này, giết quách hắn đi để khỏi lo ngại về sau".

Sở Thành Vương không chịu. Đúng lúc đó, có sứ thần của Tần Mục Công đến đón Trùng Nhĩ, Sở liền để Trùng

* Thời cổ, 30 dặm là một xá, ba xá là 90 dặm.

Nhĩ vào nước Tấn (đô thành là Ung, nay ở đông nam Phượng Tường, Thiểm Tây).

Nguyên do là Tấn Mục Công từng giúp Di Ngô, anh em cùng cha khác mẹ với Trùng Nhĩ về làm vua nước Tấn. Không ngờ khi Di Ngô lên ngôi, lại đối địch với Tấn, hai nước xảy ra chiến tranh. Di Ngô chết, con ông ta vẫn bất hoà với Tấn. Tấn Mục Công liền quyết định giúp đỡ, đưa Trùng Nhĩ về nước.

Năm 636 trước Công nguyên, Tấn dùng đại quân hộ tống Trùng Nhĩ vượt Hoàng Hà. Sau 19 năm lưu vong, Trùng Nhĩ lại được trở về Tấn, lên ngôi vua. Đó là Tấn Văn Công.

19- TẤN VĂN CÔNG LỪ NHƯỜNG BA XÁ

Sau khi Tấn Văn Công lên ngôi, liền chinh đốn nội chính, phát triển sản xuất, dần dần xây dựng nước Tấn thành một nước giàu mạnh. Ông cũng muốn làm bá chủ Trung nguyên như Tề Hoàn Công.

Lúc đó, đúng dịp vua Tương Vương nhà Chu phái người tới xin quân cứu viện. Chu Tương Vương có người em khác mẹ là Thái Thúc Đái liên hợp với một số đại thần, mượn quân của nước Địch về toan chiếm ngôi vua. Chu Tương Vương cùng mấy chục đại thần chạy tới nước Trịnh rồi hạ chiếu, yêu cầu các nước chư hầu mang quân giúp nhà vua trở về Lạc Ấp. Các nước chư hầu có người đến thăm hỏi thiên tử, có người tiếp tế đồ dùng, nhưng không có ai chịu đưa quân tới đánh nhau với nước Địch.

Có người nói với Chu Tương Vương: "Trong các nước chư hầu hiện nay, chỉ có Tấn và Tần là đủ mạnh để đánh lại được nước Địch, còn những nước khác thì e rằng không làm được". Tương Vương liền sai người đến yêu cầu Tấn Văn Công hộ tống mình về nước.

Tấn Văn Công lập tức phái quân đánh bại nước Dịch và giết Thái Thúc Đái cùng bộ hạ, hộ tống thiên tử về kinh thành.

Hai năm sau, con Tống Tương Công là Tống Thành Công lại đến xin cứu viện, nói tướng nước Sở là Thành Đắc Thần dẫn quân các nước Sở, Trần, Thái, Trịnh, Hứa đến đánh Tống. Các đại thần đều nói với Tấn Văn Công: "Nước Sở xưa nay vẫn ức hiếp các nước chư hầu ở Trung nguyên, chúa công nên giúp đỡ những nước có khó khăn để xây dựng ngôi vua bá. Hiện nay chính là thời cơ để làm việc đó".

Tấn Văn Công từ lâu cũng biết, muốn làm bá chủ Trung nguyên thì phải đánh bại nước Sở. Ông liền tuyển thêm quân, tổ chức làm ba cánh, rầm rộ sang cứu Tống.

Năm 632 trước Công nguyên, quân Tấn đánh bại hai nước tay sai của Sở là Tào và Vệ, bắt sống vua hai nước đó.

Sở Thành Vương vốn không muốn đánh nhau với Tấn Văn Công, nên khi nghe Tấn xuất binh, liền cho người truyền lệnh cho Thành Đắc Thần lui quân. Nhưng Thành Đắc Thần cho rằng sớm muộn sẽ chiếm được Tống, không muốn bỏ dở liên phái người về báo cáo với Sở Thành Vương: "Tôi không dám nói là nhất định sẽ đánh thắng, nhưng xin quyết liều một trận sống chết".

Sở Thành Vương không hài lòng, chỉ trao cho Thành Đắc Thần một số ít quân. Thành Đắc Thần cho người đến nói với quân Tấn, yêu cầu thả vua Tào và Vệ ra. Tấn Văn Công nói riêng với vua hai nước đó, đồng ý



khôi phục ngôi vua cho họ với điều kiện họ phải đoạn giao với Sở. Hai nước Tào, Vệ phải làm theo ý của Tấn.

Thành Đắc Thần vốn định cứu hai nước đó, không ngờ họ lại tuyệt giao với Sở, thì nổi giận đùng đùng, nói: "Đây đúng là tên giặc Trùng Nhĩ buộc họ làm như vậy". Liền đốc thúc quân đội đi gấp tới phía quân Tấn.

Quân Sở tiến đến, Tấn Văn Công liền hạ lệnh lui quân. Một số tướng nước Tấn không thông, nói: "Thông soái của quân ta là quốc quân, thông soái của đối phương chỉ là một tướng bày tôi, sao quốc quân phải nhường một tướng bày tôi?"

Hồ Yển giải thích: "Đánh trận thì phải có lý. Lý đúng thì khí thế mới mạnh được. Trước kia, vua Sở từng giúp chúa công ta. Chúa công ta từng hứa trước mặt vua Sở là nếu hai nước giao chiến thì Tấn sẽ tình nguyện lui nhường ba xá. Việc lui quân hôm nay là để thực hiện lời hứa đó. Nếu chúng ta thất tín với Sở, thì là thua về lý. Chúng ta đã lui quân mà họ vẫn không chịu thôi, cứ tiến lên ép ta, thì họ sẽ thua về lý, lúc đó chúng ta sẽ giao chiến cũng không muộn".

Quân Tấn lùi chín mươi dặm, về tới Thành Bộc (nay ở Tây nam Quyên Thành, tỉnh Sơn Đông) mới dừng lại, bố trí trận thế vững chắc.

Một số tướng Sở thấy quân Tấn lui, muốn ngừng tiến công, nhưng Thành Đắc Thần không chịu, bắt đuổi theo tới Thành Bộc, đối diện với quân Tấn.

Thành Đắc Thần còn cử người hạ chiến thư cho Tấn Văn Công, lời lẽ rất ngạo mạn. Tấn Văn Công cử người trả lời: "Ân huệ của quý quốc, chúng tôi xưa nay không dám quên nên đã lui nhường đến đây. Nay quý quốc đã

không thông cảm, thì chỉ còn cách độ sức trên chiến trường thôi".

Cuộc chiến vừa nổ ra, tướng Tấn đã dùng hai lá cờ lớn ra hiệu cho quân lui chạy. Họ còn buộc cành cây vào sau xe chiến làm bụi tung lên mù mịt tỏ ra là hết sức hoảng loạn.

Thành Đắc Thần xưa nay kiêu ngạo không coi quân Tấn ra gì, liền thúc quân đuổi theo. Không ngờ quân Tấn mai phục sẵn cánh trung quân tinh nhuệ, xông ra đánh, cắt đứt quân của Thành Đắc Thần làm mấy khúc. Hai cánh quân vờ thua cũng quay lại đánh, làm cho quân Sở tan tác.

Tấn Văn Công vội hạ lệnh, cho tướng sĩ chỉ đuổi quân Sở chứ không chém giết. Thành Đắc Thần dẫn tàn quân bại tướng về tới nửa đường, tự thấy hổ thẹn, không biết ăn nói thế nào với Sở Thành Vương liền tự sát.

Quân Tấn chiếm được doanh trại quân Sở, tịch thu lương thực, ăn uống trong ba ngày rồi mới ca khúc khải hoàn.

Tin quân Tấn đánh thắng quân Sở truyền tới kinh đô Lạc Ấp. Chu Tương Vương và các đại thần đều cho rằng Tấn Văn Công đã lập công lớn. Chu Tương Vương còn thân tới Tiễn Thổ (nay ở tây nam Nguyên Dương tỉnh Hà Nam) uỷ lạo quân Tấn. Tấn Văn Công nhân dịp đó, xây dựng cho vua Chu một toà cung điện mới ở Tiễn Thổ, còn mời các chư hầu đến họp, để lập minh ước. Do đó, Tấn Văn Công trở thành bá chủ ở Trung Nguyên.

20- HUYỀN CAO DỪNG MÙA LUI QUÂN TÂN

Tấn Văn Công đánh bại được Sở, hội họp chư hầu. Quốc quân các nước vốn đi theo Sở như Trần, Thái, Trịnh cũng đến dự họp. Nước Trịnh tuy ký minh ước với Tấn, nhưng vẫn sợ Sở, nên lại ngầm kết minh với Sở.

Tấn Văn Công được tin đó, dự định lại hội họp chư hầu để đem quân đánh Trịnh. Các đại thần nói: "Đã họp chư hầu mấy lần rồi. Binh mã nước ta cũng đủ để đối phó với Trịnh, hà tất phải làm phiền các nước nữa".

Tấn Văn Công nói: "Cũng được. Nhưng Tần đã ước hẹn với ta là có việc gì thì cùng xuất binh, nên không thể không mời họ".

Tần Mục Công đang muốn mở rộng thế lực sang phía đông, liền thân dân quân tới nước Trịnh. Quân Tấn đóng ở phía tây, quân Tần đóng ở phía đông, thanh thế rất hùng lẫm. Quốc quân nước Trịnh sợ hãi, vội cử một người ăn nói giỏi là Chúc Chi Vũ đến khuyên Tần Mục Công lui quân.

Chức Chi Vũ nói với Tần Mục Công: "Hai nước Tần Tấn cùng đánh nước Trịnh thì nước Trịnh tất sẽ mất. Nhưng Trịnh và Tần rất xa nhau. Nước Trịnh mất, đất đai sẽ hoàn toàn thuộc về nước Tấn, thì thế lực Tấn càng mạnh thêm. Ngày nay, Tấn diệt Trịnh ở phía đông, ngày mai có khả năng họ lại xâm phạm Tần ở phía tây, thì có gì tốt đối với nước ngài? Ngoài ra nếu nước Tần giảng hoà với chúng tôi, thì về sau, sứ giả của quý quốc qua lại, nước Trịnh sẽ tiếp đãi trân trọng, sẽ thuận lợi cho nước ngài. Mong ngài suy xét cho".

Tần Mục Công nghĩ tới việc lợi hại đối với mình, liền đồng ý giảng hoà với Trịnh. Ngoài ra, còn phái ba viên tướng dẫn hai ngàn quân giúp nước Trịnh giữ cửa bắc thành, còn mình dẫn số quân còn lại về nước.

Tấn thấy quân Tần rút về thì nổi giận. Có người chủ trương đuổi theo, đánh cho một trận, có người nói nên diệt hết hai ngàn quân Tần ở cửa bắc.

Tấn Văn Công nói: "Không có sự giúp đỡ của quân Tần, ta sẽ có biện pháp khác". Ông không đồng ý đuổi đánh quân Tần, mà tìm cách lôi kéo Trịnh về phía mình cùng nhau lập mình ước, rồi rút quân về nước.

Ba tướng Tần ở nước Trịnh thấy Trịnh lại ngả theo Tấn thì vô cùng giận dữ, liền cử người về tâu với Tần Mục Công, yêu cầu lại đánh nước Trịnh. Tần Mục Công được tin, tuy rất bức bối, nhưng không muốn gây sự với Tấn Văn Công, đành tạm thời nín nhịn.

Hai năm sau, tức là năm 628 trước Công nguyên, Tấn Văn Công chết, con là Tương Công nối ngôi. Có người lại khuyên Tần Mục Công đánh Trịnh. Họ nói: "Vua Tấn là Trùng Nhĩ vừa chết, chưa cử hành tang lễ.



Ta nhân dịp này đánh Trịnh thì Tấn quyết không thể nhúng tay được".

Ba tướng Tần còn ở nước Trịnh cũng dâng biểu về nói: "Việc phòng thủ của bắc của nước Trịnh nằm trong tay chúng thần, nếu bí mật đem quân tập kích thì nhất định thành công".

Tần Mục Công triệu tập các đại thần bàn cách đánh Trịnh. Hai đại thần có kinh nghiệm nhất là Kiển Thúc và Bách Lý Hề đều phản đối. Kiển Thúc nói: "Điều động đại quân đi đánh một nước xa như thế, ta hành quân mỗi một, mà đối phương đã chuẩn bị sẵn sàng thì sao có thể thắng được. Vả lại đường hành quân xa như thế thì giấu được ai?"

Tần Mục Công không nghe, liền cử con của Bách Lý Hề là Mạnh Minh Thị làm đại tướng, hai con của Kiển Thúc là Tây Khất Truật và Bạch Ất Bính làm phó tướng đem theo ba trăm xe trận, bí mật đi đánh nước Trịnh.

Tháng hai năm sau, quân Tần đến địa giới nước Hoạt (nay thuộc tỉnh Hà Nam), bỗng có người ngăn đường, xưng là sứ thần của nước Trịnh, xin gặp tướng Tần.

Mạnh Minh Thị giết mình, tự ra tiếp kiến người đó và hỏi anh ta đến làm gì.

"Sứ thần" đó nói: "Tôi là Huyền Cao. Vua nước tôi nghe tin ba vị tướng quân đến nước Trịnh, nên phái tôi mang chút lễ vật nhỏ mọn để ướm tướng sĩ của quý quốc, tỏ chút lòng thành của chúng tôi". Sau đó, dâng lên bốn tấm da bò thuộc và mười hai con bò béo.

Mạnh Minh Thị vốn dự định tập kích bất ngờ trong lúc quân Trịnh không phòng bị. Thế mà nay sứ thần nước Trịnh đã từ xa đến uy lạo quân đội, chứng tỏ rằng nước Trịnh đã biết từ lâu, yếu tố bất ngờ không còn nữa.

Mạnh Minh Thị nhận lễ vật của Huyền Cao và nói: "Chúng ta không đến nước Trịnh đâu, nước ngài không cần phải lo toan. Xin hãy về đi".

Khi Huyền Cao đi khỏi, Mạnh Minh Thị nói với những người dưới quyền: "Nước Trịnh đã phòng bị, tập kích không có hy vọng thành công. Chúng ta rút về thôi. Nói xong, diệt nước Hoạt, rồi đem quân về.

Kỳ thực, Mạnh Minh Thị đã mắc lừa Huyền Cao. Huyền Cao vốn là người buôn bò, đang lừa bò sang Lạc Ấp để bán thì gặp quân Tần ở giữa đường. Ông ta thấy rõ ý định của quân Tần, nếu quay trở lại báo với nước Trịnh thì không kịp, liền nảy ra một mẹo, mạo xưng là sứ thần của nước Trịnh để đánh lừa Mạnh Minh Thị, một mặt sai người đi gấp ngày đêm về nước cấp báo.

Vua nước Trịnh nhận được tin, vội sai người đến cửa bắc để xem động tĩnh của số quân Tần ở đó, quả nhiên phát hiện họ đang mài dao kiếm sáng loáng, cho ngựa ăn no để chuẩn bị đánh trận. Vua Trịnh liền không còn giữ khách khí, hạ lệnh đuổi khéo số quân Tần đó về nước, và nói: "Các vị ở nước Trịnh đã quá lâu chúng tôi thật không thể cung cấp lương ăn được nữa. Nghe nói các vị đang chuẩn bị về nước. Xin cứ tự nhiên".

Ba tướng Tần biết chuyện đã bị lộ, thấy không thể ở lại được nữa, liền rút quân ngay trong đêm đó.

21- TRẬN ĐẠI CHIẾN HÀO SƠN

Tín đại quân Tần định đi đánh úp Trịnh trở về, đã được Tấn dò biết. Tiên Chấn, đại tướng của Tấn cho rằng đây là cơ hội tốt để đánh Tần, liền khuyên Tấn Tương Công (mới lên ngôi sau khi Tấn Văn Công mất) tổ chức đánh chặn ở Hào Sơn (nay ở phía bắc huyện Lạc Ninh, Hà Nam).

Tấn Tương Công tự dẫn đại quân đến Hào Sơn. Hào Sơn là nơi có địa hình rất hiểm yếu. Tấn đã bố trí trận địa dày đặc như thiên la địa võng để chờ đợi quân Tần. Bọn Mạnh Minh Thị rút về đến Hào Sơn liền gặp mai phục, bị quân Tấn bao vây, trùng trùng lớp lớp, tiến lui đều khó khăn. Quân Tần người thì chết, người thì đầu hàng. Ba viên đại tướng Mạnh Minh Thị, Tây Khất Truật và Bạch Ất Bình đều bị bắt sống.

Tấn Tương Công thắng trận về triều. Mẹ ông là Văn Doanh vốn là người nước Tần, không muốn gây thù oán với Tần liền khuyên Tấn Tương Công: "Nước Tần và nước Tấn vốn là thân thích, xưa nay vẫn giúp đỡ lẫn nhau. Bọn Mạnh Minh Thị vì muốn lập công nên làm

tổn thương hoà khí giữa hai nước. Nếu ta giết ba người đó, thì mối thù giữa hai nước càng ngày càng sâu, chỉ bằng ta thả họ ra để vua Tần trừng trị họ".

Tấn Tương Công nghe mẹ nói có lý, liền ra lệnh thả họ ra.

Dại tướng Tiên Chấn nghe tin ba người được tha, vội đến gặp Tấn Tương Công, nói: "Các tướng sĩ xông pha nguy hiểm, không phải dễ dàng mới bắt được họ, sao nhà vua lại tha một cách dễ dãi thế?". Vừa nói, vừa tỏ thái độ hết sức tức giận.

Tấn Tương Công hơi có ý hối, liền cử tướng Dương Xử Phụ đem một số người ngựa đuổi theo.

Bọn Mạnh Minh Thị được tha, vội vã đi thật nhanh. Đến bờ sông Hoàng Hà, đã thấy có quân Tấn đuổi phía sau. Trong lúc nguy cấp, may thấy có một chiếc thuyền nhỏ, liền nhảy xuống.

Khi Dương Xử Phụ đuổi tới thì thuyền đã rời bến. Dương Xử Phụ lớn tiếng gọi: "Xin các vị quay lại! Chúa công tôi quên không chuẩn bị xe ngựa cho các vị, phải tôi đem tới mấy con ngựa tốt, xin các vị nhận cho".

Mạnh Minh Thị khi nào bị mắc lừa. Anh ta đứng trên thuyền ngỏ lời cảm tạ, nói: "Nhờ quốc quân tha tội đã là may lắm rồi, chúng tôi đâu dám nhận tặng phẩm nữa. Nếu chúng tôi trở về và vẫn bảo toàn được tính mạng thì ba năm sau, sẽ xin sang báo đáp quý quốc".

Dương Xử Phụ còn định nói nữa, thì thuyền đã được chèo vùn vút, đi rất xa. Dương Xử Phụ đành trở về, báo cáo lại lời lẽ của Mạnh Minh Thị cho Tấn Tương Công. Tấn Tương Công hối tiếc nhưng không làm gì được nữa.



Bọn Mạnh Minh Thị về tới nước Tần, Tần Mục Công nghe tin toàn quân đã bị tiêu diệt liền mặc quần áo tang, thân ra ngoài thành đón họ.

Bọn Mạnh Minh Thị quì dưới đất chịu tội. Mục Công nói: "Đó là lỗi của ta, ta đã không nghe lời khuyên của cha các người, khiến các người thua trận, còn trách gì các người nữa? Vả lại, ta cũng không vì các người có lỗi mà xoá sạch công lao trước kia của các người".

Ba người cảm kích rơi nước mắt. Từ đó về sau, ra sức tập luyện quân mã để báo thù cho nước Tần.

Năm 625 trước Công nguyên, Mạnh Minh Thị xin Tần Mục Công phát binh để báo thù trận Hào Sơn. Tần Mục Công đồng ý. Ba viên đại tướng do Mạnh Minh Thị dẫn đầu, đem theo bốn trăm cỗ xe chiến đánh tới nước Tấn. Không ngờ, Tấn Tương Công đã phòng bị, bọn Mạnh Minh Thị lại thua trận.

Tần Mục Công vẫn không trị tội họ. Nhưng Mạnh Minh Thị rất áy náy, cảm thấy mình mang một món nợ lớn với quốc gia. Ông mang hết tài sản và bổng lộc của mình chia cho các gia đình tướng sĩ tử trận. Đồng thời chan hoà, cùng chịu cực khổ với binh sĩ, cũng ăn lương khô, rễ củ, hàng ngày luyện tập binh mã, quyết tâm báo thù trả hận.

Mùa đông năm đó, nước Tấn liên minh với Tống, Trần, Trịnh, đánh tới biên giới nước Tần. Mạnh Minh Thị dẫn dò tướng sĩ chỉ giữ thành, không được giao chiến với quân Tấn. Kết quả là quân Tấn lại chiếm được hai thành.

Thế là, nước Tần có người nói xấu Mạnh Minh Thị, cho ông là nhát gan. Một số nước nhỏ và Tây Nhung thấy quân Tần thua liền ba trận, liền đua nhau rời bỏ nước Tần, không chịu sự quản lý nữa.

Vào mùa hè năm 624 trước Công nguyên, tức là ba năm sau trận Hào Sơn, Mạnh Minh Thị chuẩn bị đầy đủ, chọn quân tinh nhuệ trong nước điều động năm trăm xe chiến. Tần Mục Công bỏ ra nhiều lương thực vải vóc, cấp phát cho gia đình tướng sĩ. Tinh thần quân lính lên cao, sẵn sàng xuất phát.

Khi đại quân vượt Hoàng Hà, Mạnh Minh Thị nói với quân sĩ: "Chúng ta ra quân lần này, chỉ tiến chứ không lùi. Ta muốn đốt hết thuyền bè đi, các người thấy thế nào?". Mọi người đều nói: "Đốt đi thôi! Thắng thì không sợ gì không có thuyền trở về. Thua thì không về nữa". Quân lính đã ôm mối thù hận tích lũy mấy năm nay, nhất tề xuất phát, chỉ trong mấy ngày, đã chiếm lại được hai thành bị mất trước kia, sau đó còn đánh chiếm được mấy toà thành lớn nữa của nước Tấn.

Nước Tấn lúc đó thấy thế tiến công của Tần là ghê gớm, từ trên xuống dưới đều sợ hãi. Tấn Tương Công bàn bạc với các đại thần, rồi hạ lệnh: chỉ cố thủ để giữ vững thành trì, không được phép giao chiến với quân Tần. Quân Tần vì vậy tự do đi lại trên đất Tấn, không có người Tấn nào dám ra chống lại.

Có người nói với Tần Mục Công: "Nước Tấn đã chịu thua. Họ không dám ra giao chiến. Chúa công nên đến Hào Sơn chôn cất thi thể của tướng sĩ, coi như đã rửa được mối nhục trước kia".

Tần Mục Công liền dẫn đại quân đến Hào Sơn, thu nhặt xương cốt của tướng sĩ ba năm trước, chôn tại sườn núi. Tần Mục Công cùng với bọn Mạnh Minh Thị tiến hành tế lễ long trọng, rồi rút quân về nước.

Những nước nhỏ ở phía tây cùng bộ lạc Tây Nhung, nghe tin quân Tần đánh bại được bá chủ Trung nguyên là nước Tấn, liền tranh nhau đến tiến cống Tần. Từ đó, nước Tần trở thành bá chủ ở phía Tây.

22- SỞ TRANG VƯƠNG LÙNG LẦY MỘT THỜI

Sau khi Tần đánh bại Tấn, liên tục trong hơn mười năm, giữa hai nước không xảy ra chiến tranh. Nhưng nước Sở ở phương Nam ngày càng lớn mạnh, nuôi tham vọng giành địa vị bá chủ Trung Nguyên đang nằm trong tay nước Tấn.

Năm 613 trước Công nguyên, cháu của Sở Thành Vương là Sở Trang Vương lên ngôi vua Sở. Nhân dịp đó, Tấn lại lôi kéo mấy nước nhỏ vốn qui phục Sở về theo mình, cùng ký kết minh ước. Các đại thần nước Sở bức tức, khuyên Sở Trang Vương đem quân đánh Tấn để giành bá quyền.

Nhưng không ngờ Sở Trang Vương không nghe theo, ban ngày cứ đi săn, buổi tối uống rượu, nghe nhạc, không quan tâm gì đến quốc gia đại sự. Cứ như vậy suốt ba năm. Ông ta biết các đại thần rất bất mãn với mình, liền ban xuống một mệnh lệnh: ai dám can gián sẽ xử tội chết.

Một đại thần là Ngũ Củ, không chịu nhìn mãi cảnh đó, quyết tâm đi gặp Sở Trang Vương. Sở Trang Vương

đang vui đùa, nghe ca nhạc, nghe nói Ngũ Cử xin gặp liền gọi và hỏi: "Người đến làm gì?"

Ngũ Cử nói: "Có người nhờ tôi đoán một câu đố, tôi không đoán được. Đại Vương là người thông minh, nên nhờ Đại Vương đoán hộ".

Sở Trang Vương thấy nói có câu đố, cảm thấy hay hay, liền cười nói: "Người hãy nói ta nghe thử xem".

Ngũ Cử nói: "Trên ngọn núi của nước Sở, có một con chim lớn màu lông ngũ sắc, dáng điệu hùng mạnh. Nhưng suốt trong ba năm, con chim đó không bay cũng không hát. Đó là loại chim gì vậy?"

Sở Trang Vương hiểu rõ ý Ngũ Cử muốn ám chỉ ai, liền nói: "Đó không phải là con chim thường. Loại chim này, không bay thì thôi, đã bay là lên tận trời; không hát thì thôi, đã hát là làm mọi người kinh sợ. Người lui ra, ta đã hiểu rồi".

Một thời gian sau, một đại thần khác là Tô Tông thấy Sở Trang Vương vẫn không động tĩnh gì, liền lại đến khuyên ngăn.

Sở Trang Vương hỏi: "Chẳng lẽ nhà ngươi không biết lệnh của ta sao?"

Tô Tông nói: "Thần đã rõ. Miễn là Đại Vương nghe được ý kiến của thần, thì thần dù có phạm cấm lệnh, chịu xử tử tội cũng cam lòng".

Sở Trang Vương cao hứng cười nói: "Các người đều thực lòng muốn việc tốt cho nước nhà, sao ta lại không biết?"

Từ đó về sau, Sở Trang Vương quyết tâm cải cách chính trị, cách chức những kẻ nịnh hót, đề bạt những



người dám dung cảm khuyên can như Ngũ Cử, Tô Tòng để giúp mình xử lý quốc gia đại sự, một mặt ra sức chế tạo vũ khí, thao luyện binh mã. Trong năm đó, đã thu phục nhiều bộ lạc nhỏ ở phương Nam. Năm thứ sáu, đánh bại nước Tống, năm thứ tám lại đánh bại tộc Nhung ở Lạc Hôn (nay ở đông bắc huyện Tung, tỉnh Hà Nam) đánh tới sát Lạc Ấp, kinh đô nhà Chu.

Để tỏ rõ binh uy, Sở Trang Vương tổ chức một cuộc duyệt binh lớn ở ngoại thành Lạc Ấp.

Việc làm đó khiến Chu Thiên Tử sợ hãi, vội phái đại thần là Vương Tôn Mãn ra ngoại thành uy lạo quân Sở.

Trong khi Sở Trang Vương nói chuyện với Vương Tôn Mãn, Sở Trang Vương hỏi về chín cái đỉnh (chín đỉnh: những vật tượng trưng cho quyền lực của thiên tử nhà Chu - ND) xem lớn nhỏ, nặng nhẹ thế nào. Chín cái đỉnh là đồ tế lễ, tượng trưng cho quyền uy của vương thất. Việc Sở Trang Vương hỏi han tới chín đỉnh chính là biểu lộ dã tâm của Sở Trang Vương đối với quyền lực của thiên tử nhà Chu.

Vương Tôn Mãn là người giỏi ứng phó. Ông khuyên Sở Trang Vương: "Sự cường thịnh của một quốc gia, chủ yếu dựa vào đức hạnh để thu phục lòng người, không cần thiết phải hỏi han về trọng lượng của chín cái đỉnh." Sở Trang Vương hiểu rõ lúc đó chưa có điều kiện để diệt nhà Chu, liền rút quân về nước.

Sau đó, Sở Trang Vương lại mời một ẩn sĩ nổi tiếng của nước Sở là Tôn Thúc Ngao làm Lệnh đoán (chức tướng quốc của nước Sở). Ở cương vị này, Tôn Thúc Ngao đã cho khai khẩn ruộng đất, khơi thông sông ngòi, khuyến khích sản xuất. Để ngăn ngừa thủy tai hạn

hán, Tôn Thúc Ngao cho khơi đào hệ thống thuỷ lợi, tưới cho hàng chục vạn mẫu ruộng, hàng năm thu hoạch thêm được rất nhiều lương thực. Chỉ trong mấy năm, nước Sở hùng mạnh lên gấp bội, lần lượt dẹp yên hai cuộc nổi loạn ở nước Trịnh và nước Trần, cuối cùng đã xung đột với Tấn là bá chủ ở Trung Nguyên.

Năm 597 trước Công nguyên, Sở Trang Vương dẫn đại quân đánh Trịnh, nước Tấn đem quân tới cứu. Hai bên đã đánh nhau một trận lớn ở đất Tất (nay ở phía đông thành phố Trịnh Châu, Hà Nam) Nước Tấn bị một trận thảm bại chưa từng thấy, chết mất một nửa người ngựa, số còn lại bỏ chạy về phía Hoàng Hà. Thuyền ít người đông, binh sĩ tranh nhau xuống thuyền, một số rớt xuống sông chết. Một số bám vào thuyền toan trèo lên, bị những người trên thuyền sợ thuyền bị lật, dùng gươm phạt các ngón tay rơi lả tả.

Có người khuyên Sở Thành Vương truy kích để diệt hết quân Tấn. Sở Thành Vương nói: "Nước Sở từ sau thất bại ở Thành Bộc, mãi không cất đầu lên được. Lần này thắng lớn như vậy, coi như đã rửa được mối nhục cũ, còn cần giết nhiều người làm gì?"

Rồi lập tức hạ lệnh thu quân, mặc cho tàn quân Tấn chạy về nước.

Từ đó về sau, con chim "cát một tiếng hót là khiến mọi người kinh sợ" - tức Sở Trang Vương trở thành bá chủ.

Từ Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Tần Mục Công đến Sở Trang Vương, tất cả có năm bá chủ. Lịch sử gọi họ là "Ngũ bá thời Xuân Thu" (một thuyết khác cho rằng: Vì Tống Tương Công trên thực tế không hoàn thành được sự nghiệp bá chủ, Tần Mục

Công chỉ làm bá chủ ở phía tây, nên ngôi bá chủ Trung Nguyên trước sau nên là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Ngô Vương Hạp Lư và Việt vương Câu Tiễn. Hai thuyết về "Xuân thu Ngũ Bá" vẫn song song tồn tại trong giới lịch sử Trung Quốc.

23- NGŨ TỬ TU QUA CHIÊU QUAN

Trong cuộc đấu tranh giữa các nước chư hầu lớn để tranh đoạt bá quyền nước lớn thôn tính nước nhỏ để mở rộng đất đai. Nhưng sau thắng lợi, các nước lớn không thể không cắt đất để phong cho các quan đại phu có công, vì vậy, thế lực của các đại phu dần lớn lên, giữa họ thường xuyên xảy ra tranh giành. Mâu thuẫn nội bộ ở các nước lớn ngày càng gay gắt, nên chiến tranh giành bá quyền giữa các nước tạm thời lắng xuống.

Vì nguyên nhân đó, quan đại phu nước Tống là Hưởng Thú đã qua lại hai nước Tấn Sở để điều đình, hoà giải.

Năm 546 trước Công nguyên, hai nước Tấn Sở và một số nước khác đã họp "hội nghị đình chỉ chiến tranh" tại Tống. Tại hội nghị, đại phu hai nước Tấn Sở thay mặt cho hai tập đoàn Nam Bắc đã ký kết hoà ước, qui định trừ hai nước lớn là Tề và Tần, còn các nước nhỏ khác đều phải triều cống cả hai nước Tấn và Sở. Hai nước Tấn Sở chia đều bá quyền, từ đó đến năm mươi năm sau, không xảy ra cuộc chiến tranh nào lớn.

Đến đời Sở Bình Vương là cháu Sở Trang Vương lên ngôi, nước Sở dần dần suy yếu.

Năm 522 trước Công nguyên, Sở Bình Vương muốn phế truất thái tử Kiến. Lúc đó, thái tử Kiến đang ở Thành Phụ (nay ở Tây Tương Thành tỉnh Hà Nam) cùng với thầy học của mình là Ngũ Xa. Sở Bình Vương sợ Ngũ Xa không đồng ý, nên trước hết gọi Ngũ Xa về, sai vu cáo thái tử Kiến mưu phản.

Ngũ Xa nhất định không chịu nghe theo, liền bị giam vào ngục.

Sở Bình Vương một mặt cử người đi giết thái tử Kiến, một mặt buộc Ngũ Xa phải viết thư gọi hai con là Ngũ Thượng và Ngũ Tử Tư về để trừ diệt cả ba cha con. Người con cả là Ngũ Thượng về tới Ảnh Đô (còn có âm là Dĩnh đô, Sinh đô, nay ở Tây bắc Giang Lăng, Hồ Bắc), liền bị Bình Vương giết hại cùng với cha là Ngũ Xa. Thái tử Kiến nghe tin, liền cùng với con là Công Tử Thắng chạy sang Tống.

Người con thứ hai của Ngũ Xa là Ngũ Tử Tư cũng bỏ chạy khỏi nước Sở đến Tống, tìm thái tử Kiến. Không may Tống có nội loạn, Ngũ Tử Tư lại dẫn thái tử Kiến và công tử Thắng chạy sang Trịnh, muốn nhờ nước Trịnh giúp họ báo thù. Nhưng quốc quân nước Trịnh là Trịnh Định Công không thuận.

Thái tử Kiến nôn nóng báo thù, liền cầu kết với một số đại thần nước Trịnh để đoạt quyền của Trịnh Định Công, nên bị Trịnh Định Công giết. Ngũ Tử Tư phải dẫn công tử Thắng chạy khỏi nước Trịnh, trốn sang Ngô (đô thành ở Tô Châu, Giang Tô ngày nay).



Sở Bình Vương hạ lệnh treo thưởng cho ai bắt được Ngũ Tử Tư, cho vẽ hình Ngũ Tử Tư yết trên các cửa thành nước Sở, hạ lệnh cho quan lại tuần tra khám xét.

Ngũ Tử Tư và công tử Thắng sau khi ra khỏi nước Trịnh thì ngày ẩn, đêm đi. Khi tới cửa quan giữa Ngô và Sở là Chiêu Quan (nay ở bắc huyện Hàm Sơn, tỉnh An Huy), thì quan lại ở đây khám xét rất nghiêm ngặt. Truyền thuyết nói rằng Ngũ Tử Tư lo lắng không ngủ được nên qua mấy đêm mà đầu tóc bạc trắng hết. May nhờ gặp được một người tốt là Đông Cao Công, đồng tình với Ngũ Tử Tư, cho Ngũ Tử Tư ở trong nhà mình. Đông Cao Công có một người bạn hình dáng giống Ngũ Tử Tư, liền nói người đó, giả làm Ngũ Tử Tư đi qua cửa quan. Lính gác cửa quan bắt giữ Ngũ Tử Tư giả, còn Ngũ Tử Tư thật thì nhờ đầu tóc bạc trắng, diện mạo thay đổi khó nhận ra được nên đã trà trộn qua được cửa quan.

Qua khỏi Chiêu Quan, Ngũ Tử Tư sợ có quân đuổi nên đi rất gấp. Trước mặt bỗng có con sông lớn chặn ngang. Trong lúc lo lắng, lại nhờ có một ông lão đánh cá chèo một con thuyền nhỏ đưa Ngũ Tử Tư qua sông.

Qua khỏi sông, Ngũ Tử Tư vô cùng cảm kích, cõn thanh bảo kiếm đưa cho ông lão đánh cá, nói: "Thanh bảo kiếm này là của vua Sở tặng cho ông nội tôi, giá trị tới trăm lạng vàng, xin biểu cộ để tỏ tấm lòng".

Ông lão đánh cá nói: "Để truy lùng tướng quân, vua Sở đã treo giải thưởng năm vạn thạch lương và tước vị đại phu cho người nào bắt được. Ta không tham giải thưởng và tước vị, lẽ nào lại muốn lấy bảo kiếm của tướng quân?"

Ngũ Tử Tư vội thu lại bảo kiếm, sụp xuống lạy tạ rồi từ biệt ra đi.

Ngũ Tử Tư đến nước Ngô trong lúc công tử Quang đang muốn giành ngôi vua. Với sự giúp đỡ của Ngũ Tử Tư, công tử Quang giết được Ngô vương Liêu, tự lập làm vương. Đó là Ngô vương Hạp Lư.

Hạp Lư lên ngôi, phong Ngũ Tử Tư làm đại phu, giúp mình giải quyết việc lớn quốc gia. Lại sử dụng Tôn Vũ, một nhà quân sự lớn giỏi việc dùng binh. Ngô vương dựa vào Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ, chinh đốn binh mã, trước hết kiềm tính mấy nước nhỏ lân cận.

Năm 506 trước Công nguyên. Ngô vương Hạp Lư bái Tôn Vũ làm đại tướng, Ngũ Tử Tư làm phó tướng, tự mình dẫn đại quân đánh Sở, liên tiếp thắng trận, khiến cho quân Sở tan tác, tiến thẳng tới Ảnh đô.

Lúc đó, Sở Bình vương đã chết, con là Sở Chiêu Vương trốn chạy. Ngũ Tử Tư uất hận Sở Bình Vương, cho đào mồ lên và đánh vào thây Sở Bình Vương.

Quân Ngô chiếm Ảnh Đô, đại thần nước Sở là Thân Bao Tư chạy sang nước Tần, xin vua Tần mang quân sang cứu. Tần Ai Công không đồng ý. Thân Bao Tư đứng ngoài cửa cung nước Tần gào khóc liên bảy ngày bảy đêm. Cuối cùng, Tần Ai Công động lòng thương, nói: "Vua Sở tuy bạo ngược vô đạo, nhưng có một người bày tôi tốt như thế, thì sao ta có thể nhìn họ mất nước cho đành. Tần Ai Công cử quân cứu Sở, đánh bại quân Ngô. Ngô vương Hạp Lư liền rút quân về nước.

Ngô vương Hạp Lư về đến nước Ngô, qui công đầu cho Tôn Vũ. Tôn Vũ không muốn làm quan liền đi ẩn cư. Ông để lại cuốn "Tôn Tử binh pháp", là một tác phẩm quân sự kiệt xuất sớm nhất của Trung Quốc.

24- KHỔNG TỬ CHU DU CÁC NƯỚC

Với sự giúp đỡ của Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ, Ngô vương Hạp Lư đánh bại được nước Sở, thanh thế rất lớn, ngay một số nước ở Trung Nguyên cũng bị uy hiếp, trước hết là nước Tề. Nước Tề từ sau khi Tề Hoàn Công mất đi, trong nước luôn mất ổn định. Đến khi Tề Cảnh Công lên ngôi vua, dùng được một đại thần tài giỏi là Án Anh làm tướng quốc, đổi mới triều chính, nước Tề mới hưng thịnh trở lại.

Năm 500 trước Công nguyên, Tề Cảnh Công và Án Anh muốn lôi kéo nước Lỗ láng giềng cùng các nước chư hầu khác, xây dựng lại nghiệp bá thời Tề Hoàn Công, liền viết thư cho Lỗ Định Công, hẹn cùng nhau hội họp ở Giáp Cốc, trên biên giới Tề - Lỗ.

Lúc bấy giờ, khi chư hầu hội họp, đều phải có một đại thần làm trợ thủ, gọi là "tướng lễ". Lỗ Định Công quyết định để quan tư khấu (quan đứng đầu ngành tư pháp) nước Lỗ là Khổng Tử đảm nhiệm công việc đó.

Khổng Tử tên là Khổng Khâu, tự là Trọng Ni, người Ấp Trâu (nay ở đông nam Khúc Phụ, Sơn Đông). Cha ông là một võ quan cấp thấp, đã mất khi ông mới ba tuổi. Mẹ ông đưa ông đến Khúc Phụ, nuôi dạy ông thành người. Theo nói lại, từ nhỏ ông đã thích học lễ tiết, khi nhàn rỗi, thường học theo người lớn, làm nghi thức tế lễ trời đất, tổ tiên.

Khi lớn lên, Khổng Tử học hành chăm chỉ. Ông hết sức sùng bái Chu Công, người đã đặt ra lễ nhạc cho nhà Chu. Ông am hiểu lễ tiết thời cổ, tương đối tinh thông "lục nghệ", tức là lễ tiết, âm nhạc, bắn tên, đánh xe, viết chữ, tính toán (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số) là những môn học chính thời đó. Ông làm việc nghiêm túc, khi còn làm chức lại nhỏ giữ kho, không bao giờ để mất mát vật tư; sau lại làm chức quản lý gia súc, đã làm gia súc lớn mau, sinh đẻ nhiều. Khi chưa đầy ba mươi tuổi, tiếng tăm đã dần dần lan rộng.

Có một số người muốn theo học ông, ông liền mở một trường tư, thu nhận học sinh. Quan đại phu nước Lỗ là Mạnh Hy Tử trước khi chết, đã dặn hai con là Mạnh Ý Tử và Nam Cung Kính Thúc đến học lễ ở Khổng Tử. Dựa vào sự tiến cử của Nam Cung Kính Thúc, Lỗ Chiêu Công đã phái Khổng Tử đến đô thành nhà Chu là Lạc Ấp để khảo sát lễ nhạc của triều Chu.

Đến năm Khổng Tử ba lăm tuổi, Lỗ Chiêu Công bị ba quan đại phu cầm quyền là Quý Tôn Thị, Mạnh Tôn Thị và Thúc Tôn thị đuổi đi. Khổng Tử liền sang nước Tề, xin gặp Tề Cảnh Công, nói chuyện với Tề Cảnh Công về chủ trương chính trị của mình. Tề Cảnh Công tiếp đãi rất trân trọng và toan sử dụng Khổng Tử, nhưng tướng



quốc An Anh cho rằng chủ trương của Khổng Tử không thực tế, nên Tề Cảnh Công không dùng ông nữa. Khổng Tử lại trở về nước Lỗ, tiếp tục dạy học. Số học sinh theo học Khổng Tử càng ngày càng nhiều.

Năm 501 trước Công nguyên, Lỗ Định Công phong Khổng Tử làm quan Tể đất Trung Đô (nay ở huyện Văn Thượng, tỉnh Sơn Đông), năm sau (500 trước Công nguyên), thăng làm quan Tư Không (chức quan đứng đầu coi việc xây dựng) rồi lại điều sang làm Tư Khấu.

Lúc đó, Lỗ Định Công nói cho Khổng Tử biết việc chuẩn bị đến Giáp Cốc để hội minh với nước Tề. Khổng Tử nói: "Nước Tề nhiều lần xâm phạm biên giới ta. Lần này hẹn ta đến hội, ta cần chuẩn bị binh mã, xin đem theo cả hai quan Tả, Hữu Tư Mã".

Lỗ Định Công đồng ý với chủ trương của Khổng Tử, lại cử hai đại tướng đem theo binh mã, cùng ông tới Giáp Cốc.

Tại hội nghị Giáp Cốc, do Khổng Tử làm tướng lễ, nên nước Lỗ giành được thắng lợi về ngoại giao. Sau hội nghị, Tề Cảnh Công quyết định trao trả lại Lỗ ba vùng đất ở Văn Dương (nay ở tây nam Thái An Sơn Đông) trước kia Tề đã chiếm của Lỗ.

Quan đại phu nước Tề là Lê Trữ cho rằng Khổng Tử làm quan ở nước Lỗ thì không có lợi cho Tề, liền khuyên Tề Cảnh Công gửi tặng Lỗ Định Công một đội nữ nhạc. Tề Cảnh Công đồng ý, liền chọn một đội nữ nhạc gồm mười tám người gửi sang nước Lỗ.

Lỗ Định Công được đoàn nữ nhạc đó thì ngày nào cũng mài miệt vui chơi không còn chăm nom đến chính

sự quốc gia nữa. Khổng Tử muốn vào can, nhưng Lỗ Định Công đều tránh mặt. Việc này làm Khổng Tử rất thất vọng, liền nói với học trò: "Vua Lỗ không làm chính sự, chúng ta đi thôi".

Từ đó về sau, Khổng Tử rời bỏ nước Lỗ, dẫn một số học trò đi chu du các nước, hy vọng tìm được cơ hội thực hiện chủ trương chính trị của mình. Nhưng lúc đó, các nước lớn thì bận vào các cuộc chiến tranh để giành bá quyền, nước nhỏ thì đứng trước nguy cơ bị thôn tính, toàn xã hội đều biến đổi mạnh mẽ. Những chủ trương khôi phục lễ nhạc triều Chu của Khổng Tử, đương nhiên không được ai tiếp nhận.

Trước sau, ông đã qua các nước Vệ, Tào, Tống, Trịnh, Trần, Thái, Sở. Vua các nước đó đều không sử dụng ông.

Một lần, Khổng Tử đang ở khoảng giữa Trần, Thái, Sở Chiêu Vương cử người đến mời ông. Quan đại phu các nước Trần, Thái sợ Khổng Tử đến nước Sở, sẽ bất lợi cho họ, nên phái quân chặn đường. Khổng Tử bị vây khốn ở đó, hết cả lương ăn, đã mấy ngày phải nhịn đói. Sau, nhờ nước Sở cho quân đến cứu, mới được giải vây.

Khổng Tử bôn ba các nước trong bảy tám năm, gặp nhiều gian truân, thất bại, tuổi mỗi năm một già. Cuối cùng, ông trở về nước Lỗ, dồn tinh lực vào việc chỉnh lý sách vở văn hoá cổ và giáo dục môn đồ.

Trong những năm cuối đời, Khổng Tử đã chỉnh lý những điển tịch văn hoá quan trọng thời cổ, như Kinh Thi, Thư, Xuân Thu. Kinh Thi là một tổng tập thi ca cổ của Trung Quốc gồm 305 bài thơ ca thời Tây Chu và Xuân Thu, trong đó có nhiều ca dao phản ánh đời sống của xã hội cổ đại, chiếm địa vị rất quan trọng

trong lịch sử văn học Trung Quốc. Thượng thư là tập sách về các văn kiện lịch sử cổ đại Trung Quốc. Xuân Thu là một cuốn sử được ghi chép căn cứ vào sử liệu của nước Lỗ, nội dung ghi chép sự việc lớn từ năm 722 đến năm 481 trước Công nguyên.

Năm 479 trước Công nguyên, Khổng Tử mất. Sau khi ông mất, các học trò truyền thụ học thuyết của ông, hình thành học phái Nho Gia. Khổng Tử trở thành người sáng lập học phái Nho Gia. Tư tưởng học thuật của Khổng Tử có ảnh hưởng rất lớn ở đời sau. Ông được công nhận là nhà tư tưởng lớn, nhà giáo dục lớn thời cổ Trung Quốc.

25- CÂU TIỀN NÀM GAI NÉM MẶT

Ngô Vương Hạp Lư đánh bại nước Sở, trở thành bá chủ ở phương Nam. Nước Ngô vốn bất hoà với nước láng giềng là nước Việt (đô thành ở Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang ngày nay) Năm 496 trước Công nguyên, Việt vương Câu Tiễn lên ngôi, Ngô Vương nhân dịp nước Việt vừa có tang, liền mang quân đánh. Hai bên giao chiến một trận lớn ở đất Túy Lý (nay ở tây nam Gia Hưng, Triết Giang)

Ngô Vương Hạp Lư tin chắc rằng mình có thể đánh thắng, nhưng không ngờ lại bị thất bại, bản thân trúng tên bị trọng thương, vì tuổi đã cao, khi về tới nước Ngô thì chết.

Hạp Lư chết, con là Phù Sai nối ngôi. Trước khi chết, Hạp Lư dặn lại: "Không được quên báo thù nước Việt".

Phù Sai ghi nhớ lời dặn của cha, bảo người khác thường xuyên nhắc nhở mình: mỗi khi ra vào cửa cung, thủ hạ đều quát lớn: "Phù Sai! Người đã quên mối thù Việt vương đã giết cha người rồi sao?" Phù Sai chảy nước mắt trả lời: "Không. Không dám quên".

Ông ta sai Ngũ Tử Tư và một đại thần khác là Bá Phi luyện tập binh mã, chuẩn bị đánh nước Việt.

Hai năm sau, Ngô vương Phù Sai tự dẫn đại quân đi đánh Việt. Nước Việt có hai quan đại phu giỏi, là Văn Chủng, và Phạm Lãi. Phạm Lãi nói với Câu Tiễn: "Nước Ngô luyện binh gần ba năm nay. Lần này chúng quyết tâm báo thù, khí thế rất hung hãn. Ta nên giữ vững thành, không nên ra đánh với chúng".

Câu Tiễn không đồng ý, mang đại quân ra quyết chiến. Quân hai nước giao chiến một trận lớn ở vùng Thái Hồ, quân Việt quả nhiên đại bại.

Việt Vương Câu Tiễn dẫn năm ngàn tàn binh bại tướng chạy về đến Cối Kê, bị quân Ngô vây chặt. Câu Tiễn không tìm ra biện pháp gì, liền nói với Phạm Lãi: "Ta rất hối hận đã không nghe theo lời người. Bây giờ đến tình cảnh này, phải làm thế nào đây?".

Phạm Lãi nói: "Phải mau cầu hoà thôi".

Câu Tiễn phái Văn Chủng sang trại quân Ngô xin hoà. Văn Chủng tâu xin với Phù Sai cho Câu Tiễn đầu hàng. Phù Sai toan đồng ý, nhưng Ngũ Tử Tư kiên quyết phản đối.

Văn Chủng trở về, dò biết Bá Phi ở nước Ngô là kẻ tiểu nhân tham tài háo sắc, liền ngầm đưa một số mỹ nữ và châu ngọc sang biếu Bá Phi, nhờ hắn nói giúp với Phù Sai.

Nghe lời khuyên của Bá Phi, Ngô Vương Phù Sai bác ý kiến phản đối của Ngũ Tử Tư, đồng ý cho Câu Tiễn đầu hàng, nhưng yêu cầu Câu Tiễn phải thân tới nước Ngô. Văn Chủng về tâu lại với Câu Tiễn. Câu Tiễn trao



mọi việc trong nước cho Văn Chung, rồi cùng vợ và Phạm Lãi sang Ngô.

Câu Tiễn đến nước Ngô. Phù Sai cho vợ chồng Câu Tiễn ở trong một gian nhà đá cạnh phần mộ của Hạp Lư, sai Câu Tiễn nuôi ngựa, còn Phạm Lãi làm công việc của nô lệ. Mỗi lần Phù Sai đi xe, Câu Tiễn phải dắt ngựa hầu. Cứ như thế trong hai năm, Phù Sai cho rằng Câu Tiễn đã thực bụng qui thuận liền cho Câu Tiễn về nước.

Về tới nước Việt, Câu Tiễn lập chí báo thù rửa hận. Ông sợ cuộc sống an nhàn làm tiêu tan mất chí khí, liền treo một cái mật đắng ở nơi ăn cơm, trước mỗi bữa ăn, đều nếm một chút mật đắng, rồi tự hỏi mình: "Nhà ngươi có quên mối nhục ở Cối Kê không?" Ông ta còn bỏ chiếu dùng cỏ cây làm đệm nằm. Việc đó được người đời sau gọi là "Nằm gai nếm mật".

Để làm cho nước Việt giàu mạnh, Câu Tiễn tự mình tham gia cày bừa, bảo vợ tự dệt vải để khuyến khích dân chúng đẩy mạnh sản xuất. Vì nước Việt lâm vào họa mất nước, nhân khẩu giảm nhiều ông ta liền đề ra chế độ khuyến khích sinh đẻ. Mặt khác, Câu Tiễn trao cho Văn Chung quản lý việc lớn quốc gia, cho Phạm Lãi huấn luyện quân đội, bản thân khiêm tốn nghe theo ý kiến của mọi người, chú trọng cứu tế cho dân nghèo. Nhân dân toàn quốc đều dốc sức để đưa đất nước bị đè nén đó nhanh chóng trở thành cường quốc.

26- PHẠM LÃI VÀ VĂN CHÙNG

Việt Vương Câu Tiễn chinh đốn chính sự, khuyến khích sản xuất, làm cho thế nước dần dần giàu mạnh lên. Ông liền cùng hai đại phu là Văn Chủng và Phạm Lãi bàn bạc về kế hoạch đánh Ngô.

Lúc đó, Ngô Vương Phù Sai vì đã được làm bá chủ nên trở thành kiêu căng, ham mê hưởng lạc. Văn Chủng khuyên Câu Tiễn dâng gái đẹp cho vua Ngô, Câu Tiễn liền sai người đi khắp nước để tìm những con gái đẹp nhất. Kết quả tìm được một cô gái tuyệt sắc tên là Tây Thi ở núi Trữ La (nay ở phía nam Chư Hỷ, tỉnh Triết Giang). Câu Tiễn cử Phạm Lãi đưa Tây Thi sang dâng cho Phù Sai.

Phù Sai nhìn thấy Tây Thi có dung mạo tuyệt vời, như tiên nữ giáng trần, hết lòng sủng ái.

Một lần, nước Việt phái Văn Chủng sang gặp Hạp Lữ, nói nước Việt mất mùa, dân chúng bị đói, xin nước Ngô cho vay một vạn thạch lương, năm sau sẽ xin trả đủ. Phù Sai thấy có Tây Thi trước mặt, liền đáp ứng ngay.

Năm sau, nước Việt được mùa Văn chủng lại mang một vạn thạch lương trả lại cho nước Ngô. Phù Sai thấy nước Việt giữ tín nghĩa, rất yên tâm và cao hứng. Ông ta vốc lúa lên xem, thấy hạt nào cũng căng mẩy, liền nói với Bá Phi: "Hạt lúa của nước Việt căng mẩy hơn lúa của ta. Hãy phát một vạn thạch lúa này cho dân chúng làm giống".

Bá Phi đem số lúa đó phát cho nông dân, hạ lệnh đem gieo trồng. Đến mùa xuân, hạt giống được gieo xuống, đợi tới mười mấy ngày, vẫn không nảy mầm. Mọi người nghĩ, có thể là hạt giống tốt thì nảy mầm chậm chạp, liền kiên nhẫn chờ đợi thêm. Không ngờ, sau một số ngày nữa những hạt giống đó đều thối rữa hết. Họ muốn thay bằng hạt giống của nước Ngô, thì đã lỡ mất thời vụ.

Năm đó, nước Ngô gặp nạn đói lớn, dân chúng đều oán giận Phù Sai. Họ đâu có biết đó là kế của Văn Chủng. Một vạn thạch lúa đó đều đã được đem hấp chín rồi phơi khô, làm sao có thể mọc mầm được nữa?

Câu Tiễn nghe tin nước Ngô bị nạn đói, muốn nhân cơ hội đưa quân sang đánh.

Văn Chủng nói: "Văn còn sớm. Một là, nước Ngô tuy bị đói, trong nước vẫn chưa khánh kiệt. Hai là, Ngũ Tử Tư còn đó, chưa dễ hành động".

Câu Tiễn thấy Văn Chủng nói có lý, lại tiếp tục cho thao luyện binh mã và tuyển thêm quân.

Năm 484 trước Công nguyên, Ngô Vương Phù Sai muốn đi đánh Tề. Ngũ Tử Tư vội đi gặp Phù Sai, can: "Tôi nghe tin Câu Tiễn nằm gai nếm mật, đồng cam cộng khổ với dân chúng, xem ra có ý muốn đánh báo



thù nước Ngô. Nếu không trừ diệt Câu Tiễn, thì sẽ là hậu hoạ cho nước Ngô. Xin đại vương đi đánh nước Việt trước".

Phù Sai không chịu nghe theo lời Ngũ Tử Tư, cứ đem quân đánh Tề, kết quả thắng trận đem quân về. Văn võ bá quan đều tới chúc mừng, nhưng Ngũ Tử Tư lại nói: "Đánh bại được Tề, chỉ là mối lợi nhỏ; Nước Việt lại diệt nước Ngô, mới là mối hoạ lớn".

Do đó, Phù Sai càng ngày càng chán ghét Ngũ Tử Tư, cộng thêm sự gièm pha của Bá Phi, nên Phù Sai trao cho Ngũ Tử Tư một thanh kiếm, buộc ông tự sát.

Trước khi chết, Ngũ Tử Tư uất hận nói với sứ giả của Phù Sai: "Hãy móc hai con mắt ta, treo trên cửa đông của nước Ngô để ta xem Câu Tiễn đánh vào như thế nào?"

Phù Sai giết Ngũ Tử Tư rồi, liền phong Bá Phi làm Thái Tể.

Năm 482 trước Công nguyên, Ngô Vương Phù Sai hẹn với Lỗ Ai Công, Tấn Định Công đến họp ở Hoàng Trì (nay ở Tây nam huyện Phong Khâu, tỉnh Hà Nam), đem theo tất cả quân tinh nhuệ, chỉ để lại một số quân già yếu.

Khi Phù Sai dương dương tự đắc từ Hoàng Trì trở về, thì Việt Vương Câu Tiễn đã đem đại quân sang chiếm đô thành Cô Tô. Quân Ngô từ xa trở về, đều rất mệt, lại gặp phải quân Việt được huấn luyện lâu ngày, tinh thần hăng hái. Hai bên giao chiến, quân Ngô đại bại.

Phù Sai không có cách nào khác, phải sai Bá Phi sang gặp Câu Tiễn xin hoà. Câu Tiễn bàn với Phạm

Lãi, quyết định tạm thời chấp nhận giảng hoà, rút quân về nước.

Năm 475 trước Công nguyên, Câu Tiễn chuẩn bị đầy đủ, liền tiến công đại qui mô vào nước Ngô. Nước Ngô thua trận liên tiếp. Quân Việt bao vây đô thành nước Ngô suốt hai năm trời. Phù Sai không còn đường thoát, than thở: "Ta không còn mặt mũi nào gặp lại Ngũ Tử Tư nữa." Nói xong, lấy tay áo che mặt tự sát.

Việt Vương Câu Tiễn diệt xong nước Ngô, ngồi tại triều đình của Phù Sai. Phạm Lãi, Văn Chủng và các quan lại khác đều tới triều kiến. Bá Phỉ, thái tử của nước Ngô cũng đứng ở đó để chờ phong thưởng. Hắn cho rằng mình đã giúp đỡ Câu Tiễn rất nhiều.

Câu Tiễn nói với Bá Phỉ: "Người là đại thần của nước Ngô, ta không dám nhận người làm bầy tôi. Người hãy đi làm bạn với quốc quân của người."

Bá Phỉ nhục nhã lui ra. Câu Tiễn phái người đuổi theo, giết chết.

Diệt xong nước Ngô, Câu Tiễn lại dẫn đại quân vượt qua sông Hoài, hợp với các nước chư hầu Trung Nguyên ở Từ Châu. Thiên Tử nhà Chu cũng phái sứ thần mang thịt tể đến tặng Câu Tiễn. Từ đó về sau, binh mã nước Việt hoành hành suốt dải Giang - Hoài, các nước chư hầu đều thừa nhận Việt là bá chủ.

Câu Tiễn đắc thắng trở về, mở đại hội mừng công, khen thưởng các công thần, nhưng thấy thiếu mặt Phạm Lãi. Truyền thuyết nói ông mang theo Tây Thi, thay tên đổi họ đi tới nước khác.

Trước khi đi, Phạm Lãi để lại cho Văn Chủng một bức thư nói: "Chim dữ đã hết, thì cung nỏ tốt bị gác bỏ;

thỏ đã săn hết, thì chó săn bị làm thịt. Con người Câu Tiễn chỉ có thể chung hoạn nạn, chứ không thể chung yên vui. Ông nên bỏ đi cho mau".

Văn Chung không nghe. Một hôm, Câu Tiễn cử người đưa tới một thanh kiếm. Văn Chung nhìn xem, thì đúng là thanh kiếm mà Phù Sai đã trao cho Ngũ Tử Tư. Văn Chung hối hận đã không tin theo lời của Phạm Lãi, đành phải tự sát. Ngô Việt tranh bá đã là một khúc vĩ thanh của thời Xuân Thu. Theo đà phát triển mạnh mẽ của sức sản xuất và các cuộc khởi nghĩa không ngừng của nô lệ, xã hội nô lệ dần dần tan rã. Đến năm 475 trước Công nguyên, bắt đầu thời kỳ Chiến quốc, xã hội Trung Quốc cũng bước sang chế độ phong kiến.

27- MẠC TỬ PHÁ THANG MÂY

Vào đầu thời Chiến Quốc, vua Sở là Sở Huệ Vương muốn khôi phục lại bá quyền của nước Sở, liền tăng quân, để đi đánh Tống.

Sở Huệ Vương trọng dụng một người thợ giỏi lúc bấy giờ. Ông ta là người Lỗ tên là Công Thâu Ban, sau này người ta thường gọi là Lỗ Ban, Công Thâu Ban sử dụng chiếc rìu rất khéo léo, ai mà muốn thi với ông về tài sử dụng rìu thì là người không biết lượng sức, nên gọi là "múa rìu qua cửa Lỗ Ban".

Công Thâu Ban được Sở Huệ Vương mời làm đại phu của nước Sở. Ông chế tạo cho Sở Vương một dụng cụ đánh thành, còn cao hơn cả lâu xa, nhìn chót vót như lên tận tầng mây, nên gọi là thang mây.

Sở Huệ Vương một mặt sai Công Thâu Ban gấp rút chế tạo thang mây, một mặt chuẩn bị đi đánh Tống. Tin tức về việc nước Sở chế tạo thang mây được đồn đại đi, các nước chư hầu đều lo lắng. Đặc biệt là Tống, nghe tin Sở sắp đến tiến công, thì cảm thấy tai họa lớn sắp giáng xuống.

Việc Sở muốn tiến đánh Tống, cũng gặp phải sự phản đối của một số người. Người phản đối mạnh mẽ nhất là Mặc Tử.

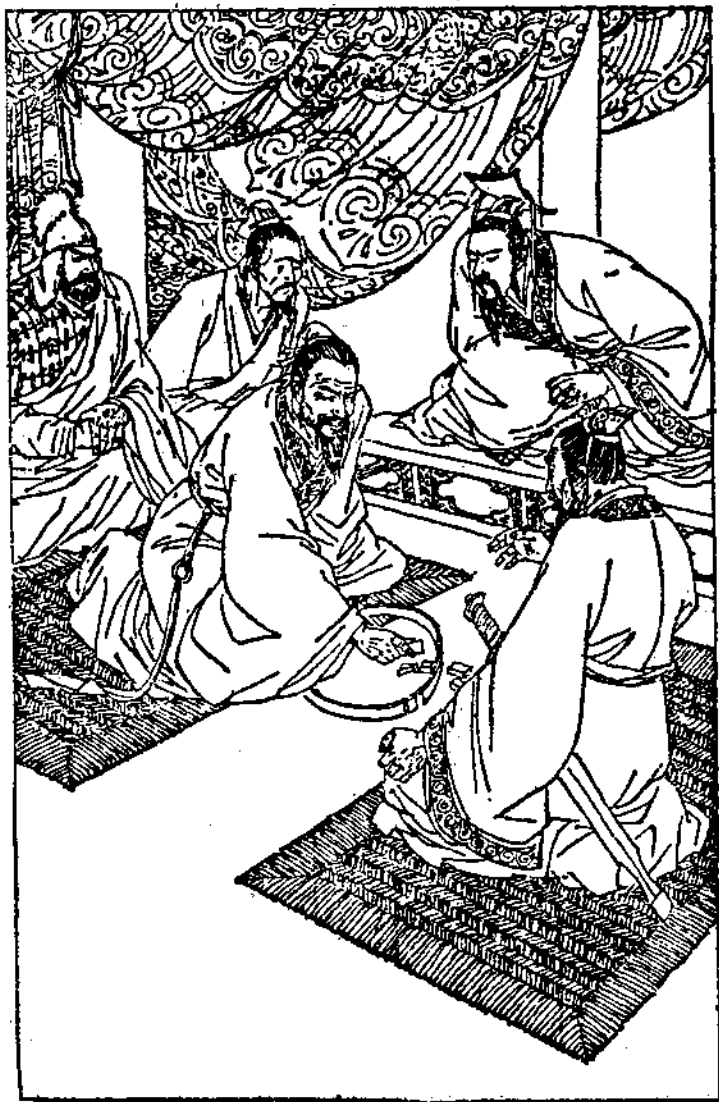
Mặc Tử, tên là Dịch, là người sáng lập ra học phái Mặc Gia. Ông phản đối phô trương lãng phí, chủ trương tiết kiệm: ông yêu cầu các môn đồ phải mặc áo ngắn, đi giày cỏ, tham gia lao động, lấy việc chịu khổ làm hành vi cao thượng. Nếu ai không chịu khổ, coi như đã phản bội lại chủ trương của học phái.

Mặc Tử còn phản đối các cuộc hỗn chiến vì tranh thành chiếm đất khiến dân chúng lâm than. Lần này nghe tin nước Sở đang chế tạo thang mây chuẩn bị đi đánh Tống, ông liền vội vàng đi tới Sở. Đường xa xa xôi vất vả làm bàn chân phồng rộp, ứa máu, ông xé quần áo quấn lại rồi tiếp tục đi.

Đi suốt trong 10 ngày đêm, Mặc Tử tới Ảnh Đô của Sở. Trước hết, ông tìm gặp Công Thâu Ban, khuyên công Thâu Ban không nên chế tạo thang mây giúp Sở đánh Tống.

Công Thâu Ban nói: "Không được. Tôi đã nhận lời Sở vương rồi".

Mặc Tử nhờ Công Thâu Ban dẫn mình tới gặp Sở Huệ Vương, Công Thâu Ban nhận lời. Trước mặt Sở Huệ Vương, Mặc Tử thiết tha nói: "Nước Sở có đất đai rộng, chu vi năm ngàn dặm, có đủ mọi vật quý. Nước Tống chỉ có năm trăm dặm, đất đai xấu, sản vật cũng nghèo nàn. Tại sao Đại vương đã có xe ngựa tốt đẹp, lại còn muốn đi lấy những cỗ xe rách của người khác? Tại sao không dùng áo bào gấm vóc của mình, mà đi lấy quần áo xấu xí rách rưới của người khác?"



Sở Huệ Vương tuy thấy lời Mặc Tử cũng có lý, nhưng vẫn không chịu bỏ ý định đánh Tống. Công Thâu Ban cũng cho rằng dùng thang mây đánh thành thì nhất định thắng lợi.

Mặc Tử nói dứt khoát: "Ông biết cách đánh thì tôi biết cách giữ. Ông không làm gì được đâu".

Ông liền cỡi thất lưng da quây dưới đất làm thành, lấy mấy miếng gỗ nhỏ làm dụng cụ đánh thành rồi cùng Công Thâu Ban diễn tập về phương pháp đánh và giữ thành.

Cứ mỗi lần Công Thâu Ban dùng phương pháp này đánh thành, ông lại dùng phương pháp khác để chống lại: Một bên dùng thang mây, bên kia dùng tên lửa đốt cháy thang; một bên dùng xe húc cửa thành, bên kia lại lao gỗ đá xuống phá xe; một bên đào đường hầm, bên kia dùng khói hun.

Công Thâu Ban đưa ra chín phương pháp công thành, là hết cách, nhưng Mặc Tử vẫn còn những phương pháp giữ thành hiệu nghiệm chưa dùng tới.

Công Thâu Ban ngây người, nhưng vẫn chưa chịu phục, nói: "Tôi đã nghĩ ra biện pháp để đối phó với ông, nhưng hiện nay chưa nói ra".

Mặc Tử mỉm cười nói: "Tôi đã biết là ông định dùng biện pháp gì rồi, nhưng tôi cũng không nói ra".

Sở Huệ Vương thấy hai người nói như kiểu câu đố, không hiểu ý nghĩa ra sao, liền hỏi Mặc Tử: "Các ông đang nói gì thế?".

Mặc Tử nói: "Ý của Công Thâu Ban rất rõ, chẳng qua là muốn giết tôi đi, cho rằng tôi bị giết thì không còn ai

giúp nước Tống giữ thành nữa. Kỳ thực, ông ta đã tính sai. Trước khi tới đến Sở, đã phái học trò tới là bọn Cầm Hoạt Hy ba trăm người đến giúp nước Tống giữ thành. Mỗi người trong bọn họ đều đã học được cách giữ thành của tôi. Dù rằng có giết tôi đi, nước Sở cũng chẳng được lợi gì".

Sở Huệ Vương nghe Mặc Tử nói, lại đã chứng kiến bản lĩnh giữ thành của Mặc Tử biết rằng không có hy vọng đánh thắng nước Tống, đành phải nói: "Những lời của tiên sinh rất đúng. Ta quyết định không đánh Tống nữa".

Như vậy, Mặc Tử đã ngăn chặn được một cuộc chiến tranh.

28. BA NHÀ PHÂN CHIA NƯỚC TẤN

Qua các cuộc chiến tranh giành bá quyền diễn ra lâu dài trong thời kỳ Xuân Thu, rất nhiều nước chư hầu nhỏ bị nước lớn thôn tính. Trong nội bộ nhiều nước cũng sinh ra biến đổi, đại quyền dần dần rơi vào tay mấy quan đại phu. Những đại phu đó vốn cùng là quý tộc chủ nô, sau họ dùng phương thức bóc lột phong kiến, chuyển biến thành giai cấp địa chủ. Có người còn dùng biện pháp giảm nhẹ tô thuế, mua chuộc lòng người để mở rộng thế lực của mình. Do đó, thế lực của họ càng ngày càng lớn.

Nước Tấn một thời là bá chủ Trung Nguyên, đến lúc đó, quyền lực của quốc quân suy giảm, thực quyền rơi vào tay sáu quan đại phu, mỗi người có vùng đất và lực lượng riêng, thường đánh lẫn nhau. Về sau, hai nhà bị đánh bại, còn lại bốn nhà là Trí gia, Triệu gia, Hàn gia và Ngụy gia. Trong bốn họ đó, Trí gia có thế lực nhất.

Đại phu của Trí gia là Trí Bá Dao muốn xâm chiếm đất đai của ba nhà kia, liền nói với ba đại phu Triệu Tương Tử, Ngụy Hoàn Tử, Hàn Khang Tử: "Nước Tấn

vốn là bá chủ Trung nguyên, sau bị Ngô, Việt giành mất ngôi bá chủ. Để nước Tấn hùng mạnh trở lại, ta chủ trương mỗi nhà bỏ ra một trăm dặm đất và số dân ở đó để góp với nhà nước".

Ba quan đại phu kia đều biết Trí Bá Dao có ý xấu, muốn dùng danh nghĩa nhà nước để ép họ phải bỏ ruộng đất ra. Nhưng ba nhà không thống nhất được về biện pháp đối phó. Hàn Khang Tử là người đầu tiên bỏ ra một trăm dặm đất và một vạn hộ khẩu cắt cho Trí gia, Ngụy Hoàn Tử sợ mang lỗi với Trí Bá Dao, cũng phải cắt nhường đất đai và hộ khẩu.

Trí Bá Dao lại đòi Triệu Tương Tử. Triệu Tương Tử không chịu, nói: "Đất đai là sản nghiệp của tổ tiên để lại, không thể cắt cho ai được".

Trí Bá Dao nổi giận đùng đùng, liền hạ lệnh cho hai họ Hàn, Ngụy cùng góp quân đánh họ Triệu.

Năm 455 trước Công nguyên, Trí Bá Dao dẫn đạo trung quân, quân Hàn gia đảm nhiệm cánh bên phải, quân Ngụy gia đảm nhiệm cánh bên trái, cùng tiến đánh Triệu.

Triệu Tương Tử biết rằng ít không địch nổi nhiều, liền dẫn binh mã Triệu gia lưu giữ Tấn Dương (nay là thành phố Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây).

Ít ngày sau, Trí Bá Dao dẫn quân đội ba nhà vây chặt Tấn Dương. Triệu tương Tử dặn dò tướng sĩ cố thủ, không được giao chiến. Khi binh mã ba nhà xông tới đánh thành, trên thành bắn tên xuống như mưa khiến họ không tài nào tiến lên được.



Thành Tấn Dương dựa vào cung tên, giữ vững được hơn hai năm, binh mã ba nhà không có cách nào công phá được.

Một hôm, Trí Bá Dao quan sát địa hình bên ngoài thành, thấy dòng sông Tấn Thủy chảy ở phía Đông bắc Tấn Dương, bỗng nảy ra một kế: dẫn nước sông Tấn Thủy vòng lại phía Tây nam thành để đim ngập thành Tấn Dương, liền sai quân sĩ đào một con sông đến sát thành và đắp đập ở thượng du để ngăn nước lại.

Lúc đó vừa đúng mùa mưa. Đập nước không mấy lúc đã đầy. Trí Bá Dao hạ lệnh mở đập cho nước uả vào thành Tấn Dương, tràn ngập toàn thành. Nhà cửa trong thành bị nước ngập hết, dân chúng phải trèo cả lên mái nhà tránh lụt. Bếp núc cũng chìm ngập, dân chúng phải treo nồi lên nấu cơm. Nhưng dân thành Tấn Dương căm thù Trí Bá Dao, thà chịu chết chìm, nhất định không đầu hàng.

Trí Bá Dao hẹn Ngụy Hoàn Tử và Hàn Khang Tử cùng đi xem thế nước. Hấn đặc ý chỉ vào thành Tấn Dương nói với hai người: "Các ngài xem, Tấn Dương sắp đi đời rồi. Trước kia, ta cứ nghĩ là Tấn Thủy giống như một bức thành, có thể ngăn được quân đội. Nay mới biết rằng nước cũng có thể tiêu diệt được một quốc gia".

Hàn Khang Tử và Ngụy Hoàn Tử bên ngoài tỏ vẻ đồng tình, nhưng trong lòng ngấm lo sợ. Vì đất phong của Ngụy ở An Ấp (nay ở tây bắc huyện Hạ, Sơn Tây), đất phong của Hàn ở Bình Dương (nay ở tây nam huyện Lâm Phần, Sơn Tây) đều có sông chảy bên cạnh. Lời của Trí Bá Dao đã làm họ tỉnh ngộ: Tấn Thủy đã có thể làm ngập Tấn Dương, biết đâu một ngày nào đó An Ấp và Bình Dương cũng lâm vào cảnh ngộ như Tấn Dương.

Sau khi Tấn Dương bị ngập, tình hình trong thành mỗi lúc một khó khăn. Triệu Tương Tử vô cùng lo lắng, nói với môn khách là Trương Mạnh Đàm: "Lòng dân tuy không sinh biến nhưng nếu nước dâng lên nữa, thì toàn thành khó mà giữ được".

Trương Mạnh Đàm nói: "Tôi thấy Hàn và Ngụy cũng không tự nguyện cắt đất cho Trí Bá Dao đâu. Để tôi sẽ tìm cách gặp nói chuyện với họ".

Đêm hôm đó, Triệu Tương Tử cử Trương Mạnh Đàm lên ra khỏi thành, trước hết tìm gặp Hàn Khang Tử, sau đó tìm gặp Ngụy Hoàn Tử, hẹn với họ cùng quay lại đánh Trí Bá Dao. Hàn, Ngụy đang lúc do dự, được Trương Mạnh Đàm bàn bạc, liền lập tức đồng ý.

Đêm hôm sau, đã quá canh ba, Trí Bá Dao đang ngủ trong doanh trại, bỗng thấy tiếng hô giết vang dội, liền vội vàng trở dậy, thấy quần áo chăn chiếu đều ướt hết. Định thần nhìn kỹ, thì trại quân đã ngập nước. Ban đầu, hắn còn tưởng rằng đập bị vỡ, nước tràn vào doanh trại mình, liền điều binh sĩ đi sửa đập. Nhưng chỉ trong chốc lát, nước dâng cao nhanh chóng, làm ngập hết trại quân.

Trí Bá Dao còn đang hoang mang ngờ ngác thì khắp bốn phía, tiếng trống trận vang lên, quân lính của ba nhà Triệu, Hàn, Ngụy đi thuyền nhỏ và bè mảng, nhất tề xông tới đánh giết. Quân lính của Trí gia bị chết đuối và giết chết rất nhiều. Toàn thể quân đội của Trí Bá Dao bị tiêu diệt. Bản Thân hắn cũng bị ba nhà bắt, giết đi.

Triệu, Hàn, Ngụy diệt được Trí gia, không những chỉ thu hồi lại đất phải nộp trước kia, mà còn chia đều đất

của Trí gia. Sau đó, họ còn chia nốt những đất đai còn lại của nước Tấn.

Năm 403 trước Công nguyên, ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy phái sứ giả đến Lạc Ấp xin thiên tử nhà Chu là Chu Uy Liệt Vương phong cho họ làm chư hầu. Chu Uy Liệt Vương thấy nếu phong cho họ cũng chẳng có hại gì, đành chấp nhận việc đã rồi, phong cho ba nước làm chư hầu.

Từ đó về sau, Hàn (đô thành ở huyện Vũ, sau lại dời đến Tân Trịnh, Hà Nam ngày nay), Ngụy (đô thành ở Tây bắc huyện Hạ, Sơn Tây ngày nay, sau lại dời đến Khai Phong, Hà Nam ngày nay, Triệu (đô thành ở Đông nam Thái Nguyên, Sơn Tây ngày nay, sau lại dời đến Hàm Đan, Hà Bắc ngày nay) đều trở thành những nước lớn ở Trung Nguyên.

Cộng thêm bốn nước lớn khác là Tần, Tề, Sở, Yên, được lịch sử gọi là "Thất hùng đời Chiến Quốc".

29- THƯƠNG ƯỞNG SỬA ĐỔI PHÁP LUẬT

Trong số Thất Hùng đời Chiến Quốc, so với các nước chư hầu ở Trung Nguyên thì nước Tần còn tương đối lạc hậu cả về chính trị, kinh tế, văn hoá. Nước láng giềng sát cạnh là nước Ngụy mạnh hơn nước Tần, đã chiếm mất của Tần một khoảnh đất lớn ở vùng Hà Tây.

Năm 361 trước Công nguyên, quốc quân mới của Tần là Tần Hiếu Công lên ngôi. Ông quyết tâm phấn đấu xây dựng đất nước giàu mạnh, trước hết chiêu tập nhân tài, và hạ lệnh: "Không kể là người nước Tần hay người từ nước ngoài tới, hễ ai nghĩ được biện pháp làm cho nước Tần giàu mạnh lên thì sẽ phong làm quan".

Lời kêu gọi đó của Tần Hiếu Công đã thu hút được nhiều nhân tài. Một người ở nước Vệ là quý tộc Công Tôn Ưởng (tức là Thương Ưởng sau này) không được trọng dụng ở nước Ngụy, liền chạy sang Tần, nhờ người tiến cử, được Tần Hiếu Công tiếp kiến.

Thương Ưởng nói với Tần Hiếu Công: "Một quốc gia muốn giàu mạnh, cần phải chú ý đến nông nghiệp, khuyến khích tướng sĩ; muốn cai trị tốt đất nước, phải

có thưởng có phạt. Có thưởng có phạt thì triều đình mới có uy tín, mọi cải cách mới tiến hành được".

Tân Hiếu Công hoàn toàn đồng ý với chủ trương của Thương Ưởng. Nhưng một số quý tộc và đại thần ra sức phản đối. Tân Hiếu Công thấy những người phản đối quá nhiều, mà mình lại mới lên ngôi, sợ xảy ra rối loạn, liền tạm thời gác việc cải cách lại.

Hai năm sau, Tân Hiếu Công thấy ngôi vị đã vững chắc, liền phong Thương Ưởng làm Tả Thứ trưởng (tên một chức quan của nước Tần) và tuyên bố: "Từ ngày hôm nay, sự nghiệp cải cách chế độ hoàn toàn do Tả Thứ trưởng làm chủ".

Thương Ưởng khởi thảo một pháp lệnh cải cách, nhưng sợ dân chúng chưa tin mình, không chịu làm theo pháp lệnh mới, liền sai người dựng ở cửa thành phía nam một cây gỗ cao ba trượng, và hạ lệnh: "Ai mang được cây gỗ này sang cửa Bắc, sẽ thưởng cho mười lạng vàng".

Trong chốc lát, rất đông người tụ tập ở cửa thành phía nam, sôi nổi bàn luận. Có người nói: "Cây gỗ này thì ai chẳng mang được, cần gì phải dùng đến mười lạng vàng làm phần thưởng" Có người nói: "Đây có thể là Tả Thứ trưởng bày ra trò đùa thôi". Mọi người nhìn nhau, không ai chịu ra mang cây gỗ.

Thương Ưởng biết dân chúng chưa tin vào lệnh của mình, liền nâng mức thưởng lên 50 lạng. Không ngờ tiền thưởng càng cao thì số người đến xem càng thấy vô lý, không có ai chịu ra mang thử.

Trong lúc mọi người ồn ào bàn luận thì có một người xông ra nói: "Để tôi thử xem sao". Anh ta nói xong, liền vác cây gỗ một mạch từ cửa Nam sang cửa Bắc thành.



Thương Ưởng lập tức cho người mang ra 50 lạng vàng tiền thưởng, không thiếu một ly.

Câu chuyện đó được lan truyền đi, làm rung động khắp nước Tần. Dân chúng đều nói "Mệnh lệnh của Tả Thứ trưởng đã nói là làm".

Thương Ưởng thấy mệnh lệnh đã có tác dụng, liền cho công bố pháp lệnh đã dự thảo. Pháp lệnh mới thưởng phạt phân minh, qui định chức quan to nhỏ và tước vị cao thấp đều căn cứ vào tiêu chuẩn chiến công về quân sự. Quý tộc nếu không lập được công cũng không có tước vị. Những người sản xuất được nhiều lương thực và vải vóc, đều được miễn sai dịch. Những người chỉ lo buôn bán và lười biếng mà nghèo túng thì cả gia đình phải sung làm nô tì của quan lại.

Nước Tần từ sau biến pháp của Thương Ưởng, sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh, lực lượng quân sự trở nên hùng cường. Không lâu sau, Tần tiến công Ngụy, từ Hà Tây đánh tới Hà Đông và hạ cả đô thành An Ấp của Ngụy.

Năm 350 trước Công nguyên, Thương Ưởng lại thực hiện cuộc cải cách lần thứ hai, nội dung chủ yếu gồm:

1- Bỏ phép tình điều tức là chia mỗi mảnh đất làm chín phần, hình chữ tình #, 8 gia đình xung quanh phải chung sức làm phân đất ở giữa cho nhà nước*, phá bỏ các đường ngăn giữa các thửa ruộng để mở rộng diện tích trồng trọt, đồng thời khai khẩn thêm gò đồng, rừng

* Tức nộp thuế 1/9 hoa lợi.

cây, đầm ao. Ai khai khẩn được thì thuộc quyền sở hữu của mình. Ruộng đất có thể mua bán.

2- Xây dựng cấp huyện. Gộp thị trấn với làng xóm thành huyện, do nhà nước cử quan lại đến cai trị. Như vậy, quyền lực của trung ương càng tập trung.

3- Dời đô về Hàm Dương. Để tiện phát triển về phía Đông, nên dời quốc đô từ Ung Thành (nay thuộc huyện Phượng Tường, tỉnh Thiểm Tây) về Hàm Dương ở phía bắc sông Vị (nay ở Đông bắc thành phố Hàm Dương, Thiểm Tây).

Những cải cách qui mô lớn đó đương nhiên dẫn tới cuộc đấu tranh gay gắt. Rất nhiều quý tộc, đại thần phản đối pháp luật mới. Có lần, thái tử Tân phạm pháp. Thương Ưởng nói với Tân Hiếu Công: "Pháp luật của nhà nước đòi hỏi từ trên xuống dưới phải tuân theo. Nếu người trên không tuân thủ thì dân chúng không tín nhiệm triều đình nữa. Thái tử phạm pháp, thì thầy dạy thái tử phải chịu tội".

Kết quả, Thương Ưởng trị tội hai thầy dạy của thái tử là Công Tử Kiến và Công Tử Giả, một người bị cắt mũi, một người bị thối chữ vào mặt. Vì vậy, các quý tộc, đại thần không dám chống lại tân pháp nữa.

Sau mười năm, quả nhiên nước Tần càng giàu mạnh, thiên tử nhà Chu sai sứ giả đến biểu thị tế và phong làm "phương bá" (bá chủ một vùng). Các chư hầu Trung Nguyên cũng tới tấp chúc mừng. Nước Ngụy buộc phải cắt nhường đất Hà Tây và dời đô về Đại Lương (Khai Phong).

30- TÔN TẤN, BÀNG QUYÊN ĐẤU TRÍ

Ngụy Huệ Vương cũng học theo Tôn Hiếu Công, muốn tìm một nhân tài kiểu Thương Ưởng. Ông ta bỏ ra nhiều tiền bạc để chiêu mộ hào kiệt trong thiên hạ. Lúc đó có người trong nước tên là Bàng Quyên đến xin gặp, trình bày kế sách làm nước giàu binh mạnh. Ngụy Huệ Vương rất hài lòng, liền phong Bàng Quyên làm đại tướng.

Bàng Quyên đúng là tướng tài, ngày ngày thao luyện binh mã, trước hết đánh mấy nước nhỏ, đều giành thắng lợi, sau lại đánh bại cả nước Tề. Đến lúc đó, Ngụy Huệ Vương càng tín nhiệm Bàng Quyên.

Bàng Quyên tự cho mình là người tài giỏi. Nhưng ông biết rằng bạn học của mình là Tôn Tấn, người nước Tề, còn giỏi hơn mình. Theo truyền thuyết, thì Tôn Tấn là dòng dõi của Tôn Vũ nước Ngô khi trước, chỉ riêng Tấn nắm được "Bình pháp Tôn tử" do tổ tiên truyền lại.

Ngụy Huệ Vương cũng nghe danh tiếng của Tôn Tấn, nên có lần nói với Bàng Quyên về Tôn Tấn. Bàng Quyên cử người mời Tôn Tấn tới cộng sự với mình cùng phụng

vụ nước Ngụy. Ngờ đâu Bàng Quyên nuôi ý xấu, ngầm gièm pha với Ngụy Huệ Vương là Tôn Tần tư thông với Tề. Ngụy Huệ Vương nổi giận, liền đưa Tôn Tần ra xử tội, thích chữ vào mặt và tháo hai xương bánh chè của Tôn Tần.

May nhờ có một sứ thần nước Tề sang thăm Ngụy, ngầm cứu được Tôn Tần, đem về nước Tề.

Đại tướng nước Tề là Điền Kỵ nghe nói Tôn Tần là một tướng tài, liền tiến cử với Tề Uy Vương. Tề Uy Vương cũng đang cải cách để làm cho đất nước giàu mạnh. Sau khi đàm luận về binh pháp với Tôn Tần, cảm thấy rất hứng thú, lấy làm tiếc là không được gặp ông sớm hơn.

Năm 354 trước Công nguyên, Ngụy Huệ Vương phái Bàng Quyên tiến đánh nước Triệu, bao vây quốc đô Hàm Đan của Triệu. Năm sau, Triệu cầu cứu với Tề. Tề Uy Vương muốn phong Tôn Tần làm đại tướng để đem quân cứu Triệu. Tôn Tần từ chối: "Tôi là một người đã tàn phế vì bị hình phạt, nếu làm đại tướng, chỉ khiến người ta chê cười. Xin đại vương cử Điền Đại phu (tức Điền Kỵ) làm đại tướng.

Tề Uy Vương liền cử Điền Kỵ làm đại tướng, Tôn Tần làm quân sư, mang quân đi cứu Triệu. Tôn Tần ngồi trong một cỗ xe được che kín để bày mưu giúp Điền Kỵ.

Tôn Tần nói với Điền Kỵ: "Hiện nay Ngụy đã mang hết quân tinh nhuệ đi đánh Triệu, trong nước chỉ còn lại binh lính già yếu, hết sức trống rỗng. Tốt nhất là ta đem quân đánh vào đô thành Đại Lương của Ngụy, Bàng Quyên nghe tin, nhất định sẽ phải bỏ Hàm Đan để về cứu viện. Ta sẽ chờ ở giữa đường đánh một trận thì nhất định sẽ giành thắng lợi".



Điền Kỵ làm theo kế đó. Quân của Bàng Quyên vừa hạ được Hàm Đan, bỗng nghe tin Tề đánh Đại lương, liền vội vã đem quân về. Vừa đến Quế Lăng (nay ở Tây bắc Trường Dân, Hà Nam) thì gặp quân Tề. Hai bên giao chiến, Bàng Quyên đại bại.

Quân Tề đắc thắng kéo về. Thành Hàm Đan được cứu thoát. Lịch sử gọi mưu mẹo đó của Tôn Tấn là "Vây Ngụy cứu Triệu".

Năm 341 trước Công nguyên, nước Ngụy lại phái quân đánh nước Hàn. Hàn lại cầu cứu Tề. Lúc đó, Tề Uy Vương đã chết, con là Tề Tuyên Vương phái Điền Kỵ, Tôn Tấn đem quân cứu Hàn. Tôn Tấn lại dùng phương pháp cũ, không đi cứu Hàn, mà trực tiếp đánh vào nước Ngụy.

Bàng Quyên được tin cáo cấp từ trong nước, đành phải rút quân về, lúc đó quân Tề đã vào đến đất Ngụy.

Nước Ngụy dùng một số lớn quân, do thái tử Thân chỉ huy, chống lại quân Tề. Lúc đó, quân Tề bắt đầu rút lui. Bàng Quyên quan sát khu vực doanh trại của quân Tề, thấy rất rộng lớn. Ông sai đếm số bếp của quân Tề, thấy có tới mười vạn cái thì rất hoảng sợ.

Hôm sau, Bàng Quyên đuổi theo tới vị trí đóng quân thứ hai của quân Tề, sai đếm số bếp, thì chỉ còn 5 vạn cái. Ngày thứ ba, Bàng Quyên lại đuổi tới vị trí doanh trại vừa rút bỏ của quân Tề, đếm số bếp, thì chỉ thấy còn lại hơn hai vạn cái. Bàng Quyên yên tâm, cười nói: "Ta đã biết quân Tề đều là kẻ nhát gan, mang mười vạn quân sang Ngụy, mới có ba ngày đã trốn chạy mất hai phần ba". Ông thúc giục quân Ngụy đuổi theo quân Tề suốt ngày đêm.

Đuổi tới Mã Lăng (nay ở Đông nam huyện Đại Danh tỉnh Hà Bắc) thì trời vừa tối. Đường xá ở Mã Lăng rất chật hẹp, bên đường đều là chướng ngại vật. Bàng Quyên nôn nóng muốn đuổi kịp ngay quân Tề, liền thúc giục quân Ngụy đi gấp trong đêm. Bỗng quân lính phía trên báo về: "Đường xá đều bị cây cối ngăn chặn cả".

Bàng Quyên lên xem, quả thấy cây cối đều bị chặt ngã, chỉ còn lại một cây lớn không bị chặt. Xem xét kỹ thấy vỏ cây đã bị lột bỏ, bên trong lỗ mờ thấy một hàng chữ, vì trời tối không đọc rõ.

Bàng Quyên bảo binh lính đốt đuốc lên soi, thì thấy hàng chữ đó là: "Bàng Quyên sẽ chết dưới gốc cây này".

Bàng Quyên hoảng sợ, liền ra lệnh lui quân. Nhưng đã muộn. Xung quanh tên bắn tới như mưa. Quân Ngụy chết ngổn ngang. Bốn phía bỗng vang lên tiếng hô giết, quân Tề ào ạt xông tới.

Thì ra Tôn Tẫn lập mưu, cố ý mỗi ngày giảm số bếp nấu cơm để đánh lừa khiến Bàng Quyên tưởng nhầm rằng quân Tề ngày càng giảm, chủ quan, dẫn quân đuổi theo. Tôn Tẫn tính toán biết vào thời gian đó, Bàng Quyên sẽ đến Mã Lăng, nên mai phục sẵn quân cung nỏ, dặn dò quân sĩ khi thấy có ánh lửa thì cùng bắn xuống. Bàng Quyên hết đường chạy, đành rút kiếm tự sát.

Quân Tề thừa thắng đánh tan quân Ngụy, bắt thái tử Thân của Ngụy làm tù binh.

Từ đó về sau, tiếng tăm của Tôn Tẫn truyền ra khắp các nước chư hầu. Tác phẩm "Bình pháp Tôn Tẫn" do ông viết ra còn lưu truyền tới ngày nay.

31- TRƯƠNG NGHỊ PHÁ TAN KẾ HỢP TUNG

Từ khi Tôn Tần đánh bại quân Ngụy, nước Ngụy thất thế, nước Tần càng ngày càng lớn mạnh. Sau khi Tần Hiếu Công mất, con là Tần Huệ Văn Vương nắm quyền, không ngừng mở rộng thế lực khiến sáu nước khác lo sợ, làm thế nào để đối phó với nước Tần đây? Có một số chính khách đề xuất chủ trương cho sáu nước, khuyến khích họ kết thành liên minh, liên hợp lại để chống Tần. Chủ trương đó được gọi là "hợp tung". Lại có một số chính khách giúp Tần đi du thuyết các nước, yêu cầu họ dựa vào Tần để chống lại các nước khác. Chủ trương này gọi là "liên hoành". Kỳ thực, mọi chính khách đều không có chủ trương cố định, chẳng qua họ chỉ dựa vào tài ăn nói để kiếm công danh tước lộc. Bất kể là nước nào, bất kể là chủ trương gì, miễn là họ được làm quan là được.

Trong những chính khách đó, nổi tiếng nhất là Trương Nghị. Trương Nghị là người nước Ngụy, nghèo khổ, cùng quần, phải bỏ sang nước Sở. Xin gặp vua Sở không tiếp. Lệnh Doãn nước Sở giữ ông trong nhà làm môn khách. Có lần, gia đình Lệnh Doãn mất một viên

ngọc quý. Lệnh Doãn thấy Trương Nghi nghèo khổ, nghi ông ăn trộm ngọc, liền bắt lại đánh một trận như từ.

Trương Nghi lê lết về nhà, người vợ thấy chồng khắp người thương tích, liền xót xa nói: "Nếu chàng không đọc sách, không đi ra ngoài cầu một chức quan, thì làm sao gặp phải nỗi oan khuất thế này!"

Trương Nghi há miệng, hỏi vợ: "Nhìn xem lưỡi ta còn không?"

Người vợ nói: "Lưỡi tất nhiên là còn".

Trương Nghi nói: "Miễn là còn lưỡi, thì không lo không có lúc làm nên".

Sau, Trương Nghi sang nước Tần, dựa vào tài ăn nói, quả nhiên giành được lòng tin của Tần Huệ Văn Vương, làm tướng quốc của nước Tần. Lúc đó, sáu nước đang tổ chức hợp tung.

Năm 318 trước Công nguyên, năm nước Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, Yên tổ chức một đội liên quân, đánh vào Hàm Cốc quan của Tần. Kỳ thực, nội bộ 5 nước cũng có mâu thuẫn, không thật đồng tâm hiệp lực. Bị quân Tần phản kích, liên quân năm nước không chống nổi, bị thất bại.

Trong sáu nước, hai nước Tề, Sở là lớn nhất. Trương Nghi cho rằng muốn thực hiện liên hoành, thì không thể không ly gián Tề với Sở để phá liên minh hợp tung. Ông liền kế cho Tần Huệ Văn Vương, xin tự đi sang nước Sở.

Trương Nghi đến Sở, trước hết, đem nhiều lễ vật quý đến gặp sủng thần của Sở Hoài Vương là Càn Thượng, xin cho gặp Sở Hoài Vương.



Sở Hoài Vương nghe tiếng Trương Nghi đã lâu, tiếp đãi rất chu đáo và muốn nghe ý kiến Trương Nghi.

Trương Nghi nói: "Tần Vương đặc biệt cử tôi đến để giao hảo với quý quốc, mong quý quốc đoạn giao với Tề thì Tần không những sẽ vĩnh viễn hoà hảo với quý quốc, mà còn tình nguyện đem sáu trăm dặm đất ở Thương Vu (nay ở tây nam huyện Tích Xuyên Hà Nam) hiến cho quý quốc. Như vậy, vừa làm yếu thế lực của Tề, lại làm cho nước Tần tin cậy, chẳng phải là nhất cử lưỡng tiện hay sao?"

Sở Hoài Vương vốn là người hồ đồ, nghe lời ngon ngọt của Trương Nghi thì rất phấn khởi, liền nói: "Nếu nước Tần làm đúng như thế thì ta tiếc gì mà không chia tay với nước Tề".

Các đại thần nước Sở nghe nói có chuyện lợi như thế, đều chúc mừng Sở Hoài Vương. Chỉ có Trần Chấn nêu ra ý kiến phản đối với Sở Hoài Vương: "Tại sao nước Tần lại phải đem sáu trăm dặm đất Thương Vu hiến cho đại vương? Chẳng phải là vì đại vương đã ký minh ước với Tề sao? Nước Sở có Tề làm đồng minh, thì Tần mới không dám xâm phạm nước chúng ta. Nếu đại vương tuyệt giao với Tề, thì Tần nhất định sẽ úc hiếp chúng ta. Nếu nước Tần thực lòng cắt đất Thương Vu cho ta, thì đại vương cho người đi nhận đất đã rồi hãy tuyệt giao với Tề cũng không muộn".

Sở Hoài Vương tin lời Trương Nghi, nên cự tuyệt lời can ngăn của Trần Chấn, một mặt tuyệt giao với Tề, một mặt cử người sang Tần nhận đất.

Tề Tuyên Vương được tin Sở tuyệt giao, liền phái sứ thần sang Tần, hẹn cùng nhau đánh Sở.

Sứ giả nước Sở đến Hàm Dương để nhận đất Thương Vu, không ngờ Trương Nghi trở mặt, nói: "Làm gì có chuyện đó. Chắc đại vương của ngài nghe lầm. Tôi nói là sáu dặm, chứ đâu phải sáu trăm dặm. Và là đất phong của riêng tôi, chứ không phải là đất nước Tần."

Sứ giả về tâu lại, Sở Hoài Vương nổi giận, liền cử mười vạn quân sang đánh Tần. Tần Huệ Văn Vương cũng cử mười vạn quân nghênh chiến, đồng thời còn hẹn Tề cùng góp sức. Nước Sở đại bại, mười vạn quân chỉ còn sống sót có ba vạn, không những đã không được sáu trăm dặm đất của Tần, mà lại bị Tần chiếm mất sáu trăm dặm ở Hán Trung. Sở Hoài Vương chỉ có cách nhịn nhục cầu hoà với Tần. Từ đó, nước Sở suy yếu đi nhiều.

Trương Nghi dùng thủ đoạn lừa bịp để thu phục nước Sở, sau đó lại lần lượt sang các nước Tề, Triệu, Yên, thuyết phục các nước "liên hoành" với Tần. Như vậy, liên minh "hợp tung" bị Trương Nghi phá vỡ hoàn toàn.

32- TRIỆU VŨ LINH VƯƠNG HỌC THEO NGƯỜI HỒ

Trong lúc nước Sở bị Tần ức hiếp, thì nước Triệu ở phương Bắc lại đang mưu tìm kế hoạch phát triển. Quốc quân nước Triệu là Vũ Linh Vương có tầm nhìn xa và lòng dũng cảm, tìm mọi biện pháp để cải cách về mọi mặt.

Một hôm Triệu Vũ Linh Vương nói với cận thần là Lâu Hoãn: "Phía Đông nước ta có nước Tề và nước Trung Sơn; phía Bắc có nước Yên, và nước Đông Hồ; phía Tây có nước Tần, nước Hàn và Lâu Phiến (tên một bộ lạc thời cổ). Nếu chúng ta không phát triển lớn mạnh thì bất cứ lúc nào cũng có thể bị người ta diệt. Muốn phát triển lớn mạnh thì phải cải cách. Ta thấy y phục của chúng ta gồm áo dài, áo ngắn, lao động và đánh trận đều không tiện lợi. Không bằng người Hồ (gọi chung các dân tộc thiểu số miền Bắc) mặc áo ngắn, ống tay hẹp, chân đi giày da, rất linh hoạt. Ta dự định cải cách y phục của chúng ta, các người thấy thế nào?"

Lâu Hoãn rất tán thành, nói: "Chúng ta học theo cách ăn mặc của người Hồ, cũng nên học cách đánh trận của họ nữa".

Triệu Vũ Linh Vương nói: "Rất đúng! Chúng ta đánh trận hoàn toàn dựa vào bộ binh, hoặc dùng ngựa kéo xe, nhưng không biết cưỡi ngựa chiến đấu. Ta chủ trương học theo cách ăn mặc của họ, chính là để học cách họ cưỡi ngựa bắn cung".

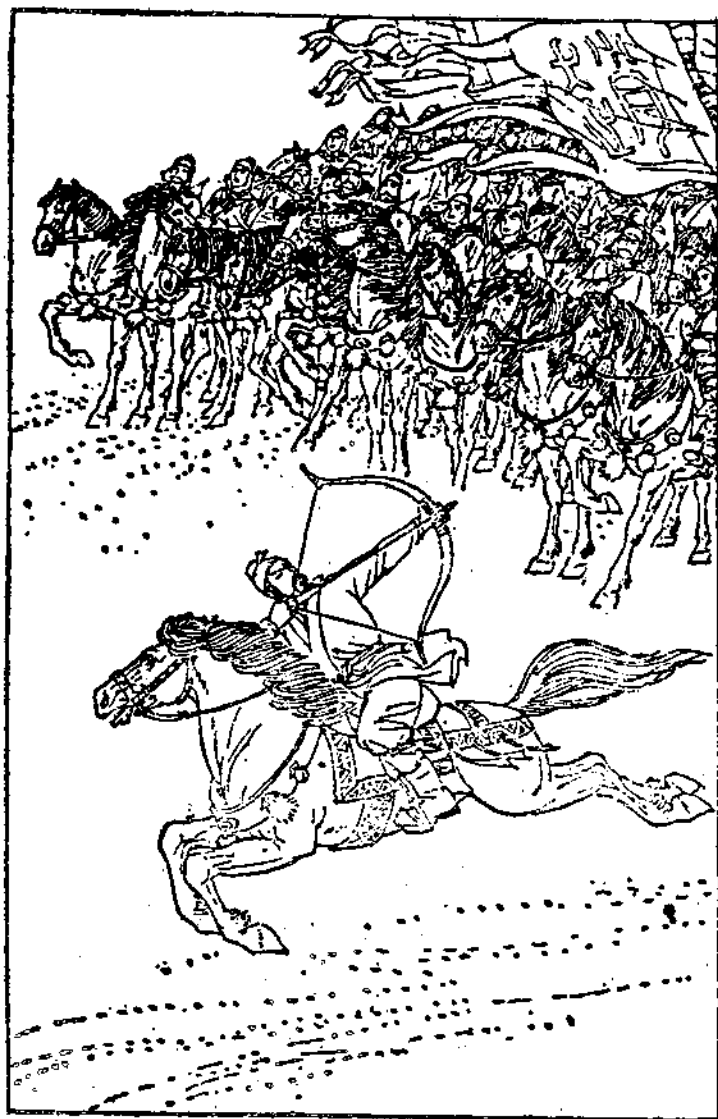
Tin tức đó được truyền ra, có rất nhiều đại thần phản đối. Triệu Vũ Linh Vương lại bàn với một đại thần khác là Phì Nghĩ: "Ta muốn dùng cách ăn mặc, cưỡi ngựa bắn cung của người Hồ để cải cách phong tục của chúng ta, nhưng có rất nhiều người phản đối. Vậy phải làm thế nào?"

Phì Nghĩ nói: "Muốn làm việc lớn thì không thể do dự. Do dự thì không thể làm được việc lớn. Đại vương đã cho rằng làm như vậy là có lợi cho đất nước, thì sợ gì mọi người phản đối".

Triệu Vũ Linh Vương rất mừng nói: "Ta thấy những kẻ chế giễu ta là bọn hủ lậu. Những người sáng suốt đều tán thành ta cả".

Hôm sau lâm triều, Triệu Vũ Linh Vương mặc quần áo người Hồ đi ra, các đại thần thấy ông mặc áo ngắn, ống tay hẹp, đều giật mình ngạc nhiên. Triệu Vũ Linh Vương nói tới việc cải cách y phục, nhưng các đại thần đều cho đó là việc mất thể diện, không muốn làm theo. Triệu Vũ Linh Vương có một người chú là Công Tử Thành, một người rất có uy tín ở nước Triệu, nhưng tư tưởng rất bảo thủ. Ông nghe nói Triệu Vũ Linh Vương toan cải cách y phục, liền cáo ốm không vào chầu.

Triệu Vũ Linh Vương hạ quyết tâm không thể không thực hành cải cách. Ông biết rằng muốn thực hiện thì phải làm cho tư tưởng ông chú thông suốt, liền tự đến



nhà Công Tử Thành, nói đi nói lại về cái lợi của việc cải cách y phục và phương pháp đánh trận. Cuối cùng, Công Tử Thành bị thuyết phục. Triệu Vũ Linh Vương liền ban tặng ông ta một bộ quần áo người Hồ.

Các đại thần thấy Công Tử Thành cũng mặc quần áo Hồ thì không nói sao được nữa, đành làm theo.

Triệu Vũ Linh Vương thấy điều kiện đã chín muồi, liền hạ lệnh cải cách y phục trong cả nước. Trong thời gian không lâu, người nước Triệu không kể là giàu nghèo sang hèn, đều nhất loạt mang y phục Hồ. Có người lúc đầu cảm thấy chưa quen, sau dần dần thấy rõ quần áo Hồ rất tiện lợi.

Sau đó, Triệu Vũ Linh Vương lại hạ lệnh cho quân dân học tập cách cưỡi ngựa bắn cung. Năm 305 trước Công nguyên, Triệu Vũ Linh Vương thân dẫn kỵ binh Triệu đánh bại nước Trung Sơn láng giềng, lại thu phục được Đông Hồ và mấy bộ lạc lân cận.

Năm thứ 7 sau khi cải cách, Trung Sơn, Lâm Hồ, Lâm Phiến đều bị thu phục, đất đai mở rộng nhiều. Triệu Vũ Linh Vương liền chuẩn bị độ sức với Tần.

Triệu Vũ Linh Vương thường xuyên dẫn quân chinh chiến ở bên ngoài, trao việc trong nước cho con quản lý. Năm 299 trước Công nguyên, ông chính thức truyền ngôi cho con là Triệu Huệ Văn Vương. Vũ Linh Vương tự đổi gọi là Chủ Phụ (tức là cha của nhà vua).

Để đánh bại nước Triệu, sau khi thu xếp việc trong nước, Triệu Vũ Linh Vương quyết tâm tự mình đi sang nước Tần để khảo sát địa hình và xem xét tư cách của Tần Chiêu Tương Vương. Ông giả trang thành một sứ

thần của nước Triệu, đem theo mấy thủ hạ, lên đường sang Tần.

Đến Hàm Dương, Triệu Chủ Phụ lấy tư cách sứ thần bái kiến Tần Chiêu Tương Vương và nói về việc Triệu Vũ Linh Vương đã truyền ngôi cho con.

Tần Chiêu Tương Vương sau khi tiếp kiến "sứ thần", cảm thấy viên sứ thần này có cử chỉ đoan trang, uy nghiêm không giống với người bình thường, trong lòng lấy làm nghi hoặc. Mấy hôm sau, Tần Chiêu Tương Vương cử người đến mời thì "sứ thần" đó đã đi mà không từ biệt. Trong nhà khách chỉ còn một viên quan của nước Triệu. Tần Chiêu Tương Vương gọi đến hỏi, mới biết "sứ thần" hôm trước là Triệu Chủ Phụ nổi tiếng. Tần Chiêu Tương Vương giật mình, vội sai đại tướng Bạch Khởi dẫn tinh binh đuổi theo suốt ngày đêm. Truy binh đến Hàm Cốc quan, thì Triệu Chủ Phụ đã đi khỏi từ ba ngày trước đó.

33- CÁC MÔN KHÁCH CỦA MẠNH THƯỜNG QUÂN

Để phá vỡ liên minh Tề Sở, Tần Chiêu Tương Vương dùng hai thủ đoạn: đối với nước Sở thì cứng, đối với nước Tề thì mềm. Ông ta nghe nói đại thần có thế lực nhất của Tề là Mạnh Thường Quân, liền mời Mạnh Thường Quân sang Hàm Dương, nói là muốn cử ông làm thừa tướng.

Mạnh Thường Quân là quý tộc nước Tề, tên là Điền Văn. Để củng cố địa vị của mình, ông chiêu tập rất nhiều khách. Phàm ai đến với ông, cũng đều được giữ lại, cung phụng ăn uống. Loại người này được gọi là môn khách hay thực khách. Theo nói lại, trong nhà Mạnh Thường Quân thường có ba ngàn thực khách, trong đó rất nhiều người thực ra không có tài năng gì, chỉ nhằm kiếm ăn mà thôi.

Khi Mạnh Thường Quân sang Hàm Dương, mang theo rất nhiều môn khách. Tần Chiêu Tương Vương thân hành tiếp đãi họ. Mạnh Thường Quân biếu Tần Chiêu Tương Vương một chiếc áo lông chồn toàn màu trắng làm lễ ra mắt. Tần Chiêu Tương Vương biết đó là

loại da chồn bạc rất quý, liền vui mừng tiếp nhận và cất vào trong kho riêng.

Tần Chiêu Tương Vương vốn định mời Mạnh Thường Quân làm thừa tướng, nhưng có người nói với ông: "Diễn Văn là quý tộc nước Tề, có rất nhiều tay chân. Nếu ông ta làm thừa tướng, thì nhất định sẽ tính toán những việc lợi cho nước Tề, sẽ trở thành mối nguy cho nước Tần ta".

Tần Chiêu Tương Vương nói: "Nếu thế, thì để ông ta về thôi".

Họ nói: "Ông ta ở đây đã lâu, biết hầu hết mọi việc của nước Tần, sao có thể dễ dàng để ông ta ra về được?"

Tần Chiêu Tương Vương liền giam lỏng Mạnh Thường Quân lại.

Mạnh Thường Quân rất lo lắng, dò biết Tần Chiêu Tương Vương có một quý phi rất được yêu mến, liền nhờ người cầu cứu bà ta. Quý phi đó sai người nói lại: "Nhờ ta nói giùm với đại vương thì không khó, nhưng ta thích có một áo bằng lông chồn bạc".

Mạnh Thường Quân bàn với các môn khách: "Ta chỉ có một cái áo, đã biếu vua Tần rồi, làm thế nào đòi lại được?"

Một môn khách nói: "Tôi có cách để lấy được chiếc áo đó".

Ngay đêm hôm đó, môn khách này mò vào vương cung, ăn trộm được cái áo đó ra. Mạnh Thường Quân đem áo lông chồn bạc biếu cho quý phi. Nhận được áo, quý phi đó liền khuyên vua Tần tha Mạnh Thường

Quân về nước. Tần Chiêu Tương Vương đồng ý, cấp cho giấy tờ thông hành để Mạnh Thường Quân về.

Mạnh Thường Quân nhận được giấy tờ, liền vội vã đi ra Hàm Cốc quan. Ông sợ Tần Vương đổi ý, liền thay đổi tên họ và chữa giấy thông hành. Đến cửa quan, vừa đúng nửa đêm. Theo qui định của nước Tần, mỗi buổi sớm, chỉ đến khi gà gáy, mới được mở cửa quan cho người qua lại. Mọi người đang sốt ruột chờ trời sáng, thì một môn khách làm giả tiếng gà gáy liên tiếp. Toàn bộ gà vùng xung quanh đều theo đó gáy ran.

Người canh giữ nghe tiếng gà gáy, liền mở cửa quan, xét giấy tờ rồi cho bọn Mạnh Thường Quân đi.

Tần Chiêu Tương Vương quả nhiên hối lại, phái người đuổi theo, đến Hàm Cốc quan, thì Mạnh Thường Quân đã đi xa rồi.

Mạnh Thường Quân về nước Tề, được làm tướng quốc. Thực khách của ông ngày càng nhiều. Ông chia môn khách làm mấy bậc: Loại thứ nhất đi đâu cũng có xe ngựa, loại thứ hai ăn cơm có thịt cá, còn loại thứ ba chỉ có gạo thô và rau dưa mà thôi.

Có một ông già là Phùng Huyển, nhà nghèo không có gì ăn, liền đến nhà Mạnh Thường Quân làm thực khách. Mạnh Thường Quân hỏi người quản gia: "Người đó có tài năng gì?"

Quản gia trả lời: "Ông ta nói ông ta không có tài gì cả".

Mạnh Thường Quân cười nói: "Thôi cứ cho ông ta ở lại". Quản gia hiểu ý Mạnh Thường Quân, liền đối đãi với Phùng Huyển như loại thực khách thứ ba.



Mấy ngày sau, Phùng Huyển đứng dựa cột, gõ kiếm hát: "Thanh kiếm ơi, ta về đi thôi. Ở đây ăn cơm không có cá".

Quản gia báo với Mạnh Thường Quân. Ông nói: "Cho ông ta ăn thịt cá, đối đãi như loại khách thứ hai".

Năm ngày sau, Phùng Huyển lại gõ kiếm hát: "Kiếm ơi, ta về đi thôi. Ở đây đi đâu không có xe ngựa".

Mạnh Thường Quân thấy vậy, bảo quản gia: "Chuẩn bị xe cho ông ta. Đối đãi như loại khách thứ nhất".

Năm ngày sau nữa, Mạnh Thường Quân hỏi quản gia: "Phùng tiên sinh còn có ý kiến gì không?". Quản gia trả lời: "Ông ấy lại hát, là không có tiền nuôi gia đình".

Mạnh Thường Quân hỏi han, biết Phùng Huyển có một bà vợ già, liền cử người mang cái ăn cái mặc đến cho bà ta. Từ đó, Phùng Huyển không hát gì nữa.

Mạnh Thường Quân nuôi nhiều môn khách như thế, những việc ăn, ở, đi lại, nếu chỉ dựa vào bổng lộc của ông thì không đủ. Ông liền nghĩ tới món lợi tức mà ông cho dân chúng ở đất Tiết (nay ở đông nam huyện Đằng, Sơn Đông) vay, muốn dùng số lợi tức đó để bù đắp vào số chi tiêu lớn trong gia đình.

Có một lần, ông cử Phùng Huyển đến đất Tiết để thu nợ. Trước khi lên đường, Phùng Huyển hỏi: "Khi về, cần mua theo những gì?"

Mạnh Thường Quân nói: "Ông xem đây, thấy nhà thiếu cái gì thì mua cái đó". Phùng Huyển đến đất Tiết, gọi những người thiếu nợ lại, bảo họ đưa giấy nợ ra đối chiếu. Dân chúng đang lo lắng không biết lấy gì để trả nợ. Trước mặt mọi người, Phùng Huyển giả truyền đạt

quyết định của Mạnh Thường Quân: ai không trả được nợ, thì đều miễn cho hết.

Mọi người còn bán tín bán nghi, thì Phùng Huyền châm một mối lửa, đốt hết vẩn tự nợ.

Phùng Huyền trở về Lâm Tri, nói hết mọi chuyện cho Mạnh Thường Quân nghe. Mạnh Thường Quân cả giận nói: "Ông đốt hết vẩn tự nợ, thì ba ngàn người ở đây ăn bằng gì?"

Phùng Huyền ung dung nói: "Trước khi tôi đi, ngài chẳng đã nói rằng, ở nhà thiếu cái gì mua cái đó sao? Tôi thấy ở đây không thiếu thứ gì, chỉ thiếu tình nghĩa của dân chúng, cho nên tôi đã mua "tình nghĩa" đem về.

Mạnh Thường Quân bực bội nói: "Thôi, cho qua".

Sau này, tiếng tăm của Mạnh Thường Quân ngày càng vang dội. Tần Chiêu Tương Vương nghe tin nước Tề trọng dụng Mạnh Thường Quân thì rất lo ngại, liền ngầm sai người sang nước Tề phao tin đồn, nói Mạnh Thường Quân mua chuộc lòng người để nhằm đoạt ngôi vua. Tề Dấn Vương tin theo những lời đồn đại đó, thấy Mạnh Thường Quân thanh thế quá lớn, uy hiếp địa vị của mình, liền quyết định thu hồi tướng ấn của Mạnh Thường Quân. Mạnh Thường Quân bị cách chức, đành phải trở về đất phong của mình là đất Tiết.

Lúc đó, hơn ba ngàn môn khách, phần nhiều bỏ đi, chỉ còn Phùng Huyền và một số ít người đi theo, đánh xe đưa ông đến đất Tiết. Khi xe còn cách đất Tiết hàng trăm dặm, đã thấy dân chúng đất Tiết, già trẻ dắt díu nhau ra đón. Trước tình hình đó, Mạnh Thường Quân rất xúc động, nói với Phùng Huyền: "Tình nghĩa trước kia ông mua cho tôi, bây giờ tôi mới thấy".

34- YÊN CHIÊU VƯƠNG CẦU HIỀN

Sau khi Mạnh Thường Quân bị cách chức tướng quốc, Tề Dân Vương lại liên kết Sở, Ngụy diệt được Tống, càng trở nên kiêu ngạo. Ông nuôi tham vọng thôn tính các nước để lên làm thiên tử. Do đó bị các nước chư hầu đều căm ghét, đặc biệt là nước Yên ở phía bắc, do bị chèn ép nhiều, luôn tìm cơ hội báo thù.

Nước Yên vốn cũng là một nước lớn. Sau truyền tới Yên Vương Khoái, nghe lời xui giục của kẻ xấu, muốn học theo phương pháp nhường ngôi của Nghiêu Thuấn, truyền ngôi lại cho tướng quốc Tử Chi. Các tướng nước Yên và Thái Tử Bình tiến đánh Tử Chi, nước Yên xảy ra loạn to. Nước Tề mượn danh nghĩa dẹp loạn hộ nước Yên, đem quân đánh vào, khiến Yên suyết mất nước. Sau quân dân nước Yên lập Thái Tử Bình lên ngôi vua, ra sức chống lại, đuổi được quân Tề khỏi nước Yên.

Thái Tử Bình lên ngôi, tức là Yên Chiêu Vương, nuôi hoài bão làm cho nước Yên hùng mạnh trở lại, quyết tâm chọn lựa nhân tài trị nước, nhưng vẫn chưa chọn

được người thích hợp. Có người nhắc ông là lão thần Quách Nguy rất có kiến thức, nên tìm đến vấn kế.

Yên Chiêu Vương thân tìm tới thăm Quách Nguy, và nói: "Nước Tề nhân lúc ta có nội loạn, đem quân xâm lược. Ta không thể quên mối nhục đó. Nhưng hiện nay, thế nước Yên nhỏ yếu, chưa thể báo được mối thù đó. Nếu có người hiền tài giúp ta báo thù rửa nhục, thì ta xin hết lòng nghe theo. Tiên sinh có thể tiến cử cho một người như thế không?"

Quách Nguy vuốt râu suy nghĩ một lát rồi nói: "Muốn tiến cử một nhân tài có sẵn, e rằng thần cũng không nói được. Chỉ xin kể chúa công nghe một câu chuyện". Rồi ông kể:

Thời cổ, có một nhà vua, rất thích thiên lý mã*. Có một thị thần thăm dò thấy ở nơi xa có một con thiên lý mã rất quý, liền nói với nhà vua, nếu đưa cho anh ta một ngàn lạng vàng, thì nhất định sẽ đi mua được con thiên lý mã đó.

Nhà vua cả mừng, trao cho viên thị thần một ngàn lạng vàng, để đi mua. Không ngờ người đó tới nơi, thì thiên lý mã đã ốm chết. Viên thị thần nghĩ, nếu về tay không thì sẽ khó ăn nói, liền lấy ra một nửa số tiền mang theo, mua bộ xương con ngựa đó mang về.

Thị thần dâng bộ xương ngựa lên cho nhà vua. Nhà vua nổi trận lôi đình, nói: "Ta sai người đi mua ngựa sống, ai bảo người bỏ tiền ra đi mua xương ngựa về làm gì?". Viên thị thần bình tĩnh trình bày: "Mọi người biết tin nhà vua bỏ nhiều tiền ra mua ngựa chết, thì sao lại không mang ngựa sống tới cho nhà vua?"

* Ngựa hay một ngày có thể đi được ngàn dặm.



Ông vua nửa tin nửa ngờ, nhưng không trách mắng gì viên thị thần nữa. Chuyện đó truyền đi, mọi người đều cho rằng nhà vua đó thực sự yêu quý thiên lý mã. Không tới một năm sau, quả nhiên khắp nơi mang tới khá nhiều thiên lý mã.

Kể xong, Quách Nguy nói: "Đại vương nếu thực sự muốn tìm kiếm người hiền tài, thì cứ thử làm như cách mua xương ngựa xem sao".

Nghे xong, Yên Chiêu Vương thấy sáng tỏ ra rất nhiều. Sau khi ra về, lập tức ông sai người làm một ngôi nhà thật lộng lẫy cho Quách Nguy, còn tôn Quách Nguy làm thầy. Nhân tài các nước nghe tin Yên Chiêu Vương thực lòng mến mộ người tài, đều tấp nập đến xin gặp. Trong số đó, nổi tiếng nhất là Nhạc Nghị người nước Tề. Yên Chiêu vương phong Nhạc Nghị làm á khanh, mời ông chinh đồn quốc chính, thao luyện binh mã. Quả nhiên, nước Yên ngày càng hùng mạnh.

Lúc đó, Yên Chiêu Vương thấy Tề Dã Vương kiêu ngạo ngang ngược, không được lòng người, liền nói với Nhạc Nghị "Hiện nay vua Tề vô đạo, chính là lúc ta báo thù rửa hận. Ta dự định đem toàn bộ quân dân nước Yên đánh sang Tề, khanh thấy thế nào?"

Nhạc Nghị nói: "Nước Tề đất rộng người đông, chỉ dựa vào sức của riêng nước Yên ta, sợ rằng chưa đủ. Đại vương muốn đánh Tề nhất định phải liên hợp với các nước khác".

Yên Chiêu Vương liền cử Nhạc Nghị sang nước Triệu, liên lạc với Triệu Huệ Văn Vương, phái người sang Hàn, Ngụy điều đình phối hợp, lại nhờ nước Triệu sang liên lạc với Tần. Những nước này đều không ưa thái độ bá chủ của Tề, đều đồng ý cùng góp quân với Yên.

Năm 284 trước Công nguyên, Yên Chiêu Vương phong Nhạc Nghị làm thượng tướng quân, thống soái binh mã năm nước, rầm rộ kéo sang đánh Tề.

Tề Dãn Vương nghe tin liên quân năm nước kéo sang, rất lo sợ, vội đem toàn bộ binh mã ra đối địch. Hai bên đánh nhau một trận lớn ở phía tây Tề Thủy. Do Nhạc Nghị giỏi chỉ huy, binh lính năm nước có sĩ khí cao, quân Tề bị đại bại. Tề Dãn Vương phải chạy về Lâm Tri.

Các nước Triệu, Tề, Hàn, Ngụy đánh thắng trận, mỗi nước đều chiếm mấy toà thành rồi không muốn đánh tiếp nữa. Chỉ có Nhạc Nghị không chịu thôi, tự dẫn quân đánh sâu vào đất Tề, tới tận đô thành Lâm Tri. Tề Dãn Vương phải bỏ chạy, cuối cùng bị dân Tề giết chết ở thành Cử.

Yên Chiêu Vương thấy Nhạc Nghị lập được công lớn, thân đến Tề Thủy để uỷ lạo quân đội và ban thưởng tướng sĩ, phong Nhạc Nghị làm Xương Quốc quân.

35- ĐIỀN ĐAN ĐÁNH TRẬN BẰNG TRÊU LỬA

Nhạc Nghị ra quân trong nửa năm, liên tiếp đánh chiếm được hơn bảy mươi thành trì của nước Tề cuối cùng chỉ còn lại Cử Thành (nay là huyện Cử, Sơn Đông) và Tức Mặc (nay ở Đông nam huyện Bình Độ, Sơn Đông) là hai cứ điểm đơn độc. Quan đại phu nước Tề ở Cử Thành lập con của Tề Vương lên làm vua, tức là Tề Tương Vương. Nhạc Nghị sai quân đánh thành Tức Mặc, quan đại phu giữ thành đem quân ra chống cự, bị tử trận.

Thành Tức Mặc không có chủ tướng, suýt rơi vào cảnh hỗn loạn. Lúc đó, trong thành có một người họ hàng xa với Tề Vương, tên là Điền Đan, đã từng chỉ huy quân đội. Mọi người liền tôn ông làm tướng, chỉ huy việc giữ thành. Điền Đan động cam cộng khổ cùng binh lính, đưa người trong gia đình và dòng họ mình biên chế vào đội ngũ để chống lại quân Yên. Người Tức Mặc rất khâm phục ông, nên sĩ khí tăng lên nhiều.

Nhạc Nghị vây khốn Cử Thành và Tức Mặc suốt ba năm vẫn chưa hạ được. Ở Yên, có kẻ ghen tức với Nhạc

Nghị, gièm pha với Yên Chiêu Vương: Nhạc Nghị có thể hạ được hơn bảy mươi thành trong có nửa năm, tại sao mất tới ba năm mà vẫn chưa hạ được hai thành còn lại? Không phải là ông ta không làm việc được đó, mà là có ý thu phục lòng người nước Tề, để chờ dịp tự mình sẽ làm Tề Vương.

Yên Chiêu Vương rất tin Nhạc Nghị nên trả lời: "Công lao của Nhạc Nghị to lớn không thể nói hết, cho dù ông ta có làm Tề Vương thì cũng xứng đáng. Tại sao các người lại nói những lời như thế!"

Yên Chiêu Vương còn cử người sang Lâm Tri gặp Nhạc Nghị, phong Nhạc Nghị làm Tề Vương. Nhạc Nghị hết lòng cảm kích, nhưng dứt khoát cũng không nhận tước vương. Do đó, uy tín của Nhạc Nghị ngày càng cao.

Hai năm sau, Yên Chiêu Vương mất. Thái tử lên nối ngôi, tức là Yên Huệ Vương. Điền Đan được tin đó, cho rằng thời cơ tốt đã đến, liền phái người sang Yên phao tin, nói Nhạc Nghị đã lên ngôi Tề Vương. Trước kia vì còn tiên vương (tức Yên Chiêu Vương) nên Nhạc Nghị chưa dám nhận. Nay vua mới lên rồi, Nhạc Nghị sẽ ở lại Tề làm vương. Nếu nước Yên cử một đại tướng khác sang thì nhất định sẽ hạ được Cử Thành và Túc Mặc.

Yên Huệ Vương vốn có hiềm khích với Nhạc Nghị, nghe tin đồn đó, liền cử Kỵ Kiếp sang làm đại tướng thay Nhạc Nghị. Nhạc Nghị vốn người nước Triệu, liền trở về Triệu.

Kỵ Kiếp được phong đại tướng, đến thay Nhạc Nghị, các tướng sĩ Yên không phục nhưng chỉ hậm hực không dám nói ra.



Kỵ Kiếp hạ lệnh vây chặt Tức Mặc, hết vòng này đến vòng khác. Nhưng ở trong thành Diên Đan đã chuẩn bị đầy đủ kế hoạch phản công.

Mấy hôm sau, binh tướng nước Yên thấy dân chúng đang bàn luận, có người nói: "Trước đây, Nhạc tướng quân rất tốt, bắt được tù binh còn đổi đãi tử tế, dân thường trong thành không phải sợ hãi gì cả. Nếu họ cứ đem tù binh ra cắt mũi đi, thì người nước Tề còn ai dám chống cự nữa".

Có người nói: "Phần mộ của tổ tiên chúng ta ở cả ngoài thành, nếu quân đội Yên đào cả lên, thì làm thế nào?"

Những lời bàn đó lọt vào tay Kỵ Kiếp, ông ta liền làm theo những lời đó, cắt hết mũi của tù binh, lại sai binh lính đào mồ mả của dân Tề ở ngoài thành lên.

Nhân dân trong thành Tức Mặc thấy quân Yên ngược đãi tù binh như thế thấy đều căm thù, lại thấy phần mộ của ông cha ở ngoài thành bị đào bới cả lên thì vô cùng phẫn uất, nhao nhao đòi Diên Đan cho xuất quân, quyết một trận tử chiến với quân Yên.

Diên Đan còn phái mấy người đóng vai các người giàu có trong thành, lên ra gặp Kỵ Kiếp, biếu xén tiền bạc rồi nói: "Lương thực trong thành đã hết cả, chỉ mấy hôm nữa sẽ phải đầu hàng. Khi quân đội quý quốc vào thành, xin bảo vệ cho gia đình chúng tôi".

Kỵ Kiếp phấn khởi nhận lễ vật và đồng ý với đề nghị của họ.

Vì vậy, quân Yên chỉ đợi thành Tức Mặc đầu hàng, không còn nghĩ gì đến việc chiến đấu nữa.

Diễn Đan chọn ra một ngàn con trâu, khoác vải ngũ sắc ra ngoài, vẽ thêm những hình vẽ ly kỳ cổ quái, trên từng có buộc dao nhọn, đuôi buộc bó lau tẩm dầu.

Diễn Đan còn hạ lệnh đào đường hầm dưới thành, rồi lừa trâu vào. Đến nửa đêm, nhất tề châm lửa vào đuôi trâu, làm chúng hoảng sợ theo đường hầm xông ra ngoài lao thẳng vào doanh trại quân Yên. Năm ngàn tráng sĩ cảm tử của Tề vùng đại đao và trường mâu, theo sau đàn trâu, xông vào chém giết quân Yên.

Toàn thể dân chúng trong thành từ già đến trẻ, đều trào lên mặt thành, khua gõ nổi đồng, chày đồng, hò reo trợ chiến.

Tiếng động và tiếng hò reo vang trời dậy đất làm quân Yên đang ngủ say phải choàng dậy, chỉ thấy thấp thoáng dưới ánh lửa hàng đàn quái vật hung dữ đang xông tới. Binh sĩ Yên sợ run người, không còn chiến đấu được nữa.

Không kể số binh sĩ Yên bị đàn trâu húc chết và dẫm đạp, không kể số binh sĩ Yên bị năm ngàn tráng sĩ Tề đâm chém, riêng số cuống cuống chạy trốn, dày xéo lên nhau mà chết cũng không tài nào tính xuể.

Tướng Yên là Ky Kiếp ngồi trên chiến xa, muốn mở một đường máu chạy trốn, nhưng xông được ra ngoài, lại bị quân Yên vây chặt, cuối cùng cũng chết trong đám loạn quân.

Quân Tề thừa thắng phản công. Cả nước Tề đều vùng lên hưởng ứng. Các địa phương bị quân Yên chiếm lĩnh nhất Tề nổi dậy, giết chết tướng Yên, đón quân của Diễn Đan. Chỉ trong vòng mấy tháng, quân dân Tề đã

thu phục lại hơn bảy mươi toà thành bị quân Yên và quân các nước Tần, Triệu, Hàn, Ngụy chiếm lĩnh.

Điền Đan liền đón Tế Tương Vương từ Cử Thành về Lâm Tri. Nước Tế từ tình trạng hầu như mất nước, đã được thu phục lại.

36- KHUẤT NGUYÊN TRẨM MÌNH

Nước Sở từ khi bị Tần đánh thua, luôn bị Tần úc hiếp. Sở Hoài Vương lại muốn liên hiệp với Tề. Tần Chiêu Tương Vương lên ngôi, liền viết thư cho Sở Hoài Vương, lời lẽ rất khiêm tốn, mời Sở Hoài Vương đến Vũ Quan (nay ở Đông nam huyện Đan Phượng, tỉnh Thiểm Tây) để họp và ký kết minh ước.

Sở Hoài Vương nhận được thư, thấy rất khó xử: nếu không đi thì sợ Tần mất lòng, nếu đi lại sợ nguy hiểm, liền bàn bạc với các đại thần.

Đại phu Khuất Nguyên nói với Sở Hoài Vương: "Nước Tần tàn bạo như lang sói, chúng ta bị họ úc hiếp đã nhiều lần. Nếu đại vương đến đó, nhất định sẽ bị mắc lừa".

Nhưng con của Sở Hoài Vương là công tử Tử Lan lại một mực khuyên Sở Hoài Vương nên đi, và nói: "Vì chúng ta coi nước Tần là kẻ thù, kết quả đã chết bao nhiêu người, lại mất nhiều đất đai. Nay nước Tần muốn hoà hảo với ta, tại sao ta lại từ chối họ?"

Sở Hoài Vương nghe theo lời công tử Tử Lan, liền đi sang Tần.

Quả nhiên, sự việc diễn ra như Khuất Nguyên đã dự đoán, Sở Hoài Vương vừa đến Vũ Quan, liền bị binh mã của Tần mai phục từ trước, chặn mất đường về. Trong cuộc hội kiến, Tần Chiêu Tương Vương buộc Sở Hoài Vương phải cắt nhượng đất Kiềm Trung cho Tần. Sở Hoài Vương không đồng ý, Tần Chiêu Tương Vương liền đưa Sở Hoài Vương về giam lỏng tại Hàm Dương, yêu cầu đại thần nước Sở mang đất đai đến chuộc mới thả ra.

Các đại phu nước Sở nghe tin quốc vương bị bắt, liền lập thái tử lên ngôi vua và cự tuyệt việc cắt nhượng đất đai. Đó là Sở Khoảnh Tương Vương. Công tử Tử Lan được cử làm Lệnh Doãn.

Sở Hoài Vương bị giam ở Tần hơn một năm, rất khổ sở, tìm cách trốn khỏi Hàm Dương, nhưng bị quân Tần đuổi theo bắt lại. Ông lo buồn sinh bệnh, chẳng bao lâu sau chết ở nước Tần.

Người nước Sở rất bất bình về chuyện Sở Hoài Vương bị nước Tần ức hiếp, bỏ thân ở nước ngoài. Đặc biệt là Khuất Nguyên, càng căm uất, ông khuyên Sở Khoảnh Tương Vương chiêu tập nhân tài, xa rời bọn tiểu nhân, khuyến khích tướng sĩ, thao luyện binh mã để báo thù cho đất nước và cho Sở Hoài Vương.

Nhưng những lời khuyên của ông không những không có tác dụng gì, mà lại làm cho công tử Tử Lan và Cận Thượng căm ghét. Bọn người này ngày ngày vu cáo Khuất Nguyên với Sở Khoảnh Tương Vương:



"Đại vương có nghe thấy lời kể tội của Khuất Nguyên không? Ông ta luôn nói với mọi người là đại vương đã quên mất mối thù với nước Tần, là kẻ bất hiếu, các đại thần không chủ trương chống Tần, là bất trung. Nước Sở sản sinh loại vua tôi bất hiếu bất trung đó thì làm sao mà không mất nước? Đại vương, lời lẽ gì đó thật là khi quân phạm thượng!"

Sở Khoảnh Tương Vương nổi giận, cách chức Khuất Nguyên và đày xuống vùng Tương Nam.

Khuất Nguyên ôm ấp hoài bão cứu nước cứu dân và chỉ nghĩ cách phú quốc cường dân lại bị bọn gian thần bài xích, thì uất giận điên người. Sau khi đến Tương Nam ông thường đi ven bờ sông Mịch La (nay ở Đông bắc tỉnh Hồ Nam), vừa đi vừa cất lên lời ca ai oán.

Những nông dân vùng đó biết ông là một đại thần yêu nước đều rất thương cảm. Có một ông lão đánh cá trên sông Mịch La, rất khâm phục nhân cách của Khuất Nguyên, nhưng không tán thành tình cảm sâu muện của ông.

Một lần, Khuất Nguyên gặp ông lão đánh cá đó. Ông lão nói với Khuất Nguyên: "Ngài là quan đại phu của nước Sở, tại sao lại đến nông nổi này?"

Khuất Nguyên nói: "Rất nhiều người là kẻ bán thù, chỉ có ta là người sạch sẽ. Rất nhiều người đều say khướt, chỉ có một mình ta tỉnh táo, cho nên ta bị đuổi đến đây".

Ông lão không cho thế là phải, và nói lại: "Nếu ngài đã thấy mọi người là bán thù, thì không nên giữ cho được mình thanh cao. Nếu nhiều người đều say, thì ngài cần gì phải tỉnh một mình!"

Khuất Nguyên phản đối: "Ta nghe người ta nói rằng: Người mới gội đầu, thường hay chải tóc; Người mới tắm giặt, thường hay phủ bụi trên quần áo. Ta thà nhảy xuống sông, vùi xác trong bụng cá, chứ không thể nhún tẩm thân sạch sẽ trong bùn nhơ, làm ô uế cả thân mình".

Do Khuất Nguyên không chịu trôi nổi theo thói đời, nên tới năm 278 trước Công nguyên, vào ngày mồng năm tháng năm âm lịch, ông ôm một hòn đá, nhảy xuống sông Mịch La trầm mình.

Nông dân xung quanh được tin đó, đều bơi thuyền đi tìm cứu Khuất Nguyên. Nhưng nước sông mênh mông, không tìm đâu thấy xác ông. Mọi người mò lặn suốt ngày vẫn không có tăm hơi gì.

Ông lão đánh cá rất buồn rầu, liền lấy cơm trong giỏ rắc xuống sông, coi như hiến cho linh hồn Khuất Nguyên.

Đến ngày mồng năm tháng năm năm sau, dân ven sông nhớ tới ngày Khuất Nguyên tự trầm, liền bơi thuyền rắc cơm xuống sông để tế lễ ông. Về sau, họ thay cơm bằng bánh trôi, thay thuyền thường bằng thuyền rồng. Lâu dần mãi trở thành một phong tục. Cứ đến mồng năm tháng năm âm lịch hàng năm, gọi là tết Đoan Ngọ, họ lại tiến hành tục lệ trên.

Khuất Nguyên mất đi, nhưng ông để lại một số tác phẩm thi ca ưu tú, trong đó, nổi tiếng nhất là "Ly Tao". Trong tác phẩm, ông lên án gay gắt bọn tiểu nhân bán nước, biểu lộ tình cảm yêu nước thương dân của mình, gửi gắm tình cảm vô cùng sâu đậm với mỗi gốc cây ngọn cỏ của nước Sở. Người đời sau đều công nhận Khuất

Nguyên là một nhà thơ yêu nước kiệt xuất của Trung Quốc thời cổ.

37- LAN TƯƠNG NHƯ ĐÒI NGỌC BÍCH VỀ CHO NƯỚC TRIỆU

Năm 273 trước Công nguyên, Tần Chiêu Tương Vương phái sứ giả đem quốc thư sang nước Triệu, gặp Triệu Huệ Văn Vương, nói nước Tần tình nguyện đổi mười lăm toà thành để lấy viên "ngọc bích họ Hoà" rất quý của nước Triệu, mong Triệu vương đồng ý.

Triệu Huệ Văn Vương bàn bạc với các đại thần xem có nên chấp nhận không. Nếu đồng ý chấp nhận, thì sợ bị nước Tần lừa, lấy mất ngọc mà không giao thành, nếu không chấp nhận thì sợ nước Tần nổi giận. Bàn bạc mãi, mà vẫn không sao đi tới quyết định.

Lúc đó có người tiến cử Lan Tương Như, nói ông ta là người rất có kiến thức. Triệu Huệ Văn Vương liền triệu Lan Tương Như hỏi ý.

Lan Tương Như nói: "Nước Tần mạnh, nước Triệu yếu, không thể không chấp nhận".

Triệu Huệ Văn Vương nói: "Nếu ta đưa ngọc sang, nước Tần nhận ngọc mà không giao đất thì làm thế nào?"

Lạn Tương Như nói: "Nước Tần đem mười lăm toà thành để đổi lấy một viên ngọc, cái giá đó là cao lắm rồi. Nếu nước Triệu không chấp nhận thì nước Triệu sai. Nếu đại vương cho giao ngọc mà nước Tần không giao thành thì nước Tần sai. Thà rằng ta chấp nhận, để phần sai về nước Tần."

Triệu Huệ Văn Vương nói: "Vậy phải nhờ tiên sinh đi cho một chuyến. Nhưng lỡ nước Tần không giữ lời hứa, thì làm thế nào?"

Lạn Tương Như nói: "Nếu nước Tần giao thành, thì tôi giao ngọc cho họ, nếu họ không giao thì nhất định tôi sẽ mang ngọc bích về cho nước Triệu".

Lạn Tương Như mang theo ngọc bích họ Hoà tới Hàm Dương. Tần Chiêu Tương Vương đặc ý tiếp ông trong biệt cung. Lạn Tương Như dâng ngọc lên.

Tần Chiêu Tương Vương nhận ngọc, vui mừng ngắm nghía rồi chuyển cho các đại thần tả hữu cùng xem. Các đại thần đều chúc mừng Tần Chiêu Tương Vương, Lạn Tương Như đứng chờ mãi, không thấy Tần Vương đề xuất việc đổi thành. Ông biết rằng Tần không thực lòng đổi thành lấy ngọc. Nhưng ngọc đã rơi vào tay họ, làm sao mà lấy lại được?

Ông nhanh trí, tiến lên nói với Tần Chiêu Tương Vương: "Thưa đại vương, viên ngọc này tuy là nổi tiếng, nhưng vẫn có tí vết nhỏ không dễ phát hiện thấy, xin đại vương đưa tôi chỉ cho đại vương xem".

Tần Chiêu Tương Vương tưởng thật, liền bảo người hầu trao ngọc cho Lạn Tương Như.

Lạn Tương Như cầm lấy ngọc, lùi lại mấy bước, dựa lưng vào chiếc cột lớn trợn mắt nổi giận nói: "Đại vương



phái sứ giả sang nước Triệu, nói là tình nguyện đem mười lăm toà thành đổi lấy ngọc. Triệu Vương thành thật sai tôi mang ngọc sang. Nhưng đại vương không thật lòng muốn đổi thành. Bây giờ ngọc đang ở trong tay tôi, nếu đại vương bức bách, thì tôi đành để đầu mình cùng viên ngọc đều tan nát trước cái cột này!

Nói xong, ông cầm viên ngọc làm như sắp lao đầu vào cột.

Tân Chiêu Tương Vương sợ hỏng mất viên ngọc, vội xin lỗi và nói: "Tiên sinh chớ hiểu lầm. Sao ta lại không giữ lời hứa?"

Nói rồi ông hạ lệnh mang bản đồ ra, chỉ vào khu vực mười lăm toà thành cho Lạn Tương Như xem.

Lạn Tương Như nghĩ, không nên mắc lừa ông ta một lần nữa, liền nói: "Triệu Vương trước khi sai tôi mang ngọc sang Tần, đã trai giới* trong năm ngày, rồi tiến hành một nghi lễ long trọng tại triều đình. Nếu đại vương thật lòng muốn đổi thành lấy ngọc thì cũng phải trai giới năm ngày, rồi sau đó cử hành nghi lễ nhận ngọc tại triều đình. Lúc đó, tôi sẽ xin dâng ngọc lên".

Tân Chiêu Tương Vương nghĩ, dù sao thì Lạn Tương Như cũng không chạy đi đâu được, liền nói: "Được, ta sẽ làm như thế". Rồi sai đưa phái bộ Lạn Tương Như ra nghỉ tại nhà khách.

Về đến nhà khách, Lạn Tương Như sai một tùy tùng cải trang thành người lái buôn, giấu viên ngọc trong người, rồi theo đường nhỏ lẻn về nước Triệu. Năm ngày sau, Tân Chiêu Tương Vương triệu tập các đại thần và

* ăn chay và xa nữ sắc.

sứ thần các nước trú tại Hàm Dương tới triều đình để tổ chức nghi thức nhận ngọc và triệu Lạn Tương Như tới. Lạn Tương Như ung dung lên điện, hành lễ trước Tần Vương.

Tần Chiêu Tương Vương nói: "Ta đã trai giới năm ngày. Bây giờ, người đưa viên ngọc ra".

Lạn Tương Như nói: "Nước Tần từ đời Tần Mục Công tới nay, hai mươi mấy vị quốc quân, không có ai giữ sự tín nghĩa. Tôi sợ bị lừa mất ngọc bích, mang lỗi với nước Triệu, đã cho người mang ngọc về nước, xin đại vương cứ trị tội".

Tần Vương nổi trận nổi đình nói: "Thế là người lừa ta hay ta lừa người?"

Lạn Tương Như bình tĩnh đáp: "Xin đại vương bớt giận nghe tôi trình bày. Các nước chư hầu khắp thiên hạ đều biết Tần là một nước mạnh, Triệu là một nước yếu. Chỉ có nước mạnh mới ức hiếp được nước yếu, chứ chưa từng có chuyện nước yếu ức hiếp nước mạnh bao giờ. Nếu đại vương thực lòng muốn đổi thành lấy ngọc thì xin giao mười lăm toà thành cho nước Triệu trước, sau đó phái sứ giả cùng tôi sang nước Triệu lấy ngọc về. Nước Triệu đã được mười lăm toà thành, quyết không dám không giao ngọc cho quý quốc".

Tần Chiêu Tương Vương thấy Lạn Tương Như nói năng chững chạc đàng hoàng không tiện trở mặt, đành phải nói: "Một viên ngọc chẳng qua là một viên ngọc, không nên để gây tổn thương đến hoà khí giữa hai nước".

Cuối cùng, để Lạn Tương Như trở về Triệu.

Lạn Tương Như về nước, Triệu Huệ Văn Vương cho là ông đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh, liền phong ông làm Thượng đại phu. Tần Chiêu Tương Vương vốn không thực lòng muốn đổi mười lăm toà thành lấy viên ngọc, chẳng qua chỉ muốn mượn việc này để dò xét thái độ và lực lượng của Triệu mà thôi. Do đó, sau khi Lạn Tương Như mang ngọc về nước, Tần Chiêu Tương Vương không dă động gì tới việc trao đổi nữa.

38- LIÊM PHA TỰ TRỜI NHẬN TỘI

Tần Chiêu Tương Vương quyết tâm buộc Triệu khuất phục, liên tiếp đưa quân xâm nhập biên giới Triệu, chiếm một số đất đai. Năm 279 trước Công nguyên, ông lại giở thủ đoạn khác, mời Triệu Vương tới Miễn Trì (nay ở phía Tây huyện Miễn Trì, Hà Nam) thuộc đất Tần để hội kiến. Lúc đầu, Triệu Huệ Văn Vương sợ bị bắt giữ, không muốn đi. Nhưng đại tướng Liêm Pha và Lạn Tương Như lại cho rằng nếu không nhận lời đi thì tỏ ra là mình yếu.

Cuối cùng Triệu Huệ Văn Vương đành mạo hiểm nhận lời, đem theo Lạn Tương Như cùng đi, để Liêm Pha ở nhà giúp thái tử phòng thủ đất nước.

Để đề phòng bất trắc, Triệu Huệ Văn Vương còn cử đại tướng Lý Mục đem năm ngàn quân hộ tống, và tướng quốc Bình Nguyên quân đem mấy vạn quân tiếp ứng ở biên giới.

Đến kỳ hạn, Tần Vương và Triệu Vương hội kiến ở Miễn Trì, cùng dự tiệc rượu, vui vẻ đàm đạo.

Tần Chiêu Tương Vương uống mấy cốc rượu, có ý say nói với Triệu Huệ Văn Vương: "Nghe nói nhà vua giỏi đánh đàn sắt* xin đánh một khúc để góp vui". Nói xong, bảo tả hữu đưa đàn sắt đến. Triệu Huệ Văn Vương không thể từ chối, đành miễn cưỡng dạo một khúc.

Sứ quan nước Tần liền ghi chuyện đó vào sách, và đọc lên: "Ngày... tháng... năm... Vua Tần và vua Triệu hội kiến ở Miễn Trì, vua Tần hạ lệnh cho vua Triệu đánh đàn sắt".

Triệu Huệ Văn Vương giận tím mặt. Ngay lúc đó, Lạn Tương Như bung đến một cái phễu (một thứ đồ đựng bằng gốm, có thể dùng làm nhạc cụ gõ), quì dâng lên Tần Chiêu Tương Vương, nói: "Vua Triệu nghe nói vua Tần rất giỏi chơi nhạc cụ Tần, ở đây có cái phễu, xin mời đại vương gõ mấy cái giúp vui".

Tần Chiêu Tương Vương biến sắc, không chịu làm theo.

Lạn Tương Như phần nộ nói: "Đại vương đã xúc phạm người khác thái quá. Binh lực của nước Tần tuy mạnh, nhưng chỉ trong năm bước chân, tôi có thể tưới máu mình lên người đại vương".

Tần Chiêu Tương Vương thấy khí thế của Lạn Tương Như như vậy, đành cầm dùi gõ lên cái phễu mấy cái.

Lạn Tương Như quay lại, gọi sứ quan của nước Triệu mở sách ra ghi lại sự kiện đó, nói: "Ngày... tháng... năm... Triệu Vương và Tần Vương hội kiến ở Miễn Trì, Tần Vương đã gõ phễu cho Triệu Vương nghe".

* Tên một loại đàn thời cổ, có từ 16 - 25 dây.



Các đại thần của Tần Vương thấy Lạn Tương Như dám xúc phạm Tần Vương như thế, không chịu kém, cử người đứng lên nói: "Đề nghị Triệu Vương cất mười lăm toà thành làm lễ mừng thọ Tần Vương".

Lạn Tương Như lập tức đứng dậy nói: "Đề nghị Tần Vương cất thủ đô Hàm Dương làm lễ mừng thọ Triệu Vương".

Tần Chiêu Tương Vương thấy không khí căng thẳng, lại được biết nước Triệu mang nhiều binh mã đóng gần đó, nếu sử dụng vũ lực, sợ không có lợi, liền quát các đại thần: "Hôm nay là ngày hai quốc vương cùng vui với nhau, các người không nên nói nhiều".

Cuộc hội kiến do đó kết thúc mà không xảy ra chuyện gì.

Lạn Tương Như hai lần sang Tần, giữ được quốc thể cho Triệu, lập công lớn. Triệu Huệ Văn Vương hết sức tín nhiệm Lạn Tương Như, phong ông làm Thượng khanh, địa vị ~~cao hơn~~ đại tướng Liêm Pha.

Liêm Pha không phục, nói riêng với môn khách của mình: "Ta là đại tướng của Triệu, lập bao công lao hãn mã. Lạn Tương Như thì có gì ghê gớm, mà lại vượt lên đầu ta. Hay! Ta mà gặp Lạn Tương Như, sẽ làm cho hắn ta mất mặt cho coi".

Câu nói đó tới tai Lạn Tương Như. Lạn Tương Như liền cáo bệnh không vào triều.

Một hôm, Lạn Tương Như có việc cùng môn khách ngồi xe đi ra ngoài. Thật là oan gia tương ngộ, thấy từ xa có xe ngựa của Liêm Pha rầm rập đi tới. Lạn Tương

Như vội bảo người đánh xe rẽ quặt vào một ngõ hẻm để tránh đường, để xe ngựa của Liêm Pha đi trước.

Việc đó khiến các môn khách của Lạn Tương Như rất bức bối. Họ đều trách Lạn Tương Như về hành động hèn nhát đó.

Lạn Tương Như hỏi họ: "Các ông xem, giữa tướng quân Liêm Pha và Tần Vương thì ai có thế lực lớn hơn?".

Mọi người đều nói: "Tất nhiên là Tần Vương có thế lực lớn hơn".

Lạn Tương Như nói: "Đúng như vậy. Chư hầu trong thiên hạ đều sợ Tần Vương. Thế mà ta dám trực diện trách mắng ông ta để bảo vệ nước Triệu. Tại sao ta lại sợ tướng quân Liêm Pha? Bởi vì ta nghĩ rằng, nước Tần lớn mạnh không dám xâm phạm nước Triệu, bởi vì có ta và tướng quân Liêm Pha. Nếu hai người chúng ta bất hoà, nước Tần biết tin, sẽ nhân cơ hội lại xâm phạm nước Triệu. Chính vì điều đó mà ta phải nhún nhường".

Có người đem lời đó nói lại cho Liêm Pha. Liêm Pha rất hổ thẹn, liền để mình trần, quấn dây gai, tới nhà Lạn Tương Như nhận tội. Ông nói với Lạn Tương Như: "Tôi là một kẻ thô lỗ, thiếu kiến thức, bụng dạ hẹp hòi. Ngờ đâu lại được ngài đối xử rộng lượng như vậy. Tôi rất lấy làm hổ thẹn, xin tình nguyện chịu sự trách phạt của ngài".

Lạn Tương Như vội đỡ Liêm Pha dậy, nói: "Hai chúng ta đều là đại thần của nước Triệu. Tướng quân đã thông cảm, tôi muôn phần cảm kích, đâu dám nhận lễ của tướng quân nữa".

Hai người đều cảm động rơi nước mắt. Từ đó, họ trở thành bạn bè thân thiết.

Trong lịch sử và văn học Trung Quốc, người ta gọi điển tích đó là "Tướng tướng hoà" (Tướng võ và tướng văn hoà hợp, đoàn kết với nhau).

39- KẾ VIÊN GIAO CẬN CÔNG CỦA PHẠM THƯ

Lạc Tương Như và Liêm Pha đồng tâm hiệp lực bảo vệ nước Triệu, quả nhiên nước Tần không dám xâm phạm Triệu nữa. Nhưng Tần lại chiếm được nhiều đất đai của nước Sở và Ngụy. Lúc đó, thực quyền của nước Tần nằm trong tay Thái hậu và người anh em của bà là Nhượng hầu Ngụy Nhiễm.

Năm 270 trước Công nguyên, Nhượng hầu cử quân đi đánh nước Tề.

Chính vào lúc đó, Tần Chiêu Tương Vương nhận được một bức thư, ký tên là Trương Lộc, nói có việc quan trọng xin vào yết kiến.

Trương Lộc nguyên là người nước Ngụy, tên là Phạm Thư*, vốn là môn khách của Tu Giả, đại phu nước Ngụy. Có lần, Tu Giả đem theo Phạm Thư đi sứ nước Tề. Tề Tương Vương nghe nói Phạm Thư rất có tài,

* Còn viết là Phạm Tuy, hai chữ Thư và Tuy, chữ Hán viết gần giống nhau.

ngầm cử người đến gặp Phạm Thư, tặng lễ vật rất hậu, Phạm Thư kiên quyết chối từ.

Vì việc đó, Tu Giả ngờ Phạm Thư tư thông với Tề. Khi về đến Ngụy, liền cáo giác với tướng quốc Ngụy Tề. Ngụy Tề dùng hình phạt nặng nề để tra khảo, đánh Phạm Thư đến tơi tả, gãy mấy cái xương và rụng hai răng cửa. Cuối cùng Ngụy Tề sai người bó Phạm Thư vào một chiếc chiếu, vất ra nhà xí. Tối đêm khuya, Phạm Thư tỉnh lại, thấy một lính gác đứng canh, liền khẩn cầu anh ta giúp đỡ. Người lính đó lén thả Phạm Thư ra và báo với Ngụy Tề rằng Phạm Thư đã chết.

Sợ Ngụy Tề truy bắt, Phạm Thư thay đổi tên họ, thành Trương Lộc.

Lúc đó, vừa đúng dịp có sứ giả của Tần sang Ngụy. Phạm Thư lên gặp sứ giả, xin mang mình về Tần.

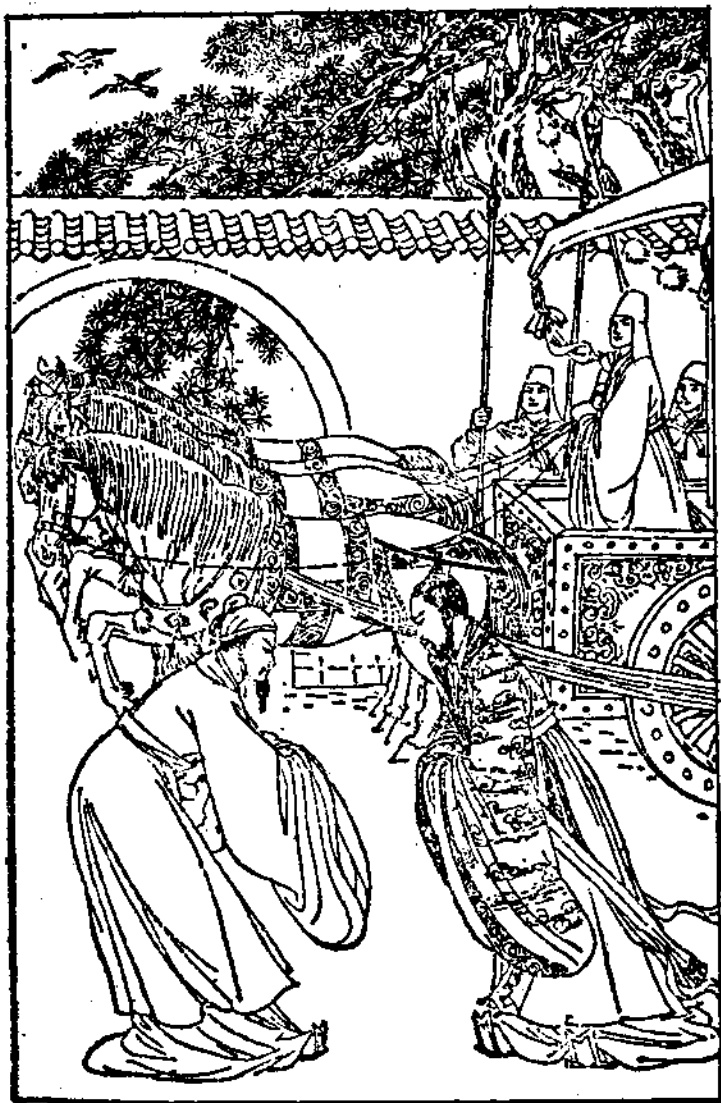
Phạm Thư đến nước Tần, dâng thư lên Tần Chiêu Tương Vương. Chiêu Tương Vương hẹn ngày, tiếp ông ở Ly cung.

Đến ngày đi gặp, Phạm Thư gặp Tần Chiêu Tương Vương đang đi xe trên đường tới Ly cung. Phạm Thư cố tình làm ra vẻ không biết Tần Chiêu Tương Vương, không tránh ra bên đường.

Quân hầu lớn tiếng la hét: "Đại vương tới!"

Phạm Thư cười nhạt nói: "Cái gì, nước Tần còn có đại vương sao?"

Đang lúc cãi cọ thì Tần Chiêu Tương Vương tới, thấy Phạm Thư còn đang lớn tiếng: "Tôi chỉ nghe nói nước Tần có Thái hậu và Nhưưng hầu, chứ làm gì có đại vương nào?"



Câu nói chọc đúng vào nỗi niềm tâm sự của Tần Vương. Ông ta vội mời Phạm Thư tới Ly cung, đuổi tả hữu ra ngoài, một mình tiếp Phạm Thư.

Tần Chiêu Tương Vương nói: "Ta thành khẩn xin tiên sinh chỉ giáo. Bất kể là liên quan đến ai, trên từ Thái Hậu, dưới tới bách quan trong triều, xin tiên sinh cứ nói thẳng".

Phạm Thư được lời, liền bắt đầu trình bày ý kiến của mình: "Nước Tần đất rộng người đông, sĩ tốt dũng mãnh. Việc thống trị chư hầu không mấy khó khăn, thế mà mười lăm năm nay không thu được thành tựu gì. Điều đó không thể nói là tướng quốc (tức Nhượng hầu) không hết lòng làm việc, mà do đại vương cũng có chỗ thất sách".

Chiêu Tương Vương vội hỏi: "Tiên sinh nói ta thất sách ở chỗ nào?"

Phạm Thư nói: "Nước Tề cách nước Tần rất xa, ở giữa còn có nước Hàn và nước Ngụy, đại vương đem quân đi đánh Tề, giả thử đánh bại được Tề một cách thuận lợi, thì cũng không có cách gì nối liền Tề với Tần. Tôi trộm nghĩ thay cho đại vương, biện pháp tốt nhất là viễn giao cận công (giao hảo với nước ở xa, đánh nước ở gần), đối với nước Tề ở xa nên tạm thời giao thiệp bình thường, và trước hết nên đánh chiếm những nước lân cận, như vậy thì có thể mở rộng được đất đai của Tần, chiếm được một tấc là của ta một tấc, chiếm được một thước là của ta một thước. Cứ dần dần như thế, mà thôn tính hai nước Hàn, Ngụy. Đến lúc đó thì nước Tề cũng không thể giữ được nữa".

Tần Chiêu Tương Vương gật đầu khen phải: "Đúng, đúng! Nước Tần muốn đánh bại được sáu nước, thống

nhất Trung nguyên hoàn toàn phải dựa vào kế sách viễn giao cận công của tiên sinh".

Lập tức, Tần Chiêu Tương Vương phong Phạm Thư làm khách khanh và theo kế sách đó, lấy Hàn, Ngụy làm mục tiêu tiến công chủ yếu.

Qua mấy năm, Tần Chiêu Tương Vương bãi chức tướng quốc của Nhượng hầu và không để Thái hậu tham dự triều chính nữa, đồng thời chính thức phong Phạm Thư làm thừa tướng.

Ngụy Vương bị nước Tần uy hiếp thì rất sợ hãi. Tướng quốc Ngụy Tề nghe nói thừa tướng nước Tần là người nước Ngụy, liền phái Tu Giả sang Tần cầu hoà.

Phạm Thư nghe tin Tu Giả sang nước Tần, liền ăn mặc quần áo rách rưới, đến nhà khách gặp Tu Giả.

Tu Giả thấy Phạm Thư còn sống, giật nảy mình, liền hỏi: "Hiện nay, ông làm gì?"

Phạm Thư nói: "Tôi ở đây làm những việc vặt do người ta sai phái".

Tu Giả thấy Phạm Thư ăn mặc phong phanh, rết run lập cập, liền đưa cho Phạm Thư một chiếc áo lụa dài và giữ lại cùng ăn cơm với mình.

Tu Giả nói: "Nghe nói Tần Vương hết sức trọng dụng thừa tướng Trương Lộc tôi rất muốn được gặp ông ta, không biết có ai dẫn giúp cho không?"

Phạm Thư nói: "Ông chủ của tôi rất gần gũi thừa tướng. Đại phu muốn gặp thừa tướng, tôi xin giúp ngài".

Phạm Thu dẫn Tu Giả đến cửa phủ Thừa tướng, rồi nói: "Đại phu đợi ở đây, tôi xin vào báo".

Không lâu sau, thấy bên trong truyền lệnh: Thừa tướng đã thẳng đường, cho Tu Giả vào. Tu Giả hỏi người canh cửa: "Ông Phạm vừa đi với tôi tới đây, sao không thấy ra?"

Người canh cửa nói: "Ông Phạm nào? Người vừa rồi chính là Thừa tướng đó".

Tu Giả biết thừa tướng Trương Lộc chính là Phạm Thu, thì sợ toát mồ hôi. Ông bước vào phủ thừa tướng, quì xuống, bò đến trước mặt Phạm Thu, liên tục đập đầu xuống đất nói: "Tu Giả tôi thật là kẻ có mắt không người, thật đắc tội với Thừa tướng, xin Thừa tướng trị tội".

Phạm Thu quả trách Tu Giả một trận nặng nề, rồi nói: "Hôm nay người gặp ta, còn cho ta áo, coi như còn chút tình người. Vì điều đó, ta tha mạng cho người". Sau đó, liền bảo Tu Giả về nước, nói với Ngụy Vương, yêu cầu Ngụy Vương giết Ngụy Tề thì Tần mới cho phép Ngụy cắt đất xin hoà.

Tu Giả về Ngụy, báo cáo với Ngụy Vương về lời của Phạm Thu. Ngụy Vương tình nguyện cắt đất xin hoà. Ngụy Tề không còn cách nào khác, đành tự sát. Nước Ngụy xin hoà, Tần theo kế sách viễn giao cận công của Phạm Thu, bắt đầu tiến đánh nước Hàn.

40- TRIỆU QUÁT CHỈ GIỎI ĐÁNH GIẶC MỒM

Năm 262 trước Công nguyên, Tần Chiêu Tương Vương phái đại tướng Bạch Khởi tiến công nước Hàn, chiếm đất Dã Vương (nay là Tầm Dương, Hà Nam), cắt đứt liên hệ giữa quận Thượng Đảng (trị sở nay ở Trường Trị, Sơn Tây) với thủ đô Hàn. Tình hình Thượng Đảng rất nguy cấp, các tướng lĩnh của Hàn ở Thượng Đảng không muốn đầu hàng Tần, liền phái người đem dâng địa đồ Thượng Đảng cho Triệu.

Triệu Hiếu Thành Vương (con của Triệu Huệ Văn Vương) cử quân tiếp thu Thượng Đảng. Hai năm sau, nước Tần lại phái Vương Hột vây chặt Thượng Đảng. Triệu Hiếu Thành Vương nghe tin, liền cử Liêm Pha mang hai mươi vạn quân cứu Thượng Đảng. Họ mới đến Trường Bình (nay ở tây bắc huyện Cao Bình Sơn Tây) thì Thượng Đảng đã bị Tần chiếm mất.

Vương Hột còn muốn tiến công Trường Bình. Liêm Pha vội bố trí phòng thủ, sai binh sĩ xây đắp thành lũy, đào hào sâu để cầm cự với quân Tần từ xa tới, chuẩn bị phòng ngự lâu dài.

Vương Hột nhiều lần khiêu chiến, nhưng Liêm Pha trước sau đều không chịu ra đánh. Vương Hột không có cách gì, đành phái người về báo cáo với Tần Vương: "Liêm Pha là một lão tướng có nhiều kinh nghiệm, không khinh suất giao chiến. Quân ta từ xa tới, nếu ở lâu, sợ rằng lương thực tiếp tế không nổi. Không biết làm thế nào".

Tần Chiêu Tương Vương hỏi ý kiến Phạm Thư. Phạm Thư nói: "Muốn đánh bại nước Triệu, trước hết phải làm cho Triệu điều Liêm Pha về".

Tần Chiêu Tương Vương nói: "Làm thế nào thực hiện được điều đó?"

Phạm Thư nói: "Để thần nghĩ kế".

Mấy ngày sau, Triệu Hiếu Thành Vương thấy tả hữu xì xầm: "Nước Tần chỉ sợ Triệu Quát là người trẻ tuổi hăng hái chỉ huy quân đội. Chứ Liêm Pha già cả chẳng làm được gì, xem ra sắp phải đầu hàng rồi".

Triệu Quát là con của danh tướng Triệu Xa trước kia, từ nhỏ đã thích học binh pháp, nói đến chuyện đánh trận thì đầu ra đó, tự cho mình là giỏi nhất thiên hạ, coi cả cha là Triệu Xa cũng không ra gì.

Triệu Vương nghe tả hữu bàn luận, liền gọi Triệu Quát tới, hỏi xem có thể đánh lui quân Tần không. Triệu Quát nói: "Nếu nước Tần cử Bạch Khởi, thì thần còn phải nghĩ cách đối phó. Chứ như Vương Hột hiện nay, chẳng qua chỉ là loại đối thủ của Liêm Pha. Còn đối với thần, việc đánh bại hắn không có khó khăn gì".

Triệu Vương rất mừng, liền phong Triệu Quát làm đại tướng, ra thay thế Liêm Pha.



Lạn Tương Như nói với Triệu Vương: "Triệu Quát chỉ biết đọc binh thư của cha, không biết ứng biến khi lâm trận, không thể cử anh ta làm đại tướng". Nhưng Triệu Vương không nghe theo lời khuyên đó.

Mẹ của Triệu Quát cũng dâng lên Triệu Vương một sớ tâu, xin Triệu Vương đừng cử con mình làm tướng. Triệu Vương mời bà đến hỏi lý do tại sao. Triệu mẫu nói: "Cha nó trước khi mất, có dặn đi dặn lại tôi rằng: "Thằng Triệu Quát coi việc dùng binh đánh trận như trò chơi, nói tới binh pháp thì trên trời dưới biển, mục hạ vô nhân. Sau này, nếu đại vương không sử dụng nó thì tốt, nếu dùng nó làm đại tướng, e rằng quân Triệu sẽ vì nó mà bị tiêu diệt". Vì vậy, tôi khẩn cầu đại vương muôn ngàn lần, xin chớ cho nó làm đại tướng".

Triệu Vương nói: "Ta đã quyết định rồi. Bà không phải nói nhiều nữa".

Năm 260 trước Công nguyên, Triệu Quát dẫn hai mươi vạn quân tới Trường Bình, đòi Liêm Pha trao lại binh quyền. Liêm Pha chuyển giao lại quyền chỉ huy, rồi trở về Hàm Đan.

Triệu Quát thống lĩnh bốn mươi vạn đại quân, thanh thế lừng lẫy. Quát phế bỏ mọi chế độ qui định của Liêm Pha, hạ lệnh cho tướng sĩ: "Nếu quân Tần đến đánh thì lập tức nghinh chiến. Nếu quân địch thua chạy, phải lập tức đuổi theo, chưa đánh cho chúng không còn mảnh giáp thì chưa thôi".

Phạm Thư nghe tin Triệu đã thay Liêm Pha, biết rằng kế phản gián của mình đã thành công, liền bí mật cử Bạch Khởi làm thượng tướng quân, sang chỉ huy quân Tần. Bạch Khởi tới Trường Bình, bố trí mai phục, cố ý đánh thua mấy trận. Triệu Quát không biết đó là

kế của quân Tần, cứ liều mạng đuổi theo. Bạch Khởi như quân Triệu đến nơi bố trí sẵn phục binh, cử hai vạn rưỡi quân tinh nhuệ cắt đứt đường lui của quân Triệu, ngoài ra còn cử năm nghìn kỵ binh xông vào trại quân Triệu, chia cắt bốn mươi vạn quân Triệu làm hai bộ phận. Lúc đó Triệu Quát mới biết quân Tần lợi hại, đành xây thành đắp lũy cố thủ, chờ viện binh tới cứu. Nước Tần lại phái quân chặn đường quân cứu viện và đường tải lương của quân Triệu.

Quân của Triệu Quát hết lương thảo, lại không có viện binh, giữ được hơn bốn mươi ngày, quân lính đều kêu khổ, không còn lòng dạ nào chiến đấu nữa. Triệu Quát dẫn quân xông xáo phá vây, bị tên bắn dày đặc của quân Tần, bắn chết. Quân Triệu thấy chủ tướng bị giết, liền đua nhau vứt bỏ vũ khí đầu hàng. Bốn mươi vạn quân Triệu dưới sự chỉ huy của Triệu Quát, kẻ chỉ giỏi đánh giặc mồm, cuối cùng đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

41- MAO TOẠI TỰ TIẾN CỬ

Đại quân của Tần đánh phá thủ đô Hàm Đan của Triệu. Tuy nước Triệu cố sức chống giữ, nhưng vì sau thảm bại ở Trường Bình, không còn đủ lực lượng nữa. Triệu Hiếu Thành Vương cử Bình Nguyên quân Triệu Thắng sang cầu cứu nước Sở. Bình Nguyên quân là tướng quốc nước Triệu, lại là chú của Triệu Vương. Ông quyết tâm thân hành sang nước Sở để đàm phán với Sở Vương về vấn đề liên hợp chống Tần.

Bình Nguyên quân dự định đem theo hai mươi người tài kiêm văn võ cùng đi sang Sở. Nhưng trong số ba ngàn môn khách, chọn ra những người tài kiêm văn võ cũng không phải chuyện dễ. Vì vậy, ông cân nhắc mãi, mới chọn được mười chín người, còn một người nữa, mãi vẫn chưa tìm ra.

Trong lúc sốt ruột, có một môn khách ngồi ở hàng ghế cuối đứng lên, nói: "Có thể lấy tôi cho đủ số không?"

Bình Nguyên quân kinh ngạc hỏi: "Tiên sinh tên là gì? Đến nhà tôi đã lâu chưa?"

Môn khách đó nói: "Tôi tên là Mao Toại, tới đây đã ba năm rồi".

Bình Nguyên quân lắc đầu, nói: "Những người có tài năng, sống ở trên đời, giống như một cái dùi để trong túi, mũi nhọn sẽ nhanh chóng đâm thò ra. Thế mà tiên sinh tới đây đã ba năm, tôi chưa từng nghe nói tiên sinh có tài năng gì".

Mao Toại nói: "Bởi vì cho tới hôm nay tôi mới đề nghị ngài xem cái dùi đó. Nếu ngài sớm bỏ nó vào trong túi, thì nó không chỉ thò ra có cái mũi nhọn, mà thò ra toàn bộ".

Mọi người đều cho là Mao Toại nói khoác, ai cũng cười giễu ông ta. Song Bình Nguyên quân lại thích thú trước sự gan dạ và tài ăn nói của Mao Toại, liền chấp nhận ông làm người thứ hai mươi, và ngay hôm đó, từ biệt Triệu Vương, dẫn sứ đoàn sang Sở.

Bình Nguyên quân và Sở Uy Liệt Vương bàn bạc về vấn đề hợp tung chống Tần tại triều đình nước Sở. Mao Toại và mười chín môn khách khác chờ đợi dưới thêm. Cuộc đàm phán diễn ra suốt từ sáng sớm đến giữa trưa, Bình Nguyên quân cố gắng thuyết phục Sở Vương, nói đến khô cả cổ mà Sở Vương trước sau vẫn không chịu nhận đưa quân sang chống Tần.

Mọi người chờ đợi dưới thêm đã hết sức nôn nóng, nhưng không ai biết nên làm thế nào. Có người nhớ tới lời Mao Toại nói với Bình Nguyên quân trước lúc ra đi, liền bảo nhỏ Mao Toại: "Mao tiên sinh, xem cái mũi dùi của tiên sinh thế nào!"

Mao Toại ung dung, xách bảo kiếm, bước lên bậc thêm, nói lớn: "Có hợp tung hay không, chỉ vài ba câu là



có thể giải quyết. Có sao suốt từ sớm đến giờ, mặt trời đã đứng bóng, mà vẫn chưa xong là làm sao?"

Sở Vương ngạc nhiên, hỏi Bình Nguyên quân: "Người này là ai?"

Bình Nguyên quân nói: "Là Mao Toại, môn khách của tôi".

Sở Vương nghe nói chỉ là môn khách, lại càng nổi giận, mắng Mao Toại: "Ta và chủ người thương lượng quốc gia đại sự, đâu có phần người nhúng mồm vào? mau rút xuống ngay!"

Mao Toại chống bảo kiếm, nhảy lên một bước, nói: "Ngài không được cậy thế ức hiếp người. Chủ tôi đang ngồi đây. Sao ngài có thể quát mắng tôi như vậy?"

Sở Vương thấy Mao Toại cầm kiếm, và giọng nói rất gay gắt, thì hơi sợ, liền đổi nét mặt hoà nhã nói: "Vậy tiên sinh có gì cao kiến, xin nói đi".

Mao Toại nói: "Nước Sở có năm ngàn dặm đất đai, một trăm vạn tướng sĩ, vốn là một nước lớn vào hàng bá chủ. Ngờ đâu nước Tần mới nổi lên, Sở đã luôn luôn thua trận, thậm chí đường đường một vị quốc quân cũng bị chúng bắt làm tù binh, phải chết ở nước Tần. Đó là một nỗi sỉ nhục lớn cho nước Sở. Bạch Khởi của Tần, chẳng qua chỉ là một kẻ thất phu không có gì đáng kể, thế mà hắn đem mấy vạn quân, đánh một trận đã chiếm được Ảnh đô của nước Sở, buộc đại vương phải dời đô. Nổi nhục nhã đó, ngay người nước Triệu chúng tôi cũng hổ thẹn thay cho đại vương. Ngờ đâu, đại vương lại không có ý gì rửa nhục cả. Nói thực, việc hợp tung

mà chủ tôi bàn với đại vương hôm nay, chủ yếu là vì nước Sở, chứ không chỉ vì nước Triệu chúng tôi.

Lời Mao Toại, đúng như một mũi dùi, từng câu từng câu làm đau lòng vua Sở. Ông ta bất giác đỏ bừng mặt, nói liên tiếp: "Đúng! Đúng!"

Mao Toại nắm ngay lấy, nói: "Vậy đại vương quyết định hợp tung chứ?"

Sở Vương nói: "Quyết định rồi".

Mao Toại quay đầu lại, gọi người hầu của Sở, lập tức mang máu gà, chó, ngựa lại. Ông bưng chậu đồng đựng máu, quì dâng lên Sở Vương nói: "Đại Vương là tung ước trưởng của hợp tung, xin quệt máu thề" (quệt máu xung quanh miệng là một nghi thức thời xưa khi ký kết minh ước để biểu lộ sự thành tâm).

Sở Vương quệt máu xong, đến lượt Bình Nguyên quân và Mao Toại lần lượt quệt.

Sau khi ký kết liên minh, Sở Khảo liệt Vương liền phái Xuân Thân quân Hoàng Yết làm đại tướng, dẫn tám vạn quân sang cứu nước Triệu.

42- TÍN LĂNG QUÂN CỨU TRIỆU

Cùng lúc nước Sở phái quân sang cứu Triệu, thì nước Ngụy cũng nhận được thư cầu viện của Triệu. Ngụy An Hy Vương liền phái đại tướng Tấn Bì mang quân sang cứu.

Tần Chiêu Tương Vương nghe tin hai nước Sở, Ngụy đều đưa quân tới tăng viện, liền thân đến Hàm Đan đốc chiến. Đồng thời, cử sứ giả sang nói với Ngụy An Hy vương: "Hàm Đan sớm muộn sẽ bị hạ. Ai dám đến cứu thì diệt xong Triệu, Tần sẽ đánh nước đó". An Hy Vương hoảng sợ, vội cử người đuổi theo, bảo Tấn Bì dừng quân lại, không tiến binh nữa. Tấn Bì liền cho dừng mười vạn đại quân tại Nghiệp Thành, án binh bất động.

Nước Triệu cử sứ giả sang Ngụy thúc giục tiến quân. Ngụy An Hy Vương nghĩ nếu tiến quân thì sợ đắc tội với Tần, nếu không tiến quân thì mất lòng nước Triệu, nên vẫn dửng dưng chưa quyết. Triệu Hiếu Thành Vương rất nôn nóng, liền bảo Bình Nguyên quân viết thư cầu viện gửi cho Tín Lăng quân Ngụy Vô Kỵ, vì vợ của Bình

Nguyên quân là chị của Tín Lãng quân, hai nhà có quan hệ anh rể em vợ.

Tín Lãng quân được thư, nhiều lần xin An Hy Vương hạ lệnh cho Tấn Bĩ tiến quân, nhưng An Hy Vương vẫn không chịu nghe theo. Tín Lãng quân không có cách gì, liền nói với các môn khách: "Đại Vương không chịu tiến quân, ta quyết định tự mình sang Triệu, để cùng chết với họ".

Nhiều môn khách tình nguyện cùng đi theo Tín Lãng quân.

Tín Lãng quân có một người bạn hơn tuổi mà ông rất kính trọng, tên là Hầu Doanh. Ông đến từ biệt. Hầu Doanh nói: "Các vị sang Triệu đánh quân Tấn, có khác gì ném thịt béo trước miệng hổ đói, chẳng phải là chỉ chết uống mạng sao?"

Tín Lãng quân than thở: "Tôi biết làm như thế cũng chẳng có tác dụng gì. Nhưng không còn biện pháp nào nữa".

Hầu Doanh đuổi mọi người trong nhà lui ra, rồi hỏi: "Trong cung của đại vương có một sủng phi là Như Cơ, có phải không?"

Tín Lãng quân trả lời: "Đúng! "

Hầu Doanh lại nói: "Nghe nói binh phù* thường để trong phòng ngủ của đại vương, chỉ có Như Cơ có thể

* Một vật làm tin của vua chúa dùng để chỉ huy quân đội, gồm hai nửa ghép khít vào nhau. Khi cử tướng đem quân đi, nhà vua trao cho một nửa, còn giữ lại một nửa. Khi muốn thay tướng khác, nhà vua trao cho người đó nửa còn lại. Khi đến gặp nhau, ghép hai nửa lại, thấy khớp, thì



lấy được. Trước kia Như Cơ có người cha bị kẻ khác giết hại. Nàng đã xin đại vương giúp nàng tìm kẻ thù, nhưng tìm suốt ba năm không được. Cuối cùng, chính công tử* đã sai môn khách đi tìm được kẻ thù cho nàng. Vì việc đó Như Cơ vô cùng biết ơn công tử. Nay nếu công tử nhờ Như Cơ lấy trộm binh phù thì nhất định nàng sẽ đồng ý. Công tử cầm binh phù đến tiếp thụ quân đội của Tấn Bì, sang cứu nước Triệu thì có phải hơn là tay không sang chết uống hay sao?"

Tín Lãng quân nghe nói, như nằm mơ chợt tỉnh, vội cử người đến bàn với Như Cơ, nàng lập tức nhận lời. Nửa đêm đó, nhân lúc Ngụy Vương ngủ say. Như Cơ liền lấy trộm binh phù rồi cử người tin cẩn đưa ngay đến cho Tín Lãng quân.

Tín Lãng quân có được binh phù, lại đến từ biệt Hầu Doanh. Hầu Doanh nói: "Tướng ở ngoài, có lúc có thể không tuân theo mệnh vua. Vạn nhất Tấn Bì nhận binh phù mà vẫn không trao lại binh quyền, thì công tử làm thế nào?"

Tín Lãng quân ngó người, không biết trả lời ra sao.

Hầu Doanh nói: "Tôi đã suy xét mọi việc giúp công tử. Anh bạn Chu Hối của tôi là một đại lực sĩ nhất nhì nước Ngụy. Công tử có thể đem anh ta theo. Đến lúc đó,

người chỉ huy cũ phải trao lại quyền chỉ huy cho người mới đến. Hiện Tấn Bì ở ngoài, đang giữ một nửa binh phù. Hầu Doanh muốn nói tới nửa còn lại do An Hy Vương giữ.

* Tức Tín Lãng quân.

nếu Tấn Bĩ chịu vui vẻ trao lại binh quyền thì thôi, nếu ông ta ngăn trở, thì để Chu Hối xử lý".

Tín Lăng quân cùng Chu Hối và các môn khách đến Nghiệp Thành gặp Tấn Bĩ, giả truyền mệnh lệnh của Ngụy Vương, yêu cầu Tấn Bĩ trao lại binh quyền. Tấn Bĩ ghép binh phù, thấy đúng, nhưng vẫn còn chút hoài nghi, nói: "Đây là việc quân cơ đại sự, để tôi tâu lại đại vương, rồi mới có thể làm theo".

Tấn Bĩ chưa nói xong, thì Chu Hối đứng cạnh Tín Lăng quân đã thét lớn: "Mày không nghe theo mệnh lệnh của đại vương, định làm phản sao?"

Không đợi Tấn Bĩ phân trần, Chu Hối đã rút từ ống tay áo ra một chiếc dùi sắt nặng bốn mươi cân, nện mạnh vào đầu Tấn Bĩ, kết thúc tính mạng ông ta.

Tín Lăng quân cầm binh phù, hạ lệnh cho binh sĩ: "Nếu cha con cùng ở trong quân, thì cho người cha trở về, nếu anh em cùng ở trong quân, thì cho người anh trở về, nếu là con một không có anh em, cũng cho trở về nuôi nấng cha mẹ. Số còn lại, theo ta sang cứu nước Triệu".

Cuối cùng, Tín Lăng quân có tám vạn tinh binh, tiến sang cứu Hàm Đan. Ông tự dẫn đầu tướng sĩ xông vào trại quân Tần chém giết. Tướng Tần Vương Hột không thể phòng quân Ngụy tiến công, vội cuống cuống chống trả, nhưng không cầm cự nổi.

Bình Nguyên quân ở trong thành thấy quân Ngụy đến cứu, liền dẫn quân Triệu mở cửa thành xông ra, hai bên ép lại, đánh cho quân Tần tơi tả.

Rất nhiều năm nay, chưa bao giờ nước Tần bị thảm bại như vậy. Vương Hột dẫn tàn quân rút chạy, còn để

lại hơn hai vạn quân bị quân Triệu vây chặt, phải đầu hàng.

Tín Lăng quân cứu được Hàm Đan, bảo toàn được nước Triệu, Triệu Hiếu Thành Vương và Bình Nguyên quân vô cùng cảm kích, thân ra ngoài thành tiếp đón Tín Lăng quân.

Xuân Thân quân nước Sở dẫn quân sang cứu Triệu, còn trông ngóng ở Vũ Quan, nghe tin quân Tần đã bị thua, thành Hàm Đan đã được giải vây, liền dẫn quân quay về Sở.

43- LÝ TƯ CAN VIỆC ĐUỔI KHÁCH

Nước Tần tuy bị thua một trận lớn ở Hàm Đan, nhưng thực lực còn rất mạnh. Năm sau (256 trước Công nguyên), lại đem quân đánh thắng hai nước Hàn, Triệu. Sau đó, quyết diệt luôn vương triều Chu đến lúc đó chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa. Sau khi Tần Chiêu Tương Vương chết, con là Tần Trang Tương Vương lên nối ngôi được ba năm cũng chết. Thái tử Doanh Chính mới 13 tuổi lên ngôi. Lúc đó, đại quyền trong triều nằm trong tay tướng quốc Lã Bất Vi.

Lã Bất Vi vốn là một phú thương ở đất Dương Dịch (nay là huyện Vũ tỉnh Hà Nam) vì giúp Trang Tương Vương giành được ngôi vua nên được phong tướng quốc. Sau khi làm tướng quốc, ông ta học theo lối Mạnh Thường Quân, chiêu tập rất nhiều môn khách, trong đó nhiều người từ các nước tới.

Thời kỳ Chiến Quốc có rất nhiều học phái đua nhau viết sách, đưa ra học thuyết, lịch sử gọi hiện tượng đó là "trăm nhà đua tiếng". Bản thân Lã Bất Vi không viết được sách, ông ta tổ chức các môn khách biên soạn một

bộ sách, gọi là "Lã thị Xuân thu". Sách viết xong, Lã Bất Vi cho treo trên cổng thành Hàm Dương, dán thông cáo, nói ai có thể đề xuất ý kiến, dù chỉ thêm bớt một chữ, cũng thưởng một ngàn lạng vàng. Do đó, danh tiếng của ông ta lại càng lừng lẫy.

Tần Vương Doanh Chính mỗi ngày một trưởng thành. Năm nhà vua 22 tuổi, trong cung xảy ra một vụ phản loạn, liên quan tới Lã Bất Vi. Tần Vương cảm thấy còn để Lã Bất Vi sẽ gây trở ngại, liền miễn chức ông ta. Sau lại thấy Lã Bất Vi có thế lực lớn, liền buộc ông ta tự sát.

Lã Bất Vi chết, một số quý tộc và đại thần nước Tần đua nhau bình luận, cho rằng những người nước khác đến Tần đều vì nước của họ, có người có thể còn là gián điệp nữa. Tất cả đều xin Tần Vương đuổi hết người nước ngoài ra khỏi Tần.

Tần Vương Doanh Chính nghe theo, liền ra lệnh đuổi khách, qui định mọi quan chức dù lớn hay nhỏ, nếu không phải là người nước Tần, đều phải rời khỏi Tần.

Có một khách khanh từ Sở tới, tên là Lý Tư, vốn là học trò của Tuân Huống một đại biểu nổi tiếng của học phái Nho gia. Ông đến Tần, được Lã Bất Vi lưu lại làm khách khanh. Lúc này Lý Tư cũng nằm trong số người bị đuổi, trong lòng cảm thấy rất không hợp lý. Trước khi rời Hàm Dương, ông ta dâng lên vua Tần một số tấu can ngăn.

Trong số tấu, Lý Tư viết: "Trước kia, Tần Mục Công sử dụng Bách Lý Hề, Kiển Thúc nên nước Tần làm được bá chủ; Tần Hiếu Công sử dụng Thương Ưởng thay đổi pháp luật khiến cho nước Tần giàu mạnh; Huệ Văn Vương sử dụng Trương Nghi, đã phá vỡ được liên minh



hợp tung của sáu nước; Chiêu Tương Vương có Phạm Thư giúp mở mang thế lực nước Tần. Bốn vị quân vương đó đều nhờ các quan khách người nước ngoài mà lập nên công nghiệp. Ngày nay, đại vương lại đuổi hết nhân tài người nước ngoài, làm như thế chẳng phải là tăng thêm sức mạnh cho các nước thù địch hay sao?"

Tần Vương Doanh Chính thấy Lý Tư nói có lý, vội sai người đuổi theo mời Lý Tư quay trở lại, khôi phục quan chức cho ông, đồng thời hủy bỏ lệnh đuổi khách.

Sau khi Tần Vương dùng Lý Tư làm mưu sĩ, một mặt tăng cường thế công với các nước, một mặt cử người du thuyết các nước chư hầu, dùng các thủ đoạn phản gián mua chuộc phối hợp với tiến công bằng vũ lực. Hàn Vương là An thấy tình hình đó, rất lo sợ, liền phái Công tử Hàn Phi sang nước Tần cầu hòa, xin tình nguyện làm thuộc quốc của Tần.

Hàn Phi cũng là học trò Tuân Huống, là đồng học của Lý Tư. Ở nước nhà, ông thấy đất nước ngày càng suy yếu, nhiều lần xin Hàn Vương cải cách chính trị, nhưng không được chú ý. Hàn Phi vốn có học vấn uyên bác, nhưng không được trọng dụng, liền đóng cửa ngôi viết sách gọi là bộ "Hàn Phi tử". Trong tác phẩm, ông chủ trương nhà vua phải tập trung quyền lực, tăng cường pháp trị. Bộ sách đó truyền tới nước Tần, Tần Vương Doanh Chính xem xong hết sức tán thưởng, nói: "Nếu ta được gặp con người đó, thì tốt biết bao!"

Lần này, Hàn Phi được cử đến nước Tần, thấy nước Tần lớn mạnh, liền dâng thư lên Tần Vương, tình nguyện góp sức phục vụ sự nghiệp thống nhất thiên hạ của Tần. Lá thư được dâng lên, Tần Vương chưa kịp trọng dụng Hàn Phi thì Lý Tư đã hết sức lo lắng, sợ

Hàn Phi giành mất địa vị của mình. Lý Tư nói với Tần Vương: "Hàn Phi là công tử nước Hàn, đại vương đang kiêm tính chư hầu, Hàn Phi nhất định sẽ lo toan cho nước Hàn. Nếu để ông ta về nước, thì sẽ gây hậu hoạn, chi bằng ta ghép cho ông ta một tội danh rồi giết đi". Tần Vương còn hơi do dự, hạ lệnh trước hết hãy giam Hàn Phi lại, chuẩn bị thẩm vấn. Hàn Phi bị giam trong ngục, không có cơ hội biện bạch. Lý Tư lại đưa thuốc độc vào bắt uống, Hàn Phi đành uống thuốc độc tự sát.

Tần Vương giam Hàn Phi, hơi có ý hối, sai tha Hàn Phi ra, nhưng đã muộn. Vì vậy, rất lấy làm tiếc. Lúc đó, có một người nước Ngụy, tên là Liêu, đến Tần. Tần Vương đàm luận, biết ông là một nhân tài hiếm có, liền phong làm quan Uý nước Tần. Người sau thường gọi ông ta là Uý Liêu.

44- KINH KHA HÀNH THÍCH TẦN VƯƠNG

Tần Vương Doanh Chính trọng dụng Uý Liêu, quyết tâm thống nhất Trung Nguyên, không ngừng tiến công các nước chư hầu. Ông phá vỡ liên minh giữa Yên với Triệu, khiến nước Yên mất một số toà thành.

Thái tử Đan của nước Yên vốn trước kia làm con tin ở Tần. Ông thấy Tần Vương quyết tâm kiêm tính các nước, lại chiếm của Yên một số toà thành, liền trốn về Yên. Ông rất căm thù nước Tần, quyết báo thù cho nước Yên. Nhưng ông không rèn luyện binh mã, cũng không nghĩ tới việc liên kết với các nước để cùng chống Tần, lại gửi gắm vận mệnh nước Yên vào hành động ám sát Tần Vương. Thái tử Đan đem hết của cải để tìm cho được người có thể hành thích Tần Vương.

Sau đó, thái tử Đan chọn được một dũng sĩ rất có tài năng, là Kinh Kha. Ông tôn Kinh Kha làm thượng khách, nhường xe ngựa của mình cho Kinh Kha dùng, để Kinh Kha cũng ăn mặc như mình. Vì vậy, Kinh Kha hết lòng cảm kích thái tử Đan.

Năm 230 trước Công nguyên, Tần diệt Hàn. Hai năm sau, đại tướng Vương Tiễn của Tần chiếm được đô thành Hàm Đan của Triệu, rồi tiến quân lên phía bắc, tới sát nước Yên.

Thái tử Đan vội vã đi tìm Kinh Kha, và nói: "Nếu đem quân chống lại Tần thì như trứng chọi đá, muốn liên kết với các nước để hợp tung chống Tần, cũng không kịp nữa. Tôi nghĩ chỉ còn cách cử một dũng sĩ đóng vai sứ giả sang yết kiến vua Tần, thừa cơ tiến sát vua Tần, buộc ông ta trả lại đất đai cho các nước. Nếu vua Tần thuận theo thì tốt nhất, nếu không thì giết đi. Tráng sĩ xem như thế có được không?"

Kinh Kha nói: "Cũng có thể được. Nhưng muốn đến sát vua Tần, nhất định phải làm cho ông ta tin là ta đến cầu hoà. Nghe nói vua Tần từ lâu đã muốn có miền đất phì nhiêu là Đốc Kháng (nay ở huyện Trác Hà Nam). Ngoài ra, tướng nước Tần là Phàn Vu Kỳ đang lưu vong tại nước Yên, vua Tần đang treo thưởng để bắt ông ta. Nếu tôi có thể mang theo đầu của tướng quân Phàn Vu Kỳ và bản đồ vùng Đốc Kháng sang dâng lên vua Tần, thì ông ta mới chịu tiếp kiến tôi. Như vậy, tôi mới có thể hành sự được.

Thái tử Đan cảm thấy khó xử nói: "Bản đồ vùng Đốc Kháng thì được, còn Phàn tướng quân thì vì bị nước Tần bức hại nên mới chạy sang nương nhờ ta, ta sao có thể nhẫn tâm làm hại ông ta?"

Kinh Kha biết thái tử Đan không nỡ làm việc đó, liền tự mình tới gặp Phàn Vu Kỳ, nói: "Tôi có ý định giúp nước Yên trừ hậu hoạn và còn có thể báo thù cho tướng quân, nhưng còn một điều rất khó nói".



Phản Vu Kỳ vội nói: "Điều gì? Xin cứ nói" Kinh Kha trả lời: "Tôi quyết định đi hành thích, nhưng lại sợ không được Tần Vương tiếp kiến. Hiện nay Tần Vương đang treo thưởng để bắt tướng quân. Nếu tôi có được chiếc đầu của tướng quân đem dâng cho ông ta, thì nhất định được tiếp kiến".

Phản Vu Kỳ nói: "Được, ngài hãy lấy đi". Nói rồi, rút bảo kiếm, đâm cổ tự sát.

Thái tử Đan chuẩn bị một con dao găm cực sắc, có tẩm thuốc độc, chỉ cần đâm suốt da chảy máu là người bị đâm sẽ chết ngay. Ông trao dao găm cho Kinh Kha để dùng làm dụng cụ hành thích. Ngoài ra, còn cử một dũng sĩ mới mười ba tuổi tên là Tần Vũ Dương đi theo làm trợ thủ cho Kinh Kha.

Năm 227 trước Công nguyên, Kinh Kha từ nước Yên lên đường đi Hàm Dương. Thái tử Đan và một số tân khách, mặc quần áo tang tiễn Kinh Kha ở bên sông Dịch (nay ở huyện Dịch, Hà Bắc). Trước khi từ biệt, Kinh Kha cất tiếng hát:

*"Gió hiu hiu thổi, sông Dịch lạnh ghê
Tráng sĩ một ra đi rồi, không trở về".*

Nghe lời ca bi tráng, mọi người có mặt đều rơi nước mắt. Kinh Kha kéo Tần Vũ Dương lên xe, không hề quay đầu lại.

Kinh Kha đến Hàm Dương. Tần Vương Doanh Chính nghe nói nước Yên phái sứ giả mang đầu Phản Vu Kỳ và bản đồ vùng Đốc Kháng tới thì rất phấn khởi, liền hạ lệnh cho Kinh Kha vào tiếp kiến ở Cung Hàm Dương.

Nghe thức triều kiến bắt đầu. Kinh Kha bưng chiếc hòm đựng đầu Phản Vu Kỳ, Tần Vũ Dương bưng chiếc

khay đựng bản đồ, tiến từng bước lên bậc thêm cung điện.

Tần Vũ Dương thấy khung cảnh uy nghiêm của triều đình nước Tần, bất giác run lên cầm cập.

Các thị vệ của vua Tần liền quát lớn: "Sứ giả tại sao biến sắc?"

Kinh Kha quay đầu lại nhìn, thấy mặt Tần Vũ Dương vừa trắng bệch vừa xanh xám, liền cười nói với Tần Vương: "Kẻ thôn dã đó, xưa nay chưa từng được thấy sự uy nghiêm của đại vương nên không tránh được sợ hãi. Xin đại vương thể tình cho".

Tần Vương có chút hoài nghi, liền bảo Kinh Kha: "Bảo Tần Vũ Dương trao bản đồ cho nhà ngươi, một mình nhà ngươi lên thôi".

Kinh Kha nhận lấy bản đồ, đặt trên chiếc hòm đựng thủ cấp, bưng lên dâng Tần Vương. Tần Vương Doanh Chính cho mở hòm, quả nhiên là đầu của Phàn Vu Kỳ. Liền sai Kinh Kha mở bản đồ ra xem. Kinh Kha từ từ giở cuốn bản đồ, tới khi giở hết thì lộ ra chiếc dao găm đã được chuẩn bị sẵn từ trước.

Tần Vương nhìn thấy, giật mình nhảy thót lên. Kinh Kha vội cầm dao găm, tay trái níu chặt tay áo Tần Vương, tay phải nhắm ngực Tần Vương đâm tới.

Tần Vương Chính dằng mạnh về phía sau, làm đứt ống tay áo rồi bỏ chạy về phía bình phong toan chạy ra ngoài. Kinh Kha xông lên đuổi, Tần Vương thấy chạy không thoát liền chạy vòng quanh chiếc cột đồng trên điện. Kinh Kha đuổi theo sau, hai người chạy vòng quanh như đèn cù.

Xung quanh Tần Vương có rất nhiều quan hầu, nhưng tay không tác sát, thị vệ đứng dưới thềm tuy có vũ khí, nhưng theo pháp luật của nước Tần, không có lệnh của Tần Vương thì không được lên điện. Mọi người kinh hoàng. Nhưng Tần Vương trong cơn hoảng hốt, không kịp lên tiếng gọi võ sĩ.

Trong số quan hầu cận, có một thầy thuốc, nhanh trí, lấy túi thuốc ném mạnh vào Kinh Kha. Kinh Kha dùng tay gạt, túi thuốc đó bay sang một bên.

Trong giây lát đó, Tần Vương Doanh Chính xoay mình rút được bảo kiếm, chém đứt chân trái của Kinh Kha.

Kinh Kha ngã xuống, cầm dao găm phóng về phía Tần Vương. Tần Vương né tránh, con dao bay vệt qua tai, trúng vào cột đồng, toé lửa.

Tần Vương thấy trong tay Kinh Kha không còn vũ khí, liền tiến lên, chém thêm mấy nhát. Kinh Kha bị tám vết thương, biết sự việc đã hoàn toàn thất bại, liền cười đau đớn nói: "Ta không sớm hạ thủ ngay là vì muốn bức người phải trả lại đất đai cho nước Yên".

Lúc đó, võ sĩ đã ồa lên điện, giết chết Kinh Kha, và Tần Vũ Dương ở dưới thềm cũng bị các võ sĩ kết thúc tính mạng.

45- TÂN VƯƠNG DIỆT SÁU NƯỚC

Tân Vương giết chết Kinh Kha, lập tức hạ lệnh cho đại tướng Vương Tiễn gấp rút đánh nước Yên. Thái tử Đan dẫn quân chống lại, nhưng đâu phải là đối thủ của quân Tân, nên bị đánh tan tác ngay.

Yên Vương Hỷ và thái tử Đan chạy tới Liêu Đông. Tân Vương phái quân đuổi, quyết đánh cho tới khi bắt được thái tử Đan mới thôi. Yên Vương Hỷ không còn cách nào, đành giết thái tử Đan để xin hoà.

Tân Vương Doanh Chính hỏi ý kiến Uý Liêu. Uý Liêu nói: "Nước Hàn đã bị ta chiếm, nước Triệu chỉ còn lại toà Đại Thành (nay là huyện Uý, Hà Bắc) Yên Vương đã chạy tới Liêu Đông. Chúng đều sắp tận số rồi. Hiện nay đang mùa lạnh. Chi bằng trước hết, ta quay sang thu phục nước Ngụy và nước Sở ở phương Nam".

Tân Vương nghe theo kế đó, liền phái Vương Bôn là con Vương Tiễn dẫn mười vạn quân sang đánh Ngụy. Ngụy Vương cử người sang cầu cứu nước Tề, nhưng Tề Vương Kiến từ chối.

Năm 225 trước Công nguyên, Vương Bôn diệt nước Ngụy, bắt Ngụy Vương và các đại thần giải về Hàm Dương.

Sau đó, Tần Vương chuẩn bị đánh Sở, liền triệu tập tướng lĩnh lại bàn bạc. Trước hết, hỏi Lý Tín là một tướng trẻ, xem đánh nước Sở cần bao nhiêu quân. Lý Tín nói: "Bất quá hai mươi vạn là đủ". Ông ta lại hỏi lão tướng Vương Tiễn. Vương Tiễn trả lời: "Nước Sở là một nước lớn. Dùng hai mươi vạn quân không đủ. Theo tính toán của thần, nếu không có sáu mươi vạn là không được".

Tần Vương không vui, nói: "Vương tướng quân già rồi. Sao nhát gan thế? Ta cho rằng Lý tướng quân nói đúng". Liền sai Lý Tín dẫn hai mươi vạn quân đi đánh phương Nam.

Vương Tiễn thấy Tần Vương không nghe theo ý kiến mình, liền cáo bệnh về quê.

Lý Tín dẫn hai mươi vạn quân đánh Sở, đúng như Vương Tiễn đã dự đoán, bị quân Sở đánh cho đại bại, quân lính chết rất nhiều, lại chết mất bảy viên tướng, phải chạy về Tần.

Tần Vương Doan Chính cả giận, cách chức Lý Tín và thân hành đến tận nhà Vương Tiễn, mời ông ra cầm quân. Tần Vương nói: "Lần trước, ta đã sai lầm, không nghe theo lời tướng quân. Quả nhiên Lý Tín đã làm hỏng việc. Lần này, không có tướng quân chỉ huy thì không xong".

Vương Tiễn nói: "Đại vương nhất định bắt tôi chỉ huy thì phải có đủ sáu mươi vạn quân mới được. Nước Sở đất rộng người đông, họ muốn huy động một triệu quân



cũng không khó. Tôi nói ta phải có sáu mươi vạn quân, còn sợ không đủ. Nếu ít hơn nữa thì không thể được".

Tần Vương cười: "Lần này nghe theo tướng quân". Liền cấp cho Vương Tiễn sáu mươi vạn người ngựa. Hôm xuất quân, còn thân tới Bá Thượng chúc rượu tiễn đưa.

Đại quân Vương Tiễn rầm rộ tiến đánh nước Sở. Sở cũng mang toàn bộ binh lực chống lại.

Vương Tiễn đến tiền phương, sai quân sĩ xây thành đắp lũy, không cho ra đánh. Đại tướng Sở là Hạng Yên nhiều lần khiêu chiến, Vương Tiễn vẫn không tiếp chiến.

Kéo dài một thời gian, Hạng Yên nghĩ: "Thì ra Vương Tiễn chỉ đến đây để trú phòng thôi", liền lơ là không chú ý lắm tới quân Tần nữa. Không ngờ trong lúc Hạng Yên thiếu chuẩn bị, quân Tần bất ngờ mở cuộc tiến công với khí thế ào ạt như dời núi lấp sông, sáu mươi vạn quân mã xông pha chém giết. Tướng sĩ Sở như nằm mơ chợt tỉnh, gắng gượng chống đỡ lại đòn đánh sấm sét của Tần, nhưng cuối cùng nao núng tan vỡ. Quân Tần đuổi đến Thọ Xuân (nay ở phía Tây huyện Thọ, An Huy) bắt được vua Sở là Phụ Sở.

Hạng Yên được tin vua Sở bị bắt, liền vượt Trường Giang, muốn tiếp tục thu thập lực lượng để chống lại. Vương Tiễn liền cho đóng thuyền chiến, huấn luyện thủy quân rồi vượt sông truy kích. Hạng Yên thấy đại thế đã hỏng, liền than dài và rút kiếm tự sát.

Vương Tiễn diệt xong Sở, trở về Hàm Dương, trao lại quân cho con là Vương Bôn làm đại tướng đem quân sang đánh Yên. Nước Yên vốn đã suy yếu lắm rồi, nên

không thể chống lại được quân Tần. Năm 222 trước Công nguyên, Vương Bôn diệt xong nước Yên và chiếm nốt Đại Thành là thành luỹ cuối cùng của nước Triệu.

Đến lúc này, duy nhất chỉ còn Tề. Các đại thần của Tề đã bị Tần dùng vàng bạc mua chuộc hết. Tề Vương Kiến xưa nay không dám đắc tội với Tần, lần nào các nước khác sang cầu cứu, ông cũng đều cự tuyệt. Ông cho rằng Tề ở xa Tần, miễn là một mực vâng theo Tần thì sẽ không bị tiến công. Đến khi thấy năm nước kia đã lần lượt bị Tần thôn tính hết thì mới cuống cuống vội vã đưa quân ra phòng giữ biên giới phía tây. Nhưng đã muộn rồi!

Năm 221 trước Công nguyên, Vương Bôn dẫn mấy chục vạn quân Tần từ phía Nam nước Yên đổ xuống Lâm Tri, khí thế như núi Thái Sơn đè xuống. Tề Vương Kiến thấy các nước xung quanh không còn ai để xin cứu viện nữa, thế cô lực mỏng, chỉ trong mấy ngày là xin đầu hàng.

Sáu nước chư hầu do chỉ biết bo bo nghĩ đến mình, lại còn đánh lẫn nhau, mong chiếm đất của người khác để bù vào số bị mất với quân Tần, hòng duy trì tình trạng cát cứ, nên đã tạo cơ hội cho Tần đánh dần từng nước một. Nước Tần lúc đó không những chiếm ưu thế về chính trị, kinh tế và quân sự, mà quan trọng hơn là hành động phù hợp với xu thế thống nhất của lịch sử, nên chỉ trong không đầy mười năm đã diệt hết sáu nước.

Từ năm 475 trước Công nguyên bắt đầu thời kỳ Chiến Quốc, qua hơn 250 năm phân tranh giữa các nước chư hầu, cuối cùng đã kết thúc cục diện cát cứ lâu dài, xây dựng nên một quốc gia phong kiến thống nhất nhiều dân tộc là Vương triều Tần.

46- TÂN THỦY HOÀNG, HOÀNG ĐẾ ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Tân Vương Doanh Chính kiêm tính xong sáu nước, kết thúc cục diện cát cứ thời Chiến Quốc, thống nhất nước Trung Hoa. Ông ta cảm thấy công tích của mình còn lớn lao hơn cả tam hoàng ngũ đế trong truyền thuyết, không thể cứ dùng danh hiệu "vương" nữa, mà cần tìm một danh hiệu tôn quý hơn cho xứng với công tích đó, liền quyết định dùng danh hiệu "hoàng đế"*. Vì là hoàng đế đầu tiên của Trung Quốc, nên ông tự xưng là Thủy Hoàng đế (thủy có nghĩa: đầu tiên). Ông ta còn qui định, con cháu về sau nối ngôi, cứ theo thứ tự mà gọi, như Nhị thế hoàng đế, Tam thế hoàng đế... cho tới Vạn thế hoàng đế.

Đất nước đã thống nhất, làm thế nào để cai trị một quốc gia rộng lớn như vậy?

* Phần trên, chúng ta đã gặp nhân vật truyền thuyết có tên Hoàng Đế, nhưng đó là một tên riêng, còn "hoàng đế" ở đây là một danh từ chung, chỉ người đứng đầu nhà nước phong kiến.

Trong một cuộc triều nghị, bọn thừa tướng Vương Quán nói: "Hiện nay các chư hầu vừa bị tiêu diệt, đặc biệt là ba nước Yên, Sở, Tề cách Hàm Dương rất xa, không phong mấy tước vương cai trị ở đây thì không được. Xin hoàng thượng phong cho mấy hoàng tử đến đó".

Tân Thuỷ Hoàng cho đại thần bàn bạc. Rất nhiều người tán thành ý kiến của Vương Quán, chỉ có Lý Tư phản đối. Lý Tư nói: "Khi Chu Vũ Vương lập nên triều Chu, đã phong không ít chư hầu. Giữa họ phần nhiều là người cùng tông tộc. Thế mà sau này, do xung đột quyền lợi mà tàn sát nhau như thù địch, thiên tử nhà Chu cũng không ngăn cản được. Từ đó thấy rằng biện pháp phân phong là không tốt. Không bằng thiết lập quận huyện trong toàn quốc mà cai trị".

Ý kiến của Lý Tư hoàn toàn hợp với ý Tân Thuỷ Hoàng. Vì vậy, ông phế bỏ chế độ phân phong, mà áp dụng chế độ quận huyện, chia cả nước làm 36 quận, dưới cấp quận là cấp huyện. Quan cai trị đứng đầu quận do triều đình trực tiếp bổ nhiệm. Việc chính sự quốc gia từ to đến nhỏ đều do hoàng đế quyết định. Theo nói lại, mỗi ngày Tân Thuỷ Hoàng phải đọc 120 cân tờ trình do dưới gửi lên (lúc đó chưa có giấy, chữ viết phải khắc trên thẻ tre), chưa đọc xong là chưa nghỉ. Dù biết, quyền lực tập trung trong tay ông ta tới mức cao như thế nào.

Trước khi Tân Thuỷ Hoàng thống nhất Trung Nguyên, chế độ giữa các nước đều khác nhau, thí dụ về mặt giao thông, chiều dài trục xe mỗi nước qui định một khác, nên độ rộng mặt đường cũng khác nhau. Khi thống nhất đất nước, xe chạy từ vùng này sang vùng



khác gặp khó khăn, nhiều khi phải đổi xe, gây phiền phức và mất thời gian. Do đó, nhà nước trung ương qui định, từ nay nhất loạt đóng xe theo kích thước tiêu chuẩn: khoảng cách giữa hai bánh xe là 6 thước ($\approx 2m$) để việc đi lại được thuận tiện trong cả nước. Việc đó, được gọi là "xa đồng quí"(xe có cùng vết bánh xe).

Về mặt chữ viết, trước khi thống nhất, giữa các nước có nhiều cách viết cho cùng một chữ. Từ nay, qui định cách viết thống nhất tiện lợi nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu văn hoá và giấy tờ, công văn của nhà nước. Việc đó được gọi là "thư đồng văn" (viết cùng bằng một thứ chữ).

Giao thông đã tiện lợi, thương nghiệp theo đó cũng phát đạt, nhưng phương tiện cân đo đong trước kia rất khác nhau. Nhà nước trung ương liền qui định thống nhất phương tiện đo lường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, mua bán.

Tần Thuỷ Hoàng đang tiến hành việc cải cách trong nước, thì bộ tộc Hung Nô ở biên giới phía Bắc đánh vào nội địa. Hung Nô là bộ tộc ở vùng bắc lãnh thổ Trung Quốc. Suốt thời Chiến Quốc, quý tộc Hung Nô nhân dịp hai nước Yên, Triệu suy yếu, đã từng bước tiến xuống phía nam, chiếm đoạt một khu vực lớn ở vùng Hà Sáo. Sau khi Tần Thuỷ Hoàng thống nhất Trung Nguyên, liền phái đại tướng Mông Diêm đem ba mươi vạn quân chống lại, thu hồi lại vùng Hà Sáo, lập nên bốn mươi tư huyện.

Để đề phòng Hung Nô xâm phạm, Tần Thuỷ Hoàng lại điều động dân phu nối liền các bức thành do ba nước Yên, Triệu, Tần xây dựng trước kia và xây thêm nhiều

thành mới, tạo thành một bức Vạn lý Trường thành chạy suốt từ Lâm Triệu (nay là huyện Mân, Cam Túc) ở phía tây đến Liêu Đông (nay ở tây bắc Liêu Dương, Liêu Ninh) ở phía đông. Công trình kiến trúc nổi tiếng toàn thế giới đó mãi mãi là tượng trưng của văn minh lâu đời của dân tộc Trung Hoa.

Sau này, Tần Thủy Hoàng lại phái năm mươi vạn quân bình định phương Nam, lập thêm ba quận. Năm thứ hai, Mông Diêm đánh bại Hung Nô lập thêm một quận. Như vậy, cả nước có bốn mươi tư quận.

Năm 213 trước Công nguyên, do mở mang được quốc thổ, Tần Thủy Hoàng cử hành một yến hội chúc mừng ở Hàm Dương. Nhiều đại thần dâng lời tán tụng công lao thống nhất quốc gia của hoàng đế. Nhân dịp này, bác sĩ Thuần Vu Việt lại nêu lên kiến nghị phân phong. Ông ta cho rằng không thể không làm theo qui củ đã có từ thời cổ.

Lúc đó, Lý Tư đã làm thừa tướng. Tần Thủy Hoàng liền hỏi ý Lý Tư.

Lý Tư nói: "Ngày nay đất nước đã an định, pháp lệnh đã thống nhất. Thế mà có một số kẻ đọc sách không chịu học ngày nay, cứ một mực học theo ngày xưa, bình luận lung tung về đại sự quốc gia, gây hỗn loạn trong dân chúng. Nếu không cấm chỉ, sẽ ảnh hưởng đến uy tín của triều đình".

Tần Thủy Hoàng làm theo chủ trương của Lý Tư, lập tức hạ lệnh thu thập toàn bộ sách vở trong thiên hạ, trừ những sách dạy về y dược, trồng cây v. v.. còn tất cả thi, thư và sách vở của bách gia chư tử đều nhất loạt đem đốt hết. Nếu ai tàng trữ các loại sách vở đó, sẽ ghép vào tử tội. Những ai dựa vào chế độ xưa để phê phán chế độ

hiện thời, sẽ xử tội chém ngang lưng. Năm thứ hai, có hai phương sĩ (một loại người chuyên cầu thần tiên và luyện đan để bịp người) tên là Lư Sinh và Hầu Sinh bình phẩm về Tần Thuỷ Hoàng. Tần Thuỷ Hoàng được tin, liền cử người đi lùng thì họ đã trốn mất.

Tần Thuỷ Hoàng nổi giận, lại phát hiện ở Hàm Dương có một số nho sinh đã từng bình phẩm về mình liền hạ lệnh bắt đến thẩm vấn. Các nho sinh không chịu nổi tra khảo, khai ra thêm một loạt người. Tần Thuỷ Hoàng hạ lệnh đem tất cả hơn 460 nho sinh phạm vào cấm lệnh đó chôn sống ở ngoài thành Hàm Dương. Một số người phạm cấm lệnh khác bị đẩy ra vùng biên cương. Sự kiện đó được lịch sử gọi là "phân thư khanh nho" (đốt sách, chôn nhà nho).

Trong khi Tần Thuỷ Hoàng nóng giận, các đại thần không dám khuyên can. Con trưởng là Phù Tô nhận thấy làm như thế là quá nghiêm khắc, liền can ngăn Tần Thuỷ Hoàng. Tần Thuỷ Hoàng nổi giận, hạ mệnh lệnh đuổi Phù Tô khỏi Hàm Dương, lên miền Bắc phòng giữ biên thùy cùng với Mông Điềm.

47. CUỘC HÀNH THÍCH Ở BẮC LÃNG SA

Tân Thủy Hoàng biết rằng, tuy đã diệt sáu nước, những quý tộc cũ của sáu nước lúc nào cũng muốn nổi dậy để chống lại ông. Vì vậy, ông hạ lệnh cho mười hai vạn hộ giàu có trong cả nước phải tập trung về Hàm Dương để dễ dàng giám sát, lại hạ lệnh tập trung toàn bộ binh khí trong nước lại, trừ số cần dùng cho quân đội của nhà nước, số còn lại đem nấu chảy, đúc thành mười hai chiếc tượng đồng, mỗi chiếc nặng hai mươi vạn cân và một loạt chuông lớn dùng làm nhạc cụ. Ông cho rằng đã thu hết binh khí rồi thì có muốn nổi loạn cũng không được nữa.

Tân Thủy Hoàng còn thường xuyên đi tuần du khắp nước, để tế lễ ở các núi cao sông lớn, sai các đại thần làm văn ca tụng công đức mình khắc trên đá núi để lưu lại đời sau, đồng thời để biểu dương uy vũ, làm cho quý tộc cũ của sáu nước phải sợ hãi.

Mùa xuân năm 218 trước Công nguyên, ông lại mang đại quân đi tuần du. Một hôm, đi đến Bắc Lăng Sa (nay ở huyện Nguyên Dương Hà Nam), khi quân đội đang từ

từ hành tiến, thì đột nhiên từ trên núi ven đường, một quả chùy sắt nặng được vun vút ném xuống làm bẹp nát chiếc xe đi ngay sau xe của Tần Thủy Hoàng.

Quân đội dừng lại, các võ sĩ toả ra khắp xung quanh lùng sục, nhưng thích khách đã trốn chạy mất.

Tần Thủy Hoàng nổi giận, lập tức hạ lệnh tiến hành tra hỏi, bắt bớ trong toàn quốc, cho tới khi bắt được kẻ hành thích mới thôi. Nhưng tra xét trong nhiều ngày không kết quả, ông ta đành bãi lệnh.

Người chủ trương cuộc hành thích đó là Trương Lương, có ông và cha đều làm tướng quốc nước Hàn. Khi nước Hàn bị diệt, Trương Lương còn trẻ tuổi. Ông bán hết gia sản, rời quê hương, đi kết giao với các anh hùng hảo hán, quyết tâm tìm cách báo thù cho nước Hàn.

Sau này, Trương Lương kết bạn được với một đại lực sĩ. Đại lực sĩ này chuyên sử dụng một quả chùy sắt nặng 120 cân (= 60 Kg). Hai người bàn nhau, tìm cách hành thích Tần Thủy Hoàng trên đường tuần du.

Họ dò biết được Tần Thủy Hoàng sẽ đi qua Bắc Lăng Sa, liền phục trong rừng cây ven đường, đợi khi xe chở Tần Thủy Hoàng đi tới, sẽ tung chùy đánh vào xe. Không ngờ, đòn đánh không chuẩn, chỉ trúng vào xe sau.

Thất bại, Trương Lương ẩn tích mai danh, trốn đến Hạ Bì (nay ở tây bắc Tuy Ninh Giang Tô), thoát được cuộc tra xét của triều Tần. ở Hạ Bì, ông vừa nghiên cứu binh pháp, vừa chờ thời cơ báo thù.

Trương Lương đã học binh pháp như thế nào? Có một truyện truyền kỳ nói rằng:



Một lần, Trương Lương đi dạo trên một chiếc cầu lớn, thấy một ông già chân đi giày vải thô đang ngồi bên cầu. Thấy Trương Lương, ông già cố ý co chân lại, một chiếc giày rơi xuống dưới cầu.

Ông già quay lại, giọng hách dịch: "Này cậu, xuống nhặt cho ta chiếc giày".

Trương Lương hơi bực, muốn cự lại, nhưng thấy ông ta đã già, liền nén giận, xuống dưới cầu nhặt chiếc giày lên đưa cho ông.

Ai ngờ ông già không cầm giày, lại chìa chân ra: "Xỏ vào chân cho ta".

Trương Lương nghĩ: Thôi thì đã xuống nhặt rồi, thì xỏ giày vào cho ông ta cũng không sao.

Tới lúc đó ông già mới mỉm cười, đứng dậy đi.

Trương Lương ngậy người, thấy ông già có vẻ kỳ quái, liền đứng nhìn theo, tới lúc ông già đi xa mới thôi.

Ông già đi khoảng một dặm, liền quay lại, nói với Trương Lương: "Cậu này khá. Ta muốn dạy cậu. Năm ngày nữa, lúc trời sáng, tới cầu này gặp ta".

Nghe giọng nói, Trương Lương biết ông già không phải người thường, vội vàng quí xuống nhận lời.

Ngày thứ năm, Trương Lương dậy sớm, vội vàng đi tới cầu. Ai ngờ vừa tới nơi, đã thấy ông già ở đó. Ông già nổi giận nói: "Cậu hẹn với người già, thì phải đến sớm một chút, chứ sao lại để ta phải đợi?"

Trương Lương đành nhận lỗi. Ông già lại nói: "Thôi về đi. Năm ngày nữa lại đến, mà đến sớm một chút đấy!" Nói xong đứng dậy đi.

Năm ngày sau, Trương Lương vừa nghe tiếng gà gáy, liền vội vàng chạy tới cầu. Chưa lên cầu, đã nhìn thấy ông già đứng đó.

Ông già nhìn Trương Lương, bảo: "Thôi, năm ngày sau lại đến".

Trương Lương rút kinh nghiệm hai lần trước, đến nửa đêm ngày thứ tư, liền đi ra cầu, lặng lẽ ngồi đợi trời sáng.

Một lát sau, thấy ông già lững thững đi tới. Thấy Trương Lương, ông cười hiền từ. "Như thế mới đúng, con ạ". Nói xong, rút từ ống tay áo ra một cuốn sách, trao cho Trương Lương và nói: "Về nhà hãy chịu khó đọc, sau này sẽ có tác dụng lớn đấy".

Trương Lương còn muốn hỏi thêm, ông già không nói thêm gì nữa, quay đầu đi thẳng.

Đợi tới lúc trời sáng, Trương Lương mở sách ra xem. Thì ra đó là cuốn "Thái Công binh pháp" do Thái Công Vọng đầu thời Chu soạn ra.

Từ đó về sau, Trương Lương chuyên cần, khổ công nghiên cứu, trở thành một nhà mưu lược tiếng tăm.

48- ÂM MƯU Ở SA KHÂU

Năm 210 trước Công nguyên, Tần Thủy Hoàng đi tuần du ở dải Đông nam, đi cùng ông, có thừa tướng Lý Tư và hoạn quan Triệu Cao. Con của Tần Thủy Hoàng là Hồ Hợi xin đi theo. Thường ngày, Tần Thủy Hoàng rất quý Hồ Hợi, nên đồng ý cho đi.

Tần Thủy Hoàng vượt qua sông Tiên Đường, đến quân Cối Kê, rồi lại quay lên bắc, đến Lang Nha (nay ở huyện Giao Nam, Sơn Đông). Ra đi từ mùa đông, tới mùa hạ mới trở về. Trên đường về, ông cảm thấy trong mình không được khoẻ, đến Bình Nguyên Tân (nay ở phía nam huyện Bình Nguyên, Sơn Đông) thì ốm nặng. Quan ngự y xem bệnh cho thuốc, nhưng không công hiệu.

Đến Sa Khâu (nay ở phía Tây huyện Quảng Tông, Hà Bắc) bệnh ngày càng nặng. Ông ta biết không thể qua khỏi, liền dặn dò Triệu Cao: "Mau viết thư cho Phù Tô, gọi Phù Tô về ngay Hàm Dương, vạn nhất ta mất đi, để Phù Tô chủ trì tang lễ".

Thư viết xong, chưa kịp gửi sứ giả mang đi, thì Tần Thuỷ Hoàng mất.

Thừa tướng Lý Tư và Triệu Cao bàn nhau: "Ở đây cách Hàm Dương rất xa, trong một hai ngày không thể về kịp, lỡ tin tức về việc hoàng đế mất tiết lộ ra thì trong ngoài có thể phát sinh biến loạn, không bằng tạm thời giữ bí mật, chưa phát tang, đến Hàm Dương sẽ hay".

Bọn họ để thi thể Tần Thuỷ Hoàng trong xe, đóng cửa, buông rèm để người ngoài không nhìn thấy. Ngoài Hồ Hợi, Lý Tư, Triệu Cao và năm sáu thị vệ, các đại thần khác không ai biết Tần Thuỷ Hoàng đã chết. Xe vẫn theo thường lệ, đi về Hàm Dương. Đến mỗi địa phương, bá quan văn võ vẫn đứng ngoài xe tâu trình công việc.

Lý Tư bảo Triệu Cao mau cử người mang thư đi, gọi công tử Phù Tô về Hàm Dương. Triệu Cao là tâm phúc của Hồ Hợi, lại có thù với Mông Điềm. Y liền ngầm bàn với Hồ Hợi, chuẩn bị làm giả di chúc của Tần Thuỷ Hoàng, hạ lệnh giết Phù Tô, truyền đế vị cho Hồ Hợi. Hồ Hợi tất nhiên sung sướng đồng ý.

Triệu Cao biết muốn làm việc đó thì nhất định phải được sự tán thành của Lý Tư, liền trao đổi với Lý Tư: "Hiện nay di chiếu và ngọc tử của Hoàng Thượng đều ở trong tay Hồ Hợi. Việc quyết định ai là người tiếp thu đế vị hoàn toàn phụ thuộc hai người chúng ta. Ông thấy thế nào?"

Lý Tư giật mình nói: "Sao ông dám nói lời đại nghịch đó? Đó không phải là việc mà các bầy tôi chúng ta có thể làm".



Triệu Cao nói: "Ông chớ vội. Tôi hỏi ông: tài năng của ông có bằng Mông Diêm không? Công lao của ông có bằng Mông Diêm không? Quan hệ giữa ông và Phù Tô có bằng được Mông Diêm không?"

Lý Tư lặng người một lát, rồi nói: "Tôi không thể bằng ông ta".

Triệu Cao nói: "Nếu Phù Tô lên ngôi hoàng đế, thì nhất định ông ta sẽ cử Mông Diêm làm thừa tướng. Tới lúc đó, ông chỉ có một con đường là từ chức về quê. Đó là việc rất rõ ràng. Công tử Hồ Hợi là người có tâm địa tốt, đối đãi với mọi người chu đáo. Nếu Hồ Hợi làm hoàng đế thì ông và tôi sẽ vinh hoa phú quý suốt đời. Ông thử nghĩ xem".

Nghe Triệu Cao vừa đe dọa vừa dụ dỗ, Lý Tư cũng thấy nếu để Phù Tô làm hoàng đế thì mình khó giữ được chức vị thừa tướng, liền đồng mưu với Hồ Hợi và Triệu Cao, làm giả chiếu thư gửi Phù Tô, nói Phù Tô đã không có công lao gì, lại oán giận phụ hoàng, còn tướng Mông Diêm đồng mưu với Phù Tô, phải cùng tự sát với Phù Tô, trao lại binh quyền cho Vương Ly.

Phù Tô nhận được chiếu thư giả, khóc lóc toan tự sát. Mông Diêm nghi ngờ đó là chiếu thư giả để nghị Phù Tô về minh oan với Tần Thủy Hoàng. Phù Tô là người thực thà, nói: "Cha đã bắt con chết, có gì mà minh oan nữa". Liền đâm cổ tự sát. Mông Diêm không biết làm thế nào, đành tự sát theo.

Triệu Cao và Lý Tư vội vàng thúc xe đi gấp về Hàm Dương. Lúc đó, đang giữa mùa hè, thời tiết nóng nực, qua mấy ngày, thì thể Tần Thủy Hoàng rữa nát, bốc mùi hôi thối.

Triệu Cao cử người đi mua rất nhiều cá muối, xếp lên các xe, làm mùi cá muối át đi mùi hôi thối của thi thể Tần Thuỷ Hoàng.

Đến Hàm Dương, bọn chúng mới công bố tin tức về cái chết của Tần Thuỷ Hoàng, tổ chức tang lễ và công bố di chiếu giả, cử Hồ Hợi lên nối ngôi hoàng đế. Đó tức là Tần Nhị Thế.

Nhị Thế và Triệu Cao, sau khi chôn cất Tần Thuỷ Hoàng, rất lo sợ mưu gian bại lộ. Theo lời xúi giục của Triệu Cao, Nhị Thế liền ghép tội chết cho mười hai công tử và mười công chúa. Những đại thần có liên quan nhiều không tính xuể. Một năm sau, Triệu Cao lại dùng quỷ kế xui Nhị Thế bắt giam và giết kẻ đồng mưu là Lý Tư. Triệu Cao lên làm thừa tướng, một mình nắm trọn đại quyền.

49- CUỘC KHỎI NGHĨA Ở LÀNG ĐẠI TRẠCH

Để chống lại Hung Nô, Tần Thủy Hoàng cho xây dựng Trường thành, phái ba mươi vạn quân và trưng tập rất nhiều dân phu, số lượng có lúc lên tới mấy chục vạn, để mở mang phương nam, ông ta lại huy động ba mươi vạn quân dân. Ngoài ra, còn dùng bảy mươi vạn tù phạm để xây dựng Cung A Phòng đồ sộ, và cực kỳ tráng lệ. Đến khi Nhị Thế lên ngôi, lại trưng tập mấy chục vạn tù phạm và dân phu, xây dựng lăng mộ Tần Thủy Hoàng với qui mô lớn. Lăng mộ đó xây dựng rất lớn, rất sâu, dùng rất nhiều đồng nấu chảy đổ xuống làm nền móng, bên trên xây dựng những toà nhà bằng đá, làm đường đi vào mộ và huyết mộ. Nhị Thế lại sai thợ đào thành hình dạng sông hồ, đổ thủy ngân vào và táng Thủy Hoàng ở đó.

An táng xong, để phòng có kẻ đào trộm, lại sai thợ lấp đất trong mộ những khí cụ giết người. Cuối cùng, để giữ bí mật công trình, liền thủ tiêu tất cả thợ thuyền tham gia xây dựng, chôn xác trong mộ đạo, không chừa lại một người nào.

Xây xong phần mộ, Nhị Thế và Triệu Cao lại tiếp tục xây dựng Cung A Phòng. Lúc đó nhân khẩu toàn Trung Quốc có không quá hai mươi triệu. Số bị huy động đi xây dựng Trường Thành, khai phá miền nam, xây Cung A Phòng, xây lăng mộ và những việc khác, tất cả tới hai, ba triệu, tiêu hao không biết bao nhiêu nhân, tài, vật lực, khiến nhân dân kêu ca, oán giận vang trời dậy đất.

Năm 209 trước Công nguyên, quan địa phương ở Dương Thành (nay ở đông nam Đẳng Phong, Hà Nam) cử hai viên quan cấp dưới dẫn 900 dân phu đến Ngưu Dương (nay ở tây nam Mật Vân, thành phố Bắc Kinh) làm nhiệm vụ phòng thủ. Hai viên quan chọn trong số tráng đinh hai người to lớn nhất, lại có năng lực làm việc, cử làm đồn trưởng, để họ chỉ huy những người khác. Hai người đó, một người tên là Trần Thắng, người ở Dương Thành, vốn đi làm thuê dài hạn cho người khác, một người tên là Ngô Quảng, người ở Dương Hạ (nay là huyện Thái Khang, Hà Nam) là một nông dân nghèo khổ.

Khi còn trẻ tuổi, Trần Thắng đã tỏ ra là một người có chí khí. Ông cùng các bạn làm công khác cùng đi làm ruộng cho địa chủ, thường nghĩ, ta còn trẻ trung khỏe mạnh, tại sao quanh năm suốt tháng cứ phải đi làm trâu ngựa cho kẻ khác. Thế nào rồi cũng có ngày, ta phải làm nên sự nghiệp lớn.

Một lần, trong khi ngồi nghỉ với các bạn bên bờ ruộng, ông nói: "Chúng ta sau này nếu ai giàu sang, đừng quên bè bạn cũ nhé!"

Mọi người thấy câu nói có vẻ nực cười, liền nói: "Cái thân đi làm thuê cho người ta, lấy đâu ra giàu sang?"



Trần Thắng thở dài, nói: "Ồi, loài chim sẻ, hiểu sao được chí hướng của hồng nhan".

Trần Thắng và Ngô Quảng vốn không quen biết nhau. Tối khi đi làm phu mới gặp nhau, cùng hoàn cảnh và chí hướng nên nhanh chóng trở thành bạn bè thân thiết. Họ chỉ lo lỡ kỳ hạn, nên ngày ngày mài miết đi lên phía bắc.

Đến làng Đại Trạch (nay ở đông nam huyện Túc, An Huy) gặp mưa lớn ròng rã nhiều ngày, nước dâng lên ngập đường không đi tiếp được. Họ đành phải nghỉ lại, chờ trời ngớt mưa để tiếp tục hành trình.

Pháp luật triều Tần rất nghiêm, dân phu bị điều động nếu đến chậm sẽ bị chém. Mọi người thấy trời mưa liên tục, ai cũng lo cuống như kiến trên chảo nóng, không biết làm sao.

Trần Thắng bàn riêng với Ngô Quảng: "Ở đây còn cách Ngư Dương mấy ngàn dặm, không có cách gì đến đúng kỳ hạn được, chẳng lẽ chúng ta đành đến chịu chết sao?"

Ngô Quảng nói: "Như thế sao được. Hay chúng ta bỏ trốn đi".

Trần Thắng nói: "Trốn mà bị bắt lại cũng chết. Vùng lên chống lại cũng chết. Đàng nào cũng chết nhưng chống lại mà chết còn vẻ vang hơn. Dân chúng đã khổ vì triều Tần nhiều lắm rồi. Nghe nói Nhị Thế là một thằng trẻ con, vốn không đến lượt làm hoàng đế. Làm hoàng đế đáng ra phải là Phù Tô, vốn được mọi người yêu mến. Còn Hạng Yên là một đại tướng của nước Sở, từng lập công lớn, mọi người đều biết ông ta là một trang hảo

hán, hiện nay không biết còn sống hay đã chết. Nếu chúng ta lấy danh nghĩa Phù Tô và Hạng Yên để hiệu triệu thiên hạ, thì người nước Sở nhất định sẽ hưởng ứng chúng ta".

Ngô Quảng hoàn toàn tán thành chủ trương của Trần Thắng. Để thu phục lòng người, họ lợi dụng lòng tin quý thần của người thời đó, nghĩ ra một kế, dùng một mảnh lụa, mài chu sa viết lên ba chữ đỏ "Trần Thắng vương" rồi nhét vào bụng một con cá mới đánh được. Binh sĩ mua con cá đó mang về, mổ cá ra, phát hiện thấy ba chữ đỏ thì vô cùng kinh lạ.

Tối nửa đêm, Ngô Quảng lại lên đến một toà miếu cổ gần đó, thắp đuốc lên, trước hết giả làm tiếng cáo kêu, sau đó gào lên "Đại Sở hưng, Trần Thắng vương" (nước Đại Sở dấy lên, Trần Thắng làm vua). Binh sĩ trong doanh trại nghe tiếng, vừa kinh lạ vừa sợ hãi.

Hôm sau, mọi người thấy Trần Thắng, đều xì xào nói cho nhau những chuyện nghe được. Lại thấy Trần Thắng hàng ngày đối đãi với mọi người rất tốt, nên càng tôn kính ông ta.

Một hôm, hai viên quan uống rượu say, Ngô Quảng cố ý tới chọc tức, nói dù sao thì cũng đã lỡ hạn rồi, chỉ bằng giải tán cho mọi người trở về thôi. Hai viên quan quả nhiên nổi giận, dùng gậy đánh Ngô Quảng, lại rút kiếm ra, toan chém. Ngô Quảng giằng lấy kiếm, thuận tay chém chết luôn một tên, Trần Thắng chạy đến, giết nốt tên còn lại.

Trần Thắng triệu tập các binh sĩ và dân phu lại nói: "Kẻ nam tử, đại trượng phu không nên đi để chết uống mạng. Nếu chết cũng phải chọn cái chết cho xứng đáng.

Vương hầu tướng soái chẳng dành cho riêng ai, miễn kẻ nào có chí là được".

Mọi người hô lớn: "Đúng như vậy, chúng tôi xin nghe theo ngài".

Trần Thắng bảo mọi người dựng một cái đài, may một lá cờ lớn, trên viết một chữ "Sở" rất lớn. Mọi người cùng tuyên thệ sẽ một lòng một dạ đánh đổ triều Tần. Họ tiến cử Trần Thắng, Ngô Quảng làm thủ lĩnh. Chín trăm hảo hán liền chiếm luôn làng Đại Trạch. Nông dân gần đó nghe tin đều mang lương thực tới ủng hộ, thanh niên đều đem cuộc xéng gậy gộc đến xin tòng quân. Người nhiều, không đủ dao kiếm và cờ quạt, họ liền chặt cây đẽo gỗ làm kiếm, chặt tre làm cờ. Như vậy, Trần Thắng và Ngô Quảng đã tổ chức nên cuộc khởi nghĩa nông dân đầu tiên trong lịch sử. Sử sách gọi sự kiện này là "giơ gậy làm cờ".

Quân khởi nghĩa đánh hạ huyện Trần (nay là Hoài Dương, Hà Nam) Trần Thắng mời các phụ lão huyện Trần tới bàn bạc. Mọi người nói: "Tướng quân báo thù cho trăm họ khắp thiên hạ, chinh phạt nước Tần bạo ngược. Công lao to lớn như thế, cần phải xưng vương".

Trần Thắng liền được tôn làm vương, lấy quốc hiệu là "Trương Sở" (nước Sở mở rộng).

50- LƯU BANG VÀ HẠNG VŨ

Sau khi Trần Thắng, Ngô Quảng khởi nghĩa, nhân dân các nơi rầm rộ vùng lên giết quan lại, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Không bao lâu làn sóng nổi dậy của nông dân dâng trên quá nửa nước Trung Hoa.

Trần Thắng điều binh khiển tướng đi tiếp ứng cho các cuộc khởi nghĩa khắp nơi. Họ đánh đâu thắng đó, giành được nhiều đất đai. Nhưng vì chiến tuyến dài, hiệu lệnh không thống nhất nên có nơi bị quý tộc cũ của sáu nước chiếm mất. Sau khi khởi nghĩa nổ ra chưa đầy ba tháng, ở các nước Triệu, Tề, Yên, Ngụy đã có nhiều người giương ngọn cờ khôi phục sáu nước, tự lập làm vương.

Trần Thắng phái cánh quân của Chu Văn tiến công về hướng Tây, nhanh chóng tiến vào Quan Trung (tức vùng từ Hàm Cốc quan về phía Tây) đến gần thủ đô Hàm Dương. Tần Nhị thế hoang mang lo sợ, vội phái đại tướng Chương Hàm thu thập dân phu và phạm nhân đang làm lao dịch ở Ly Sơn, biên chế thành đội ngũ, phản công lại nghĩa quân. Bọn quý tộc cũ tại sáu

nước tự chiếm lĩnh địa bàn của mình, không hề tiếp viện cho nghĩa quân. Cánh quân của Chu Văn phải tác chiến đơn độc, cuối cùng thất bại. Ngô Quảng bị kẻ phản bội giết hại ở Huỳnh Dương. Tới tháng thứ sáu từ khi khởi nghĩa bắt đầu, Trần Thắng cũng bị kẻ phản bội giết trên đường lui quân.

Tuy Trần Thắng, Ngô Quảng mất, nhưng ngọn lửa chống Tần do họ nhóm lên vẫn lan rộng khắp nơi. Tại quận Cối kê ở miền nam (trị Sở nay ở Tô Châu, Giang Tô), thanh thế quân khởi nghĩa rất lớn.

Người lãnh đạo nghĩa quân ở Cối Kê là Hạng Lương cùng với cháu là Hạng Vũ. Hạng Lương là con của Hạng Yên, đại tướng nước Sở trước kia. Khi Sở bị đại tướng Vương Tiễn của Tần tiêu diệt, thì Hạng Yên thất bại tự sát. Hạng Lương vẫn muốn khôi phục nước Sở. Cháu Hạng Lương là Hạng Vũ, một người to lớn và rất thông minh. Hạng Lương thân dạy Hạng Vũ học chữ, nhưng chỉ học mấy ngày, Hạng Vũ không muốn học nữa. Hạng Lương lại dạy Hạng Vũ học múa kiếm, nhưng sau một thời gian, Hạng Vũ cũng bỏ.

Thấy Hạng Lương rất giận, Hạng Vũ thản nhiên giải thích: "Học chữ thì có tác dụng gì? Biết chữ, chẳng qua chỉ để viết cái tên mình. Còn học kiếm, dù có giỏi, cũng chỉ để đánh được mấy người, không có gì ghê gớm. Đã học, thì phải học cái gì đối phó được hàng vạn người".

Hạng Lương thấy khẩu khí Hạng Vũ như thế, liền đem binh thư do tổ tiên truyền lại dạy cho Hạng Vũ. Hạng Vũ chỉ nghe qua là hiểu, nhưng chỉ nắm đại ý, không chịu đi sâu vào chi tiết.

Hạng Lương vốn là người ở Hạ Tương (nay ở Tây nam Túc Thiên Giang Tô), vì có thù oán với người khác



nên tránh đến Ngô Trung thuộc quận Cối Kê. Thanh niên ở Ngô Trung thấy Hạng Lương tài kiêm văn võ đều rất khâm phục, tôn là đại ca. Hạng Lương liền dạy họ học binh pháp, luyện võ nghệ.

Khi nghe tin Trần Thắng khởi nghĩa, họ thấy cơ hội đã đến, liền nổi lên giết quận thú Cối Kê, chiếm lấy quận. Chỉ trong mấy ngày, đã tổ chức được một đội ngũ gồm tám ngàn người. Vì đại đa số trong đó đều là người địa phương, nên gọi là "tứ đệ binh" (quân con em).

Hạng Lương, Hạng Vũ dẫn tám nghìn "tứ đệ binh" vượt sông, nhanh chóng chiếm được quận Quảng Lăng (trị sở nay là thành phố Dương Châu Giang Tô), sau đó lại tiếp tục vượt Hoài Hà, tiến quân lên phía bắc. Trên đường tiến quân, có rất nhiều cánh quân xin sáp nhập, tình nguyện đứng dưới sự chỉ huy của Hạng Lương.

Năm sau, lại có cánh quân hơn một trăm người do Lưu Bang chỉ huy, đi theo Hạng Lương.

Lưu Bang vốn là người huyện Bái (nay là huyện Bái, Giang Tô), đã làm chức đình trưởng (triều Tần qui mười dặm là một đình. Đình trưởng là chức quan nhỏ cai trị trong phạm vi 10 dặm) dưới triều Tần.

Một lần, quan trên sai ông ta dẫn dân phu đến Ly Sơn làm lao dịch. Trên đường mỗi ngày lại có mấy dân phu bỏ trốn, Lưu Bang không thể ngăn trở được. nếu cứ tiếp tục như thế, thì đến Ly Sơn, Lưu Bang không còn đủ dân phu để giao nộp nữa.

Một hôm, trong lúc ngồi nghỉ, Lưu Bang nói: "Các anh đến Ly Sơn làm phu, không chết vì mệt nhọc cũng chết vì bị đánh đập. Nếu không chết thì cũng không biết

năm tháng nào mới được về quê quán. Bây giờ, ta tha các anh ra, các anh tự đi tìm đường sống đi".

Mọi dân phu đều cảm động rơi nước mắt, nói: "Thế còn ngài, ngài sẽ làm thế nào?".

Lưu Bang nói: "Ta cũng không thể trở về được. Thôi thì sẽ trốn đến một nơi nào đó vậy".

Lúc đó có hơn mười dân phu tình nguyện đi theo Lưu Bang. Họ đi đến núi Mang Đãng, ẩn náu ở đó. Qua mấy ngày, đã tập hợp được hơn một trăm người.

Ở huyện Bái có một người làm văn thư là Tiêu Hà và một người coi ngục là Tào Tham, biết Lưu Bang là người nghĩa khí nên rất đồng tình và ngầm giao thiệp với ông.

Đến khi Trần Thắng nổi lên chiếm được huyện Trần, Tiêu Hà và dân chúng trong huyện Bái liền giết chết quan huyện và phái người đến núi Mang Đãng mời Lưu Bang về, xin ông đứng đầu huyện Bái. Mọi người gọi ông ta là Bái Công.

Lưu Bang khởi binh ở huyện Bái, chiêu tập được vài ba ngàn người, liền đánh chiếm quê hương của mình là Phong Hương.

Sau đó, ông ta dẫn quân đánh chiếm các huyện thành khác, không ngờ số quân ở Phong Hương làm phản. Lưu Bang nghe tin, muốn về chiếm lại Phong Hương, nhưng không đủ quân, đành đến nơi khác mượn quân.

Đến Lưu Thành (nay ở đông nam huyện Bái, Giang Tô) thì vừa gặp Trương Lương dẫn hơn một trăm người đi tìm quân khởi nghĩa. Hai người gặp nhau, bàn bạc,

thấy trong số quân khởi nghĩa trong vùng, chỉ có Hạng Lương là có thanh thế lớn nhất, liền quyết định đến theo Hạng Lương.

Hạng Lương thấy Lưu Bang cũng là một nhân tài, liền cấp cho một số người ngựa để về chiếm lại Phong Hương. Từ đó, Lưu Bang, Trương Lương đều trở thành bộ hạ của Hạng Lương.

Sau khi các lãnh tụ khởi nghĩa chủ yếu là Trần Thắng, Ngô Quảng mất đi, quyền lãnh đạo các nơi rơi vào tay các quý tộc cũ của sáu nước. Họ tranh giành đất đai của nhau, gây nên tình thế chia năm sẻ bảy. Đại tướng Chương Hàm và Lý Do của Tần toan nhân cơ hội đó để lần lượt diệt từng lực lượng một. Trước tình hình khẩn cấp đó, Hạng Lương mở một hội nghị ở Tiệt Thành, quyết tâm chinh đồn lại lực lượng khởi nghĩa. Để có danh nghĩa chính đáng, Hạng Lương nghe theo lời mưu sĩ Phạm Tăng, tìm người cháu (tên là Tâm) của Sở Hoài Vương đang lưu lạc trong dân gian, lập làm Sở Vương. Vì người nước Sở vốn thương Sở Hoài Vương vì bị lừa nên phải chết ở Tần nên đều đi theo. Để tăng thêm sức hiệu triệu, người ta lại tôn xưng vua mới của Sở là Sở Hoài Vương.

51. TRẬN ĐẠI CHIẾN Ở CỰ LỘC

Sau khi chinh đốn lại quân đội Hạng Lương đánh thắng liền mấy trận, đánh bại đại tướng Chương Hàm của Tần. Hạng Vũ, Lưu Bang dẫn cánh quân khác, giết được tướng Lý Do. Sau khi thắng trận, Hạng Lương tỏ ra kiêu ngạo, không coi quân Tần ra gì, nên có phần lơ lửng. Chương Hàm chinh đốn lại quân đội, nhân lúc Hạng Lương không phòng bị, tổ chức phản công mãnh liệt. Hạng Lương tử trận, Hạng Vũ, Lưu Bang phải lui về giữ Bành Thành.

Chương Hàm đánh bại Hạng Lương, cho rằng quân Sở đã thiệt hại nặng, không còn sức, liền tạm thời bỏ mặt trận phía nam Hoàng Hà, đem quân về bắc đánh nước Triệu (đây không phải là nước Triệu thời Chiến Quốc, mà là một chính quyền mới thành lập) và nhanh chóng chiếm được đô thành Hàm Đan. Triệu Vương tên là Yết chạy đến Cự Lộc (nay ở Tây nam Bình hương, Hà Bắc).

Chương Hàm cử tướng Vương Ly bao vây thành Cự Lộc, còn tự mình dẫn đại quân đóng tại Cức Nguyên

phía Nam Cự Lộc. Ông ta còn sửa một con đường tải lương từ Cửu Nguyên đến Cự Lộc để tiếp tế cho Vương Ly.

Triệu Vương Yết nhiều lần cử người đến gặp Sở Hoài Vương xin cứu viện. Lúc đó, Sở Hoài Vương đang muốn phái quân sang phía Tây đánh Hàm Dương. Hạng Vũ nóng lòng muốn báo thù cho chú (tức Hạng Lương), nên xin đem quân đánh vào cửa quan (tức cửa Hàm Cốc, đường dẫn tới Hàm Dương).

Một số lão thần nói riêng với Sở Hoài Vương: "Hạng Vũ tính tình xốc nổi, ham giết người, Lưu Bang là người trung hậu, nên cử Lưu Bang đi". Vừa lúc nước Triệu đến xin viện binh, Sở Hoài Vương liền phái Lưu Bang đi đánh Hàm Dương, và phái Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, Hạng Vũ làm phó tướng, đem 20 vạn quân đi cứu nước Triệu.

Tống Nghĩa dẫn đại quân đến An Dương (nay ở Đông nam An Dương, Hà Nam), nghe nói thanh thế quân Tần rất lớn, liền hạ lệnh dừng lại, để chờ cho quân Tần đánh nhau với Triệu, tiêu hao bớt lực lượng rồi sẽ tiến quân.

Tống Nghĩa án binh bất động, đóng ở An Dương suốt bốn mươi sáu ngày. Hạng Vũ không chờ đợi nổi, đến nói với Tống Nghĩa: "Quân Tần bao vây Cự Lộc, tình hình khẩn cấp như vậy, chúng ta nên mau mau vượt sông, phối hợp với quân Triệu ở trong thành, cùng nhau đánh ép lại, thì nhất định thắng được quân Tần".

Tống Nghĩa nói: "Chúng ta hãy đợi cho quân Tần và quân Triệu quyết chiến một trận rồi sau sẽ liệu". Ông ta lại nói với Hạng Vũ: "Nói về chuyện xông xáo ngoài chiến trường thì ta không bằng anh, nhưng nói về mặt



bày mưu kế trong màn trướng, thì anh không bằng ta được!"

Ông ta còn hạ lệnh: "Tướng sĩ nếu ai không phục tùng chỉ huy thì sẽ chém đầu theo quân pháp!"

Mệnh lệnh đó rõ ràng là nhằm vào Hạng Vũ, khiến Hạng Vũ tức điên người. Lúc đó đã là tháng 11, thời tiết phương bắc lạnh giá, lại gặp mưa lớn, doanh trại quân Sở không nhận đủ lương thảo tiếp tế, quân lính đói rét, nhiều người oán thán.

Hạng Vũ nói: "Hiện nay trại quân không đủ lương thực, nhưng thượng tướng quân vẫn án binh bất động, cứ uống rượu nghe nhạc, không lo đến việc quốc gia, không thương xót quân lính. Như vậy, thì sao xứng là thượng tướng quân nữa".

Hôm sau, nhân lúc hội nghị, Hạng Vũ liền rút kiếm chém đầu Tống Nghĩa. Ông xách đầu Tống Nghĩa, nói với tướng sĩ: "Tống Nghĩa phản bội lại đại vương (tức Sở Hoài Vương), ta vâng lệnh đại vương, đã giết hắn ta rồi".

Đại đa số tướng sĩ là người dưới quyền cũ của Hạng Lương, còn Tống Nghĩa thì không có uy tín gì lớn. Mọi người thấy Hạng Vũ đã giết Tống Nghĩa, đều tình nguyện nghe theo sự chỉ huy của Hạng Vũ.

Hạng Vũ cử người báo cáo với Sở Hoài Vương về việc giết Tống Nghĩa. Sở Hoài Vương tuy rất không bằng lòng, nhưng cũng đành phong Hạng Vũ làm thượng tướng quân.

Sau khi giết Tống Nghĩa, Hạng Vũ liền phái Anh Bố và Bồ tướng quân dẫn hai vạn người làm tiên phong.

vượt qua Chương Thủy, cắt đứt đường tải lương của quân Tần và cắt rời liên lạc giữa Chương Hàm với Vương Ly. Sau đó, Hạng Vũ dẫn quân chủ lực vượt sông.

Vượt sông xong, Hạng Vũ hạ lệnh cho quân sĩ, mỗi người mang theo ba ngày lương khô, rồi sai đập vỡ hết số nồi nấu cơm, đục thủng hết các thuyền vượt sông (việc đó được gọi là "phá phủ trầm chu" - phá nồi, đục thuyền) và nói với tướng sĩ: "Chúng ta đánh trận này, chỉ tiến chứ không lùi, hẹn trong ba ngày, nhất định phải đánh lui quân Tần".

Quyết tâm và dũng khí của Hạng Vũ có tác dụng cổ vũ sĩ khí rất lớn. Quân Sở bao vây quân của Vương Ly, dũng cảm chém giết, một người địch nổi mười người quân Tần. Qua chín trận đánh kịch liệt, bắt sống được Vương Ly. Quân Tần phần bị chết, phần tan chạy. Thành Cự Lộc được giải vây.

Lúc đó, có tới mười mấy đạo quân đến cứu Triệu, nhưng họ đều sợ quân Tần lớn mạnh, chỉ đóng trại mà không dám giao chiến. Lần này, nghe tiếng hô giết vang trời dậy đất của quân Sở, họ leo lên chiến lũy đứng xem, thấy quân Sở hăng hái chém giết quân Tần, đều nín thở kinh hãi. Tới khi Hạng Vũ đánh tan quân Tần, mời họ đến họp ở quân doanh, thì các tướng chỉ huy mấy đạo quân đó quì lết tiến vào, không dám ngẩng đầu lên.

Tất cả ca ngợi Hạng Vũ: "Thần uy của tướng quân thật là từ cổ đến nay chưa từng có. Chúng tôi xin tình nguyện nghe theo sự chỉ huy của tướng quân."

Từ đó về sau, trên thực tế, Hạng Vũ trở thành thủ lĩnh của tất cả các cánh quân đánh Tần.

52- LƯU BANG VÀO HÀM DƯƠNG

Quân Tần thua ở Cự Lộc, nhưng Chương Hàm vẫn còn hơn hai mươi vạn quân đóng ở Cốc Nguyên. Ông ta tâu về triều, xin viện binh. Nhị Thế và Triệu Cao không những không cử quân tới cứu, còn kể tội Chương Hàm. Chương Hàm sợ Triệu Cao hại mình, đành dẫn quân đầu hàng Hạng Vũ.

Tin Chương Hàm đầu hàng truyền tới Hàm Dương, vương triều Tần rối loạn.

Lúc đó, mọi quyền hành trong triều đều nằm trong tay Triệu Cao. Sau khi giết Lý Tư, Triệu Cao biết đại thần có nhiều người không phục mình. Một lần, hắn ta dắt một con hươu vào sân rồng, và nói trước Nhị Thế và các đại thần: "Thần có được con ngựa quý, xin dâng lên bệ hạ".

Nhị Thế tuy là kẻ hồ đồ, nhưng cũng vẫn phân biệt được hươu và ngựa, liền cười nói: "Thừa tướng đừng nói đùa. Đây là con hươu, Sao lại nói là ngựa?"

Triệu Cao nói: "Sao lại không phải là ngựa, xin mời mọi người nói xem".

Nhị Thế liền hỏi các đại thần, rất nhiều người hiểu rõ dụng ý của Triệu Cao, liền nói hòa theo: "Thật là một con ngựa tốt".

Cũng có người sợ hãi, không dám lên tiếng. Chỉ có số ít đại thần kiên quyết nói rằng đó là con hươu.

Mấy hôm sau, những người nói là hươu đều bị Triệu Cao kiếm cớ ghép tội.

Từ đó về sau, trong cung và ngoài triều đình, các quan lại từ lớn đến nhỏ đều sợ Triệu Cao, không ai dám nói với Nhị Thế về sai lầm của hắn nữa.

Năm 206 trước Công nguyên, quân của Lưu Bang đánh phá Vũ Quan (nay ở đông nam huyện Đan Phượng, Thiểm Tây) cách Hàm Dương không xa. Nhị Thế nghe tin thì giật mình run sợ, liền vội bảo Triệu Cao cử quân đi cứu viện. Triệu Cao biết rằng không thể giấu giếm được nữa, liền phái tâm phúc bức tử Nhị thế.

Triệu Cao giết Nhị thế, rồi triệu tập các đại thần nói: "Hiện nay sáu nước đã khôi phục, nước Tần không thể giữ cái hư danh hoàng đế nữa, nên lại xưng vương như trước. Ta thấy Tử Anh là cháu của Nhị Thế, có thể lập làm Tần Vương". Các đại thần không dám trái lời Triệu Cao, đành đồng ý.

Tử Anh biết Triệu Cao giết Nhị Thế và muốn lên làm vua, nhưng sợ các đại thần và chư hầu phản đối, nên mới giả vờ lập mình làm vua. Vì vậy, Tử Anh bàn với hai con, đến ngày lên ngôi, Tử Anh cáo bệnh không ra. Triệu Cao tự mình đến thúc giục, liền bị giết chết.

Tử Anh giết xong Triệu Cao, liền cử năm vạn quân ra giữ Nghiêu Quan (nay ở Tây bắc huyện Thương, Thiểm Tây, Lưu Bang dùng kế Trương Lương, cử người



lên cắm cờ la liệt ở trái phải Nghiêu Quan làm nghi binh; một mặt phái đại tướng Chu Bột đem toàn bộ binh mã vòng qua Nghiêu Quan từ góc đông nam đánh vào, giết chết tướng giữ cửa quan, tiêu diệt quân Tần ở đó.

Quân Lưu Bang tiến qua Nghiêu Quan, vào Bá Thượng (nay ở phía đông thành phố Tây An, Thiểm Tây). Tần Vương Tử Anh đem theo các đại thần ra xin hàng. Tử Anh cố quàng đai (tỏ ý xin chịu tội) tay bưng ngọc tử, bình phù và tiết trượng khom lưng đợi ở bên đường.

Cấp dưới của Lưu Bang muốn giết Tử Anh, nhưng Lưu Bang nói: "Sở Hoài Vương cử ta vào Hàm Dương là vì tin ta biết đối xử khoan hậu. Thêm nữa, người ta đã đầu hàng rồi mà còn giết là không tốt". Nói xong, ông ta nhận ngọc tử, giao Tử Anh cho tướng sĩ coi giữ.

Như vậy, vương triều Tần lớn mạnh do Tần Thủy Hoàng xây dựng nên, chỉ duy trì được mười lăm năm, đã bị làn sóng khởi nghĩa nông dân tiêu diệt.

Quân Lưu Bang vào Hàm Dương, tướng sĩ tranh nhau đi lòng sục kho tàng của vua Tần để lấy vàng bạc, khiến cung đình hỗn loạn. Chỉ có Tiêu Hà không chú ý gì đến những cái đó, mà chạy ngay đến thừa tướng phủ, thu thập mọi hồ sơ về hộ khẩu, bản đồ để bảo quản lại.

Lưu Bang có các tướng sĩ đi kèm, tiến vào Cung A Phòng nguy nga tráng lệ. Ông ta hoa mắt trước các đồ đạc, màn trướng sang trọng, xa hoa và biết bao cung tần mỹ nữ xinh tươi, ngây người ra mãi, không muốn trở ra.

Lúc đó, bộ tướng Phàn Khoái xông vào, nói: "Bái Công muốn chiếm thiên hạ hay chỉ muốn làm một phú ông? Những thứ đồ xa xỉ hoa lệ này đã làm triều Tần diệt vong, ngài muốn dùng chúng làm gì? Nên mau trở về trại quân đi thôi".

Lưu Bang không nghe theo, nói: "Để ta nghỉ một lát đã".

Vừa may Trương Lương cũng tiến vào, nghe thấy lời Phàn Khoái, liền nói với Lưu Bang: "Tục ngữ nói: Lời nói ngay thẳng nghe chướng tai nhưng lợi cho công việc. Thuốc chữa bệnh tuy đắng miệng nhưng chữa được bệnh. Lời của Phàn Khoái là rất đúng. Mong bệ hạ nên nghe theo".

Lưu Bang xưa nay vẫn rất tín nhiệm Trương Lương, nghe lời ông ta liền tỉnh ngộ, dặn dò tướng sĩ niệm phong kho tàng, dẫn các tướng sĩ trở về trại quân ở Bá Thượng.

Sau đó, Lưu Bang triệu tập các phụ lão ở vùng Hàm Dương, nói với họ: "Dân chúng ở đây đã cực khổ vì chính sách bạo ngược của Triều Tần. Hôm nay, tôi xin cùng các vị ước định ba điều pháp lệnh: Một là, giết người thì phải đền mạng. Hai là, đánh người bị thương phải trị tội. Ba là, trộm cắp sẽ phải xử tội. Ngoài ba điều đó, mọi pháp luật, cấm lệnh cũ của nước Tần đều nhất loạt phế bỏ hết. Các phụ lão và dân chúng cứ an cư lạc nghiệp, bất tất phải kinh sợ". Lịch sử gọi ba điều qui định trên của Lưu Bang là "ước pháp tam chương".

Lưu Bang còn bảo phụ lão các huyện và quan lại cũ của triều Tần đi các nơi phổ biến cho dân chúng về ba điều qui định đó.

Trăm họ nghe được qui định của Lưu Bang thì vô cùng phấn khởi. Họ tranh nhau mang bò, lợn, rượu và lương thực đến ứ lạo quân của Lưu Bang. Lưu Bang khôn khéo từ chối, bảo họ mang các thứ đó về, vì: "Kho tàng của nhà Tần đã có đủ lương thực, không dám phiền đến sự đóng góp của trăm họ nữa".

Từ đó về sau, quân của Lưu Bang đã lưu lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng dân Hàm Dương. Mọi người chỉ muốn Lưu Bang lưu lại đó làm vương.

53- YẾN TIỆC Ở HỒNG MÔN

Sau khi tiếp nhận sự đầu hàng của Chương Hàm Hạng Vũ muốn nhân dịp nước Tần hỗn loạn, đem quân vào Hàm Dương.

Đại quân đến Tân An (nay là Tân An, Hà Nam), số quân Tần đầu hàng bàn bạc với nhau: gia đình chúng ta ở Quan Trung, bây giờ đánh vào đó, người bị tai nạn lại chính là gia đình chúng ta. Nếu đánh vào không được, quân Sở lại đem chúng ta sang phía Đông, gia đình chúng ta sẽ bị triều Tần giết hết. Làm thế nào bây giờ?"

Các bộ tướng nghe thấy lời bàn bạc đó, liền báo với Hạng Vũ. Hạng Vũ sợ không quản lý được, liền nảy ra ý định tàn sát, trừ Chương Hàm và hai hàng tướng ra, còn chỉ trong một đêm, đem chôn sống hết hơn hai mươi vạn quân Tần. Từ đó về sau, Hạng Vũ nổi tiếng là người tàn bạo.

Đại quân của Hạng Vũ đến cửa Hàm Cốc, thấy trên cửa quan có quân đóng giữ, không cho tiến vào. Tướng

sĩ giữ cửa quan nói: "Chúng tôi vâng lệnh Bái Công, bất kỳ đội quân nào, cũng không cho vào".

Hạng Vũ bừng bừng nổi giận, hạ lệnh cho tướng sĩ đánh mạnh vào Hàm Cốc Quan. Binh lực của Lưu Bang ít, nên chẳng mấy lúc, Hạng Vũ đã đánh vào cửa quan, sau đó tiếp tục tiến lên, đến thẳng Tân Phong, Hồng Môn (nay ở Đông bắc Lâm Đồng, Thiểm Tây) rồi đóng quân lại.

Thủ hạ của Lưu Bang có một viên quan tên là Tào Vô Thương, muốn đi theo Hạng Vũ, liền phái người đến mật cáo với Hạng Vũ: "Lần này Bái Công vào Hàm Dương là muốn làm vương ở đó".

Hạng Vũ nghe tin, nổi giận chửi rủa tàn tệ.

Mưu sĩ Phạm Tăng nói với Hạng Vũ: "Lần này Lưu Bang vào Hàm Dương, không tham lấy của cải và gái đẹp, tỏ rằng ông ta có mưu đồ lớn. Bây giờ không tiêu diệt đi thì hậu họa sẽ vô cùng".

Hạng Vũ hạ quyết tâm tiêu diệt binh lực của Lưu Bang. Lúc đó, quân của Hạng Vũ có bốn mươi vạn, đóng tại Hồng Môn, quân của Lưu Bang có mười vạn, đóng tại Bá Thượng. Hai bên đóng cách nhau bốn mươi dặm, lực lượng lại rất chênh lệch, nên Lưu Bang ở vào tình thế rất nguy hiểm.

Chú của Hạng Vũ là Hạng Bá, vốn là bạn cũ của Trương Lương đã từng cứu ơn cứu mạng của Trương Lương. Ông ta sợ nếu hai bên đánh nhau thì Trương Lương sẽ bị nguy hiểm, liền phóng ngựa suốt đêm tới Bá Thượng gặp Trương Lương, khuyên Trương Lương nên trốn đi.

Trương Lương không chịu rời bỏ Lưu Bang, và nói cho Lưu Bang biết tình hình đó.

Lưu Bang liền cùng Trương Lương đến gặp Hạng Bá, ra sức biện bạch là bản thân không hề có ý chống Hạng Vũ, xin Hạng Bá nói giúp với Hạng Vũ.

Hạng Bá nhận lời và dặn Lưu Bang nên thân đem lễ vật tới chào Hạng Vũ.

Sáng hôm sau, Lưu Bang dẫn Trương Lương, Phàn Khoái và hơn một trăm tùy tùng, đến Hồng Môn bái kiến Hạng Vũ. Lưu Bang nói: "Tôi cùng với tướng quân đồng tâm hiệp lực đánh quân Tần, tướng quân ở phía bắc sông, tôi ở phía nam sông (Hoàng Hà). Bản thân tôi cũng không ngờ lại vào được cửa quan trước. Hôm nay gặp tướng quân ở đây, thật là một việc vui mừng. Ngờ đâu lại có người gièm pha trước mặt tướng quân khiến tướng quân giận dữ. Thật là một điều đại bất hạnh." Hạng Vũ thấy Lưu Bang ăn nói nhún nhường, liền tiêu tan cơn giận, thực thà nói: "Đó chính là do Tào Vô Thương, bộ hạ của ông nói ra. Nếu không, ta làm sao biết được".

Hôm đó, Hạng Vũ giữ Lưu Bang ở lại quân doanh dự tiệc, mời Phạm Tăng, Hạng Bá, Trương Lương cùng dự.

Trong tiệc rượu, mấy lần Phạm Tăng đưa mắt ra hiệu cho Hạng Vũ và nâng ngọc quyết đeo bên mình lên, tỏ ý yêu cầu Hạng Vũ hạ quyết tâm thừa cơ giết Ngay Lưu Bang. Nhưng Hạng Vũ cố ý làm ra vẻ không nhìn thấy.

Phạm Tăng thấy Hạng Vũ không nỡ hạ thủ, liền lấy cớ đi ra ngoài tìm người anh em họ của Hạng Vũ là Hạng Trang nói: "Đại vương của chúng ta (chỉ Hạng



Vũ) mềm yếu quá. Anh hãy vào chúc rượu, rồi lựa dịp, đâm chết Lưu Bang đi cho xong".

Hạng Trang vào chúc rượu, rồi nói: "Trong quân không có gì giải trí. Tôi xin múa kiếm giúp vui". Nói xong rút kiếm ra múa, mỗi lúc tiến dần tới trước Lưu Bang.

Hạng Bá thấy dụng ý của Hạng Trang là muốn giết Lưu Bang, liền nói: "Để ta cùng múa đôi cho vui". Rồi ông ta cũng rút kiếm ra múa, vừa múa vừa lấy thân mình ra che đỡ cho Lưu Bang, khiến Hạng Trang không thể tới gần được.

Trương Lương thấy tình hình căng thẳng, liền xin phép đi ra ngoài, tìm Phan Khoái đang đứng ngoài cửa chính. Phan Khoái vội hỏi: "Có việc gì vậy?" Trương Lương nói: "Tình thế rất nguy cấp, hiện Hạng Trang đang múa kiếm, có ý muốn hạ thủ Bái Công".

Phan Khoái nhảy lên nói: "Đã thế thì cùng chết!" Rồi tay phải cầm kiếm, tay trái cầm thuẫn, xông vào quân doanh. Vệ sĩ muốn ngăn lại, Phan Khoái cầm thuẫn gạt mạnh, làm vệ sĩ ngã quay ra đất. Ông ta vạch màn trướng, xông thẳng vào, giận dữ nhìn Hạng Vũ, đầu tóc dựng ngược, hai mắt trợn trừng, tướng như nứt cả kẽ mắt.

Hạng Vũ giật mình, chống kiếm hỏi: "Kẻ nào đó? Đến đây làm gì?"

Trương Lương đã cùng vào, trả lời thay: "Thưa đại vương, đây là người đánh xe cho Bái Công, tên là Phan Khoái".

Hạng Vũ nói: "Đúng là một tráng sĩ!" Rồi gọi tùy tùng mang đến cho Phàn Khoái một bát rượu và một đùi lợn.

Phàn Khoái vừa uống rượu vừa giận dữ nói: "Lúc trước, Hoài Vương có giao hẹn với tướng sĩ là ai vào cửa quan trước, người đó sẽ được phong vương. Nay Bái Công vào trước, đã không lên làm vương, lại niêm phong kho tàng, đóng cửa cung điện, đem quân đóng ở Bá Thượng, ngày ngày mong chờ tướng quân đến. Công lao to lớn như thế, đã không được khen thưởng gì, mà tướng quân lại còn muốn giết ông ta. Đó là tướng quân lại muốn đi theo con đường cũ của Tần Vương, tôi trộm lấy làm lo thay cho tướng quân".

Hạng Vũ nghe nói, không trả lời được, chỉ nói: "Ngồi xuống đi!" Phàn Khoái liền ngồi xuống cạnh Trương Lương.

Một lát sau, Lưu Bang đứng dậy đi tiểu, Trương Lương và Phàn Khoái cùng theo ra. Lưu Bang trao lễ vật cho Trương Lương để dâng lên Hạng Vũ, nhờ Trương Lương từ biệt giúp với Hạng Vũ, còn mình cùng Phàn Khoái theo đường tắt chạy về Bá Thượng.

Lưu Bang đi một lúc lâu, Trương Lương mới trở vào, nói với Hạng Vũ: "Lưu Bang tửu lượng kém, đã uống quá say nên xin phép về trước, có sai tôi dâng lên một đôi bạch bích tặng tướng quân và một đôi ngọc dấu tặng á phụ (chỉ Phạm Tăng)

Hạng Vũ nhận bạch bích, để cạnh chỗ ngồi, còn Phạm Tăng thì dùng dùi nổi giận, quăng ngọc dấu xuống đất, rút kiếm băm vằm tan nát, nói: "Hãy! đúng là thằng trẻ con (chỉ Hạng Vũ). Chẳng có cách nào bày mưu kế cho được. Sau này, người giành được thiên hạ,

nhất định sẽ là Lưu Bang, chúng ta chỉ có việc chờ bị bắt làm tù binh thôi".

Cuộc yến tiệc dài công sắp đặt, đã kết thúc một cách không kèn không trống như vậy đó.

54- TIÊU HÀ ĐUỔI THEO GIỮ HÀN TÍN

Hạng Vũ vào Hàm Dương, giết Tần vương Tử Anh và hơn tám trăm quý tộc Tần, rồi hạ lệnh đốt cháy Cung A Phòng. Hơn năm mươi vạn binh sĩ theo Hạng Vũ vào Hàm Dương, không ai là đã không chịu sự áp bức của Triều Tần. Nhìn thấy Cung A Phòng tráng lệ, nghĩ tới mối hận cũ, lòng căm thù bốc lên ngàn ngút. Nay được lệnh của Hạng Vũ, mỗi người đều góp một mớ lửa. Đám cháy lớn bốc lên suốt ba tháng trời mới tắt. Cung A Phòng chỉ còn lại một đồng tro tàn. Hạng Vũ vốn là một quý tộc nước Sở, nhân cơ hội khởi nghĩa nông dân mà tham gia cuộc chiến tranh chống Tần. Sau khi diệt triều Tần, ông không nghĩ tới quyền lợi của quảng đại nông dân, nên lại quyết định phân phong đất đai, khiến cục diện thống nhất của Trung Quốc lại bị chia năm sẻ bảy.

Lúc đó, thủ lĩnh danh nghĩa là Sở Hoài Vương, Hạng Vũ đổi gọi ông là Nghĩa đế, bề ngoài tuy thừa nhận là đế, nhưng thực tế chỉ có hư danh, mọi việc phân phong, đều do Hạng Vũ chủ trương. Ông phong cho các quý tộc cũ của sáu nước và các tướng lĩnh có công, tất cả mười

tám người làm vương, và tự xưng là Tây Sở Bá Vương. Thời kỳ Xuân Thu đã có Bá Vương. Hạng Vũ tự xưng Bá Vương, có nghĩa là tự tuyên bố mình có quyền ra lệnh cho các chư hầu, các chư hầu đều phải nghe theo sự chỉ huy. Đến năm sau, Hạng Vũ cùng giết luôn vua bù nhìn là Nghĩa đế.

Sau khi phân phong, các chư hầu phải mang quân về đất phong của mình. Hạng Vũ cũng kéo quân về đô thành Bành Thành (nay là thành phố Từ Châu, Giang Tô).

Trong mười tám chư hầu, Hạng Vũ ký nhất là Lưu Bang. Ông phong Lưu Bang ở vùng xa xôi nhất là Ba Thục và Hán Trung, gọi là Hán Vương. Lại phân phong miền Quan Trung cho ba hàng tướng Tần là Chương Hàm và hai người khác, yêu cầu họ chặn đường, không để Lưu Bang ra khỏi đất phong.

Hán Vương Lưu Bang rất không hài lòng về đất phong của mình, nhưng vì binh lực nhỏ yếu, không thể so đo được với Hạng Vũ, đành dẫn quân về Nam Trịnh (nay ở phía đông Hán Trung, Thiểm Tây) là đô thành của vùng này.

Đến Nam Trịnh, Hán Vương phong Tiêu Hà làm thừa tướng, Tào Tham, Phàn Khoái, Chu Bột làm tướng quân, chuẩn bị lực lượng để tranh đoạt thiên hạ với Hạng Vũ. Nhưng binh lính dưới quyền ông chỉ muốn về quê hương, ngày nào cũng có người bỏ trốn, làm cho Hán Vương lo lắng ăn không ngon.

Một hôm, bỗng có người vào báo:

"Thừa tướng trốn mất rồi!"

Hán Vương lo cuống quít, như bị chém đứt một cánh tay.



Đến sớm ngày thứ ba, Tiêu Hà mới trở về. Hán Vương nhìn thấy vừa giận, vừa mừng, trách Tiêu Hà: "Tại sao người lại bỏ trốn?"

Tiêu Hà nói: "Thần đâu có bỏ trốn? Thần chỉ đuổi theo giữ kẻ bỏ trốn lại thôi",

Hán Vương hỏi: "Người đuổi theo ai?"

Tiêu Hà nói: "Hàn Tín".

Hàn Tín vốn là người ở Hoài Âm. Sau khi Hạng Lương khởi binh, dẫn quân qua Hoài Âm, Hàn Tín liền đi theo, làm một tên lính trong quân Sở. Hạng Lương chết, Hàn Tín lại theo Hạng Vũ. Hạng Vũ thấy Hàn Tín nhanh nhẹn hơn một tên lính thường, liền cho làm một chức quan nhỏ.

Mấy lần Hàn Tín hiến kế, Hạng Vũ đều không dùng. Hàn Tín rất thất vọng. Tối khi Hán Vương vào Nam Trịnh, Hàn Tín liền đi theo Hán Vương.

Hàn Tín đến Nam Trịnh, Hán Vương cũng chỉ cho làm một chức quan nhỏ. Có lần, Hàn Tín phạm pháp, suýt bị chém đầu. May mà lúc đó, một bộ tướng của Lưu Bang là Hạ Hầu Anh đi qua, Hàn Tín liền kêu lớn: "Hán Vương không muốn chiếm thiên hạ hay sao mà lại chém tráng sĩ!".

Hạ Hầu Anh thấy đáng diệu Hàn Tín quả là một trang hảo hán, liền tha ông ta ra và tiến cử với Hán Vương. Hán Vương cử Hàn Tín làm chức quan quản lý lương thực.

Sau đó, thừa tướng Tiêu Hà gặp Hà Tín, cùng nhau đàm đạo thấy Hàn Tín là người có tài, rất khâm phục

và nhiều lần đề nghị Hán Vương trọng dụng, nhưng Hán Vương vẫn không nghe theo.

Hàn Tín thấy Hán Vương không trọng dụng mình, nên nhân lúc nhiều người bỏ trốn cũng tìm cơ hội trốn đi. Tiêu Hà được tin Hàn Tín bỏ trốn, liền vội vã, tự mình cưỡi ngựa tốt đuổi theo. Đuổi suốt hai ngày mới theo kịp và giữ Hàn Tín lại.

Hán Vương thấy Tiêu Hà đuổi theo giữ Hàn Tín, thì nổi giận nói: "Tướng tá bỏ trốn có tới hàng chục người mà người không quan tâm, lại đuổi theo để giữ Hàn Tín là có làm sao?"

Tiêu Hà nói: "Tướng thông thường thì có hay không cũng được, nhưng nhân tài như Hàn Tín thì có một không hai. Nếu đại vương muốn ở Hán Trung suốt đời thì không cần dùng đến Hàn Tín; còn nếu muốn chiếm lấy thiên hạ thì không thể không dùng ông. Như vậy, đại vương định thế nào?"

Hán Vương nói: "Đương nhiên ta muốn sang phía Đông, chứ sao lại muốn ở đây mãi".

Tiêu Hà nói: "Đại vương muốn giành thiên hạ thì mau mau trọng dụng Hàn Tín. Nếu không trọng dụng thì trước sau anh ta cũng bỏ đi thôi".

Hán Vương nói: "Thôi được, ta nghe lời người, cho ông ta làm tướng".

Tiêu Hà nói: "Phong làm tướng, cũng không giữ được ông ta đâu".

Hán Vương nói: "Thì phong ông ta làm đại tướng vậy".

Tiêu Hà phấn khởi nói: "Đại vương thật là sáng suốt".

Hán Vương bảo Tiêu Hà gọi Hàn Tín tới, định phong ngay làm đại tướng. Tiêu Hà thẳng thắn nói: "Thường ngày, đại vương ít chú ý đến lễ tiết. Phong đại tướng là một việc lớn, không thể tùy tiện gọi người ta đến như trò đùa của con trẻ.

Nếu đại vương quyết tâm phong Hàn Tín làm đại tướng, thì phải chọn ngày tốt, lập đàn, tiến hành nghi thức bái tướng long trọng mới được".

Hán Vương nói: "Cũng được. Ta nghe theo người".

Trong trại Hán lưu truyền tin tức: Hán Vương đang chọn ngày lập đàn bái tướng. Mấy tướng theo Hán Vương từ đầu từng có công, đều phấp phỏng không ngủ được, cho rằng chắc hẳn chức đại tướng sẽ phong cho mình.

Đến ngày bái tướng, mọi người mới được biết là người được phong đại tướng lại là anh chàng Hàn Tín mà hàng ngày ai cũng coi thường, thì tất cả đều ngơ ngác.

Sau khi cử hành nghi thức bái tướng, Hán Vương tiếp kiến Hàn Tín và nói: "Thưa tướng đã nhiều lần tiến cử tướng quân. Tướng quân nhất định có kế sách hay, xin tướng quân chỉ giáo".

Hàn Tín tạ ơn Hán Vương, sau đó trình bày tường tận cho Hán Vương nghe mọi điều kiện của hai bên Hán, Sở (Hạng Vũ) và cho rằng nếu đông chinh, nhất định sẽ chiến thắng Hạng Vũ. Hán Vương càng nghe càng phấn khởi, cứ tiếc mãi là không sớm phát hiện nhân tài.

Từ đó về sau, Hàn Tín chỉ huy tướng sĩ, thao luyện binh mã, dần dần chuẩn bị đủ điều kiện để tiến sang phía Đông đánh Hạng Vũ.

55- SỞ HÁN TRANH HÙNG

Hán Vương Lưu Bang bái Hàn Tín làm đại tướng, Tiêu Hà làm thừa tướng, chỉnh đốn hậu phương, huấn luyện binh mã. Tháng 8 năm 206 trước Công nguyên, Hán Vương và Hàn Tín mang quân đánh Quan Trung. Trăm họ ở Quan Trung vốn có cảm tình với Hán Vương từ ngày ban hành "ước pháp tam chương" nên khi quân Hán tới đại đa số không muốn chống lại. Chưa đầy ba tháng, Hán Vương đã tiêu diệt được lực lượng của mấy hàng tướng là bọn Chương Hàm, hoàn toàn chiếm lĩnh vùng Quan Trung.

Tình hình đó khiến Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ rất tức giận. Hạng Vũ toan đưa quân lên phía Tây đánh Lưu Bang, nhưng ở phía Đông lại xảy ra sự biến: Diên Vinh ở nước Tề nổi lên đánh đuổi Tề vương do Hạng Vũ phong, tự lập làm vương, tình hình có phần nghiêm trọng hơn phía Tây. Hạng Vũ đành đem quân đánh Tề trước.

Hán Vương Lưu Bang lợi dụng tình hình Hạng Vũ đánh Tề chưa ngã ngũ, liền đưa quân qua phía Đông,

đánh chiếm Bành Thành, đô thành của Tây Sở Bá Vương. Hạng Vũ lại vội rời bỏ nước Tề, quay binh lại giao chiến với quân Hán một trận lớn ở Tuy Thủy.

Quân Hán đại bại, một số lớn chết đuối dưới sông Tuy Thủy, một số khá lớn bị bắt. Cha của Hán Vương là Thái Công và vợ là Lã Hậu cũng bị Hạng Vũ bắt sống.

Hán Vương lui về dải Huỳnh Dương, Thành Cao (nay đều thuộc huyện Huỳnh Dương, Hà Nam), thu thập số quân tàn sót. Lúc đó, Tiêu Hà điều một số quân từ Quan Trung tới, Hàn Tín cũng dẫn quân tới hợp với Hán Vương, quân Hán mới phần chấn lên được.

Hán Vương dùng biện pháp đánh để giữ, một mặt giữ vùng Huỳnh Dương, dùng một binh lực nhỏ kiểm chế quân Hạng Vũ; một mặt phái Hàn Tín mang quân lên Bắc, thu phục các nước Ngụy, Yên, Triệu.

Mưu sĩ của Hạng Vũ là Phạm Tăng khuyên Hạng Vũ nhanh chóng đánh chiếm Huỳnh Dương. Hán Vương hết sức lo lắng. Mưu sĩ Trần Bình vốn là người từ phía Hạng Vũ chạy sang, hiến kế cho Bái Công tìm cách ly gián Hạng Vũ với Phạm Tăng.

Hạng Vũ vốn tính đa nghi, bị trúng kế phản gián, đem lòng nghi Phạm Tăng. Phạm Tăng vô cùng uất ức, nói với Hạng Vũ: "Đại thế trong thiên hạ đã định rồi, đại vương nên định liệu cho khéo. Thân đã già yếu, xin cho về quê nghỉ ngơi".

Phạm Tăng rời Huỳnh Dương, trên đường vừa buồn vừa giận, sinh bệnh. Chưa về tới Bành Thành thì phát một nhọt độc sau lưng rồi chết.



Phạm Tăng chết, trong quân Sở không có người bày mưu lập kế cho Hạng Vương, vì vậy, sức ép với Bành Thành giảm đi. Hán vương dùng thiếu số binh lực kiểm chế quân Hạng Vũ ở Huỳnh Dương, Thành Cao, để Hàn Tín tiếp tục đánh phía Bắc và phía Đông, lại sai Bành Việt đem quân cắt đứt đường tiếp lương sau lưng quân Sở, làm cho quân Hạng Vũ phải tới lui tác chiến không ngừng.

Hai bên Hán Sở cứ như thế cầm cự nhau hơn hai năm.

Năm 203 trước Công nguyên, Hạng Vũ thân đi đánh Bành Việt, để tướng dưới quyền là Tào Cửu ở lại giữ Thành Cao, và dặn dò kỹ lưỡng là tuyệt đối không được đưa quân ra đánh nhau với quân Hán.

Hán vương thấy Hạng Vũ đã đi khỏi, liền phái quân khiêu chiến. Tào Cửu nhất định không chịu ra đánh. Hán Vương liền sai quân suốt ngày đứng cách sông Tị Thủy réo gọi chửi rủa.

Suốt mấy ngày liền, Tào Cửu chịu không nổi, liền quyết định đưa quân qua sông quyết chiến.

Quân Sở lính nhiều thuyền ít, phải chia ra từng tốp vượt sông. Quân Hán nhân cơ hội quân Sở vượt được nửa chừng, liền đánh bại tiền quân Sở, hậu quân rối loạn, dẫm đạp lên nhau. Tào Cửu thấy không còn mặt mũi nào gặp lại Hạng Vũ, liền tự sát bên bờ sông Tị Thủy.

Hạng Vũ đang đánh thắng ở phía đông, nghe tin Thành Cao thất thủ, liền vội quay về phía Tây đối phó với Hán Vương. Hai bên Hán Sở lại cầm cự nhau ở

Quảng Vũ (nay ở đông bắc huyện Huỳnh Dương, Hà Nam).

Thời gian kéo dài, lương thực của quân Sở tiếp tế không kịp. Hạng Vũ không có cách gì, liền trối cha của Hán Vương lại, để trên bàn mổ lợn, cử người lớn tiếng thét: "Lưu Bang không mau chóng đầu hàng thì ta sẽ giết chết cha người".

Hán Vương biết là Hạng Vũ dọa dẫm, cũng lớn tiếng đáp lại: "Ta với người đã từng kết nghĩa anh em. Cha ta cũng là cha người. Nếu người định giết cha lấy thịt nấu canh thì cho ta xin một bát nếm thử."

Hạng Vũ nghiêng rằng giận dữ, muốn đem Thái Công ra giết thật, nhưng được Hạng Bá khuyên ngăn.

Hạng Vũ cử sứ giả đến nói với Hán Vương: "Thiên hạ hiện nay loạn lạc là do hai người chúng ta cứ chống chọi mãi với nhau. Nay ta thách người ra cùng ta quyết so tài cao thấp một trận cho xong".

Hán Vương cử sứ giả trả lời: "Ta chỉ đấu trí, chứ không đấu lực với người".

Hạng Vũ gọi Hán Vương ra đối thoại trước trận. Hán Vương liền vạch ra, 10 tội của Hạng Vũ, nào là bất nghĩa, đã giết hại Nghĩa đế; nào là tàn bạo, tàn sát nhân dân trăm họ. Hạng Vũ nổi nóng, cầm kích chỉ sang, lập tức từ phía sau, tên bắn tua tua sang trận Hán. Hán Vương vội lui ngựa, nhưng đã trúng một mũi tên vào ngực bị thương nặng.

Hán Vương nhanh trí, nhịn đau, khom mình sờ xuống chân rồi chửi: "Quân chó đẻ. Nó bắn trúng ngón chân ta rồi!" Làm như vậy để quân sĩ tưởng rằng vết thương không đáng kể và lòng quân khỏi hoang mang.

Tướng sĩ xung quanh vội vực Hán Vương về trại. Để làm yên lòng quân, Trương Lương khuyên Hán Vương cố gắng đi thăm quân sĩ một lượt để mọi người an tâm vì thấy Hán Vương vô sự.

Hạng Vũ nghe tin Hán Vương không chết thì rất thất vọng. Ngay sau đó, Hàn Tín lại đánh bại quân Tề ở đất Sở, đường tải lương của quân Sở lại bị Bành Việt cắt đứt, làm cho lương thực thiếu thốn.

Hán Vương lợi dụng lúc Hạng Vũ đang gặp khó khăn, liền cử người sang giảng hoà, yêu cầu quân Sở tha Thái Công và Lã hậu ra, đồng thời đề nghị hai bên lấy Hồng Câu (ở Đông nam Huỳnh Dương) làm ranh giới, phía đông thuộc về Sở, phía Tây thuộc về Hán.

Hạng Vũ thấy đề nghị đó tương đối hợp lý, liền chấp thuận, thả Thái Công và Lã hậu ra, rồi đem quân về Bành Thành.

Kỳ thực, việc giảng hoà của Hán Vương chỉ là kế hoãn binh. Sau đó, Hán Vương theo kế của Trương Lương, Trần Bình, tổ chức ba đạo quân của Hàn Tín, Bành Việt Anh Bố, do Hàn Tín thống lĩnh, truy kích Hạng Vũ. Trận quyết chiến cuối cùng giữa hai bên Hán, Sở bắt đầu.

56- BÀ VƯƠNG TỰ SÁT Ở Ô GIANG

Năm 202 trước Công nguyên, Hàn Tín bố trí quân mai phục mười mặt, vây khốn Hạng Vũ ở Cai Hạ. (nay ở Đông nam huyện Linh Bích, tỉnh An Huy). Hạng Vũ ít quân, thiếu lương muốn thoát khỏi vòng vây, nhưng quân Hán và quân chư hầu bao vây trùng trùng điệp điệp, lớp này bị giết lại có lớp khác lên thay, không tài nào ra thoát được.

Hạng Vũ phá vây không nổi, đành lại quay về giữ Cai Hạ, dặn dò quân sĩ phòng giữ cẩn thận để chờ thời cơ.

Đêm đó Hạng Vũ ở trong doanh trại, buồn bực. Sủng Phi là Ngu Cơ thấy Hạng Vũ không vui, liền cùng Hạng Vũ uống rượu giải sầu.

Tối khuya, thấy lẫn trong tiếng gió thổi, có lời ca của quân lính bao vây. Hạng Vũ lắng tai nghe, thấy lời hát từ trại Hán truyền ra, các bài hát đều là dân ca nước Sở, số người hát, xem ra có vẻ rất nhiều.

Hạng Vũ thấy bốn mặt đều là tiếng hát giọng Sở thì hoảng hốt nói: "Hỏng rồi. Chẳng lẽ Lưu Bang đã chiếm

hết nước Sở rồi sao? Làm sao mà trong quân Hán có nhiều người Sở như vậy?"

Hạng Vũ không nhìn được, cũng thuận miệng cất lên lời hát bi thương:

"Sức nhỏ núi, khí trùm đời.

"Ngựa Chuy chùn lại bởi thời không may.

"Ngựa chùn biết tính sao đây?

"Nàng Ngu, biết tính sao đây hỡi nàng?"

(Nguyên văn:

Lực bạt sơn hề, khí cái thế

Thời bất lợi hề, Chuy bất thế

Chuy bất thế hề, nại nhược hà

Ngu hề, Ngu hề, nại nhược hà?)

Hạng Vũ hát mấy lần Ngu Cơ cũng hát hoạ theo. Bá Vương vừa hát vừa rơi nước mắt. Người xung quanh đều thương tâm, không ai dám ngắt đầu lên.

Đêm đó, Hạng Vũ nhảy lên ngựa Ô Chuy, dẫn theo tám trăm tử đệ binh xông vào trại quân Hán, người ngựa xông xáo chém giết để vượt qua vòng vây. Đến khi trời tảng sáng, quan Hán mới phát hiện Hạng Vũ đã phá được vòng vây, liền vội phái năm ngàn kỵ binh đuổi theo. Hạng Vũ ra sức chạy, tới khi vượt Hoài Hà, chỉ còn hơn một trăm người đi theo. Tiếp tục chạy một đoạn nữa, thì bị lạc đường.

Hạng Vũ chạy tới một ngã ba, thấy một nông dân, liền hỏi đường đi Bành Thành. Nông dân đó biết là Hạng Vũ, liền nói dối: "Rẽ sang bên trái".



Hạng Vũ cùng hơn một trăm người chạy về phía trái, càng chạy càng thấy đường khó đi, cuối cùng chỉ thấy một vùng đầm ao, không còn đường nữa. Hạng Vũ biết bị mắc lừa, liền dẫn quân quay lại, thì quân Hán đã đuổi tới.

Hạng Vũ lại chạy về hướng đông nam, dọc đường số quân còn lại người thì chết, người thì bị thương. Đến Đông Thành (nay ở Đông nam huyện Định Nguyên, An Huy), đếm lại số quân, chỉ còn hai mươi tám kỵ binh, trong khi quân Hán có tới mấy ngàn kỵ binh, khép chặt vòng vây lại.

Hạng Vũ biết rằng không thể thoát được, nhưng vẫn không chịu hàng, nói với tùy tùng: "Từ khi ta khởi binh đến nay đã tám năm, trải qua hơn bảy mươi trận chiến, xưa nay chưa từng thua trận nào, mới làm được bá vương. Ngày nay ta bị vây ở đây là trời muốn diệt ta, chứ không phải ta không đánh nổi chúng".

Hạng Vũ liền chia hai mươi tám người còn lại thành bốn đội, rồi nói: "Hãy xem ta giết một đại tướng của nó, các người có thể phá vây ở bốn hướng rồi đến tập hợp ở dưới núi phía Đông."

Nói xong, Hạng Vũ thét lớn, rồi xông vào quân Hán, quân Hán không chống đỡ nổi, giạt ra. Một tướng Hán bị Hạng Vũ chém chết.

Hạng Vũ tới núi phía đông, bốn đội nhân mã đã hội đủ. Hạng Vũ lại chia họ làm ba đội, giữ ba mặt. Quân Hán cũng chia làm ba cánh, vây chặt họ lại. Hạng Vũ xông xáo chém giết, lại giết được một đô úy và mấy trăm binh sĩ Hán. Cuối cùng, Hạng Vũ lại hợp ba đội

quân lại, điểm số trong hai mươi tám người chỉ thiệt mất hai người.

Hạng Vũ hỏi: "Các người thấy thế nào?"

Bộ hạ đều trả lời: "Quả đúng như lời đại vương đã nói".

Hạng Vũ phá vòng vây quân Hán, dẫn hai mươi kỵ binh chạy về phía Nam. Chạy đến Ô Giang (nay ở Đông bắc huyện Hoà, tỉnh An Huy) thì vừa gặp người đình trưởng ở Ô Giang đậu một con thuyền nhỏ ở đó.

Đình trưởng khuyên Hạng Vũ vượt sông ngay và nói: "Giang Đông tuy nhỏ, nhưng cũng có hơn một ngàn dặm đất đai và mấy chục vạn nhân khẩu. Đại vương qua sông, vẫn có thể xưng vương ở đó.

Hạng Vũ cười đau đớn: "Ta khởi binh ở Cối kê, mang theo tám ngàn con em vượt sông, đến nay không còn ai, chỉ có một mình ta trở về Giang Đông. Dù các phụ lão ở Giang Đông có thương ta, lập ta làm vương, ta cũng không còn mặt mũi nào nhìn họ nữa."

Hạng Vũ liền đưa ngựa Ô Chuy cho đình trưởng, bảo các binh sĩ xuống ngựa, dùng đoản đao xông vào chém giết quân Hán. Họ giết được mấy trăm quân Hán, binh sĩ của Hạng Vũ cũng lần lượt ngã xuống. Hạng Vũ bị mấy vết thương, cuối cùng rút kiếm tự sát bên bờ Ô Giang.

57- ĐẠI PHONG CA

Sau trận quyết chiến Cai hạ, Hán Vương Lưu Bang giành được thắng lợi cuối cùng, xây dựng nên vương triều Hán còn lớn mạnh hơn vương triều Tần. Năm 202 trước Công nguyên, Hán Vương Lưu Bang chính thức lên ngôi hoàng đế, tức là Hán Cao Tổ (niên biểu triều Hán ghi năm đầu là năm 206 trước Công nguyên, khi Lưu Bang xưng là Hán Vương).

Hán Cao Tổ đóng đô ở Lạc Dương, sau lại dời về Trường An (nay là Tây An, Thiểm Tây). Từ đó suốt 210 năm, đô thành của nhà Hán đều ở Trường An. Lịch sử gọi thời kỳ này là Tây Hán hay Tiền Hán.

Sau khi lên ngôi, Hán Cao Tổ mở một yến tiệc mừng công ở Nam Cung, Lạc Dương, và nói với các đại thần: "Hôm nay chúng ta cùng nhau vui vẻ, mọi người nói năng không phải kiêng kị gì, các người nói xem, tại sao ta lại được thiên hạ? Hạng Vũ tại sao thất bại?"

Đại thần Vương Lăng nói: "Hoàng thượng phái tướng sĩ đánh chiếm được thành trì, đều có phong thưởng, nên mọi người tình nguyện phục vụ; còn Hạng Vũ thì nghi

ngờ đổ kỵ những người có tài năng và công lao, đánh thắng trận cũng không ghi công cho người ta, vì vậy mà mất thiên hạ".

Hán Cao Tổ cười nói: "Các người mới biết một, mà không biết hai. Nên nhớ rằng thành công hay thất bại đều phụ thuộc vào việc dùng người. Ngồi trong màn trướng định ra kế sách để giành thắng lợi ngoài ngàn dặm, thì ta không bằng Trương Lương; cai trị đất nước, vỗ về trăm họ, cung cấp lương thực cho tiền phương thì ta không bằng Tiêu Hà; thống lĩnh trăm vạn đại quân, đã đánh là thắng, công phá thành trì là hạ được, thì ta không bằng Hàn Tín. Ba người đó đều là hào kiệt thời nay. Ta biết trọng dụng họ, đó là nguyên nhân giúp ta giành thắng lợi. Còn Hạng Vũ có một Phạm Tăng mà không biết dùng, nên mới bị ta tiêu diệt".

Mọi người đều khâm phục ý kiến của Hán Cao Tổ. Từ đó về sau, người ta gọi Trương Lương Tiêu Hà, Hàn Tín là "Hán sơ tam kiệt" (ba người hào kiệt đầu đời Hán)

Trong chiến tranh Sở Hán, có một số đại tướng lập công lớn, Hán Cao Tổ không thể không phong họ làm vương. Những vương chư hầu đó tuy không phải là quý tộc cũ của sáu nước, nhưng đều muốn cát cứ một khoảng đất, không nghe theo sự chỉ huy của triều Hán. Trong số đó, Sở vương Hàn Tín, Lương vương Bành Việt, Hoài Nam Vương Anh Bố có công lao lớn nhất, binh lực mạnh nhất. Hán Cao Tổ rất không yên tâm về họ.

Một tướng cũ của Hạng Vũ là Chung Ly Muội đang bị Hán Cao Tổ lòng bắt, nhưng lại được Hàn Tín thu dụng.



Năm thứ hai, có người cáo giác với Hán Cao Tổ là Hàn Tín mưu phản. Hán Cao Tổ hỏi các đại thần xem nên làm thế nào. Rất nhiều người chủ trương nên đem quân đi đánh. Chỉ có Trần Bình phản đối. Trần Bình nói: "Quân đội của Hàn Tín tinh nhuệ, hơn chúng ta. Tướng tá dưới quyền Hàn Tín cũng mạnh hơn chúng ta. Dùng vũ lực đối phó với Hàn Tín khó lòng thắng được".

Sau đó, Hán Cao Tổ dùng kế của Trần Bình, giả vờ đi tuần du đến đầm Vân Mộng, lệnh cho các chư hầu đến họp. Hàn Tín nhận được lệnh, không thể không đến. Đến đất Trần, Hán Cao Tổ sai võ sĩ trói Hàn Tín lại, xử tội.

Có người khuyên Hán Cao Tổ nghĩ tới công lao cũ của Hàn Tín, nên xử lý khoan hồng. Hán Cao Tổ bèn miễn tội, nhưng thu lại tước Sở vương, giáng phong là Hoài Âm hầu.

Sau khi bị giáng chức, Hàn Tín buồn rầu, thương mọn có cớ bệnh, không vào triều kiến.

Mấy năm sau, tướng Trần Hy làm phản, tự xưng là Đại vương (vương ở đất Đại) trong một thời gian ngắn chiếm được hơn hai mươi thành.

Hán Cao Tổ sai Hoài Âm hầu Hàn Tín và Lương vương Bành Việt cùng đem quân đánh Trần Hy. Nhưng cả hai người đều thối chí có bệnh, không chịu xuất binh. Hán Cao Tổ đành tự đem quân đi đánh Trần Hy.

Sau khi Hán Cao Tổ đem quân đi khỏi Trường An, có người cáo giác với Lã hậu là Hàn Tín đồng mưu với Trần Hy, toan phối hợp với nhau để cùng khởi loạn. Lã hậu bàn bạc kế sách với thừa tướng Tiêu Hà, cố ý truyền ra tin tức, nói Cao Tổ đã bắt được Trần Hy, triệu

các đại thần về cung chúc mừng. Hàn Tín về tới cung, bị các võ sĩ mai phục sẵn bắt giết đi.

Không đầy ba tháng sau khi Hàn Tín bị giết, Hán Cao Tổ diệt được Trần Hy, về đến Lạc Dương, lại nhận được cáo giác của thủ hạ Bành Việt nói Bành Việt mưu phản. Hán Cao Tổ được tin sai người bắt Bành Việt, giam vào ngục. Sau vì không tra xét thấy chứng cứ mưu phản của Bành Việt, liền giáng ông ta xuống làm dân thường, đày vào đất Thục.

Trên đường đi vào Thục, Bành Việt gặp Lã hậu, liền khóc lóc trình bày là mình vô tội, xin Lã hậu nói giúp với Hán Cao Tổ, cho mình về quê hương. Lã hậu nhận lời, đưa Bành Việt về Lạc Dương.

Lã hậu về Lạc Dương, nói với Hán Cao Tổ: "Bành Việt là một tráng sĩ. Dưa hấn ta vào Thục thì khác gì thả hổ về rừng, mua lấy phiền phức sau này".

Hán Cao Tổ nghe lời Lã hậu, liền giết Bành Việt.

Hoài Nam vương Anh Bố nghe tin Hàn Tín, Bành Việt đều bị giết cả, liền quyết tâm nổi loạn. Ông ta nói với bộ hạ: "Hoàng thượng đã già rồi, không thể tự mình đem quân đến đây. Trong số đại tướng, chỉ có Hàn Tín, Bành Việt là tài giỏi nhất, đều đã chết rồi. Các tướng khác không phải là đối thủ của ta, không có gì sợ cả".

Anh Bố xuất binh, quả nhiên đánh thắng liền mấy trận, chiếm được toàn bộ đất Kinh Sở. Hán Cao Tổ đành phải mang quân đối địch.

Ông ta ra trước trận, mắng Anh Bố: "Ta đã phong người làm vương, có sao người còn làm phản?"

Anh Bố nói thẳng: "Ta muốn làm hoàng đế".

Hán Cao Tổ chỉ huy đại quân tiến công mãnh liệt. Quân Anh Bố bắn tên sang, Hán Cao Tổ bị một phát tên trúng ngực. May mà vết thương không nặng lắm, ông nhin đau, tiếp tục chỉ huy tiến công. Anh Bố đại bại tháo chạy, giữa đường bị giết chết.

Hán Cao Tổ bình định được Anh Bố tiến đường về thăm quê hương ở huyện Bái, mời các phụ lão và những người quen biết cũ đến dự một bữa tiệc, cho mọi người uống rượu vui chơi thoải mái mấy ngày.

Trong lúc vui vẻ, Hán Cao Tổ hồi tưởng lại quá trình gian khổ trong cuộc chiến với Hạng Vũ, lại nghĩ tới việc sau này cai trị đất nước thế nào, thật không dễ dàng. Ngoài việc các chư hầu không chịu an phận, lại thêm những mối lo ngoài biên cảnh, làm thế nào tìm được đủ dũng sĩ giúp mình bảo vệ ngôi hoàng đế. Nghĩ đến đó, tâm tình xúc động, liền cất tiếng hát:

*"Gió lớn thổi, mây cuộn trôi,
Oai lừng khắp nước về nơi quê nhà.
Mong nhiều dũng sĩ giúp ta
Giữ cho yên ổn sơn hà bốn phương."*

(Nguyên văn:

*"Đại phong khởi hê, vân phi dương,
Uy gia hải nội hê, qui cố hương
An đắc mãnh sĩ hê, thủ tứ phương.")*

58- BỊ VÂY Ở BẠCH ĐĂNG

Từ sau khi Tần Thuỷ Hoàng đánh bại Hung Nô, biên cương phía bắc yên ổn được mười mấy năm. Tới khi Tần Thuỷ Hoàng bị diệt, miền Trung Nguyên có chiến tranh Sở Hán, Hung Nô nhân cơ hội, từng bước lấn xuống phía Nam.

Thời Hán Cao Tổ, thiên vu (tên gọi chức thủ lĩnh Hung Nô) Mạo Đồn của Hung Nô mang bốn mươi vạn quân bao vây Hàn Vương Tín (quí tộc nước Hán cũ, tên là Tín, được phong vương, không phải là Hàn Tín) ở đất phong là Mã Ấp. Hàn Vương Tín không chống nổi, xin hoà với Mạo Đồn. Hán Cao Tổ được tin, phái sứ giả đến quả trách Hàn Vương Tín. Hàn Vương Tín sợ bị Hán Cao Tổ trị tội, liền đầu hàng Mạo Đồn.

Mạo Đồn chiếm được Mã Ấp, tiếp tục tiến xuống phía nam, bao vây Tấn Dương. Hán Cao Tổ thân đem quân tới Tấn Dương, đối địch với Mạo Đồn.

Mùa đông năm 200 trước Công nguyên, tuyết xuống nhiều, trời rất lạnh. Quân lính Trung Nguyên chưa từng gặp phải thời tiết lạnh như vậy, nhiều người bị chết rét, có người rụng cả ngón tay vì rét. Nhưng quân

Hán giao chiến mấy trận, quân Hung Nô đều thua. Sau mấy trận thua liên tiếp, nghe nói Mạo Đôn trốn đến Đại Cốc (nay ở tây bắc huyện Đại, Sơn Tây).

Hán Cao Tổ vào Tấn Dương, cử người đi trinh sát, đều về báo cáo là quân của Mạo Đôn đều là tàn binh già yếu, ngựa cưỡi rất gầy còm. Nếu thừa thế tiến đánh thì nhất định thắng lợi.

Hán Cao Tổ sợ những tin tức đó chưa đủ tin cậy, lại phái Lưu Kính đến trại Hung Nô dò xét.

Lưu Kính về báo cáo: "Chúng tôi thấy người ngựa của Hung Nô đúng là đều già yếu. Nhưng tôi cho rằng Mạo Đôn nhất định đã cho quân tinh nhuệ mai phục. Xin bệ hạ chớ nên mắc lừa chúng".

Hán Cao Tổ giận dữ mắng: "Người dám nói năng xằng bậy, định ngăn cản ta tiến quân sao?" Liền sai giam Lưu Kính lại.

Hán Cao Tổ dẫn một đội quân vừa tới Bình Thành (nay ở đông bắc thành phố Đại Đồng, Sơn Tây); bỗng thấy bốn phía đều có quân Hung Nô xông tới, người ngựa đều khoẻ mạnh, chẳng thấy số quân già yếu đâu. Hán Cao Tổ dẫn quân mở một đường máu, lui tới núi Bạch Đẳng ở Đông nam Bình Thành.

Thiên vu Mạo Đôn điều bốn mươi vạn tinh binh và chặn Hán Cao Tổ ở Bạch Đẳng Sơn, quân Hán xung quanh không thể nào tới gần được. Hán Cao Tổ và số người ngựa đi theo bị vây khốn trên núi suốt bảy ngày đêm, không có cách gì thoát ra được.

Mưu sĩ Trần Bình cùng đi theo Hán Cao Tổ liền phao người mang vàng bạc, châu báu đến gặp yên chi (tức vương hậu) của Mạo Đôn, đề nghị bà ta nói giúp với thiên vu.



Thấy nhiều vàng bạc châu báu như vậy, yên chi của Mạo Đôn rất phấn khởi, liền nói với chồng: "Chúng ta chiếm đất đai của người Hán nhưng cũng không thể ở lâu được. Vả lại, thế nào rồi hoàng đế Hán cũng có đại quân tới cứu, chỉ bằng ta rút quân sớm thì hơn".

Mạo Đôn nghe theo, sớm hôm sau, hạ lệnh cho quân Hung Nô mở ra một lối cho quân Hán rút. Nhân lúc sương mù, Hán Cao Tổ dẫn quân lạng lẽ rời khỏi núi Bạch Đăng. Trần Bình còn hạ lệnh cho quân lính sẵn sàng giường cung hướng ra hai bên, bảo vệ cho Hán Cao Tổ xuống núi.

Hán Cao Tổ nơm nớp lo sợ, vừa ra thoát vòng vây, liền ra roi chạy thẳng về Quảng Vũ. Sau khi định thần, ông ra lệnh tha Lưu Kính ra, nói: "Ta không nghe theo lời người nên bị Hung Nô vây ở Bạch Đăng Sơn, suýt nữa thì không còn gặp lại người nữa".

Sau khi thoát khỏi miệng cọp, Hán Cao Tổ biết không đủ lực lượng để đánh Hung Nô, liền trở về Trường An. Sau đó, Hung Nô liên tục xâm phạm phía Bắc khiến Hán Cao Tổ ngày đêm lo lắng. Ông hỏi Lưu Kính nên làm thế nào. Lưu Kính nói: "Tốt nhất là nên áp dụng chính sách hoà thân, tức hai bên giảng hoà, đem con gái gả cho thiên vu, kết làm thân thích, cùng sống hoà bình với nhau".

Hán Cao Tổ nghe theo, phái Lưu Kính sang Hung Nô giảng hoà. Mạo Đôn đồng ý. Hán Cao Tổ chọn một cô gái do cung nữ sinh ra, xưng là đại công chúa, mang gả cho Mạo Đôn. Mạo Đôn lập nàng làm yên chi.

Từ đó, triều Hán áp dụng chính sách hoà thân, tạm thời hoà hoãn quan hệ với Hung Nô.

59- GIẾT NGỰA TRẮNG ẮN THỀ

Những năm cuối đời, Hán Cao Tổ yêu quý Thích phu nhân. Thích phu nhân sinh con trai, đặt tên là Như Ý, được phong làm Triệu Vương. Hán Cao Tổ thấy Thái tử Lưu Doanh đờ đẫn, Lã Hậu sinh ra, tính tình nhu nhược, sợ sau này không làm nổi việc lớn, còn Như Ý thì nói năng và sử dụng rất giống mình, vì vậy có ý đổi lập Như Ý làm Thái tử.

Ông đưa vấn đề này ra bàn bạc với các đại thần, nhưng các đại thần đều phản đối, ngay cả Trương Lương là người được Hán Cao Tổ kính trọng cũng ủng hộ Lã Hậu và mời bốn ẩn sĩ rất có danh vọng đương thời, được gọi là "Thương Sơn tứ hạo" (hạo: Ông già đầu bạc) đến để phò tá Thái tử Lưu Doanh.

Hán Cao Tổ thấy không có cách gì phế được Thái tử, liền nói với Thích phu nhân: "Thái tử có người giúp đỡ, đã đủ lông đủ cánh, không có cách gì thay đổi được". Thích phu nhân lo lắng nhưng không biết làm sao được.

Khi trước, Hán Cao Tổ thảo phạt Anh Bố, đã bị trúng tên vào ngực. Sau này, vết thương cũ tái phát nghiêm trọng. Một lần, có người nói riêng với Hán Cao Tổ: "Phàn Khoái (em rể Lã Hậu) hợp tác với Lã Hậu, chỉ đợi hoàng thượng mất là sẽ giết Thích phu nhân và Như Ý."

Hán Cao Tổ nổi giận, liền gọi Trần Bình và tướng Chu Bật vào cung, bảo họ:

"Các người mau đến quân doanh, chém đầu Phàn Khoái mang về đây cho ta". Lúc đó, Phàn Khoái đang chỉ huy quân ở nước Yên. Trần Bình, Chu Bật nhận lệnh xong, bàn với nhau: "Phàn Khoái có công lớn, lại là em rể của Hoàng hậu, chúng ta không nên tùy tiện giết ông ta. Bây giờ hoàng thượng nổi giận muốn giết, lỡ sau này lại hối lại thì làm thế nào?"

Hai người bàn nhau, chỉ bắt giam Phàn Khoái vào xe tù đưa về Trường An, sau quả nhiên được Lã Hậu tha ra.

Hán Cao Tổ bệnh nặng, cho triệu tập các đại thần tới, bảo thủ hạ giết một con ngựa trắng, bắt mọi người quệt máu thề trước mặt mình: "Từ nay về sau, không phải họ Lưu thì không được phong vương, không phải công thần thì không được phong hầu. Ai làm trái lời thề, sẽ bị mọi người thảo phạt".

Các đại thần đều tuyên thệ, Hán Cao Tổ mới yên tâm.

Bệnh ngày càng nặng, Hán Cao Tổ gọi Lã Hậu tới, dặn dò công việc về sau.

Lã Hậu hỏi: "Sau khi bệ hạ trăm tuổi, nếu Tiêu tướng quốc (tức Tiêu Hà) mất thì cử ai thay?"



Hán Cao Tổ đáp: "Tào Tham có thể thay".

Lã Hậu lại hỏi: "Sau Tào Tham thì là ai?"

Hán Cao Tổ nói: "Vương Lăng có thể thay. Nhưng Vương Lăng cương trực quá, nên để Trần Bình giúp đỡ ông ta. Trần Bình có nhiều mưu trí nhưng không độc lập đảm đương nhiệm vụ được. Chu Bật là người trung hậu, làm việc thận trọng, nhưng ít chữ nghĩa. Nhưng người bảo vệ thiên hạ của họ Lưu sau này chính là Chu Bật".

Lã Hậu định hỏi nữa nhưng Hán Cao Tổ lắc đầu: "Việc về sau nữa, thì Bà không thể biết được".

Năm 195 trước Công nguyên, Hán Cao Tổ mất. Lã Hậu giữ kín tin tức, bí mật gọi người tâm phúc là Thẩm Tự Cơ tới nói: "Các đại tướng là những người cùng khởi binh với tiên đế. Họ phục vụ tiên đế nhưng vẫn không chịu cam tâm. Nay tiên đế mất đi, khó lòng mà tin cậy họ được, chỉ bằng đem giết cả đi".

Thẩm Tự Cơ thấy công việc khó thực hiện, liền hẹn với anh của Lã Hậu là Lã Thích Chi để cùng hợp sức. Nhưng con của Lã Thích Chi là Lã Lộc liền tiết lộ tin mật đó cho bạn thân là Lịch Ký. Lịch Ký lại nói với cha mình là Lịch Thương.

Lịch Thương biết tin, vội vàng tìm gặp Thẩm Tự Cơ, nói: "Nghe tin hoàng đế mất đã bốn ngày, hoàng hậu không chịu phát tang, lại còn dự tính giết hại đại thần. Làm như vậy, các đại thần và tướng quân sẽ chống lại, không nói tới việc thiên hạ đại loạn, mà sợ rằng tính mạng của ông cũng không giữ được".

Thẩm Tự Cơ cả sợ, vội đi báo với Lã Hậu. Lã Hậu cũng cảm thấy âm mưu của mình khó thực hiện, liền hạ lệnh phát tang.

Sau khi an táng Hán Cao Tổ, thái tử tức vị, tức là Hán Huệ Đế. Lã Hậu trở thành thái hậu.

Hán Huệ Đế đúng là một người nhu nhược bất tài, mọi việc đều do Lã Hậu quyết định. Lã thái hậu nắm đại quyền trong tay, muốn làm gì thì tùy thích.

Bà vốn căm ghét Thích phu nhân và Triệu vương Như Ý, nên trước hết giáng Thích phu nhân làm nô lệ, đồng thời cho người đi gọi Triệu vương Như Ý về Trường An.

Hán Huệ Đế biết thái hậu muốn giết Như Ý, liền để Như Ý vào sống trong cung, cùng ăn cùng ngủ với mình, khiến thái hậu chưa tìm ra cách hạ độc thủ.

Một buổi sớm, Huệ Đế trở dậy ra ngoài tập bắn cung, muốn gọi Như Ý dậy cùng đi. Nhưng Như Ý trẻ tuổi đang ngủ ngon, Huệ Đế không nỡ đánh thức, liền đi ra một mình. Không ngờ khi trở về, Huệ Đế đã thấy Như Ý chết trên giường. Biết là Như Ý đã bị đầu độc, nhưng Huệ Đế cũng chỉ còn biết ôm xác Triệu vương gào khóc đau đớn.

Lã thái hậu đã giết Như Ý, còn tàn bạo sai chặt hết chân tay của Thích phu nhân, móc hai mắt và cho uống thuốc câm, rồi vứt vào chuồng lợn.

Hán Huệ Đế thấy Thích phu nhân bị Lã thái hậu hành hạ đến mức như vậy thì khóc lóc rồi sinh bệnh. Ông cho người nói với thái hậu "Việc làm đó không phải

là việc của con người. Ta là con của thái hậu, không còn mặt mũi nào cai trị thiên hạ".

Từ đó, Hán Huệ Đế không muốn hỏi han gì đến việc triều chính nữa.

60- HAI TƯỚNG QUỐC TIÊU HÀ, TÀO THAM

Năm thứ hai đời Hán Huệ Đế tướng quốc Tiêu Hà tuổi già lâm bệnh. Hán Huệ Đế tới thăm và hỏi sau này ai thay thế ông là thích hợp nhất.

Tiêu Hà không chịu nói rõ ý kiến, chỉ nói: "Ai hiểu rõ bày tôi hơn nhà vua nữa?"

Hán Huệ Đế hỏi: "Ngài thấy Tào Tham thế nào?"

Tiêu Hà và Tào Tham đều làm lại ở huyện Bái trước kia, đều theo Cao Tổ khởi binh. Quan hệ giữa hai người rất tốt, sau này Tào Tham lập được nhiều chiến công, nhưng ở địa vị thấp hơn Tiêu Hà, nên quan hệ có phần kém thân mật hơn trước. Nhưng Tiêu Hà biết Tào Tham là người có tài cai trị, nên khi nghe Huệ Đế hỏi, liền tỏ ý tán thành và nói: "Ý định của bệ hạ rất đúng; Có Tào Tham thay thế, thì tôi chết cũng yên tâm".

Tào Tham vốn là một võ tướng. Khi Hán Cao Tổ phong con cả là Lưu Phì làm Tế Vương, liền cử Tào Tham đi theo làm thừa tướng cho Lưu Phì. Lúc đó, chiến tranh vừa kết thúc, Tào Tham đến Tế liền triệu

tập hơn một trăm phụ lão và nho sinh, hỏi họ xem nên cai trị trăm họ như thế nào. Mỗi người nói một cách, không biết nên nghe theo ai.

Sau Tào Tham nghe nói ở Tề có một ẩn sĩ nổi tiếng, là Cái Công. Tào Tham liền mời đến thỉnh giáo. Cái Công là người tin theo học thuyết Hoàng Lão (tức Hoàng Đế và Lão Tử), chủ trương việc cai trị thiên hạ là phải thanh tĩnh vô vi, để dân chúng được sống yên ổn.

Tào Tham nghe theo lời Cái Công, gắng sức không làm phiền nhiễu dân chúng. Ông làm thừa tướng ở Tề trong chín năm, hơn bảy mươi thành trị ở Tề đều yên.

Tiêu Hà mất, Hán Huệ Đế lập tức gọi Tào Tham về Trường An, phong làm tướng quốc. Tào Tham vẫn vận dụng chính sách thanh tĩnh vô vi, hoàn toàn giữ nguyên mọi luật lệ qui định của Tiêu Hà, không thay đổi chút gì.

Một số đại thần thấy Tào Tham dường như không làm gì cả, thì tỏ ra nôn nóng, có người gặp Tào Tham đề xuất ý kiến. Nhưng lần nào họ đến nhà, Tào Tham cũng chỉ mời uống rượu, để ai muốn bàn chuyện quốc gia đại sự, Tào Tham đều nói lắng sang chuyện khác, khiến không ai nói được gì. Cuối cùng, khách khứa ai cũng say khướt đi về mà không kịp nói gì cả.

Hán Huệ Đế thấy Tào Tham như thế, thì cho là ông già lão rồi, có ý coi thường và trong lòng cũng thấy không yên.

Con Tào Tham là Tào Truất phục vụ Huệ Đế trong hoàng cung. Huệ Đế dặn dò: "Khi người về nhà tìm cách hỏi cha người rằng: Cao Tổ đã cháu trời, đương kim hoàng thượng thì còn trẻ, mọi việc quốc gia đại sự đều



trông cậy vào tướng quốc là cha. Thế mà cha ngày nào cũng uống rượu, không làm việc gì cả. Cứ như thế mãi thì làm sao cai trị được thiên hạ? Xem cha người trả lời ra sao".

Tào Truất về nhà, theo lời dặn của Huệ Đế, lựa cơ hội hỏi Tào Tham.

Tào Tham vừa nghe đã nổi nóng, mắng: "Nhãi ranh như mày thì biết cái gì mà dám lảm nhảm về chuyện quốc gia đại sự! "Nói rồi gọi đầy tớ mang gậy đến đánh cho Tào Truất một trận.

Tào Truất không hiểu sao mình bị đánh, cảm thấy oan ức, khi trở về cung, liền than thở với Huệ Đế. Huệ Đế rất không vui.

Hôm sau, khi lâm triều, Huệ Đế nói với Tào Tham: "Lời Tào Truất nói với tướng quốc, chính là ta bảo hấn nói đấy. Tại sao tướng quốc lại đánh hấn?"

Tào Tham nhận tội, rồi nói: "Thần xin phép hỏi bệ hạ, bệ hạ so với Cao Tổ thì ai sáng suốt hơn?"

Hán Huệ Đế trả lời: "Điều đó cần gì phải hỏi. Ta làm sao so sánh được với Cao hoàng đế".

Tào Tham lại hỏi: "Thế tôi so với Tiêu tướng quốc thì thế nào?"

Huệ Đế bật cười trả lời: "Có vẻ không bằng Tiêu tướng quốc".

Tào Tham nói: "Bệ hạ nói đều rất đúng. Bệ hạ không bằng Cao hoàng đế, tôi không bằng Tiêu tướng quốc. Sau khi bình định thiên hạ, đã định sẵn một loạt qui chương chế độ, chúng ta cứ theo thế mà thực hiện

không dễ sai sót là được, cần gì phải sửa đổi thêm bớt gì nữa".

Hán Huệ Đế lúc đó mới hiểu rõ ý định của Tào Tham.

Tào Tham vận dụng học thuyết Hoàng Lão, làm tướng quốc trong ba năm. Vì lúc đó là sau thời chiến loạn lâu dài, trăm họ cần được yên ổn, biện pháp đó của ông khiến dân chúng được giảm nhẹ đóng góp. Do đó đương thời có người làm ca dao để ca ngợi Tiêu Hà và Tào Tham. Lịch sử gọi sự kiện đó là "Tiêu qui Tào tùng" (Tiêu Hà định ra qui chương chế độ, còn Tào Tham thì theo đó mà vận dụng).

61- CHU BỆT GIÀNH LẠI BÌNH QUYỀN

Hán Huệ Đế không có con. Lã Thái hậu chọn từ bên ngoài một đứa trẻ rồi mạo xưng là con của Huệ Đế, lập làm thái tử. Năm 188 trước Công nguyên, Huệ Đế chết, đứa trẻ đó liền nối ngôi vua, Lã Thái hậu có danh chính ngôn thuận để lâm triều chấp chính.

Để củng cố quyền lực của mình, Lã Thái hậu muốn lập người họ Lã lên làm vương liền hỏi ý kiến các đại thần.

Hữu thừa tướng Vương Lăng vốn là người cương trực, nói: "Cao hoàng đế đã giết ngựa trắng ăn thịt, ai không phải họ Lưu thì không được làm vương".

Lã Thái hậu nghe nói rất không vui, lại hỏi Tả thừa tướng Trần Bình và thái úy Chu Bệ.

Trần Bình, Chu Bệ nói: "Cao Tổ bình định thiên hạ, phân phong con em mình làm vương, điều đó rõ ràng là đúng. Nay Thái hậu lâm triều, phong con em mình làm vương, thì sao lại không được". Lã Thái hậu sung sướng gật đầu. Tan buổi chiều, Vương Lăng trách Trần Bình

và Chu Bột: "Khi tuyên thệ trước mặt tiên đế, các ông đều có dự. Thế mà bây giờ các ông lại đi ngược với lời thề. Như vậy thì sao xứng với tiên đế?"

Trần Bình và Chu Bột nói: "Thừa tướng đừng giận. Hôm nay dám tranh luận với Thái hậu giữa triều đình thì chúng tôi không bằng ông; nhưng sau này bảo toàn được thiên hạ của họ Lưu ông sẽ không bằng được chúng tôi."

Sau đó, Lã Thái hậu lần lượt phong các cháu là Lã Thai, Lã Sảo, Lã Lộc, Lã Gia, Lã Thông làm vương, còn trao cho họ nắm quân quyền. Toàn bộ đại quyền trong triều hầu như đều nằm trong tay họ Lã.

Gia tộc của Lã Hậu chiếm hết quyền của họ Lưu, làm nhiều đại thần không phục nhưng đa số chỉ hậm hực không dám nói ra.

Hán Cao Tổ có một người cháu là Lưu Chương, phong hiệu là Chu Hư hầu, có vợ là con của Lã Lộc. Có lần, Lã Thái hậu mở tiệc, chỉ định Lưu Trương làm giám tửu. Lưu Chương tâu với Lã Thái hậu: "Tôi là dòng dõi nhà võ, xin cho phép tôi theo quân pháp để làm giám tửu." Lã Thái hậu đồng ý.

Lưu Chương thấy mọi người uống rượu vui vẻ, liền đề nghị hát bài "Canh điền ca" để giúp vui cho Thái hậu. Lã Thái hậu nói: "Người hát đi!"

Lưu Chương liền cao giọng hát:

"Cày sâu cuốc bẫm cấy thưa,

Gặp giống không tốt thì bừa bỏ đi."

Lã Thái hậu nghe hát, thấy có ngụ ý, tỏ ra rất bực.



Một lát sau, một người họ Lã uống rượu quá say, không nói gì mà tự tiện ra ngoài. Lưu Chương đuổi theo, lấy cố ý không chấp hành qui định của yến hội, liền tuốt kiếm chém chết. Khi Lưu Chương trở vào báo cáo tình hình với Thái hậu, các đại thần đều sợ hãi, lo lắng cho ông. Nhưng vì Lã Thái hậu đã đồng ý cho phép Lưu Chương theo quân pháp để làm giám tù nên không trị tội gì được.

Lã Thái hậu chấp chính đến năm thứ tám thì lâm bệnh nặng. Trước khi chết, phong Triệu vương Lã Sấn làm tướng quốc, thống lĩnh Nam quân, Lã Lộc làm thượng tướng quân, thống lĩnh Bắc quân, đồng thời dặn dò họ: "Hiện nay họ Lã nắm quyền, các đại thần đều không phục. Sau khi ta mất, các người nhất định phải nắm lấy quân sĩ mà bảo vệ cung đình, không được đi đưa đám, để phòng có kẻ ám hại".

Sau khi Lã Thái hậu chết, binh quyền đều nằm trong tay Lã Sấn, Lã Lộc. Họ muốn phát động chính biến nhưng chưa dám ra tay.

Lưu Chương qua lời vợ, biết được âm mưu của họ Lã, liền cử người báo cho anh là Tề vương Lưu Tương biết, hẹn với Lưu Tương đem quân từ ngoài vào Trường An.

Tề Vương Lưu Tương đem quân tiến về phía tây. Lã Sấn được tin, liền phái tướng Quán Anh đem quân ra đối phó. Quán Anh đến Huỳnh Dương, bàn bạc với các bộ tướng: "Họ Lã thống lĩnh đại quân toan chiếm thiên hạ của họ Lưu. Nếu chúng ta tiến đánh Tề Vương thì chẳng phải là giúp họ Lã làm loạn hay sao?"

Mọi người quyết định án binh bất động và ngầm thông báo cho Tề vương biết, để nghị ông ta liên lạc với

các chư hầu, đợi thời cơ để cùng khởi binh chống họ Lã. Tể vương nhận được thông báo, cũng tạm thời án binh bất động.

Chu Bột, Trần Bình biết họ Lã muốn làm loạn, toan ra tay trước, nhưng binh quyền còn nắm trong tay họ Lã nên chưa biết làm thế nào.

Họ Nghi tới Lịch Ký, con trai của Lịch Thương là bạn thân của Lã Lộc, liền cử người đến bảo Lịch Ký nói với Lã Lộc: "Lã Hậu mất rồi, hoàng đế còn ít tuổi. Ngài là Triệu vương (vương cai trị đất Triệu - ND), lại cứ ở Trường An nắm quân đội, các đại thần và chư hầu đều nghi ngờ ngài, điều đó rất bất lợi. Nếu ngài giao binh quyền cho thái úy (tức Chu Bột - ND) và về đất phong của mình thì quân Tể sẽ rút đi và các đại thần đều an tâm.

Lã Lộc tin theo lời của Lịch Ký, liền giao Bắc quân cho thái úy Chu Bột nắm.

Chu Bột nắm được tướng ấn Bắc quân, liền tới ngay trại Bắc quân, nói các tướng sĩ: "Ngày nay họ Lã muốn cướp quyền của họ Lưu, các ông xem nên làm thế nào? Ai theo họ Lã thì sẵn tay áo bên phải lên, ai theo họ Lưu thì sẵn tay áo bên trái lên!"

Tướng sĩ Bắc quân xưa nay đều hướng về họ Lưu, nên vừa nghe lệnh, đã nhất tề sẵn tay áo bên trái. Chu Bột đã tiếp quản được Bắc quân, giành được binh quyền từ tay Lã Lộc một cách êm thấm.

Lã Sấn chưa biết Bắc quân của Lã Lộc đã rơi vào tay Chu Bột, nên vào cung Vị Ương để chuẩn bị phát động chính biến. Chu Bột phái Chu Hư hầu Lưu Chương dẫn

hơn một ngàn quân ập tới, giết được Lã Sấn. Tiếp đó, Chu Bật dẫn Bắc quân, tiêu diệt thế lực họ Lã.

Đến lúc đó, các đại thần mới dám mạnh dạn. Họ nói: "Trước kia, người được Lã Thái hậu đưa lên ngôi vua không phải là con của hoàng thượng (tức Huệ Đế). Ngày nay chúng ta diệt họ Lã, mà vẫn để thái tử giả đó làm hoàng đế, thì lớn lên chẳng vẫn là người họ Lã hay sao? Chỉ bằng chúng ta chọn trong số chư vương họ Lưu một người hiền minh nhất tôn lên làm hoàng đế".

Các đại thần bàn bạc và nhận thấy trong số các con của Cao Tổ, có Đại vương (Vương ở đất Đại) Lưu Hằng là người lớn tuổi nhất, lại có phẩm cách tốt nhất, liền phái người tới Đại quận (trị sở nay tại huyện Uy, Hà Bắc), đón Lưu Hằng về Trường An, lập làm hoàng đế. Đó là Hán Văn Đế.

62- ĐỀ VINH CỨU CHA

Mẹ Hán Văn Đế là Bạc Thái hậu xuất thân nghèo hèn, khi Hán Cao Tổ còn sống, là một cung phi không được sủng ái. Bà sợ ở trong cung sẽ bị Lã Hậu hãm hại, nên xin ra ở với con ở quận Đại. Ở quận Đại không sang trọng, xa cách như ở hoàng cung nên hai mẹ con ít nhiều hiểu được nỗi khổ của dân chúng.

Lên ngôi không lâu, Hán Văn Đế liền hạ một đạo chiếu thư, nói: "Ai phạm tội thì xử tội người đó là đúng. Tại sao lại xử tội cả vợ con người ta? Ta không cho rằng việc xử tội như vậy là tốt. Các đại thần hãy bàn bạc mà sửa đổi."

Các đại thần theo ý của Hán Văn Đế, liền bãi bỏ pháp lệnh về việc liên đới của gia đình người phạm tội.

Năm 167 trước Công nguyên, ở Lâm Phần có một cô gái nhỏ tuổi tên là Thuần Vu Đế Vinh. Cha cô ta là Thuần Vu Ý, vốn là người có kiến thức, ham thích y học, thương chữa bệnh cho người khác, trở nên nổi tiếng. Sau ông ta làm chức Thái thương lệnh (viên quan trông



coi kho tàng) nhưng không thích giao du với giới quan lại, cũng không nịnh nọt cấp trên. Không bao lâu, ông từ chức, chỉ làm thầy thuốc.

Có một lần, vợ một đại thương nhân có bệnh, mời Thuần Vu Ý chữa trị. Sau mấy hôm dùng thuốc, chẳng những bệnh không khỏi mà còn bị chết. Người chồng kiện lên quan, nói Thuần Vu Ý cho nhầm thuốc, dẫn tới tử vong. Quan địa phương xử Thuần Vu Ý tội nhục hình (tức thích chữ vào mặt hoặc cắt mũi, chặt đi một chân...) và giải đi Trường An chịu tội.

Thuần Vu Ý có năm người con gái nhưng không có con trai. Trước khi bị giải đi Trường An, ông nhìn các con gái, than: "Khổ cho ta, không có con trai, gặp hoạn nạn, chẳng đứa con nào giúp được gì".

Mấy cô con gái đều thương tâm, cúi đầu than khóc. Chỉ có cô gái nhỏ nhất là Đê Vinh thì vừa thương tâm, vừa uất ức. Cô nghĩ: "Tại sao con gái lại không giúp được gì?"

Cô yêu cầu được đi theo cha đến Trường An, mặc cho ai khuyên can cũng không nghe.

Đến Trường An, Đê Vinh nhờ người viết cho một sớ tấu, đến cửa cung nộp cho người giữ cửa.

Hán Văn Đế nhận được sớ tấu, biết là của một cô gái, thì rất chú ý, giở ra xem:

"Tiểu dân là Đê Vinh, con gái nhỏ của Thái Thương lệnh Thuần Vu Ý. Khi cha của tiểu dân làm quan, dân địa phương đều nhận là quan thanh liêm. Lần này cha tiểu dân phạm tội, bị ghép vào nhục hình. Tiểu dân

chẳng những lo buồn vì cha mà còn thương xót cho những người phạm tội. Một người bị chặt chân sẽ trở thành tàn phế, bị cắt mũi thì không thể chấp lại được, sau này có muốn chữa lỗi lầm cũng không có điều kiện. Tiểu dân xin tình nguyện để quan phủ xưng làm nô tỳ chuộc tội cho cha, để cha tiểu dân có cơ hội sửa chữa sai lầm".

Hán Văn Đế xem thư, rất đồng tình với cô gái, cảm thấy cô ta nói rất có lý, liền triệu tập đại thần tới, nói: "Phạm tội thì phải xử, đó là điều tất nhiên. Nhưng người bị xử tội cũng cần được tạo cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Nay xử tội một phạm nhân, lại thích chữ vào mặt hoặc huỷ hoại thân thể. Cách làm đó có khuyến khích người ta làm điều thiện không. Các khanh hãy bàn bạc, tìm ra biện pháp khác để thay thế nhục hình đi".

Các đại thần bàn bạc, thay thế nhục hình bằng đánh đòn. Trước kia nếu bị chặt chân thì thay bằng đánh năm trăm bản (miếng gỗ mỏng); trước kia nếu cắt mũi thì thay bằng đánh ba trăm bản. Hán Văn Đế liền hạ lệnh phế bỏ nhục hình. Do đó, Đế Vinh đã cứu được cha.

Hán Văn Đế bỏ nhục hình, xem qua thì tưởng rằng tốt. Nhưng khi thực hiện thì lại thấy tệ hơn. Có người bị đánh chưa tới ba trăm hoặc năm trăm bản, đã chết rồi. Như vậy hình phạt lại trở thành nặng hơn. Tới đời con của Hán Văn Đế là Hán Cảnh Đế, hình phạt trên mới được giảm nhẹ.

63- DOANH TẾ LIỄU CỦA CHU Á PHU

Hán Văn Đế lên ngôi, vẫn tiếp tục chính sách hoà thân với Hung Nô, giữa hai bên không còn xảy ra chiến tranh lớn. Nhưng về sau, thiên vu Hung Nô tin theo lời xúi bẩy của Hán gian, liền tuyệt giao với triều Hán. Năm 158 trước Công nguyên, thiên vu Quân Thần của Hung Nô đem sáu vạn quân xâm phạm Thượng quận (trị sở nay ở đông nam Du Lâm, Thiểm Tây) và Vân Trung (trị sở nay ở đông bắc Tước Tua, Nội Mông Cổ) giết nhiều dân thường, cướp nhiều tài sản. Các đài đốt lửa ở biên cảnh liên tiếp báo động, ở Trường An cũng nhìn rõ lửa cháy sáng.

Hán Văn Đế vội cử ba viên tướng dẫn ba đạo quân đi chống cự. Ngoài ra, để bảo vệ Trường An, lại cử ba viên tướng nữa đem quân đóng tại vùng phụ cận Trường An: Lưu Lễ đóng ở Bá Thượng, Từ Lịch đóng ở Cúc môn (nay ở Đông bắc Hàm Dương, Thiểm Tây) Chu Á Phu đóng ở Tế Liễu (nay ở Tây nam Hàm Dương).

Có lần, Hán Văn Đế thân hành tới các nơi đó để uỷ lạo quân đội và đồng thời thị sát tình hình.

Trước hết ông tới Bá Thượng. Lưu Lễ và các tướng sĩ vừa thấy xa giá hoàng đế, đều phóng ngựa tới đón. Xa giá của Hán Văn Đế xông thẳng vào quân doanh, không ai ngăn cản.

Hán Văn Đế ứ lạo rồi ra về. Các tướng sĩ tít tít tiễn đưa.

Sau đó, ông đến Cúc môn, cũng được đón đưa long trọng như thế.

Cuối cùng, Hán Văn Đế đến Tế Liễu. Trạm gác trước cửa trại Chu Á Phu thấy xa xa có một đoàn người ngựa đi tới, lập tức báo cáo với Chu Á Phu. Các tướng sĩ đều mặc giáp, đội mũ chiến, cung lấp tên, đao rút khỏi vỏ, sẵn sàng chuẩn bị chiến đấu.

Đội đi trước của Hán Văn Đế tới cửa doanh, lính gác lập tức ngăn lại, không cho vào.

Viên quan chỉ huy đội đi trước hét lớn uy nghiêm: "Xa giá hoàng thượng tới!"

Quân sĩ gác cửa không chút sợ hãi, trả lời "Trong quân chỉ nghe theo lệnh tướng quân, tướng quân chưa có lệnh, chúng tôi không thể cho ai vào"

Hai bên đang đôi co thì xa giá Hán Văn Đế tới, các tướng sĩ gác cổng doanh cũng ngăn lại.

Hán Văn Đế phải sai tùy tùng đưa phù tiết của hoàng đế ra và cử người vào báo với Chu Á Phu: "Trẫm cần vào ứ lạo quân sĩ".

Chu Á Phu hạ lệnh mở cửa doanh, cho xa giá của Hán Văn Đế tiến vào.



Người ngựa hộ tống Hán Văn Đế đến cửa doanh, quan quân giữ cửa trình trọng nhắc nhở họ: "Trong quân có qui định, trong quân doanh không cho phép xe ngựa đi nhanh". Quan quân tuy từng đều nổi giận, nhưng Hán Văn Đế liền hạ lệnh buông lỏng dây cương, cho xe ngựa từ từ tiến vào.

Đến giữa trại quân, chỉ thấy Chu Á Phu khôi giáp chỉnh tề, mang binh khí oai phong lẫm liệt, đứng trước Hán Văn Đế, đưa tay vái nói: "Thần mang khôi giáp, không thể quì lạy, xin được triều kiến theo quân lễ."

Hán Văn Đế giật mình, vịn vào tay ngang xe, cúi mình đáp lễ, rồi cử người truyền đạt lời thăm hỏi tới toàn thể quân sĩ.

Sau khi uỷ lạo quân sĩ, Hán Văn Đế rời khỏi doanh Tế Liểu. Trên đường về Trường An, quan quân tuy từng đều xôn xao tỏ ý bất bình cho rằng Chu Á Phu quá vô lễ với hoàng đế.

Nhưng Hán Văn Đế lại khen ngợi không ngớt, nói: "Thế mới là một võ tướng chân chính! Quân đội ở Bá Thượng và Cức Môn quân pháp không nghiêm, như trò chơi của trẻ nhỏ. Nếu kẻ địch đến tập kích thì tránh sao khỏi bị bắt làm tù binh hết. Quản lý quân đội như Chu Á Phu thì kẻ địch nào dám xâm phạm!"

Một tháng sau, đội tiên phong của quân Hán tới miền Bắc, Hung Nô phải lui quân. Ba đạo quân phòng vệ Trường An được rút bỏ.

Qua lần thị sát đó, Hán Văn Đế cho Chu Á Phu là một nhân tài quân sự, liền thăng ông lên cấp trung uý (chức quan võ đứng đầu đội quân bảo vệ kinh thành).

Năm sau, Hán Văn Đế bị bệnh nặng. Trước khi mất, ông gọi thái tử lại dặn dò: "Nếu sau này quốc gia có động loạn, thì để Chu Á Phu thống soái quân đội, con yên tâm".

Sau khi Hán Văn Đế mất, thái tử Lưu Khải nối ngôi, tức là Hán Cảnh Đế.

64- TRIỆU THÁC CÁT GIẢM ĐẤT PHONG

Hán Cảnh Đế cũng áp dụng chính sách vỗ về dân chúng như Hán Văn Đế, quyết tâm chinh đồn nền chính trị trong nước. Khi Cảnh Đế còn là thái tử, có một quản gia tên là Triệu Thác, rất có tài, được mọi người gọi là "túi khôn". Sau khi Cảnh Đế lên ngôi, liền thăng ông ta làm ngự sử đại phu.

Triều Hán thực hành chế độ quận huyện, nhưng đồng thời vẫn có 22 nước chư hầu. Những chư hầu đó đều là con cháu của Hán Cao Tổ, tức là các tước vương trong họ Lưu. Đến thời Hán Cảnh Đế, thế lực các chư hầu rất lớn, có nhiều đất đai, như nước Tề có hơn bảy mươi toà thành, nước Ngô có hơn năm mươi toà thành, nước Sở có hơn bốn mươi toà thành. Một số chư hầu không chịu sự chi phối của triều đình, đặc biệt là Ngô Vương Lưu Phì, rất kiêu ngạo ngang ngược. Đất phong của ông sát biển, lại có mỏ đồng, tự mình khai thác muối và đồng, giấu có ngang với hoàng đế. Ông ta không bao giờ tới Trường An triều kiến hoàng đế, tự coi nước Ngô là một vương quốc độc lập.

Triệu Thác thấy nếu cứ để tiếp tục như thế sẽ bất lợi cho việc tập quyền của trung ương, liền tâu với Hán Cảnh Đế: "Ngô vương không bao giờ đến triều kiến, theo lý thì đã phải tội từ lâu. Khi tiên đế (tức Hán Văn Đế) còn sống, đã rất rộng lượng với ông ta, nhưng ông ta càng ngang ngược tự đại. Ông ta tự khai thác đồng để đúc tiền, ngăn biển khai thác muối, chiêu binh mãi mã, chuẩn bị nổi loạn. Chi bằng nên sớm cắt bớt đất phong của ông ta đi.

Hán Cảnh Đế còn do dự: "Làm được thế thì tốt, nhưng lại sợ sẽ thúc đẩy Ngô vương làm loạn."

Triệu Thác nói: "Người muốn làm phản thì nếu cắt đất mà làm phản, không cắt đất sớm muộn cũng sẽ làm phản. Bấy giờ làm phản thì mối nguy còn nhỏ, sau này, thế lực họ hùng hậu lên rồi mới làm phản thì mối nguy càng lớn.

Hán Cảnh Đế thấy lời Triệu Thác tó lý, liền quyết tâm giảm bớt đất phong của các chư hầu. Các chư hầu đại đa số nếu không hoang dân vô độ, cũng hoành hành phi pháp, nhưng muốn tìm ra tội lỗi của họ để tạo lý do cắt giảm đất cũng không phải chuyện dễ. Một thời gian sau, có chư hầu cắt giảm một quận, có chư hầu bị cắt giảm mấy huyện

Cha của Triệu Thác nghe tin đó, liền từ quê hương Dĩnh Xuyên (nay ở huyện Vũ Hà Nam) tìm đến kinh sư, nói với Triệu Thác: "Con làm ngự sử đại phu, địa vị đã đủ cao rồi, sao không an phận, mà còn bới việc ra? Con thử nghĩ xem, các vua chư hầu đều là anh em ruột thịt của hoàng thất, con quản làm sao được? Con cắt giảm đất phong của họ, ai ai cũng oán con. Con làm như thế để làm gì?



Triệu Thác nói: "Nếu không làm như vậy thì Hoàng Thượng không thể phát huy được quyền lực, nước nhà tất sẽ rối loạn".

Người cha thở dài nói: "Con làm như thế thì thiên hạ của họ Lưu được an định, nhưng họ Triệu nhà ta sẽ nguy hiểm. Cha đã già không muốn nhìn thấy tai hoạ giáng xuống gia đình".

Triệu Thác khuyên nhủ cha, nhưng người cha vẫn không yên tâm, trở về quê hương Đình Xuyên, liền uống thuốc độc tự sát.

Triệu Thác đang bàn với Cảnh Đế việc cất đất phong của Ngô Vương Lưu Phi, thì Lưu Phi đã cất quân làm phản. Ông ta lấy lý do "trừng trị gian thần Triệu Thác cứu vãn thiên hạ của họ Lưu" để xúi giục các chư hầu khác cùng làm phản.

Năm 154 trước Công nguyên, bảy chư hầu là Ngô, Sở, Triệu, Giao Tây, Giao Đông, Tri Xuyên, Tề Nam đều nổi dậy, lịch sử gọi đó là "Thất quốc chi loạn" (loạn bảy nước).

Quân nổi loạn có thanh thế rất lớn, Hán Cảnh Đế hơi sợ. Ông nhớ tới lời dặn dò của Hán Văn Đế lúc lâm chung, liền cử danh tướng Chu Á Phu làm thái úy, dẫn đầu ba mươi sáu tướng khác cùng đi dẹp loạn.

Lúc đó, trong triều có kẻ đổ ky Triệu Thác, nói là bảy nước phát binh đều là do Triệu Thác. Y khuyên Cảnh Đế: "Chỉ cần làm theo yêu cầu của bảy nước, giết Triệu Thác đi, và miễn tội khởi binh cho các nước chư hầu, khôi phục lại đất phong cho họ như cũ, thì họ sẽ rút quân về".

Hán Cảnh Đế nghe theo lời đó, nói: "Nếu quả thật họ chịu rút quân, thì ta tiếc gì một Triệu Thác".

Tiếp đó một số đại thần dâng sớ vạch tội Triệu Thác, nói ông ta đại nghịch vô đạo, cần xử tội chém ngang lưng.

Một hôm, trung úy đến nhà Triệu Thác, truyền đạt mệnh lệnh Hoàng Đế, gọi ông ta lên triều bàn việc. Triệu Thác vẫn hoàn toàn không hay biết gì, lập tức mặc triều phục, cùng trung úy lên xe vào triều.

Xe ngựa đi tới cửa đông Trường An, trung úy bỗng rút chiếu thư, yêu cầu Triệu Thác xuống xe nghe chiếu. Sau khi trung úy tuyên đọc mệnh lệnh của Cảnh Đế, một toán vũ sĩ ủa tới, trói Triệu Thác lại. Con người rất mực lo toan giữ gìn cơ đồ nhà Hán như Triệu Thác, phút chốc đã bị xử tội chém ngang lưng.

Hán Cảnh Đế giết xong Triệu Thác liền cử người mang chiếu thư, yêu cầu bảy nước rút quân. Lúc đó Ngô Vương Lưu Phi đã đánh thắng mấy trận, chiếm được nhiều đất đai. Khi nghe yêu cầu quì xuống để nghe chiếu thư, liền cười nhạt: "Ta bây giờ cũng là hoàng đế, việc gì phải quì".

Trong trại quân Hán có viên quan tên là Đặng Công về Trường An để báo cáo tình hình quân sự. Cảnh Đế hỏi y: "Người từ quân doanh về, đã biết tin Triệu Thác bị giết chưa? Quân Ngô, Sở có chịu lui quân không?".

Đặng Công nói: "Để khởi loạn, Ngô vương đã chuẩn bị mấy chục năm rồi. Lần này mượn cớ phát binh, đâu phải vì Triệu Thác? Bệ hạ đã giết nhầm Triệu Thác rồi. E rằng sau này sẽ không có ai dám bày mưu giúp triều đình nữa".

Hán Cảnh Đế biết mình sai, nhưng hối hận thì đã muộn. May nhờ có Chu Á Phu rất giỏi dùng binh, trước hết ông không đánh thẳng vào quân Ngô, Sở mà phái kỵ binh đánh bọc phía sau, cắt đứt đường tiếp lương của quân phiên loạn. Hai cánh quân Ngô, Sở không có lương ăn, trước hết tự rối loạn, Chu Á Phu mới phái tinh binh xuất kích đánh cho quân Ngô, Sở thất bại thảm hại.

Hai nước Ngô, Sở dẫn đầu làm loạn, nay đã thất bại, năm nước khác cũng nhanh chóng tan vỡ. Không đầy ba tháng, quân Hán đã dẹp yên loạn bảy nước.

Sau khi Hán Cảnh Đế dẹp xong loạn bảy nước, tuy vẫn cho con cháu đời sau của họ kế thừa vương vị, nhưng từ đó về sau, vua chư hầu chỉ được thu tô thuế trên đất phong, không được can dự công việc chính quyền ở địa phương nữa, quyền lực giảm đi rất nhiều. Chính quyền trung ương của triều đình Hán từ đó mới được củng cố vững mạnh.

65- TRẦN ĐÁNH DỤ ĐỊCH Ở MÃ ẤP

Hai đời Hán Văn Đế, Hán Cảnh Đế đều áp dụng chính sách vỗ về dân chúng. Trong hơn 60 năm, từ một thời gian ngắn có loạn bảy nước, còn không xảy ra chiến tranh lớn. Do đó, nền kinh tế được khôi phục và phát triển. Theo nói lại, ở cuối đời Cảnh Đế, tiền đồng tích trong kho không biết có tới bao nhiêu vạn dây xâu tiền đều mục nát hết; lương thực trong kho ăn không hết, hàng năm lại chôn cất thêm, tràn ngập cả ra ngoài kho, thậm chí cũng bị thối mục. Lịch sử gọi thời kì đó là "Văn Cảnh chi trị" (Cảnh thịnh trị đời Văn Đế, Cảnh Đế).

Nhưng Hán triều cường thịnh mà vẫn bị quân Hung Nô ở phương Bắc uy hiếp. Từ sau khi Hán Cao Tổ vây ở núi Bạch Đăng, triều Hán vẫn áp dụng chính sách hoà thân với Hung Nô. Loại hoà thân này trên thực tế là một loại thoả hiệp, không những phải đem con gái trong hoàng thất nhà Hán gả cho thiên vu Hung Nô, mà hàng năm còn phải tặng cho Hung Nô nhiều tiền của. Mặc dù đã làm như vậy, Hung Nô vẫn thường xuyên xâm phạm

Trung Nguyên, giết hại dân chúng, cướp bóc lương thực và bò dê, khiến vùng phía bắc chẳng lúc nào yên.

Sau khi Hán Cảnh Đế chết, Hán Vũ Đế Lưu Triệt lên ngôi. Đây là một ông vua có tài năng và hoài bão lớn, quyết tâm làm thay đổi tình hình lúc đó.

Năm 135 trước Công nguyên, thiên vu Quân Thần của Hung Nô lại phái sứ giả đến yêu cầu hoà thân, Hán Vũ Đế yêu cầu các đại thần bàn bạc. Tướng Vương Khôi nói: "Trước kia, triều đình cùng Hung Nô hoà thân nhưng Hung Nô không bao giờ tuân thủ minh ước, vẫn cứ xâm phạm biên giới. Ta cần đem quân chinh phạt chúng".

Rất nhiều đại thần phản đối ý kiến của Vương Khôi. Hán Vũ Đế thấy chưa quyết định được nên tạm thời vẫn giữ mối hoà thân với Hung Nô.

Hai năm sau, ở Mã Ấp có một đại thương nhân là Nhiếp Nhất, đến tìm Vương Khôi nói: "Quân Hung Nô thường đến xâm phạm biên giới, là nguồn gốc gây tai hoạ. Hiện nay, nhân dịp đang hoà thân, dụ chúng vào rồi phục kích, thì nhất định sẽ thắng lớn.

Wương Khôi hỏi: "Ông có biện pháp gì để dụ chúng?"

Nhiếp Nhất nói: "Tôi thường buôn bán trên biên giới. Người Hung Nô đều quen biết tôi. Tôi lấy cớ vì lợi ích buôn bán, giả vờ hiến Mã Ấp cho chúng. Thiên vu ham được tiền của của Mã Ấp, nhất định sẽ đến. Chúng ta mai phục đại quân ở vùng phụ cận, chỉ cần đợi thiên vu tới Mã Ấp, tướng quân có thể đem quân chặn đường về để bắt sống thiên vu".



Vương Khôi tâu với Hán Vũ Đế về ý kiến của Nhiếp Nhất. Hán Vũ Đế quyết tâm thực hiện kế của Nhiếp Nhất, liền phái các tướng Vương Khôi, Hàn An Quốc, Công Tôn Hạ, Lý Quảng đem ba mươi vạn quân mai phục trong hẻm núi gần Mã Ấp.

Nhiếp Nhất cố ý chạy sang Hung Nô, nói với thiên vu: "Tôi có biện pháp trà trộn vào Mã ấp, giết chết quan lại ở đó. Như vậy có thể dễ dàng chiếm được Mã Ấp".

Thiên vu quân Thần nghe nói thế thì rất mừng, nhưng hơi nghi ngờ, liền phái mấy người tâm phúc theo Nhiếp Nhất về Mã Ấp, đợi nếu Nhiếp Nhất giết các quan lại ở đó thật, thì sẽ phái quân đội sang.

Nhiếp Nhất về tới Mã Ấp, theo kế hoạch đã bàn với Vương Khôi, đem giết mấy tên tù phạm đã bị ghép vào tử tội, rồi bêu đầu ngoài cửa thành, bảo sứ giả Hung Nô đến xem, nói dối đó là đầu các quan lại của Mã Ấp.

Sứ giả Hung Nô thấy đầu người, tin là thực, lập tức về báo với thiên vu Quân Thần.

Thiên vu Quân Thần dẫn mười vạn kỵ binh đi tiếp quản Mã Ấp, đi tới Vũ Châu (nay là huyện Tả, Vân Sơn Tây) cách Mã Ấp khoảng một trăm dặm, chỉ thấy trên thảo nguyên có rất nhiều gia súc, nhưng không có người chăn, thì sinh nghi. Lúc đó, Quân Thần thấy phía trước có một chòi canh, liền đánh chiếm chòi đó để hỏi tình hình. Chiếm được chòi, Quân Thần dọa người phụ trách chòi gác: Nếu không khai thực tình hình thì sẽ chém đầu.

Người phụ trách gác chòi sợ hãi, khai hết tình hình quân Hán mai phục cho thiên vu Quân Thần biết.

Biết tình hình, Quân Thần giết mình, liền hạ lệnh lui quân. Ra khỏi địa giới Vũ Châu, thiên vu mới thở phào: "May mà bắt được tên phụ trách gác chòi. Nếu không thật nguy hiểm".

Quân Hán mai phục ở Mã Ấp, được tin quân Hung. Nô đã rút, liền đưa toàn đại quân đuổi theo. Nhưng đuổi sao cho kịp được. Đành phải rút quân về.

Trận dụ địch của Hán Vũ Đế không thành công. Nhưng từ đó, quan hệ hoà thân giữa hai bên tan vỡ, và chiến tranh đại quy mô đã liên tiếp xảy ra giữa hai bên.

66- PHI TƯỚNG QUÂN LÝ QUẢNG

Năm 129 trước Công nguyên, Hung Nô phái quân xâm phạm Thượng Cốc (trị sở nay ở đông nam Hoài Lai, Hà Bắc). Hán Vũ Đế phái Vệ Thanh, Công Tôn Ngao, Công Tôn Hạ, Lý Quảng dẫn quân chia đường tiến đánh.

Trong bốn danh tướng đó, Lý Quảng là người lớn tuổi nhất, có nhiều công lao nhất. Thời Hán Văn Đế, Lý Quảng đã làm tướng; thời Hán Cảnh Đế, đã cùng Chu Á Phu dẹp loạn bảy nước, lập được công lớn. Hán Cảnh Đế còn cử ông làm thái thú Thượng quận (trị sở nay ở đông nam Du Lâm, Thiểm Tây).

Có lần, quân Hung Nô tiến vào Thượng quận, Lý Quảng dẫn một trăm kỵ binh đuổi theo ba xạ thủ Hung Nô, đuổi mấy chục dặm mới kịp. Ông bắn chết hai tên và bắt sống một tên, đang chuẩn bị trở về thì thấy mấy ngàn kỵ binh Hung Nô đang từ xa xông tới.

Quân lính của Lý Quảng thấy quân Hung Nô đông như vậy thì hoang mang sợ hãi. Lý Quảng nói: "Chúng ta đã đi xa đại doanh mấy chục dặm. Nếu cố chạy về thì

quân Hung Nô sẽ đuổi kịp, không thể sống sót được. Chỉ bằng dừng hẳn lại, quân Hung Nô sẽ nghĩ là ta đến dụ chúng, nhất định sẽ không dám tiến công chúng ta đâu".

Sau đó, Lý Quảng hạ lệnh cho quân lính tiến lên, cách quân Hung Nô chỉ hai dặm thì dừng lại, bảo quân lính xuống ngựa, dỡ bỏ yên ngựa, ngồi nghỉ tại chỗ.

Quân lính hoảng hốt nói: "Quân Hung Nô ở gần như thế, lại đông như thế, nếu chúng đánh tới thì làm thế nào?"

Lý Quảng nói: "Chúng ta làm thế này, tỏ ra ung dung, khiến kẻ địch cho rằng chúng ta cố tình dụ chúng tới".

Tướng lĩnh Hung Nô thấy quân Hán như vậy, rất sợ có quân phía sau. Vì vậy, chúng chỉ quan sát từ xa, không dám tiến lên.

Lúc đó, trận địa Hung Nô có một viên tướng cưỡi ngựa trắng, phóng ngựa ra kiểm tra đội ngũ, Lý Quảng cùng hơn mười kỵ binh khác bất ngờ nhảy lên ngựa, phi tới, bắn chết viên tướng đó, rồi lại quay về chỗ cũ nghỉ ngơi.

Quân Hung Nô càng thêm nghi ngờ. Trời tối dần, quân Hung Nô cho rằng quân Hán nhất định có mai phục, sợ bị quân Hán tập kích ban đêm, liền vội vàng rút lui. Đến khi trời sáng, Lý Quảng nhìn phía trước không còn một bóng quân Hung Nô nào, mới ung dung dẫn hơn một trăm quân trở về đại doanh.

Lần chiến tranh đó, Hán Vũ Đế phái bốn đội quân đi đánh Hung Nô. Thiên vu Quân Thần do thám tình hình quân Hán, biết rằng trong số bốn danh tướng Hán, Lý



Quảng là người khó đối phó nhất, liên bố trí đại đa số quân mai phục ở Nhạn Môn, ra lệnh cho bộ hạ bắt sống kỳ được Lý Quảng. Quân Hung Nô đông, có thể áp đảo, nên sau một trận chiến đấu kịch liệt, quân Lý Quảng bị đánh bại, bản thân Lý Quảng bị thương và bị bắt làm tù binh.

Quân Hung Nô thấy Lý Quảng bị thương, liền đưa lên một chiếc võng, do hai ngựa cỡi đưa về đại doanh Thiên vu. Trong khi đi đường, Lý Quảng nằm im trên võng như chết. Sau mười mấy dặm đường, Lý Quảng hé mắt nhìn, thấy tên lính Hung Nô đi kèm cưỡi một con ngựa tốt, liền bắt thân vung lên, cướp lấy ngựa và cung tên, đẩy tên lính đó xuống đất, rồi ra sức phóng ngựa chạy.

Quân Hung Nô phái mấy trăm kỵ binh đuổi theo. Lý Quảng vừa quặp chặt ngựa, vừa ngoái lại, giương cung bắn chết mấy tên chạy đầu, cuối cùng chạy thoát về với quân Hán.

Tuy thoát hiểm, nhưng vì thua trận, thiệt quân, nên Lý Quảng bị ghép vào tội chết. Do triều Hán có qui định có thể dùng tiền chuộc tội nên Lý Quảng đem hết tài sản ra chuộc tội, trở về quê làm dân thường.

Không lâu sau, quân Hung Nô lại vào quấy nhiễu, Hán Vũ Đế lại triệu Lý Quảng, phong ông làm Thái thú quận Hữu Bắc Bình (trị sở nay ở Tây nam Lăng Nguyên, Liêu Ninh).

Suốt trong nhiều năm, Lý Quảng đều phòng thủ ở biên giới phía Bắc. Vì ông có tài hành động nhanh, bắn tên giỏi, chột đến, chột đi, kẻ địch khó lòng dò tìm tung tích, nên người Hung Nô đặt cho ông biệt hiệu "Phi

tướng quân". Lý Quảng làm Thái thú Hữu Bắc Bình, Hung Nô sợ oai Lý Quảng nên không dám xâm phạm.

Miền Hữu Bắc Bình không có quân Hung Nô, nhưng thường có hổ dữ hại người. Lý Quảng hề nghe nói ở đâu có hổ là tìm tới đó săn bắn và đã giết được nhiều hổ dữ. Theo kể lại, có một lần Lý Quảng trở về muộn, trời đã nhập nhoạng tối, ông cùng tùy tùng vừa đi vừa đề phòng hổ, bỗng thấy trong đám cỏ dưới chân núi lù lù một vật loang lổ như con hổ lớn đang ngồi. Lý Quảng liền giương cung bắn một phát tên cực mạnh. Với tài bắn bách phát bách trúng của ông, tên cắm phập vào mục tiêu.

Thủ hạ vác đao thương chạy tới, nhìn kỹ thì hoá ra không phải hổ mà là một khối đá lớn. Mũi tên cắm quá sâu, mấy người rút ra mà không nổi. Tất cả vừa kinh ngạc, vừa khâm phục.

Lý Quảng đến xem, cũng lấy làm lạ. Tên làm sao xuyên được vào đá? Ông liền trở lại chỗ đứng cũ, bắn tiếp mấy phát nữa vào tảng đá, nhưng chỉ thấy toé lửa, tên không thể nào xuyên vào được. Nhưng vì có phát tên đó, người ta đều đồn rằng tướng quân Lý Quảng có tài bắn tên xuyên vào đá.

Cuộc đời Lý Quảng hầu như toàn bộ đều hiến dâng cho sự nghiệp chống Hung Nô. Do anh dũng, thiện chiến, đã trải qua hơn bảy mươi cuộc chiến đấu, quý tộc Hung Nô đều sợ ông, coi ông là kinh địch. Nhưng, trong chiến đấu, Lý Quảng cũng hay gặp những thất bại bất ngờ, không gặp thuận lợi như hai tướng trẻ Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh, đã lập những chiến công lừng lẫy.

67- VỆ THANH VÀ HOÁC KHÚ BỆNH

Vệ Thanh xuất thân nghèo hèn. Cha ông là người hầu hạ trong nhà Bình Dương Hầu Tào Thợ. Khi lớn lên, Vệ Thanh đi chăn ngựa cho Bình Dương Hầu. Sau đó, chị của Vệ Thanh là Vệ Tử Phu được tuyển làm cung phi, được Hán Vũ Đế sủng ái, nên Vệ Thanh dần dần được hiển quý.

Vào năm Lý Quảng bị quân Hung Nô bắt và trốn được về, trong bốn đội quân Hán thì ba đội bị thất bại, chỉ có Vệ Thanh đánh thắng được phong làm Quan Nội Hầu. Sau đó lại liên tiếp đánh thắng Hung Nô, lập nhiều chiến công.

Năm 124 trước Công nguyên, Vệ Thanh dẫn ba vạn kỵ binh, đuổi quân Hung Nô ra ngoài Trường Thành. Hữu Hiến Vương của Hung Nô tưởng rằng quân Hán còn rất xa, không phòng bị gì, cứ uống rượu say túy lúy trong lều.

Vệ Thanh lợi dụng đêm tối, hành quân gấp sáu bảy trăm dặm, bao vây chặt cánh quân của Hữu Hiến Vương. Quân Hán từ bốn mặt đánh vào, làm cho quân

Hung Nô hoảng loạn tan vỡ. Hữu Hiền Vương hốt hoảng, chỉ kịp dẫn mấy trăm thủ hạ thân tín chạy trốn.

Trận đó, quân Vệ Thanh bắt được một vạn năm ngàn tù binh, trong đó có hơn mười tiểu vương Hung Nô.

Tả, Hữu Hiền Vương của Hung Nô chỉ thấp hơn thiên vu một bậc. Lần chiến tranh này, toàn quân của Hữu Hiền Vương bị tiêu diệt là một tổn thất lớn đối với thiên vu Hung Nô.

Hán Vũ Đế được tin, liền phái sứ giả đem ấn đại tướng quân đến phong cho Vệ Thanh tại quân doanh và phong cho cả ba con trai còn vị thành niên của ông tước hầu.

Vệ Thanh từ chối nói: "Thần mấy lần đánh thắng là do công lao của tướng sĩ. Ba đứa con thần còn là trẻ nít, chưa làm được việc gì. Nếu hoàng thượng phong cho chúng tước hầu thì làm sao khuyến khích được tướng sĩ lập công".

Hán Vũ Đế được Vệ Thanh gợi ý, liền phong cho bảy tướng dưới quyền Vệ Thanh tước hầu.

Năm sau, Hung Nô lại tiến công, Hán Vũ Đế phái Vệ Thanh cùng sáu tướng khác đem quân đi đánh.

Vệ Thanh có người cháu gọi bằng cậu, tên là Hoắc Khứ Bệnh, năm đó mới 18 tuổi, vô cùng dũng cảm, lại giỏi cưỡi ngựa, bắn cung, lần này cũng theo Vệ Thanh đi đánh Hung Nô.

Quân Hung Nô nghe tin đại quân Hán tiến công liền rút chạy. Vệ Thanh chia quân làm bốn đường truy đuổi, quyết đánh bại chủ lực Hung Nô. Riêng Vệ Thanh thì trấn giữ đại doanh để chờ tin tức.



Đến tối, bốn cánh quân đều trở về, không tìm thấy chủ lực Hung Nô, có cánh quân giết được trăm địch, có cánh quân chỉ về tay không.

Hoắc Khứ Bệnh lúc đó chỉ là một hiệu úy trẻ tuổi, lần đầu đi đánh trận. Ông dẫn đầu tám trăm tráng sĩ, tổ chức thành một đội quân nhỏ, đi lùng tìm quân Hung Nô. Họ tiến mãi lên phía Bắc, dọc đường không thấy bóng dáng lính Hung Nô nào, mãi tới mấy trăm dặm mới thấy xa xa có trại quân Hung Nô.

Họ lặng lẽ đi vòng ra phía sau, nhằm vào chiếc lều lớn nhất, xung phong mãnh liệt. Hoắc Khứ Bệnh nhanh nhẹn, chém chết ngay một quý tộc Hung Nô. Thủ hạ của ông cũng bắt sống được hai quý tộc. Quân Hung Nô mất người đứng đầu, tan chạy ra các ngả. Tám trăm tráng sĩ đuổi theo giết được hơn hai ngàn quân Hung Nô rồi mới trở về đại doanh.

Vệ Thanh đang nóng lòng chờ đợi thì thấy Hoắc Khứ Bệnh xách một chiếc đầu tiên vào, các binh sĩ phía sau còn giải theo hai tù binh. Qua thẩm vấn, được biết trong hai tù binh, một là chú của Thiên vu, một là tướng quốc, còn kẻ bị Hoắc Khứ Bệnh giết là một tước vương vào hàng ông của Thiên vu.

Lần đầu tham gia chiến đấu mà chàng thanh niên 18 tuổi Hoắc Khứ Bệnh đã lập công lớn. Sau khi chiến tranh kết thúc, ông được phong là Quán Quân Hầu.

Năm 121 trước Công nguyên, Hán Vũ Đế lại phong Hoắc Khứ Bệnh làm phiêu kỵ tướng quân, dẫn một vạn kỵ binh, xuất phát từ Lũng Tây, tiến công Hung Nô.

Binh mã của Hoắc Khứ Bệnh giao chiến với quân Hung Nô trong sáu ngày liền. Quân Hung Nô cầm cự

không nổi, thua chạy về phía sau. Hoắc Khứ Bệnh dẫn quân vượt qua núi Yên Chi (nay ở phía tây huyện Vĩnh Xương, Cam Túc), truy kích hơn một ngàn dặm. Ở đó còn có những thuộc quốc của Hung Nô như Hồn Nha (nay ở trong tỉnh Cam Túc), Hưu đồ (nay ở bắc huyện Vũ Uy, Cam Túc). Quân Hán bắt sống được vương tử và tướng quốc của Hồn Nha vương, chiếm được người vàng (thực chất là tượng đồng) dùng để tế trời của vua Hưu Đồ.

Để khen thưởng cho Hoắc Khứ Bệnh, Hán Vũ Đế muốn xây cho ông một dinh thự. Hoắc Khứ Bệnh khẳng khái từ chối, nói: "Quân Hung Nô còn chưa bị tiêu diệt, lo tới nhà của làm gì!". (Nguyên văn: "Hung Nô vị diệt, hà dĩ gia vị!").

Để diệt trừ tận gốc sự xâm phạm của Hung Nô, năm 119 trước Công nguyên, sau khi chuẩn bị đầy đủ, Hán Vũ Đế lại phái Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, mỗi người mang năm vạn quân tinh nhuệ, chia hai đường hợp kích Hung Nô.

Vệ Thanh từ quận Định Tương vượt qua biên giới, đi qua sa mạc Gô-Bi, hành quân hơn một ngàn dặm. Thiến vu Y Chat Nha thân dẫn tinh binh đối địch. Hai bên triển khai kịch chiến. Lúc trời vừa tối, trên sa mạc bỗng nổi trận cuồng phong, trời đất mịt mù, đá bay cát chạy. Vệ Thanh chống chọi với gió cát, ra lệnh cho kỵ binh chia làm hai cánh đánh ép lại. Thiến vu Y Chat Nha không chống cự nổi, dẫn mấy trăm kỵ binh phá vây chạy lên phía Bắc. Vệ Thanh đuổi tới thành Triệu Tín, núi Diên Nhan (nay ở phía nam cao nguyên Mông Cổ) thì thành đã bỏ trống, còn lại rất nhiều lương thảo.

Vệ Thanh cho người ngựa ăn uống no nê, rồi đốt hết số còn lại, sau đó đem quân về.

Ở cánh quân kia, Hoắc Khứ Bệnh cũng vượt qua sa mạc, tiến lên hơn hai ngàn dặm, đánh tan quân mã của Tả Hiền vương, đuổi tới núi Lang Cu Tư (nay thuộc khu tự trị Nội Mông, có thuyết nói là nay thuộc nước Cộng hoà nhân dân Mông Cổ) và dựng một bia đá tại đây để làm kỷ niệm.

Đây là trận truy kích có quy mô lớn nhất, tiến quân sâu nhất của quân Hán. Sau đó, Hung Nô lui tới miền Bắc sa mạc, miền Nam sa mạc không còn triều đình Hung Nô nữa.

68- TRƯƠNG KHIÊN MỞ ĐƯỜNG SANG TÂY VỰC

Những năm đầu đời Hán Vũ Đế, có người Hung Nô đầu hàng triều Hán. Qua họ, Hán Vũ Đế biết qua về tình hình Tây Vực (nay là Tân Cương và một số nước vùng Trung Á). Họ cho biết có nước Nguyệt Chi* bị Hung Nô đánh bại, chạy về phía Tây, định cư ở Tây Vực. Họ căm thù Hung Nô, muốn báo thù, nhưng không được ai giúp đỡ.

Hán Vũ Đế nghĩ, Nguyệt Chi ở phía tây Hung Nô, nếu triều Hán liên hợp được với Nguyệt Chi, cắt đứt liên hệ giữa Hung Nô với các nước Tây Vực thì có khác gì chặt đứt cánh tay phải của Hung Nô.

Thế rồi, ông liền hạ chiếu thư, tìm người có khả năng đi liên hệ với Nguyệt Chi. Lúc đó, không ai biết nước Nguyệt Chi ở đâu và cách bao xa. Muốn đảm nhận được việc đó, phải là người rất có dũng khí.

* Còn gọi là Nguyệt Thị.

Có một viên lang trung (một chức quan) tên là Trương Khiên, thấy đây là một việc hay, liền xin nhận nhiệm vụ. Sau đó, hơn một trăm tráng sĩ cũng mạnh dạn xin cùng đi. Một người thuộc tộc Hung Nô ở Trường An tên là Đường Ấp Phụ cũng tình nguyện đi cùng Trương Khiên sang nước Nguyệt Chi.

Năm 138 trước Công nguyên, Hán Vũ Đế phái Trương Khiên dẫn hơn một trăm người đi tìm nước Nguyệt Chi. Nhưng muốn đến Nguyệt Chi phải đi qua địa giới của Hung Nô. Bọn Trương Khiên mới đi được mấy ngày đã bị quân Hung Nô vây chặt, bắt làm tù binh.

Người Hung Nô không giết họ, chỉ phân tán ra để giám sát. Chỉ có Đường Ấp Phụ được ở cùng chỗ với Trương Khiên. Họ bị giam giữ suốt hơn mười năm trời.

Càng về sau, người Hung Nô không còn giám sát họ chặt chẽ nữa. Trương Khiên và Đường Ấp Phụ bàn nhau, nhân lúc họ sơ hở, liền ăn trộm hai con ngựa trốn chạy.

Hai người nhằm hướng Tây đi mấy chục ngày, chịu mọi gian khổ mới ra khỏi địa giới Hung Nô, không tìm thấy nước Nguyệt Chi nhưng lại đi lạc vào nước Đại Uyển (nay ở vùng Trung Á).

Đại Uyển là nước láng giềng với Hung Nô. Người địa phương hiểu được tiếng Hung Nô nên Trương Khiên và Đường Ấp Phụ giao dịch rất thuận lợi. Họ xin yết kiến vua Đại Uyển. Vua nước Đại Uyển đã nghe nói Hán là một nước lớn rất cường thịnh, lần này lại thấy sứ giả triều Hán thì rất hoan nghênh và phái người đưa họ



đến nước Khang Cư (nay ở khoảng giữa hồ Bai Can và Biển mặn) rồi từ Khang Cư đến Nguyệt Chi.

Sau khi Nguyệt Chi bị Hung Nô đánh bại thì dời đến vùng phụ cận Đại Hạ (nay là phía bắc Ápganítxtan) xây dựng nên nước Đại Nguyệt Chi, không còn có ý muốn đánh Hung Nô nữa. Quốc vương Đại Nguyệt Chi nghe Trương Khiên trình bày, không hưởng ứng nhiệt tình lắm, nhưng vì thấy Trương Khiên là sứ giả triều Hán nên vẫn tiếp đãi trọng thể.

Trương Khiên và Đường Ấp Phụ ở Đại Nguyệt Chi hơn một năm, lại đến thăm Đại Hạ một lần, được thấy rất nhiều sự vật mới lạ chưa từng được biết. Nhưng họ không thể thuyết phục được Đại Nguyệt Chi cùng chống Hung Nô, nên đành trở về. Khi qua địa giới Hung Nô, lại bị bắt lại một thời gian, may nhờ Hung Nô có nội loạn nên mới trốn về được Trường An.

Trương Khiên ở nước ngoài tới mười ba năm mới trở về. Hán Vũ Đế cho rằng ông đã lập công lớn, nên phong làm Thái Trung đại phu.

Trương Khiên báo cáo tỉ mỉ với Hán Vũ Đế tình hình ở các nước Tây Vực. Ông nói: "Thần thấy ở Đại Hạ có gậy trúc sản xuất ở Cung Sơn (nay là tỉnh Tứ Xuyên) và vải mịn sản xuất ở đất Thục (nay là Thành Đô, Tứ Xuyên). Người địa phương cho biết là những thứ đó do thương nhân từ Thiên Trúc (nay là Ấn Độ) mang tới". Ông cho rằng Thiên Trúc đã có thể mùa được hàng hoá của đất Thục thì chắc hẳn phải ở không xa đất Thục.

Hán Vũ Đế liền cử Trương Khiên làm sứ giả, mang theo lễ vật từ đất Thục sang kết giao với Thiên Trúc.

Trương Khiên chia người ngựa làm bốn đội, chia đường đi tìm nước Thiên Trúc. Mỗi đội đều đi khoảng hai ngàn dặm nhưng đều không tới được Thiên Trúc, có đội còn bị nhân dân địa phương đánh đuổi về.

Đội đi về phía Nam tới được Côn Minh, cũng bị ngăn lại. Sứ giả triều Hán vòng qua Côn Minh, tới được Diên Việt (nay là Vân Nam). Tổ tiên của quốc vương Diên Việt nguyên là người nước Sở, đã sống cách biệt với Trung Nguyên mấy đời rồi. Ông vui lòng giúp Trương Khiên tìm đường qua Thiên Trúc, nhưng lại bị Côn Minh ngăn ở giữa đường, không cho đi qua.

Trương Khiên trở về Trường An. Hán Vũ Đế cho rằng tuy ông không tìm thấy nước Thiên Trúc nhưng đã kết giao được với Diên Việt là nước chưa từng có quan hệ nên cũng hết sức vui lòng.

Đến khi Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh tiêu diệt được quân chủ lực Hung Nô, Hung Nô chạy lên phía bắc sa mạc, nhiều nước Tây Vực thấy Hung Nô đã thất thế, đều không chịu tiến cống và nộp thuế cho Hung Nô, Hán Vũ Đế nhân dịp đó lại phái Trương Khiên đi Tây Vực.

Năm 119 trước Công nguyên, Trương Khiên và mấy trợ thủ đem theo cờ tiết của triều Hán, tổ chức một đoàn ba trăm dũng sĩ, mỗi người dùng hai con ngựa, đem theo hơn một vạn bò dê và vàng bạc, tiền tệ, lụa là vải vóc làm lễ vật đi kết giao với Tây Vực.

Trương Khiên đến Ô Tôn (nay ở Tân Cương) được nhà vua đón tiếp. Trương Khiên dâng lên món lễ hậu, đề nghị hai nước kết làm thân thích, cùng nhau đối phó Hung Nô. Vua Ô Tôn thấy triều Hán cách Ô Tôn rất xa, không biết mạnh yếu thế nào. Ông ta muốn được sự

giúp đỡ của triều Hán nhưng lại sợ làm mất lòng Hung Nô. Do đó, vua tôi nước Ô Tôn bàn bạc mấy ngày vẫn không quyết định được việc liên minh đối phó với Hung Nô.

Trương Khiên sợ kéo dài, lỡ mất thời gian liền phái các thủ chia nhau hạ mang lễ vật tới liên lạc với Đại Uyển, Đại Nguyệt Chi, Vu Diên (ở giữa Tân Cương và Diên). Vua Ô Tôn còn phái mấy người phiên dịch đi theo giúp đỡ họ.

Những thủ hạ đó đi mãi không thấy trở về. Vua Ô Tôn liền tiễn Trương Khiên về Trường An và phái một sứ đoàn mấy chục người theo Trương Khiên về Trường An để xem xét triều Hán, đem theo mấy chục con ngựa cao to tặng triều Hán.

Hán Vũ Đế thấy sứ đoàn thì rất phấn khởi, lại thấy những con ngựa cao to lạ lùng lại càng quý, nên đón tiếp sứ giả rất nồng nhiệt.

Một năm sau, Trương Khiên bị bệnh mất. Thủ hạ của ông đi các nước cũng lần lượt trở về Trường An. Họ tính tổng cộng đã đi tới 36 nước.

Từ đó về sau, hàng năm Hán Vũ Đế đều phái sứ giả đi sang các nước Tây Vực, xây dựng quan hệ qua lại với các nước đó. Sứ giả và thương nhân các nước Tây Vực cũng lần lượt đến Trung Quốc. Hàng tơ và hàng dệt tơ lụa của Trung Quốc đi qua Tây Vực tới các nước Tây Á rồi đi tiếp sang Châu Âu. Người đời sau gọi con đường đó là "con đường tơ lụa".

69- TÔ VŨ CHẶN ĐỀ

Sau khi Hung Nô bị Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh đánh bại, mấy năm liền không có chiến tranh với triều Hán. Nhưng tuy bên ngoài, Hung Nô tuyên bố là sẽ hoà hảo với triều Hán, trên thực tế vẫn âm mưu xâm phạm Trung Nguyên.

Thiên vu Hung Nô thường phái sứ giả tới triều Hán, nhưng khi sứ giả triều Hán tới Hung Nô lại thường bị họ giữ lại. Do đó, triều Hán cũng giữ lại một số sứ giả Hung Nô.

Năm 100 trước Công nguyên, Hán Vũ Đế đang dự tính đem quân đánh Hung Nô, thì sứ giả Hung Nô đến cầu hoà và thả hết sứ giả Hán về. Để đáp lại thiện ý đó, Hán Vũ Đế liền phái trung lang tướng Tô Vũ cùng phó đoàn Trương Thắng và tuý viên Thường Huệ đi sứ Hung Nô, đem theo cờ tiết của triều Hán. Tô Vũ đến Hung Nô, trao trả các sứ giả bị bắt giữ và dâng tặng lễ vật. Tô Vũ đang đợi thiên vu Hung Nô viết thư trả lời để mang về thì không ngờ xảy ra một chuyện rủi ro.

Trước khi Tô Vũ đến Hung Nô, có một người Hán tên là Vệ Luật, sau khi sang sứ đã đầu hàng Hung Nô. Thiên vu đặc biệt trọng dụng, phong y làm vương.

Vệ Luật có một bộ hạ tên là Ngu Thường, rất không bằng lòng với Vệ Luật. Ngu Thường là bạn cũ của Trương Thắng, phó đoàn của Tô Vũ, liền bàn với Trương Thắng muốn giết Vệ Luật và bắt cóc mẹ của Thiên vu rồi trốn về Trung Quốc.

Trương Thắng đồng tình. Không ngờ kế hoạch của Ngu Thường không thành, lại bị người Hung Nô bắt giữ. Thiên vu nổi giận, ra lệnh cho Vệ Luật thẩm vấn Ngu Thường và tra ra những người đồng mưu.

Tô Vũ vốn không biết việc này. Đến lúc đó, Trương Thắng sợ liên lụy, mới cho Tô Vũ hay.

Tô Vũ nói: "Sự việc đã đến mức thế này, nhất định sẽ liên quan đến ta. Nếu để họ tra khảo đến chết thì sẽ làm mất mặt triều đình". Nói rồi rút dao toan tự sát. Trương Thắng và Thường Huệ nhanh tay dâng lại được rồi hết sức khuyên can.

Ngu Thường bị đánh đập tra tấn, chỉ thừa nhận là bạn với Trương Thắng, có nói cho biết, nhưng không thừa nhận là đồng mưu.

Vệ Luật báo cáo với thiên vu. Thiên vu nổi giận, muốn giết Tô Vũ, nhưng các đại thần ngăn lại. Thiên vu lại sai Vệ Luật đi dụ Tô Vũ đầu hàng.

Tô Vũ nghe lời dụ dỗ của Vệ Luật, liền nói: "Ta là sứ giả triều Hán, nếu phản bội lại sứ mạng, đánh mất khí tiết thì còn mặt mũi nào sống để nhìn người khác". Nói rồi lại rút dao đâm vào cổ.



Vệ Luật hoảng sợ ôm chặt lấy Tô Vũ. Tô Vũ đã bị trọng thương, ngất đi. Vệ Luật vội gọi người đến cứu chữa cho tỉnh lại.

Thiên vu thấy Tô Vũ là một hảo hán có khí tiết, rất khâm phục. Khi Tô Vũ bình phục, thiên vu lại khuyên ông theo Hung Nô.

Thiên vu sai Vệ Luật tra hỏi Ngu Thường trước mặt Tô Vũ. Trước hết, Vệ Luật ghép Ngu Thường vào tội chết, đem giết đi. Sau đó lại vung kiếm uy hiếp Trương Thắng, Trương Thắng tham sống sợ chết, liền hàng Hung Nô.

Vệ Luật nói với Tô Vũ: "Cấp phó của ông có tội, ông cũng bị liên đới."

Tô Vũ nói: "Tôi không đồng mưu với anh ta, cũng không phải là thân thích của anh ta, sao lại bị liên đới?"

Vệ Luật lại giơ kiếm dọa Tô Vũ, Tô Vũ không hề biến sắc. Vệ Luật phải hạ kiếm xuống khuyên nhủ: "Bản thân tôi cũng bất đắc dĩ phải hàng Hung Nô. Thiên vu đối đãi với tôi rất tốt, phong tôi làm vương, cho tôi mấy vạn người hầu hạ và từng đàn bò dê, hưởng mọi vinh hoa phú quý. Nếu tiên sinh đầu hàng Hung Nô thì ngày mai cũng như tôi, việc gì phải uống phí sinh mạng của mình?"

Tô Vũ bưng bưng nổi giận, đứng dậy nói: "Vệ Luật, người là con dân nhà Hán, là bầy tôi trong triều. Người đã vong ân bội nghĩa, phản bội lại cha mẹ, phản bội lại triều đình, làm một tên Hán gian vô sỉ, còn mặt mũi nào mà nói chuyện với ta. Ta quyết không đầu hàng. Người đừng nói nhiều vô ích". Vệ Luật tiu nghỉu trở về tâu lại với thiên vu. Thiên vu cho giam Tô Vũ trong

hầm đất, không cho ăn uống, toan dùng cách dày vò lâu ngày để khuất phục Tô Vũ. Lúc đó đang là mùa đông, tuyết xuống nhiều. Tô Vũ chịu đói khát, chỉ hứng tuyết để ngậm, vật dây da để nhấm cho qua cơn đói. Mấy ngày sau vẫn không chết.

Thiên vu thấy không có kết quả, liền đưa Tô Vũ tới vùng cạnh hồ Bai Can bắt chẵn dê, ngăn cách Tô Vũ và Thường Huệ ra hai nơi, không cho liên hệ với nhau. Đồng thời nói với Tô Vũ: "Bao giờ dê đẻ đẻ con, sẽ tha cho ngươi về". Nói như vậy, tức là muốn giam hãm, đầy đoạ Tô Vũ mãi mãi.

Tô Vũ tới Bai Can, xung quanh không có bóng người, chỉ có lá cờ tiết của nhà Hán làm bạn. Hung Nô không cho lương ăn, Tô Vũ phải đào hang chuột bắt chuột và ăn rễ cây. Lâu ngày, tua cờ đem theo cũng rụng hết.

Mãi tới năm 85 trước Công nguyên, thiên vu Hung Nô chết, Hung Nô phát sinh nội loạn, chia sẻ làm ba nước. Thiên vu mới không có đủ lực lượng để gây chiến với triều Hán, liền cử sứ giả đi cầu hoà. Lúc đó, Hán Vũ Đế đã chết, con là Hán Chiêu đế nối ngôi. Hán Chiêu đế phái sứ giả đến Hung Nô đòi thả Tô Vũ. Hung Nô nói dối là Tô Vũ đã chết. Sứ giả tưởng là thực, không nhắc đến chuyện ấy nữa.

Năm sau, sứ giả Hán lại đến Hung Nô. Thường Huệ, tuy tòng của Tô Vũ còn ở Hung Nô. Ông nhờ người Hung Nô giúp đỡ, tìm gặp sứ giả, nói cho sứ giả biết tình hình Tô Vũ chẵn dê ở Bai Can. Sứ giả gặp thiên vu, nói nghiêm khắc: "Nếu Hung Nô thực lòng muốn hoà hảo với Hán triều thì không nên lừa dối nữa. Vừa rồi hoàng thượng của chúng tôi bắn được trong ngự hoa viên một con chim nhạn, dưới chân có buộc một dải lụa,

trên đó ghi rõ là Tô Vũ đang còn sống. Tại sao các người lại nói là đã chết rồi?"

Thiên vu giật nảy mình, tưởng lòng trung nghĩa của Tô Vũ đã làm cảm động đến loài chim chóc, nên chim nhạn đã giúp ông truyền tin tức, liền vội nói với sứ giả: "Quả thật Tô Vũ hiện còn sống. Chúng tôi sẽ tha ông ta về nước".

Khi đi sứ, Tô Vũ mới bốn mươi tuổi. Qua mười chín năm chịu đủ mọi đầy đoạ, khổ cực, đến nay râu tóc ông đã bạc trắng. Ngày ông về tới Trường An, nhân dân Trường An đều xô ra đường chào đón. Họ thấy Tô Vũ râu tóc bạc phơ, lá cờ tiết trên tay chỉ còn cái cán, ai cũng cảm động rơi nước mắt. Tất cả đều ca ngợi ông là một đại trượng phu có khí tiết.

70- TỪ MÃ THIÊN VIẾT SỬ KÝ

Một năm sau khi Tô Vũ đi sứ Hung Nô, Hán Vũ Đế phái Nhị Sư tướng quân Lý Quảng Lợi đem ba vạn quân đánh Hung Nô, bị đại bại, hầu như toàn quân bị tiêu diệt, Lý Quảng Lợi phải chạy về. Cháu của Lý Quảng* là Lý Lăng lúc đó là Kỵ đô úy, đem năm ngàn quân bộ, tác chiến với Hung Nô. Thiên vu Hung Nô thân chỉ huy ba vạn kỵ binh vây chặt toán quân ít ỏi của Lý Lăng. Mặc dù Lý Lăng có tài bắn tên rất giỏi, binh sĩ cũng hết sức dũng cảm, nhưng năm ngàn bộ binh sau khi đã giết chết năm, sáu ngàn kỵ binh Hung Nô vẫn bị quân địch đông đảo đánh bại. Do không có quân cứu viện, nên cuối cùng chỉ còn hơn bốn trăm quân Hán chọc được vòng vây chạy thoát. Riêng Lý Lăng bị quân Hung Nô bắt được, phải đầu hàng.

Tin Lý Lăng đầu hàng Hung Nô làm chấn động triều đình. Hán Vũ Đế bắt mẹ và vợ con Lý Lăng giam vào ngục, rồi triệu tập đại thần, nghị tội Lý Lăng.

* Đây là Lý Quảng đã nói ở phần trên, không phải là Lý Quảng Lợi.

Các đại thần đều buộc tội Lý Lăng tham sống sợ chết nên đã đầu hàng Hung Nô. Hán Vũ Đế hỏi ý kiến Thái sử lệnh Tư Mã Thiên về việc này.

Tư Mã Thiên nói: "Lý Lăng chỉ đem theo không tới năm ngàn bộ binh, đi sâu vào đất địch, đánh lại với mấy ngàn kỵ binh. Tuy bị thua trận, nhưng ông ta đã giết được nhiều địch như thế, cũng có thể tạ tội với thiên hạ. Lý Lăng không chịu hy sinh tính mệnh, hẳn là có chủ ý để sau này sẽ lập công chuộc tội báo đáp lại hoàng thượng."

Hán Vũ Đế nghe nói, cho rằng Tư Mã Thiên có ý chê bai Lý Quảng Lợi (Lý Quảng Lợi là anh ruột của Lý Quý Phi của Hán Vũ Đế) liền dùng dùng nỗi giận, nói: "Người ra sức biện bạch cho kẻ đầu hàng, chẳng phải là cố ý phản bội lại triều đình sao?" Liền quát võ sĩ lôi Tư Mã Thiên vào nhà giam, giao cho đình úy luận tội.

Sau khi luận tội, Tư Mã Thiên bị xử vào tội đáng bị phủ hình (tội bị thiến). Tư Mã Thiên không có tiền chuộc tội, phải chịu hình phạt và giam vào ngục.

Tư Mã Thiên cảm thấy bị phủ hình là một điều hết sức nhục nhã, đã định tự sát. Nhưng lại nghĩ bản thân còn một việc hết sức quan trọng chưa hoàn thành xong, không thể chết được. Ông đang dồn hết tinh lực để viết một bộ sử, đó là một trước tác lịch sử vĩ đại nhất của Trung Quốc cổ đại - Bộ Sử Ký. Vốn là, ông cha mấy đời của Tư Mã Thiên đều làm quan chép sử. Cha ông là Tư Mã Đàm cũng làm thái sử lệnh. Khi lên mười tuổi, Tư Mã Thiên đã theo cha lên Trường An và đọc rất nhiều sử sách.



Để sưu tập sử liệu, mở mang tầm mắt, từ năm hai mươi tuổi, Tư Mã Thiên đã đi khắp nơi trong nước. Ông đã tới Cối Kê của Triết Giang, thăm nơi vua Vũ đã triệu tập thủ lĩnh các bộ lạc, đến Trường Sa, viếng nơi Khuất Nguyên trầm mình trên sông Mịch La; đến Khúc Phụ, khảo sát nơi Khổng Tử từng dạy học; đến quê hương của Hán Cao Tổ, nghe các phụ lão kể chuyện khởi binh của Lưu Bang. Việc đi thăm thú và khảo sát đó, khiến Tư Mã Thiên thu nhận được nhiều tri thức và học tập được nhiều ngôn ngữ dân gian phong phú, đặt cơ sở vững chắc cho việc viết văn của ông sau này.

Sau này, Tư Mã Thiên còn làm quan tuý tòng của Hán Vũ Đế, được theo nhà vua đi các nơi và được cử đi thị sát ở các vùng Ba, Thục, Côn Minh.

Sau khi Tư Mã Đàm chết, Tư Mã Thiên kế thừa chức vụ của cha, làm thái sử lệnh, lại càng sưu tập và đọc được nhiều sử liệu.

Chính lúc ông đang chuẩn bị bắt tay vào việc viết bộ sử đó thì xảy ra sự kiện Lý Lăng, và do biện hộ cho Lý Lăng mà ông bị xử phủ hình, giam vào ngục. Ông đau đớn nghĩ rằng do sai lầm trong nói năng mà thân thể bị tàn phế, không còn đáng sống nữa.

Nhưng lại nghĩ, trước kia Chu Văn Vương bị giam ở ngục Diu Lý, đã viết nên bộ "Chu Dịch"; Khổng Tử chu du các nước, bị khốn ở Trần, Thái, sau đã viết nên bộ "Xuân Thu"; Khuất Nguyên bị đày, đã viết nên "Ly Tao"; Tả Khâu Minh bị mù, đã viết "Quốc Ngữ"; Tôn Tẫn bị tháo xương bánh chè, đã viết "Bình pháp". Còn ba trăm bài trong Kinh Thi, tuyệt đa số là do người xưa đã viết nên trong tâm tình bị phần. Những trước tác nổi tiếng đó đều do các tác giả có điều uất ức trong lòng

hoặc khi lý tưởng không thực hiện được mà viết ra. Tại sao không nhân lúc này mà hoàn thành tác phẩm đã ôm ấp và chuẩn bị từ lâu?

Vì vậy, ông bắt đầu mài miết viết Sử ký, ghi chép từ thời Hoàng Đế trong truyền thuyết đến năm thứ hai niên hiệu Thái Thủy đời Hán Vũ Đế (95 trước Công nguyên), soạn thành một cuốn sách đồ sộ gồm 130 thiên, tất cả 52 vạn chữ.

Trong tác phẩm Sử Ký, Tư Mã Thiên đã thuật lại tỉ mỉ về sự tích các nhân vật nổi tiếng thời cổ. Ông đã đánh giá rất cao các lãnh tụ khởi nghĩa nông dân Trần Thắng, Ngô Quảng; luôn giữ thái độ đồng tình với những nhân vật bị áp bức thuộc tầng lớp dưới. Ông còn thay đổi chữ viết rất khó của thời cổ thành chữ viết tương đối đơn giản đương thời. Sự miêu tả nhân vật với tình tiết sinh động, hình tượng trong sáng, lời văn sống động trôi chảy, đã làm cho "Sử Ký" không những là một trước tác lịch sử, mà còn là một trước tác văn học kiệt xuất.

Sau khi ra khỏi nhà ngục, Tư Mã Thiên làm Trung thư lệnh, sau đó đã mất trong đau buồn. Nhưng tác phẩm "Sử Ký" của ông còn sống mãi và có địa vị cao trong sử học và văn học Trung Quốc và thế giới.

71- HOẮC QUANG PHỤ CHÍNH

Để đánh Hung Nô, thông Tây Vực, cộng thêm đời sống xa xỉ, thích phô trương, lại thêm mê tín thần tiên, năm nào cũng mở mang cung điện..., Hán Vũ Đế đã làm hao tổn nhân, tài, vật lực trong nước, hầu như đã sử dụng hết nguồn dự trữ quốc gia tích lũy được trong hai đời Văn Đế và Cảnh Đế.

Để có đủ tiền, ông ta trọng dụng những quan lại tàn ác, ép dân nộp thuế nặng, thậm chí còn cho phép những kẻ giàu bỏ tiền ra mua chức tước. Những kẻ đó ra làm quan, đương nhiên phải vơ vét tiền của để bù lại số tiền mua chức tước. Lại thêm thiên tai hạn hán, làm cho đời sống dân chúng khốn khó trăm bề. Nông dân nhiều địa phương đã nổi dậy chống lại quan lại.

Đến những năm cuối đời, Hán Vũ Đế mới quyết tâm đình chỉ dụng binh và đề xướng việc cải tiến nông cụ và kỹ thuật canh tác. Ông còn tiến hành nghị thức hạ điền, xuống ruộng làm mẫu, dẫn dò quan lại phải khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất. Vì vậy, tình hình trong nước mới được ổn định.

Năm 87 trước Công nguyên, Hán Vũ Đế bị bệnh mắt, Hán Chiêu Đế lên nối ngôi khi mới tám tuổi. Theo di chúc của Hán Vũ Đế, đại tướng quân Hoắc Quang nhận nhiệm vụ phò tá vua mới.

Hoắc Quang nắm đại quyền triều đình, giúp Hán Chiêu Đế thực hiện chính sách vỗ về dân chúng, giảm nhẹ thuế má và lao dịch, quản lý tốt mọi việc lớn trong nước.

Nhưng một số đại thần trong triều coi Hoắc Quang như cái gai trong mắt, muốn tìm mọi cách loại bỏ ông.

Tả tướng quân Thượng Quan Kiệt muốn đem cháu gái sáu tuổi gả cho Hán Chiêu đế làm hoàng hậu, nhưng Hoắc Quang không đồng ý. Sau đó Thượng Quan Kiệt dựa vào sự giúp đỡ của chị ruột Hán Chiêu Đế là Cái Trưởng công chúa, thực hiện được việc đưa cháu gái vào làm hoàng hậu. Thượng Quan Kiệt và con là Thượng Quan An muốn phong một người thân cận của Cái Trưởng công chúa tước hầu, nhưng Hoắc Quang nhất định không nghe.

Cha con Thượng Quan Kiệt và Cái Trưởng công chúa rất căm tức Hoắc Quang, liền cầu kết với Yên Vương Lưu Đán, dùng mọi cách toan hãm hại Hoắc Quang.

Năm Hán Chiêu Đế mười bốn tuổi, có lần Hoắc Quang kiểm duyệt đội Vũ Lâm quân (quân cận vệ của hoàng đế) và điều một hiệu úy về phủ đại tướng quân. Thượng Quan Kiệt nắm lấy việc đó, liền mạo một số tâu của Yên Vương và cử một tay sai tâm phúc mạo xưng là sứ giả của Yên Vương, đem tờ tấu vào dâng lên vua.

Trong số tâu đại ý nói: Trong khi đại tướng quân kiểm duyệt Vũ Lâm quân, đã dùng xe ngựa giống như



xe ngựa của hoàng đế. Ông ta còn tự tiện điều động sử dụng hiệu úy, nhất định là có âm mưu. Thần tình nguyện rời đất phong để về kinh thành bảo vệ hoàng đế, tránh việc kẻ xấu làm loạn.

Hán Chiêu Đế xem đi xem lại số tau đó rồi để sang một bên.

Hôm sau Hoắc Quang toan vào cung triều kiến, nghe được tin Yên Vương Lưu Đán dâng đem số cáo giác mình thì sợ hãi không dám vào cung.

Hán Chiêu Đế cho nội thị triệu Hoắc Quang vào. Hoắc Quang vào tới nơi, liền bỏ mũ, phục dưới đất thỉnh tội.

Hán Chiêu Đế nói: "Đại tướng quân cứ đội mũ vào. Ta biết có người cố ý làm hại khanh".

Hoắc Quang khầu đầu nói: "Bệ hạ làm thế nào để biết được?"

Hán Chiêu Đế nói: "Chẳng rất rõ ràng là gì? Việc đại tướng quân kiểm duyệt Vũ lâm quân ở Trường An và điều dụng viện hiệu úy là việc mới xảy ra chưa tới mười ngày. Yên Vương ở miền Bắc, sao biết được việc này? Mà dù có biết, viết số tấu gửi ngay về làm sao cho kịp được? Vả lại, nếu đại tướng quân muốn làm phản thì cũng chẳng cần điều một viên hiệu úy. Điều đó rõ ràng là có người muốn hãm hại tướng quân, và số tau của Yên Vương là giả."

Hoắc Quang và các đại thần khác nghe nói, không ai là không phục trí thông minh của Hán Chiêu Đế.

Hán Chiêu Đế sầm mặt, nói với các đại thần "Các khanh cần bắt kẻ đưa số tấu giả để thẩm vấn xem sao?"

Thượng Quang Kiệt sợ Hán Chiêu Đế truy xét gắt gao thì âm mưu sẽ bại lộ, liền vội tâu: "Sự việc nhỏ nhất đó, bệ hạ bắt tất phải truy xét làm gì nữa."

Từ đó về sau, Hán Chiêu Đế bắt đầu nghi ngờ bọn Thượng Quan Kiệt.

Bọn Thượng Quan Kiệt vẫn chưa chịu thôi liền bàn bạc ngầm với nhau, đề nghị Cái Trường công chúa đứng ra, mời Hoắc Quang đến dự tiệc. Chúng mai phục sẵn, đợi khi Hoắc Quang tới thì giết đi, lại cử người báo cho Yên Vương Lưu Đán, gọi ông về kinh.

Thượng Quang Kiệt dự tính sau khi giết Hoắc Quang liền phế luôn Hán Chiêu Đế, để tự mình lên làm hoàng đế. Không ngờ âm mưu đó bị lộ khiến Hoắc Quang biết được.

Hoắc Quang vội vã tâu với Hán Chiêu Đế. Hán Chiêu Đế hạ lệnh cho thừa tướng Điền Thiên Thu gấp rút mang quân tới vây bắt và xử tử bọn Thượng Quan Kiệt.

Hán Chiêu Đế mới hai một tuổi thì mắc bệnh mất, không có con nối dõi. Hoắc Quang nghe theo lời người khác, lập cháu của Hán Vũ Đế là Xương Ấp Vương Lưu Hạ lên làm hoàng đế. Lưu Hạ vốn là người lưu đày, lên ngôi đem theo hơn hai trăm thân tín từ Xương Ấp (nay ở Đông nam Cự Dã, Sơn Đông) về Trường An, ngày ngày vui chơi ăn uống. Mới lên ngôi được hai bảy ngày đã làm 1127 sự việc xấu xa, gây rối loạn cả hoàng cung.

Hoắc Quang và các đại thần họp nhau, cùng dâng thư xin Hoàng Thái Hậu hạ chiếu phế bỏ Lưu Hạ, lập một tăng tôn (cháu gọi bằng cụ) của Hán Vũ Đế là Lưu Trần lên làm hoàng đế, tức Hán Tuyên Đế.

72- VƯƠNG CHIÊU QUÂN SANG HỒ (HUNG NÔ)

Thời kỳ Hán Tuyên Đế tại vị, triều Hán lại cường thịnh được một thời gian. Lúc đó, các quý tộc Hung Nô tranh giành quyền lực nên thế lực càng ngày càng suy yếu. Sau này, nội bộ Hung Nô chia rẽ, phân lập ra năm thiên vu, đánh lẫn nhau liên miên.

Trong số đó có một thiên vu tên là Hồ Hàn Nha, bị anh là thiên vu Chất Chi đánh bại, giết hại nhiều người ngựa. Hồ Hàn Nha bàn với các đại thần, quyết tâm hoà hảo với triều Hán, thân dẫn tuỳ tùng đến triều kiến Hán Tuyên Đế.

Hồ Hàn Nha là thiên vu đầu tiên đến Trung Nguyên triều kiến. Hán Tuyên Đế tiếp đãi ông ta như khách quý, thân ra đón từ bên ngoài Trường An và mở yến tiệc chiêu đãi long trọng.

Thiên vu Hồ Hàn Nha ở Trường An hơn một tháng. Ông yêu cầu Hán Tuyên Đế giúp ông trở về. Hán Tuyên Đế đồng ý, cử hai viên tướng dẫn một vạn quân hộ tống ông về Mạc nam. Lúc đó, Hung Nô đang thiếu lương thực, triều Hán còn cho họ ba tư vạn đấu lương thực.

Hô Hàn Nha rất cảm kích, quyết tâm hoà hảo với triều Hán. Các nước Tây Vực nghe tin Hung Nô hoà hảo với triều Hán, cũng tranh nhau đến giao hảo.

Sau khi Hán Tuyên Đế mất, con là Lưu Thích nối ngôi, tức là Hán Nguyên Đế. Không lâu sau, thiên vu Chất Chi xâm phạm các nước Tây Vực, còn giết mất sứ giả của triều Hán. Triều Hán phái quân đội tới Khang Cư, đánh bại thiên vu Chất Chi và giết được Chất Chi.

Thiên vu Chất Chi bị chết, địa vị của thiên vu Hô Hàn Nha được ổn định. Năm 33 trước Công nguyên, Hô Hàn Nha lại đến Trường An một lần nữa, xin kết làm thân thiết với triều Hán. Hán Nguyên Đế đồng ý.

Trước đây, mỗi lần kết thân, triều Hán đều chọn một công chúa hoặc một người con gái trong vương thất để gả cho thiên vu Hung Nô. Lần này, Hán Nguyên Đế quyết định thay bằng một cung nữ. Ông cử người vào hậu cung truyền đạt: "Ai tình nguyện lấy vua Hung Nô sẽ được đổi dãi như công chúa". Cung nữ trong hậu cung đều được chọn lựa trong dân gian. Họ vào hoàng cung, bị giam giữ như chim trong lồng, ai cũng mong tới ngày được ra khỏi cung vua. Nhưng nghe nói phải rời đất nước sang Hung Nô thì không ai muốn đi.

Trong số cung nữ, có Vương Tường, còn gọi là Vương Chiêu Quân nhan sắc rất xinh đẹp, lại rất có kiến thức. Nghĩ đến tương lai của mình, cô xin tình nguyện đi Hung Nô.

Các đại thần đang lo không tìm được người nay thấy có người tình nguyện ghi tên, liền vội báo tên họ lên Hán Nguyên Đế. Hán Nguyên Đế bảo các đại thần chọn ngày để tổ chức lễ thành hôn cho Hô Hàn Nha và Vương Chiêu Quân ở Trường An.

Hô Hàn Nha được một cô vợ trẻ trung xinh đẹp như vậy thì hết sức vui mừng.



Khi Hô Hàn Nha và Vương Chiêu Quân tạ ơn Hán Nguyên Đế. Hán Nguyên Đế thấy Vương Chiêu Quân xinh đẹp, phong thái lại tự nhiên như vậy thì luyện tiếc, nhưng không có cách gì lấy lại được.

Nghe nói, Hán Nguyên Đế về tới nội cung càng nghĩ càng thấy hối tiếc, ông liền hạ lệnh cho đem bức vẽ chân dung Vương Chiêu Quân đến cho mình xem. Nhìn qua thì có vẻ giống, nhưng hoàn toàn không có vẻ mỹ miều khả ái như người thật. Nguyên là cung nữ sau khi tiến cung nói chung đều không được giáp mặt hoàng đế, mà do thợ vẽ vẽ chân dung, dâng lên cho hoàng đế tuyển chọn. Có người thợ vẽ là Mao Diên Thọ, khi vẽ chân dung cho cung nữ, cô nào có tặng phẩm biếu xén thì được vẽ đẹp lên. Vương Chiêu Quân không chịu biếu tặng phẩm nên Mao Diên Thọ không vẽ nàng đẹp như người thật.

Hán Chiêu Đế nổi giận, cho giết ngay Mao Diên Thọ.

Vương Chiêu Quân được các quan chức triều Hân và Hung Nô hộ tống, rời khỏi Trường An. Nàng cưỡi ngựa, lên đường trong gió buốt vượt ngàn dặm tới Hung Nô, làm yên chí (hoàng hậu) của thiển vu Hô Hàn Nha. Lâu dần, Vương Chiêu Quân quen dần với cuộc sống ở Hung Nô, có quan hệ rất tốt với họ, được người Hung Nô yêu mến và tôn trọng.

Vương Chiêu Quân xa cách quê hương, sinh sống lâu dài ở Hung Nô. Nàng khuyên Hô Hàn Nha không nên gây chiến tranh với triều Hán, và còn truyền bá văn hoá Trung Quốc tới Hung Nô. Từ đó về sau, Hung Nô và triều Hán hoà hảo, trong hơn 60 năm không có chiến tranh.

Vương Chiêu Quân rời Trường An không lâu thì Hán Nguyên Đế mất, con là Lưu Ngao lên nối ngôi, tức là Hán Thành Đế.

73- VƯƠNG MÃNG "PHỤC CỔ CÁI CHẾ"

Hán Thành Đế là một hoàng đế hoang dâm. Sau khi lên ngôi, đại quyền trong triều đình dần dần rơi vào tay ngoại thích (thân thích của hoàng thái hậu hoặc hoàng hậu). Hoàng thái hậu Vương Chính Quân, mẹ của Thành Đế, có tám anh em, trừ một người chết sớm, bảy người còn lại đều được phong hầu, trong đó Vương Phụng được phong làm đại tư mã, đại tướng quân.

Vương Phụng nắm được đại quyền, mấy anh em con cháu của ông ta đều kiêu ngạo xa xỉ, chỉ có một người cháu tên là Vương Mãng, cha mẹ mất sớm, không có thói quen đó. Ông ta làm việc thận trọng như mọi người có học khác, sinh hoạt cũng tương đối tiết kiệm. Ai cũng ca ngợi Vương Mãng là người tốt nhất trong số vương gia tử đệ.

Sau khi Vương Phụng chết, hai người anh em của ông ta lần lượt làm tư mã. Sau đó, đến Vương Mãng làm đại tư mã. Ông ta rất chú ý chiêu mộ nhân tài, một số trí thức mến mộ tên tuổi của ông tìm đến, đều được ông thu nhận.

Sau khi Hán Thành Đế chết, trong không đầy mười năm, liên tiếp thay đổi hai hoàng đế khác, là Ai Đế và Bình đế. Khi Hán Bình Đế lên ngôi, mới có chín tuổi, mọi việc lớn của triều đình đều do đại tư mã Vương Mãng quyết định. Một số kẻ nịnh nọt đều nói Vương Mãng là đại công thần có công giữ yên triều Hán, xin Thái hoàng thái hậu phong Vương Mãng làm An Hán Công. Nhưng Vương Mãng nhất định không chịu nhận tước phong và đất phong. Sau đó, do các đại thần khuyên mãi, Vương Mãng mới chịu nhận tước phong, nhưng trả lại đất phong.

Công nguyên năm thứ hai, Trung Nguyên có hạn hán và sâu bọ. Do trong nhiều năm quý tộc và quan lại không ngừng xâm chiếm đất đai, bóc lột nông dân nặng nề, nên khi có thiên tai, dân chúng không sao sống nổi, xã hội rung động.

Để làm dịu bớt nỗi căm giận của dân chúng đối với triều đình và quan lại, Vương Mãng kiến nghị nhà nước tiết kiệm lương thực và vải vóc, tự mình cũng bỏ ra một trăm vạn đồng tiền và ba mươi khoảnh đất để cứu tế cho dân. Do ông ta làm gương, một số quý tộc và đại thần cũng phải bỏ tiền và ruộng đất ra.

Thái hoàng thái hậu lấy hơn hai vạn khoảnh đất ở Tân Dã (nay là Tân Dã, Hà Nam) để thưởng cho Vương Mãng, nhưng Vương Mãng lại từ chối không nhận.

Wương Mãng còn phái tám đại thần tâm phúc chia nhau đến các địa phương quan sát tình hình và lòng dân. Họ ra sức loan truyền và ca ngợi việc Vương Mãng không nhận đất thưởng ở Tân Dã, là một hành động rất khiêm tốn, nhường nhịn. Lúc đó, những địa chủ vừa và nhỏ rất căm giận việc xâm chiếm đất đai của bọn quý



tộc, quan lại, khi nghe nói Vương Mãng không chịu nhận đất phong thì đều cho ông ta là người tốt hiếm có.

Vương Mãng càng không chịu nhận đất phong thì càng có nhiều người xin Thái hoàng thái hậu phong đất cho ông ta. Theo nói lại, tất cả gồm có tám mươi vạn người gồm các đại thần trong triều đình, các quan địa phương và các dân thường dâng thư lên xin gia phong cho Vương Mãng. Có người còn thu thập các bài văn ca ngợi Vương Mãng, cộng lại có tất cả ba vạn chữ. Thanh danh và uy tín của Vương Mãng ngày càng lên cao

Khi thấy người khác càng ca ngợi Vương Mãng thì Hán Bình Đế lại càng lo sợ và cảm giận. Vì Vương Mãng không cho mẹ của Bình Đế ở gần hoàng đế, lại giết hết những người bên họ mẹ nên khi lớn lên, Bình Đế không tránh khỏi có những lời oán thán sau lưng.

Một hôm, các đại thần mừng thọ Bình đế, Vương Mãng dâng lên một cốc rượu độc. Hán Bình Đế không nghi ngờ gì liền uống cạn.

Hôm sau, trong cung truyền tin Hán Bình Đế ốm nặng, và mấy hôm sau thì chết. Vương Mãng làm bộ kinh hoàng than khóc thảm thiết. Khi chết, Hán Bình Đế mới mười bốn tuổi, đương nhiên chưa có con. Vương Mãng chọn một đứa trẻ hai tuổi trong hoàng thất họ Lưu làm hoàng thái tử, gọi là Nhữ Tử Anh. Vương Mãng tự xưng là "giả hoàng đế" (giả, có nghĩa: thay mặt).

Một số đại thần văn võ muốn lập công khuyên Vương Mãng lên ngôi hoàng đế. Vương Mãng cũng cảm thấy làm "giả hoàng đế" không bằng làm hoàng đế thật. Do đó, một số kẻ xu nịnh đua nhau bịa ra một số hiện

tượng mê tín để lừa bịp. Nào là Vương Mãng là "chân mệnh thiên tử"; đã được ghi trong sách; nào là trong miếu Hán Cao Tổ có phát hiện một chiếc hộp đồng có ghi: "Hán Cao Tổ truyền ngôi cho Vương Mãng".

Con người nổi tiếng khiêm nhượng là Vương Mãng bây giờ không khiêm nhượng nữa. Vương Mãng đòi Thái hoàng Thái hậu trao cho mình ngọc tử hoàng đế của họ Lưu. Bây giờ, Thái hoàng thái hậu Vương Chính Quân mới giật nảy mình, không chịu giao ngọc tử. Sau, vì bị ép quá, bà phản nộ quăng ngọc tử xuống đất.

Năm thứ 8 Công nguyên, Vương Mãng chính thức lên ngôi hoàng đế, đổi quốc hiệu là Tân, vẫn đóng đô ở Trường An. Vương triều Tây Hán bắt đầu từ khi Hán Cao Tổ xưng đế tới lúc đó vừa đúng 210 năm, đã kết thúc như vậy.

Wang Mãng lên ngôi hoàng đế, lấy danh nghĩa "phục cổ cải chế" (thay đổi chế độ theo đời cổ), hạ lệnh thay đổi pháp luật: Một là, coi đất đai trong toàn quốc là "vương điền" (ruộng đất của nhà vua), không cho phép mua bán; hai là, đổi nô tì thành "tư thuộc", không cho mua bán; ba là, qui định giá cả, cải cách tiền tệ.

Những cải cách đó, nghe ra có vẻ tốt. Nhưng khi tiến hành thì xảy ra nhiều chuyện xấu. Việc thay đổi chế độ ruộng đất và nô tì, ngay từ đầu đã bị bọn quý tộc và quan lại phản đối, không sao thực hiện được. Việc qui định giá cả lại rơi vào tay bọn quý tộc quan liêu, chúng lợi dụng chức quyền để đầu cơ gây rối và tham nhũng, làm cho đời sống dân chúng càng khốn khổ hơn. Tiền tệ được cải cách nhiều lần, lần sau lại đúc nhỏ hơn lần trước, nhưng lại mang giá trị lớn hơn, vô hình trung lại vơ vét mất nhiều tài sản nhân dân.

Việc phục cổ cải chế như vậy không những bị nông dân phản đối, mà nhiều địa chủ vừa và nhỏ cũng không ủng hộ. Sau ba năm, Vương Mãng lại hạ lệnh cho phép mua bán vương điền và nô tì như cũ.

Vương Mãng muốn dùng chiến tranh với bên ngoài để xoa dịu mâu thuẫn trong nước. Do đó, lại gặp phải sự chống lại của Hung Nô, Tây Vực và các bộ tộc Tây nam. Vương Mãng còn trưng dụng dân phu, tăng thuế má, dung túng cho quan lại hà hiếp dân chúng, tăng nặng hình phạt. Vì vậy, phong trào khởi nghĩa nông dân đã bùng lên để phản kháng.

74- KHỎI NGHĨA LỤC LÂM, XÍCH MI

Sự bóc lột của Vương Mãng cộng với thiên tai liên tiếp khiến nông dân không còn đường nào khác, phải vùng lên khởi nghĩa. Ở miền Đông và miền Nam đều có nhiều nhóm nông dân nổi dậy chống lại quan binh.

Năm 17 Công nguyên, vùng Kinh Châu ở miền Nam bị nạn đói, dân chúng phải vào rừng và vùng đầm ao đào rễ cây và các thứ củ để ăn chống đói. Dần dần, những thứ đó trở nên khan hiếm, dân đói phải tranh giành nhau. Ở Tân Thị (nay ở Đông bắc Kinh Sơn, Hồ Bắc) có hai người có uy tín là Vương Khuông và Vương Phượng đứng ra dân xếp, được nông dân ủng hộ. Mọi người bầu họ làm thủ lĩnh.

Vương Khuông và Vương Phượng liền tổ chức dân đói lại, phát động khởi nghĩa. Họ nhanh chóng tập hợp được mấy trăm người và một số phạm nhân vượt ngục đến tham gia.

Bọn họ chiếm vùng núi Lục Lâm (nay là núi Đại Hồng, Hồ Bắc) làm căn cứ địa, rồi chiếm vùng nông dân

phụ cận. Chỉ trong mấy thang, nghĩa quân phát triển thành bảy tám nghìn người.

Vương Mãng cử hai vạn quân quan đến dẹp quân Lục Lâm, bị đánh cho đại bại phải tháo chạy. Quân Lục Lâm thừa thế đánh chiếm mấy toà huyện thành, phá nhà giam, thả tù phạm, phá kho lương thực chia cho người nghèo và vận chuyển lên núi Lục Lâm. Người nghèo theo về càng đông, quân khởi nghĩa tăng lên hơn năm vạn.

Năm sau, trên núi Lục Lâm không may có dịch bệnh, số người bị chết vì dịch bệnh lên tới hơn hai vạn. Số còn lại đành rời núi Lục Lâm, chia làm ba cánh quân, là: Tân Thị binh, Bình Lâm (nay ở Đông bắc huyện Tùng, Hồ Bắc) binh và Hạ Giang (tên gọi đoạn sông Trường Giang từ phía tây Hồ Bắc trở xuống) binh. Ba cánh quân đều chiếm địa bàn riêng, đội ngũ lại lớn mạnh lên.

Trong khi ở miền Nam, quân Lục Lâm đánh lại quan ở vùng Kinh Châu, thì ở miền đông, quân khởi nghĩa cũng phát triển. Ở Hải Khúc, Lang Nha (nay thuộc huyện Nhật Chiêu Sơn Đông) có một bà già họ Lã có con trai là công sai trong huyện, vì không chịu đánh đập người nghèo không đủ tiền nộp thuế theo lệnh quan, nên bị quan huyện giết. Việc đó gây nên công phẫn, có hơn một trăm nông dân nghèo vùng lên báo thù cho Lã Mẫu, giết quan huyện rồi cùng Lã mẫu trốn đến Hoàng Hải, có dịp là lên bờ đánh bại quan quân.

Lúc đó, một lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa khác là Phan Sùng dẫn mấy trăm người đến núi Thái Sơn. Sau khi Lã Mẫu chết, thủ hạ của bà đi theo quân khởi nghĩa Phan Sùng. Không đầy một năm, đội ngũ tăng thêm



hơn một vạn, di chuyển trong vùng Thanh Châu - Từ Châu, đánh lại bọn quan lại, địa chủ.

Quân khởi nghĩa Phàn Sùng có kỷ luật rất nghiêm, qui định kẻ nào giết hại dân chúng sẽ bị xử tử, kẻ nào làm hại dân chúng bị xử tội. Vì vậy, họ được dân chúng nhiệt liệt ủng hộ.

Năm 21 Công nguyên, Vương Mãng phái thái su Vương Khuông (trùng tên với Vương Khuông, lãnh tụ quân Lục Lâm) cùng tướng Liêm Đan đem mười vạn quân trấn áp quân khởi nghĩa Phàn Sùng. Phàn Sùng đã chuẩn bị đầy đủ, tiến hành đại chiến với quân Vương Mãng. Để tránh lâm lãn khi giao chiến, Phàn Sùng hạ lệnh cho quân mình tô màu đỏ lên lông mày, để dễ phân biệt. Do đó, quân khởi nghĩa Phàn Sùng có biệt danh là "quân Xích Mi" (xích: màu đỏ, mi: lông mày).

Trong trận chiến đầu đó, quân Vương Mãng đại bại, chạy trốn quá nửa. Thái su Vương Khuông bị Phàn Sùng đâm một thương trúng đùi, được quân cứu chạy thoát còn tướng Liêm Đan bị giết trong đám loạn quân. Quân Xích Mi càng đánh càng mạnh, phát triển tới hơn mười vạn người.

Tin tức về quân khởi nghĩa Lục Lâm và Xích Mi đánh bại quân Vương Mãng ở miền Nam và miền Đông lan truyền đi khắp nơi, nông dân các địa phương khác cũng rục rịch hưởng ứng. Trên vùng bình nguyên bao la hai bên bờ Hoàng Hà có mấy chục cánh quân khởi nghĩa với qui mô khác nhau. Một số quý tộc, địa chủ cường hào sa sút cũng nhân cơ hội khởi binh chống lại Vương Mãng.

Ở Thung Lăng thuộc quân Nam Dương (nay ở phía bắc Ninh Viễn, Hồ Nam) có hai anh em cường hào là Lưu Dân và Lưu Tú, vốn oân giận trước việc bị Vương Mãng phế bỏ phong hiệu tông thất triều Hán, không cho người họ Lưu làm quan, liền phát động người trong họ và tân khách được bảy tám ngàn người khởi binh ở Thung Lăng. Họ liên hợp với ba cánh quân khởi nghĩa nông dân Lục Lâm liền tiếp đánh bại mấy danh tướng của Vương Mãng, nên thanh thế rất hùng lẫy.

Mấy cánh quân khởi nghĩa Lục Lâm không có sự chỉ huy thống nhất. Các tướng sĩ cho rằng binh mà đông đảo thì cần có một thủ lĩnh mới có thể thống nhất hiệu lệnh. Một số tướng lĩnh xuất thân quý tộc, lợi dụng quan niệm chính thống còn tồn tại trong số đông, đề xuất ý kiến phải chọn một người họ Lưu làm thủ lĩnh thì mới phù hợp lòng người.

Trong quân Lục Lâm có rất nhiều người họ Lưu, biết chọn ai là thủ lĩnh? Quân Thung Lăng muốn đề cử Lưu Dân nhưng quân Tân Thị và quân Bình Lâm thấy Lưu Dân thế lực quá lớn, muốn chọn một quý tộc sa sút là Lưu Huyền lên làm hoàng đế. Lưu Dân lại nêu ý kiến là nên đợi tới lúc tiêu diệt xong Vương Mãng và thu phục được quân Xích Mi rồi hãy lập hoàng đế. Ý kiến này bị phản đối. Lưu Dân thấy lực lượng của mình chưa đủ, đành đồng ý lập Lưu Huyền.

Năm 23 Công nguyên, tướng sĩ các cánh quân Lục Lâm chính thức tôn Lưu Huyền lên làm hoàng đế, khôi phục quốc hiệu triều Hán, lấy niên hiệu là: "Canh Thuỷ" nên Lưu Huyền cũng được gọi là Canh Thuỷ Đế. Canh Thuỷ Đế phong Vương Khuông, Vương Phụng làm thượng công. Lưu Dân làm đại tư đồ, Lưu Tú làm

Thái thường thiên tướng quân. Những tướng lĩnh khác cũng đều được phong chức.

Tới lúc đó, quân Lục Lâm còn gọi là Hán Quân.

75- ĐẠI CHIẾN CÔN DƯƠNG

Sau khi Canh Thuỷ Đế Lưu Huyền lên ngôi, liền phái Vương Phượng, Vương Thường, Lưu Tú đem quân đánh Côn Dương (nay là huyện Diệp, Hà Nam). Họ nhanh chóng chiếm được Côn Dương, sau đó lại chiếm được Yên Thành (nay là huyện Yên Thành, Hà Nam) và Định Lăng (nay ở Tây bắc huyện Yên Thành, Hà Nam) ở gần đó.

Vương Mãng nghe tin quân khởi nghĩa đã lập Lưu Huyền lên làm hoàng đế đã rất lo lắng, nay nghe tin mất liền mấy toà thành lại càng sợ hãi, vội phái hai đại tướng Vương Tâm, Vương Ấp dẫn bốn ba vạn quân xuất phát từ Lạc Dương tiến thẳng tới Côn Dương.

Để hư trương thanh thế, quân Vương Mãng không biết kiếm từ đâu được một người rất to lớn, tên là Cự Vô Bá. Cự Vô Bá có thân hình đặc biệt cao, lại to khoẻ như một con bò mộng. Anh ta còn có tài huấn luyện thú dữ như hổ, báo, tê giác, voi. Vương Mãng phong anh ta làm hiệu uý, sai anh ta dẫn đám mãnh thú ra trận trợ uy.

Hán Quân giữ Côn Dương chỉ có tám, chín ngàn người. Có tướng lĩnh đứng trên thành quan sát, thấy quân Vương Mãng đông như thế, sợ không đối phó nổi, chủ trương bỏ Côn Dương, lui về cứ điểm cũ.

Lưu Tú nói với mọi người: "Hiện nay binh mã và lương thảo của chúng ta đều thiếu thốn, chỉ dựa vào sự đồng tâm hiệp lực để đánh địch. Nếu mọi người rời rã để Côn Dương thất thủ thì các cánh Hán quân khác cũng bị tiêu diệt, sự nghiệp của chúng ta sẽ thất bại.

Mọi người thấy Lưu Tú nói có lý nhưng lại thấy lực lượng quân Vương Mãng quá mạnh, tử thủ Côn Dương cũng không phải là biện pháp hay. Sau khi bàn bạc, liền để Vương Phụng, Vương Thường ở lại giữ Côn Dương, Lưu Tú đem một số binh mã phá vây, chạy về Định Lăng và Yển Thành để điều cứu binh tới.

Đêm đó, Lưu Tú đem theo mười hai dũng sĩ cưỡi ngựa tốt, lợi dụng đêm tối xông ra khỏi cửa nam thành Côn Dương. Quân Vương Mãng không phòng bị, để họ thoát khỏi vòng vây. Thành Côn Dương tuy không lớn, nhưng rất kiên cố. Quân Vương Mãng tưởng rằng có nhiều binh lính và vũ khí, sẽ dễ dàng hạ thành. Họ chế tạo các lầu xa cao mười trượng (≈ 33 m) từ trên đó bắn tên vào thành như mưa. Người trong thành ra giếng lấy nước đều phải mang mộc che tên. Quân Vương Mãng còn dùng xe chở gỗ húc cửa thành và đào đường hầm toan xuyên dưới chân thành. Nhưng Hán quân dùng mọi biện pháp hữu hiệu để chống lại, nên thành vẫn được giữ vững.

Lưu Tú đến Định lăng, toan điều toàn bộ binh mã ở Định Lăng và Yển Thành đi cứu Côn Dương. Nhưng một số tướng lĩnh Hán quân tham tiếc của cải, không



chịu rời hai toà thành trên. Lưu Tú khuyên họ: "Ta nên tập trung mọi lực lượng ở đây đến cứu Côn Dương để đánh bại địch, hoàn thành sự nghiệp lớn. Nếu cứ tử thủ ở đây, địch đánh xong Côn Dương, sẽ đánh tới đây, chúng ta không giữ được, thì ngay tính mạng cũng không còn, chứ đừng nói tới của cải nữa."

Các tướng lĩnh được thuyết phục, liền đem toàn bộ binh mã theo Lưu Tú đến Côn Dương.

Lưu Tú thân tự dẫn hơn một ngàn bộ binh và kỵ binh, tổ chức thành đội quân tiên phong tiến tới Côn Dương bày thành thế trận cách Côn Dương khoảng bốn, năm dặm. Vương Tâm, Vương Ấp thấy số lượng quân Hán ít ỏi, chỉ phái mấy ngàn binh sĩ đối phó. Nhân lúc quân địch chưa dàn xong trận thế, Lưu Tú tranh thủ tiến công trước, thân dẫn bộ đội tiên phong xông lên, giết được mấy chục lính địch.

Đại đội binh mã cứu viện vừa tới kịp, thấy đội quân tiên phong của Lưu Tú đang chiến đấu dũng mãnh, cũng hăng hái nhất tề xông vào chiến đấu, Vương Tâm, Vương Ấp buộc phải lui quân. Hán quân thừa thắng tràn sang, càng đánh càng mạnh, một người có sức địch lại mười kẻ địch.

Quân cảm tử do Lưu Tú chỉ huy có ba ngàn người, xông thẳng vào đội quân chủ lực của Vương Mãng. Vương Tâm thấy Hán quân ít ỏi, có ý coi thường, đưa một vạn quân ra toan đè bẹp, nhưng không ngờ một vạn quân vẫn không địch nổi ba ngàn quân cảm tử của Lưu Tú. Sau một thời gian giao chiến, quân đội của Vương Tâm bắt đầu rối loạn, Hán quân càng đánh càng

hăng, nhằm thẳng phía Vương Tâm xông tới, giết được Vương Tâm.

Vương Phượng, Vương Thường chỉ huy quân Hán trong thành Côn Dương, thấy quân cứu viện đánh thắng, liền mở cửa thành xông ra, đánh ép lại, tiếng hô "giết" vang trời dậy đất. Quân Vương Mãng nghe nói chủ tướng bị giết thì tất cả hoảng loạn, dẫm đạp lên nhau trốn chạy. Suốt dọc đường hơn một trăm dặm, phơi đầy thi thể quân Vương Mãng.

Lúc đó, trời bỗng tối sầm, sấm sét vang rền, gió thổi mạnh rồi mưa như trút xuống. Đàn mãnh thú do Cự Vô Bá đưa ra trợ chiến cũng run rẩy sợ hãi, không những không xông lên, mà lại quay đầu xông bừa vào đám quân Vương Mãng. Quân Hán bám sát truy đuổi, khiến quân Vương Mãng như nước trào ra sau con đê vỡ, chạy về phía Trĩ Thuỷ (nay là Sa Hà, ở Lô Sơn, Hà Nam), hàng ngàn hàng vạn quân chết đuối trên dòng Trĩ Thuỷ, hầu như làm ứ tắc cả dòng sông.

Khi viên đại tướng còn lại là Vương Ấp chạy về tới Lạc Dương, thì 43 vạn đại quân Vương Mãng chỉ còn lại mấy ngàn.

Hán quân thu dọn chiến trường ngổn ngang thi thể, binh khí, khôi giáp, xe cộ, lương thảo của quân Vương Mãng. Việc thu dọn phải làm hơn một tháng, những thứ còn lại phải châm lửa thiêu huỷ.

Tin tức về trận đánh tiêu diệt quân chủ lực Vương Mãng ở Côn Dương lan truyền đi khắp nước, đã động viên dân chúng các địa phương nổi dậy hưởng ứng quân khởi nghĩa. Nhiều nơi tự động giết quan lại địa phương, chờ đợi quân khởi nghĩa tới.

Canh Thuỷ Đế phái đại tướng Thân Đỗ Kiến và Lý Tùng dẫn Hán quân thừa thắng tiến công Trường An. Vương Mãng cuống cuống sợ hãi, vội tha các tù phạm trong ngục ra, tổ chức chấp vá một đội quân phòng giữ. Nhưng, một đội quân như thế làm sao có thể chiến đấu vì Vương Mãng? Vừa tiếp xúc với Hán quân, họ đã lần lượt tan chạy.

Không lâu sau, Hán quân tiến công Trường An, nhân dân trong thành sôi nổi hưởng ứng, phóng hoả đốt cháy cửa lớn cung Vị Ương. Mọi người lớn tiếng đòi Vương Mãng ra đầu hàng. Vương Mãng hoảng hốt, dẫn một số tùy tùng chạy vào Tiệm Đài là một toà lầu xung quanh là nước, lửa không cháy tới được. Hán quân vây chặt Tiệm Đài, đợi cho quân trên đó bắn hết tên mới xông lên, giết chết Vương Mãng.

Triều Tân của Vương Mãng tồn tại được 15 năm, cuối cùng sụp đổ trước cuộc khởi nghĩa nông dân.

76- LƯU TÚ DỤNG LẠI VƯƠNG TRIỀU HÁN

Sau đại chiến Côn Dương, tiếng tăm của anh em Lưu Dân, Lưu Tú càng lớn. Có người khuyên Canh Thuỷ Đế trừ bỏ Lưu Dân. Canh Thuỷ Đế liền mượn cơ Lưu Dân chống lệnh, xử tội chết.

Lưu Tú nghe tin anh bị giết, biết lực lượng mình chưa địch nổi Canh Thuỷ Đế liền đến ngay Uyển Thành (nay là thành phố Nam Dương, Hà Nam) gặp Canh Thuỷ Đế tạ tội. Có người hỏi Lưu Tú về trận Côn Dương, ông khôn khéo không nhận công về mình mà nói đó đều là công lao của tướng sĩ. Ông cũng không dám đề tang anh mà vẫn vui vẻ cười nói bình thường, không để lộ tình cảm xót thương, oán giận.

Canh Thuỷ Đế cho rằng Lưu Tú không hận thù mình, lại cảm thấy không nỡ trị tội, còn phong Lưu Tú làm Phá Lỗ đại tướng quân nhưng cuối cùng vẫn không trọng dụng. Sau này, khi hạ được Trường An và giết được Vương Mãng, Canh Thuỷ Đế về Lạc Dương mới giao cho Lưu Tú một ít binh mã, sai đi chiêu dụ các quận huyện ở Hà Bắc.

Lúc đó, quý tộc cường hào các nơi có vũ khí, kẻ tự xưng làm tướng, kẻ tự xưng làm vương, có kẻ còn tự xưng hoàng đế, đua nhau cát cứ. Canh Thuỷ Đế cử Lưu Tú đi Hà Bắc lại chính là tạo cơ hội cho Lưu Tú mở rộng thế lực. Ông phế bỏ mọi luật lệ hà khắc thời Vương Mãng, tha các tù phạm, một mặt tiêu diệt các thế lực cát cứ, một mặt trấn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân ở vùng Hà Bắc. Toàn bộ vùng Hà Bắc hầu như bị Lưu Tú chiếm lĩnh.

Năm 25 Công nguyên, Lưu Tú và các thủ hạ thấy thời cơ đã chín muồi, liền tự xưng làm hoàng đế ở đất Hào (nay ở phía bắc huyện Bách Hương, Hà Bắc). Đó là Hán Quang Vũ Đế.

Canh Thuỷ Đế lúc đầu đóng đô ở Lạc Dương, sau lại chuyển về Trường An. Sau khi về Trường An, ông ta cho rằng giang sơn đã nằm trong tay, liền bắt đầu cuộc sống hủ bại. Ông lạm phong quan tước, không hề chăm lo đến chính sự, suốt ngày uống rượu vui chơi trong hoàng cung, còn dụng túng binh lính hoành hành cướp bóc. Số tướng lĩnh của quân Lục Lâm cũ rất bất mãn với Canh Thuỷ Đế.

Phàn Sùng, thủ lĩnh quân Xích Mi thấy Canh Thuỷ Đế như vậy, liền dẫn hai mươi vạn quân tiến công Trường An. Canh Thuỷ Đế đem quân chống lại, liền tiếp bị đánh bại, vô cùng sợ hãi. Một số tướng lĩnh quân Lục Lâm khuyên Canh Thuỷ Đế rời Trường An, lại bị Canh Thuỷ Đế ngờ vực, giết hại. Một số tướng lĩnh khởi nghĩa chạy theo quân Xích Mi. Nội bộ lực lượng Canh Thuỷ Đế rối loạn, quân Xích Mi liền dễ dàng đánh vào qua Hàm Cốc quan.



Quân Xích Mi quyết định phế bỏ Canh Thuỷ Đế. Nhưng Phàn Sùng và những người lãnh đạo vẫn chưa thoát khỏi quan niệm chính thống của quý tộc cũ triều Hán, cố tìm một người họ Lưu để tôn làm hoàng đế. Lúc đó, trong quân Xích Mi có tất cả hơn bảy mươi người họ Lưu, trong đó có một cậu chần bò mười lăm tuổi tên là Lưu Bồn Tử, nghe nói có huyết thống gần gũi nhất với hoàng tộc Tây Hán. Thế là họ lập Lưu Bồn Tử lên làm hoàng đế.

Quân Xích Mi đánh vào Trường An. Canh Thuỷ Đế chạy ra ngoài thành. Phàn Sùng phái sứ giả đến gặp Canh Thuỷ Đế, yêu cầu phải đầu hàng trong kỳ hạn hai mươi ngày. Canh Thuỷ Đế cùng đường, đành đem ngọc tỷ đến đầu hàng quân Xích Mi.

Quân Xích Mi tiến vào Trường An, thanh thế lừng lẫy. Nhưng mấy chục vạn quân không có nguồn cung cấp lương thực. Bọn phú thương và địa chủ nhân cơ hội đầu cơ tích trữ, thành Trường An hôm nào cũng có người chết đói. Cứ như vậy, tình hình hỗn loạn ở Trường An không có cách nào dẹp yên được.

Phàn Sùng dẫn quân rời Trường An đi sang hướng Tây. Nhưng ở hướng này cũng không giải quyết được khó khăn về lương thực. Đến Thiên Thuỷ (tên quận, nay ở Cam Túc), lại bị bọn địa chủ cường hào địa phương chặn đánh, Phàn Sùng lại phải dẫn quân sang hướng Đông.

Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú nhân lúc quân Xích Mi vào Trường An liền chiếm lấy Lạc Dương. Nghe tin Quân Xích Mi chuyển sang phía đông, liền dẫn hai mươi vạn đại quân chia làm hai cánh mai phục chờ đợi.

Quang Vũ Đế phái đại tướng Phùng Dị đến Hoa Âm nhử quân Xích Mi sang phía đông. Phùng Dị dùng kế bao vây một đội quân Xích Mi ở dưới núi Hào Sơn. Ông đưa chiến thư, hẹn quân Xích Mi quyết chiến với thời gian và địa điểm đã định. Phùng Sùng thật thà, không hiểu rõ mưu kế của đối phương, nên phái hơn một vạn quân Xích Mi tiến công. Phùng Dị cử một số ít quân đối địch. Quân Xích Mi thấy Hán binh ít ỏi nên đem toàn quân tiến đánh. Không ngờ, phục binh đổ ra, ấn mặc và tô vẽ giống như quân Xích Mi, hai bên hỗn chiến, không phân biệt nổi ai là quân lính của bên nào.

Quân Xích Mi đang bối rối thì số Hán binh giả trang làm quân Xích Mi hô lớn: "Đầu hàng! Đầu hàng!" Binh sĩ Xích Mi thấy nhiều người bên mình kêu đầu hàng như vậy thì hoang mang nao núng. Toàn bộ cánh quân đó bị tước vũ khí.

Tháng giêng năm 27 Công nguyên, Phùng Sùng dẫn số quân Xích Mi còn lại di chuyển về Nghi Dương (nay là huyện Nghi Dương, Hà Nam). Phùng Dị sai người báo cáo hoả tốc cho Quang Vũ Đế. Quang Vũ Đế thân dẫn hai cánh quân đã chuẩn bị sẵn đánh chặn, vây chặt quân Xích Mi lại. Đến bước này, Phùng Sùng đành phải người đến gặp Quang Vũ Đế xin hoà.

Hán Quang Vũ Đế dẫn Lưu Bồn Tử và hàng binh Xích Mi về Lạc Dương, phân cho nhà cửa đất đai và giữ họ ở Lạc Dương. Nhưng chỉ mấy tháng sau, liền ghép Phùng Sùng vào tội mưu phản và sát hại.

77- VIÊN LẠC DƯƠNG LỆNH CUNG CỐ

Sau khi Hán Quang Vũ Đế trấn áp xong hai đội quân khởi nghĩa nông dân lớn là Lục Lâm, Xích Mi, lại tiến hành trấn áp hai thế lực cát cứ lớn ở Lũng Hữu và Thục, thống nhất lại Trung Quốc. Hán Quang Vũ Đế đóng đô ở Lạc Dương. Để phân biệt với triều Hán do Lưu Bang sáng lập đóng đô ở Trường An gọi là Tây Hán, lịch sử gọi vương triều này là Đông Hán hoặc Hậu Hán.

Sau khi lập vương triều Đông Hán, Hán Quang Vũ biết rằng dân chúng rất chán ghét các cuộc chiến tranh giành giết đất đai giữa các địa chủ cường hào các địa phương, vì vậy ông đã vận dụng chính sách vỗ về dân chúng như giảm nhẹ tô thuế, giải phóng nô tì, giảm bớt quan lại và mấy lần hạ lệnh đại xá thiên hạ. Do đó, đầu thời Đông Hán, kinh tế được khôi phục và phát triển.

Quang Vũ Đế biết rằng chinh phục thiên hạ cần dựa vào vũ lực, nhưng cai trị thiên hạ lại phải dựa vào pháp luật. Nhưng pháp luật chỉ có hiệu lực với dân chúng, còn đối với hoàng thân quốc thích thì vẫn không phát

huy được tác dụng. Thí dụ Quang Vũ Đế có người chị cả là Hồ Dương Công chúa, thường cậy thế có em là hoàng đế để làm mọi chuyện ngang ngược. Ngay đến bọn tay sai của bà cũng không coi pháp luật của triều đình ra gì.

Quan lệnh Lạc Dương Đồng Tuyên là một người cứng cỏi. Ông cho rằng hoàng thân quốc thích mà phạm pháp thì cũng phải chịu tội như mọi người.

Hồ Dương Công chúa có một tên gia nô cậy thế hành hung, giết người. Hung thủ trốn trong phủ Công chúa. Đồng Tuyên không thể vào khám xét trong phủ Công chúa, nên ông cử người hàng ngày chờ ngoài cổng phủ để đón bắt.

Một hôm, Hồ Dương Công chúa ngồi xe đi ra ngoài, có tên hung thủ đó đi cùng. Đồng Tuyên được tin liền dẫn nha dịch tới ngăn xe Công chúa lại.

Hồ Dương công chúa cho rằng ông đã xúc phạm tới mình, liền sầm mặt mắng: "Tên Lạc Dương lệnh này to gan thật! Dám ngăn trở xe của ta sao?"

Đồng Tuyên không hề sợ hãi, rút bảo kiếm ra vạch ngang dưới đất, thẳng thắn quả trách Hồ Dương Công chúa dung túng gia nô phạm pháp giết người. Ông không đếm xỉa đến sự ngăn cản của công chúa, sai nha dịch bắt ngay hung thủ, xử tử tại chỗ.

Hành động đó khiến Hồ Dương Công chúa tức uất người. Bà vào cung, khóc lóc kể với Quang Vũ Đế việc Đồng Tuyên ức hiếp mình.

Quang Vũ Đế nổi giận, lập tức cho gọi Đồng Tuyên vào cung, ra lệnh cho nội thị đánh Đồng Tuyên trước mặt Hồ Dương Công chúa để bà hả giận.



Đồng Tuyên nói: "Xin bệ hạ khoan hãy đánh hạ thần, để hạ thần nói xong, sẽ xin tình nguyện được chết."

Hán Quang Vũ Đế nổi giận đùng đùng, nói: "Người còn có gì để nói nữa."

Đồng Tuyên nói: "Bệ hạ là một hoàng đế trung hưng, cần phải tôn trọng pháp lệnh do chính hoàng đế ban ra. Nay bệ hạ lại để công chúa dung túng nô bộc giết người, thì làm sao cai trị thiên hạ được? Bệ hạ không cần phải đánh. Thần xin tự sát trước mặt bệ hạ."

Nói xong ông đứng dậy lao đầu vào cột.

Hán Quang Vũ Đế vội bảo nội thị giữ ông lại, thì Đồng Tuyên đã toạc đầu, máu chảy đầm đìa.

Hán Quang Vũ Đế thấy Đồng Tuyên nói đúng, và tự thấy đáng ra không nên trách phạt ông. Nhưng để giữ thể diện cho Hồ Dương công chúa, Quang Vũ yêu cầu ông dập đầu lấy xin lỗi công chúa.

Đồng Tuyên thà chết chứ nhất định không chịu khấu đầu. Nội thị ấn đầu ông xuống đất, ông chống hai tay, vươn cổ lên, cố sức không để đầu chạm đất.

Nội thị biết Quang Vũ Đế cũng không muốn trị tội ông, nhưng để mở lối thoát cho Quang Vũ Đế, liền nói lớn: "Muôn tâu bệ hạ, cổ Đồng Tuyên rất cứng, không sao ấn đầu xuống được".

Quang Vũ Đế đành cười, ra lệnh: "Dẫn anh chàng cứng cổ này ra ngoài!"

Hồ Dương công chúa thấy Quang Vũ Đế tha Đồng Tuyên thì rất tức giận, nói: "Khi bệ hạ còn là bình dân,

còn dám lưu giữ những tội nhân phạm tử tội trốn trong nhà mình, không cho quan lại vào khám xét. Nay đã làm thiên tử, tại sao lại không trừng trị được một tên quan nhỏ như Lạc Dương lệnh?"

Hán Quang Vũ Đế nói: "Chính vì bây giờ em đã là thiên tử nên không thể hành động như lúc còn là bình dân nữa."

Cuối cùng, Quang Vũ Đế không những không trị tội Đồng Tuyên, mà còn thưởng cho ông ba mươi vạn đồng tiền vì đã chấp hành pháp luật nghiêm minh. Đồng Tuyên về đến dinh quan, liền đem toàn bộ số tiền đó chia cho cấp dưới.

Sau đó, Đồng Tuyên tiếp tục trừng trị các hành động phi pháp của bọn hào môn quý tộc. Các thổ hào ở Lạc Dương nghe đến tên Đồng Tuyên là sợ phát run. Người đời gọi ông là "ngọa hổ" (con hổ nằm).

Khi đó, những quan cai trị giữ nghiêm pháp luật, ngoài Đồng Tuyên, còn có nhiều người khác, điển hình là một viên quan nhỏ giữ cổng thành Lạc Dương, tên là Chát Uẩn.

Có lần, Hán Quang Vũ Đế mang theo một số người ra ngoài thành Lạc Dương đi săn. Khi trở về, trời đã tối. Xa giá hoàng đế về tới cửa đông thì cổng thành đã đóng.

Quan thị vệ tùy tùng gọi người giữ thành mở cổng, nhưng Chát Uẩn cự tuyệt. Hán Quang Vũ Đế thân tới cửa thành gọi bảo Chát Uẩn mở cửa. Không ngờ, Chát Uẩn trả lời: "Ban đêm nhìn không rõ, không thể tùy tiện mở cổng."

Hán Quang Vũ Đế không biết làm thế nào, đành vòng xe sang cổng khác, vào thành.

Hôm sau, Hán Quang Vũ Đế đang định gọi Chát Uẩn vào trách mắng thì không ngờ đã nhận được sớ tấu của Chát Uẩn dâng lên. Sớ tấu viết: "Bệ hạ đi săn vào vùng rừng núi xa xôi, ban ngày còn chưa đủ, mãi tới đêm khuya mới về. Cứ như vậy, thì làm sao giải quyết được quốc gia đại sự?"

Hán Quang Vũ Đế xem sớ tấu, liền thưởng cho Chát Uẩn một trăm tấm vải và giáng chức viên quan đã mở cổng cho vào.

78- LẤY KINH, RƯỚC TƯỢNG PHẬT

Năm sáu mươi ba tuổi, Hán Quang Vũ Đế bị bệnh mất. Thái tử Lưu Trang nối ngôi tức là Hán Minh Đế.

Có lần, Hán Minh Đế nằm mơ, thấy có một người vàng, trên đầu có một đạo hào quang sáng chói, bay vòng xung quanh điện rồi bỗng nhiên bay thẳng lên không về phía Tây.

Hôm sau, hoàng đế kể lại giấc mơ đó cho các đại thần, nhiều đại thần không nói được rõ người vàng toả hào quang đó là ai. Chỉ có bác sĩ Phó Nghị nói: "Thiên Trúc có một vị thần được gọi là Phật, người vàng mà bề hạ nằm mơ thấy đúng là Phật ở Thiên Trúc."

Thiên Trúc mà Phó Nghị nói, còn gọi là Thận Độ, nơi xuất sinh của Thích Ca Mâu Ni, người sáng lập ra Phật giáo (Thiên Trúc là tên gọi nước Ấn Độ thời cổ. Thích Ca Mâu Ni sinh ở nước Ấn Độ thời cổ, nay thuộc Népan).

Thích Ca Mâu Ni sinh khoảng năm 565 trước Công nguyên, vốn là một vương tử. Truyền thuyết nói vào

năm hai mươi chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni vứt bỏ đời sống vương giả, xuất gia tu đạo. Ông sáng lập ra tôn giáo gọi là Phật Giáo.

Thích Ca Mâu Ni tuyên truyền giáo lý Phật giáo khắp nơi. Ông truyền giáo trong bốn mươi ba năm, thu nạp rất nhiều môn đồ. Mọi người tôn xưng ông là Phật Đà. Sau khi ông mất các đệ tử ghi chép lại học thuyết của ông, soạn thành kinh. Đó tức là kinh Phật.

Lời của Phó Nghị đã khêu gợi tâm lý hiếu kỳ của Hán Minh Đế. Ông liền phái hai viên quan là Thái Âm và Thái Cảnh đến Thiên Trúc xin Kinh Phật.

Thái Âm và Thái Cảnh vất vả lặn lội qua trăm núi ngàn sông, cuối cùng đã tới được nước Thiên Trúc. Người Thiên Trúc nghe nói sứ giả Trung Quốc đến xin Kinh Phật thì rất hoan nghênh. Thiên Trúc có hai sa môn (chức sắc cao cấp của Phật giáo), một người tên là Nhiếp Ma Đằng, một người tên là Trúc Pháp Lan, đã giúp Thái Âm và Thái Cảnh hiểu được ý nghĩa của Kinh Phật. Thái Âm và Thái Cảnh liền mời họ sang thăm Trung Quốc.

Năm 67 Công nguyên, Thái Âm, Thái Cảnh dẫn hai sa môn, dùng ngựa trắng thồ một tượng Phật và 42 chương kinh Phật đi qua Tây vực về Lạc Dương.

Hán Minh Đế không rõ kinh Phật và cũng không hiểu đạo lý Phật Giáo, nhưng vẫn đôi đôi hết sức tôn kính với hai vị sa môn đưa kinh Phật đến giảng. Năm sau ông hạ lệnh xây một ngôi chùa ở phía Tây thành Lạc Dương theo đúng kiểu cách ở Thiên Trúc và nuôi con bạch mã thồ kinh ở đấy. Ngôi Chùa đó vì vậy có tên là Bạch Mã tự (nay ở phía Tây thành phố Lạc Dương).



Hán Minh Đế không hiểu kinh Phật, Vương Công đại thần cũng không tin Phật giáo, nên người đến thấp hương cúng lễ ở Bạch Mã Tự cũng không đông. Riêng Sở Vương Lưu Anh là hết sức coi trọng, đặc biệt phái người đến Lạc Dương để thỉnh giáo hai vị sa môn. Hai vị sa môn liền họa một bức tượng Phật và chép một bài Kinh Phật trao cho đem về.

Ảnh Phật và Kinh Phật được đem về đặt trong phòng của Sở vương. Sở vương Lưu Anh liền treo tượng Phật trong cung, để sớm chiều lễ bái.

Sở Vương Lưu Anh là người có dã tâm, ông ta mượn danh nghĩa tín ngưỡng Phật giáo để kết giao với các phương sĩ và dùng mọi thủ đoạn mê tín để lừa người.

Năm 70 Công nguyên, có người cáo giác với Hán Minh Đế, nói Sở Vương Lưu Anh tụ tập bè đảng, tự đặt ra quan chức, muốn làm phản. Hán Minh Đế cử người điều tra thấy đúng có những dấu hiệu mưu phản, liền tước bỏ vương vị của Sở Vương, đây ông ta tới Đan Dương. Lưu Anh đến đó biết tội của mình liền tự sát.

Hán Minh Đế còn tra xét những người có quan hệ với Lưu Anh. Sở Vương Lưu Anh trước đó đã đưa tất cả những người có tiếng tăm trong nước vào một danh sách. Khi phát hiện danh sách, triều đình liền chiếu theo đó bắt tất cả mọi người được ghi tên, làm rất nhiều người bị liên lụy. Việc đó kéo dài hơn một năm, khiến nhiều người chết.

Sau đó, một đại thần tâu với Hán Minh Đế rằng đại đa số người bị bắt là oan uổng. Hán Minh Đế tự mình tra hỏi quả nhiên phát hiện trong nhà ngục Lạc Dương

đang giam giữ hơn một ngàn người vô tội, liền hạ chiếu thư xá miễn cho tất cả.

Hán Minh Đế tuy cử người đi xin Kinh Phật và tượng Phật, nhưng không tin theo Phật giáo mà đề xướng học thuyết Nho gia. Ông còn thân đến nhà Thái học (trường đại học thời cổ) để giảng kinh sách (sách kinh điển của Nho gia). Theo nói lại, có tới hàng chục vạn người tới xem và nghe giảng.

79- BAN SIÊU NÉM BÚT TÔNG QUÂN

Sau khi Hán Quang Vũ Đế xây dựng vương triều Đông Hán, liền mời một đại học giả là Ban Bưu chỉnh lý lịch sử thời Tây Hán. Ban Bưu có hai con trai là Ban Cố và Ban Siêu, một con gái là Ban Chiêu, từ nhỏ đều theo học văn học và lịch sử với cha.

Sau khi Ban Bưu mất, Hán Minh Đế phong Ban Cố làm Lan Đài lệnh sử, tiếp tục biên soạn bộ sử mà cha ông đang làm dở. Đó là bộ Hán Thư (ghi chép lịch sử thời Tây Hán). Ban Siêu theo anh, làm công việc ghi chép. Hai anh em đều có học vấn, nhưng tính tình và hoài bão khác nhau. Ban Cố thích nghiên cứu học thuyết của Bách gia, dốc lòng chăm chú vào việc viết bộ Hán Thư. Còn Ban Siêu lại không thích việc suốt đời cầm cúi bên bàn viết. Ông nghe nói Hung Nô thường quấy nhiễu biên cương, cướp bóc tài sản và gia súc, bắt người đem lên phía bắc, thì nổi giận quăng bút nói: "Đại trượng phu cần phải như Trương Khiên, đi lập công ngoài biên giới, chứ sao lại suốt đời ru rú trong thư phòng!"

Thế là, ông vứt bỏ mọi công việc trên bàn viết, quyết tâm xin đi tòng quân (nguyên văn là "đầu bút tòng nhung").

Năm 73 Công nguyên, đại tướng quân Đậu Cố đem quân đánh Hung Nô, Ban Siêu xin đi theo, làm đại lý tư mã, lập được chiến công.

Để chống lại Hung Nô, Đậu Cố muốn vận dụng biện pháp của Hán Vũ Đế, cử người đi liên lạc với các nước Tây Vực.

Ban Siêu dẫn sứ đoàn ba mươi sáu người trước hết đến Thiện Thiện (nay thuộc Tân Cương). Thiện Thiện vốn trước vẫn qui phục Hung Nô. Vì Hung Nô buộc họ tiến cống và nộp thuế quá nặng, nên quốc vương Thiện Thiện rất oán ghét. Nhưng mấy chục năm gần đây, triều Hán không với được tới Thiện Thiện, nên ông ta vẫn phải miễn cưỡng nghe lệnh Hung Nô. Lần này thấy sứ giả triều Hán tới, ông liền tiếp đãi hết sức ân cần.

Mấy ngày sau, Ban Siêu phát hiện thấy quốc vương Thiện Thiện bỗng đổi đãi lạnh nhạt hẳn đi, thì cảm thấy nghi ngờ. Ông nói với những người cùng đi: "Các người có thấy không? Quốc vương bỗng dưng đổi đãi với chúng ta khác hẳn mấy ngày đầu. Ta đoán rằng sứ giả Hung Nô nhất định đã đến đây".

Tuy nói vậy, nhưng vẫn chỉ là phỏng đoán. Vừa lúc đó, người hầu của quốc vương Thiện Thiện mang thức ăn tới. Ban Siêu làm ra vẻ đã biết rồi, hỏi: "Sứ giả Hung Nô tới đây mấy ngày rồi? Họ ở đâu?"

Quốc vương Thiện Thiện giao dịch với sứ giả Hung Nô, vốn định dấu không cho Ban Siêu biết. Người hầu đó bị Ban Siêu đánh lừa, tưởng rằng ông đã biết việc đó,



liền thực thà nói: "Đến đã ba hôm rồi. Họ ở cách đây ba mươi dặm".

Ban Siêu giữ người hầu đó lại, rồi lập tức triệu tập ba mươi sáu người trong sứ đoàn lại nói: "Chúng ta cùng nhau đến Tây Vực không ngoài mục đích lập công báo quốc. Hiện nay, sứ giả Hung Nô mới tới được mấy hôm mà thái độ của quốc vương Thiện Thiện đối với chúng ta đã đổi khác. Nếu y bắt chúng ta nộp cho Hung Nô thì mảnh xương tàn cũng không còn được trở về quê quán nữa. Các người thấy thế nào?"

Mọi người đều nói: "Tình hình nguy hiểm thế này, chỉ còn trông mong ở ngài thôi". Ban Siêu nói: "Kẻ đại trượng phu không vào hang hổ thì làm sao bắt được hổ con (Cổ văn: "Bất nhập hổ huyết, yên đắc hổ tử"). Bây giờ chỉ có một biện pháp, là nhân lúc đêm tối, chúng ta tìm tới lều của bọn Hung Nô, vừa phóng hoả, vừa tiến công. Chúng không biết chúng ta có bao nhiêu người, nhất định sẽ hoảng loạn. Chỉ cần giết được hết sứ giả Hung Nô, thì mọi việc sẽ dễ giải quyết".

Mọi người đều nói: "Hay, hay, chúng ta phải liệu một chuyến!"

Tối nửa đêm, Ban Siêu dẫn ba mươi sáu tráng sĩ, tìm tới lều của sứ đoàn Hung Nô. Vừa may đêm đó có gió lớn, Ban Siêu phân công mười tráng sĩ mang trống phục phía sau lều, hai mươi tráng sĩ mai phục phía trước lều, bản thân Ban Siêu và sáu người còn lại theo hướng gió đốt lửa. Khi lửa bùng lên, mười người thúc trống, la hét, hai mươi người còn lại hô giết và xông vào trong lều.

Sứ đoàn Hung Nô giật mình tỉnh dậy, kinh hoàng trước tình hình đó. Ban Siêu dẫn đầu xông vào lều, hơn

hai mươi người theo sau xông vào chém giết. Sứ giả Hung Nô và hơn ba mươi tùy tùng đều bị giết hết, toàn bộ đều biến thành tro.

Đoàn của Ban Siêu về tới chỗ ở thì trời vừa sáng. Ban Siêu mời quốc vương Thiện Thiện tới. Thiện Thiện thấy sứ đoàn Hung Nô đã bị Ban Siêu giết hết, liền tình nguyện nghe theo mệnh lệnh của triều Hán.

Về tới triều Hán, Ban Siêu được Hán Minh Đế thăng làm quân tư mã, rồi lại cử ông tới Vu Điền. Minh đế bảo ông đem theo nhiều người ngựa. Ban Siêu nói: "Vu Điền là nước lớn, đường lại xa, có mang tới mấy trăm người cũng không có tác dụng gì. Nếu gặp việc gì bất trắc, có nhiều người lại thêm phiền phức".

Cuối cùng, Ban Siêu vẫn chỉ mang theo ba mươi sáu người cũ đến Vu Điền.

Quốc vương Vu Điền thấy Ban Siêu mang theo một số người ít ỏi nên tiếp kiến không nhiệt tình lắm. Ban Siêu khuyên ông ta nên bỏ Hung Nô và kết thân với triều Hán. Ông ta không quyết định được, phải nhờ Vu sư * xin ý kiến thần linh.

Vu sư này vốn không tán thành việc Vu Điền kết giao với triều Hán, nên mượn lời thần linh, nói: "Tại sao nhà vua lại muốn kết thân với triều Hán? Sứ giả triều Hán có con ngựa màu đen nhạt là loại ngựa tốt, có thể chiếm lấy".

Quốc vương Vu Điền phái Tướng quốc đến gặp Ban Siêu đòi tặng con ngựa. Ban Siêu nói: "Được, xin mời Vu sư đến lấy".

* Chức quan giúp nhà vua bói toán điềm lành, dữ.

Vu sư đặc ý đến chỗ Ban Siêu nhận ngựa, Ban Siêu không nói năng gì, rút kiếm chém chết. Sau đó, ông xách đầu vu sư đến gặp quốc vương Vu Điền, trách: "Nếu nhà vua còn câu kết với Hung Nô thì vu sư này sẽ là tấm gương cho nhà vua".

Quốc vương Vu Điền từ lâu đã nghe uy danh của Ban Siêu, thấy thế thì run sợ, nói: "Xin tình nguyện hoà hảo với triều Hán"

Thiện Thiện và Vu Điền là những nước chủ yếu ở Tây Vực. Họ đã kết giao với triều Hán, nên những nước khác như Qui Từ, Sơ Lặc (nay đều thuộc Tân Cương) cũng theo họ kết giao với triều Hán".

Từ thời kỳ Vương Mãng, các nước Tây Vực đã không giao thiệp với triều Hán tới 65 năm. Đến nay, mới khôi phục lại tình hình như khi Trương Khiêm thông Tây Vực. Hai bên lại thường xuyên trao đổi sứ giả và thực hiện việc buôn bán hàng hoá.

Hai năm sau, Hán Minh Đế mất, con là Lưu Đát nối ngôi. Đó là Hán Chương Đế.

80- TRƯƠNG HÀNH VÀ MÁY ĐO ĐỘNG ĐẤT

Thời kỳ Hán Chương Đế trị vì, tình hình chính trị Đông Hán tương đối ổn định. Tới khi Hán Chương Đế mất, con là Hán Hoà Đế nối ngôi, mới lên mười tuổi. Đậu Thái Hậu lâm triều chấp chính để anh là Đậu Hiến nắm đại quyền trong triều, vương triều Đông Hán bắt đầu đi xuống.

Trong thời kỳ này, xuất hiện một nhà khoa học nổi tiếng là Trương Hành.

Trương Hành quê quán ở Nam Dương. Năm mười bảy tuổi, ông rời quê hương, lần lượt đến Trường An và Lạc Dương, cần cù học tập trong nhà Thái học. Lúc đó, Trường An và Lạc Dương đều là các đô thị phồn hoa, vương công quý tộc ở những nơi đó sống cuộc đời kiêu xa dâm dật. Trương Hành thấy hiện tượng đó rất ngang tai chướng mắt, liền viết hai tác phẩm "Tây kinh phú" và "Đông kinh phú" (Tây kinh là Trường An, Đông kinh là Lạc Dương) để châm biếm. Theo kể lại, để hoàn thành hai tác phẩm đó, ông đã dày công quan sát và suy nghĩ, sửa đi sửa lại nhiều lần trong mười năm mới

công bố. Dù thấy, tinh thần nghiên cứu và trước tác của ông là hết sức nghiêm túc.

Nhưng sở trường của Trương Hành không phải là văn học. Ông đặc biệt ham thích nghiên cứu toán học và thiên văn học. Triều đình thấy Trương Hành là người có học vấn, liền triệu ông lên kinh làm quan, lúc đầu làm lang trung, sau làm thái sử lệnh và phụ trách quan sát thiên văn. Công việc này rất phù hợp với hứng thú nghiên cứu của ông.

Qua quan sát nghiên cứu, ông đoán định Trái đất là hình tròn, Mặt trăng có ánh sáng là do phản chiếu ánh sáng của Mặt trời. Ông còn cho rằng trời giống như vỏ trứng gà, bao bọc xung quanh Trái đất. Trái đất giống như lòng đỏ trứng gà ở trung tâm của trời. Nhận thức đó tuy không hoàn toàn chính xác, nhưng trước đây một ngàn tám trăm năm mà đã có được kiến giải như vậy, thì thật đáng kính phục.

Không chỉ như vậy, Trương Hành còn chế ra một dụng cụ đo thiên văn bằng đồng, gọi là "hỗn thiên nghi", ngoài mặt có khắc các hiện tượng thiên văn như Mặt trời, Mặt trăng và tinh tú. Theo kể lại "hỗn thiên nghi" đó giúp người ta thấy rất rõ ràng sao nào mọc từ phía đông, sao nào lặn ở phía Tây.

Khi đó thường xảy ra động đất có khi một năm một lần, có khi một năm hai lần. Những lần động đất lớn, gây ảnh hưởng tai hại tới mười mấy quận, tường thành và nhà cửa sụp đổ, người và gia súc chết hại rất nhiều. Nhưng không ai biết cách dự báo và đề phòng ra sao.

Vua chúa phong kiến và nhân dân nói chung đều coi động đất là điềm dữ do trời giáng xuống, nên lưu truyền



rất nhiều loại đồn đại, lừa bịp làm xao xuyến lòng người.

Nhưng Trương Hành không tin vào thần thánh và các tà thuyết. Ông theo dõi, ghi chép đầy đủ mọi hiện tượng trong các lần động đất, rồi dày công nghiên cứu, thí nghiệm, phát minh ra một cỗ máy đo đạc và dự báo động đất, gọi là: "địa động nghi".

Địa động nghi (máy đo động đất) được chế bằng đồng đen, hình dáng giống như một vỏ rượu, xung quanh có tám con rồng, đầu rồng hướng ra tám phương. Trong miệng mỗi con ngậm một quả cầu bằng đồng. Dưới đầu mỗi con rồng, có một con cóc há miệng chờ sẵn. Khi động đất xảy ra ở phương nào thì con rồng quay đầu về phương bị chấn động đó, há miệng ra nhả quả cầu đồng rơi vào miệng con cóc phía dưới, phát ra tiếng kêu vang, báo cho người ta biết phương phát sinh động đất.

Một ngày tháng 2 năm 138, trên địa động nghi của Trương Hành, con rồng hướng về phương tây đột nhiên há miệng, làm rơi quả cầu đồng xuống miệng cóc. Theo thiết kế của Trương Hành, đó là tín hiệu báo có động đất ở hướng Tây.

Nhưng ở Lạc Dương hôm đó không hề có dấu hiệu động đất, cũng không nghe nói vùng phụ cận có động đất. Vì vậy, một số người bàn tán sôi nổi, nói địa động nghi của Trương Hành chỉ là một trò bịp, thậm chí có người còn cho rằng Trương Hành cố tình bịa chuyện, gây hoang mang.

Mấy ngày sau, có ngựa hoả tốc về báo cáo với triều đình là ở Kim Thành, Lũng Tây cách Lạc Dương hơn

một ngàn dặm có động đất lớn làm lở sụt cả núi, lúc đó mọi người mới tin phục.

Nhưng lúc đó, những kẻ nắm quyền trong triều đình đều là hoạn quan và ngoại thích, những người có tài năng như Trương Hành không những không được trọng dụng mà còn bị bài xích và đả kích. Khi Trương Hành làm chức thị trung, được gần hoàng đế, bọn hoạn quan sợ Trương Hành vạch rõ với hoàng đế sự dốt nát của chúng, nên gia sức gièm pha, nói xấu Trương Hành. Vì vậy, ông bị điều khỏi kinh thành, đến Hà Giang làm quốc tướng.

Trương Hành bị bệnh mất vào năm sáu mươi một tuổi. Ông đã lưu lại thành tựu rực rỡ trong lịch sử khoa học Trung Quốc.

81- LƯƠNG KÝ, VIÊN TƯỚNG CHUYÊN QUYỀN

Vương triều Đông Hán từ Hán Hoà Đế trở đi, các hoàng đế khi lên ngôi đều còn là trẻ con, vị hoàng đế nhỏ nhất là một em bé mới sinh ra được hơn một trăm ngày. Hoàng đế nhỏ tuổi, theo lệ thì Thái hậu sẽ lâm triều chấp chính, Thái hậu lại trao quyền cho người trong họ mình. Như vậy xảy ra tình thế ngoại thích chuyên quyền. Có hoàng đế chết đi mà không có con, Thái hậu và ngoại thích liền tìm chọn một chú bé trong hoàng tộc đưa lên làm hoàng đế để dễ bề khuynh đảo triều chính.

Nhưng, tới khi hoàng đế lớn lên, bắt đầu hiểu biết, không chịu làm bù nhìn mãi, muốn thoát khỏi sự khống chế của ngoại thích, thì xung quanh đều là tay chân của ngoại thích, biết dựa vào ai? Chỉ còn một số hoạn quan hàng ngày phục vụ hoàng đế là gần gũi nhất. Kết quả là hoàng đế phải dựa vào lực lượng này để tiêu diệt thế lực ngoại thích. Và do đó, quyền lực của ngoại thích lại chuyển sang tay hoạn quan.

Bất kỳ là ngoại thích hay hoạn quan, tất cả đều là đại biểu của thế lực thối nát nhất trong tầng lớp cường hào, địa chủ. Hai tập đoàn ngoại thích và hoạn quan tranh giành quyền lực với nhau, luân lưu nắm triều chính, khiến nền chính trị của Đông Hán ngày càng hủ bại.

Năm 125, vị hoàng đế thứ bảy triều Đông Hán là Hán Thuận Đế lên ngôi, ngoại thích họ Lương nắm quyền. Lương Thương và Lương Ký, cha và anh của Lương Thái Hậu kế tiếp nhau làm đại tướng quân.

Lương Ký là một con người hết sức kiêu ngạo và ngang ngược. Ông ta can rõ, công khai ức hiếp, tống tiền, hoàn toàn không đếm xỉa đến hoàng đế. Khi Hán Thận Đế chết, chú bé hai tuổi nối ngôi là Xung Đế, được nửa năm sau cũng chết. Lương Ký chọn trong hoàng tộc một chú bé tám tuổi lên thay, tức là Hán Chất Đế.

Hán Chất Đế tuy nhỏ, nhưng rất linh lợi, không ưa sự ngang ngược của Lương Ký. Có lần trước mặt tất cả bá quan văn võ trong triều, Hán Chất Đế chỉ mặt Lương Ký nói: "Người đứng là một tướng quân ngang ngược". Lương Ký rất căm, nhưng không tiện nổi nóng lúc đó. Ông ta nghĩ: Thằng bé này mới chừng ấy tuổi mà đã ghê gớm thế, lớn lên sẽ khó mà bắt nạt được. Rồi ngầm sai người trộn thuốc độc vào bánh, dâng lên hoàng đế.

Hán Chất Đế ăn bánh xong, cảm thấy trong bụng khó chịu, liền sai nội thị gọi thái úy Lý Cố vào. Lý Cố thấy Hoàng đế ôm bụng nhăn nhó, liền hỏi: "Hoàng thượng thấy ngọc thể ra sao?".

Chất Đế nói: "Ta vừa ăn bánh xong, thấy bụng đau quặn, miệng khô muốn uống nước".



Lương Ký đứng cạnh vôi tâu: "Không được! uống nước vào sẽ bị nôn mửa". Nói chưa xong, thì vị Hoàng đế tám tuổi đã ngã lăn ra chết tức khắc.

Giết xong Chất Đế, Lương Ký lại chọn một chú bé mười lăm tuổi trong hoàng tộc là Lưu Chí lên làm hoàng đế, đó là Hán Hoàn Đế.

Hán Hoàn Đế lên ngôi, Lương hoàng hậu trở thành Lương thái hậu, triều chính hoàn toàn nằm trong tay Lương Ký. Lương Ký càng hoành hành ngang ngược hơn nữa. Để hưởng thụ cuộc sống xa hoa không kém gì hoàng đế, Lương Ký cho xây dựng rất nhiều lầu đài, dinh thự, chiếm rất nhiều ruộng đất của dân chúng ở ngoại thành Lạc Dương để làm vườn hoa riêng, trong đó có đủ đình đài, lầu, các đẹp đẽ xa hoa.

Hắn ta thích nuôi thú, xây dựng một khu nuôi thú ở phía Tây thành, lệnh cho các địa phương nộp thú, đưa vào vườn. Hắn cho đóng dấu vào mỗi con thú làm ký hiệu riêng. Ai lỡ tay bắn chết một con thú trong vườn nhà họ Lương đều bị ghép vào tử tội. Có một thương nhân từ Tây Thành đến Lạc Dương không biết lệnh cấm đó, bắn chết một con thú. Vụ án đó gây liên lụy, làm thiệt mạng hơn mười người.

Lương Ký bắt mấy ngàn con cái dân lương thiện về làm nô tỳ, gọi những nô tỳ đó là người "tự bán mình", tỏ ý rằng họ tự bán thân cho Lương Ký. Hắn còn cho người đi điều tra những nhà giàu, bắt họ về, tùy tiện ghép cho một tội và buộc gia đình phải mang tiền đến chuộc. Ai ít tiền thì bị xử tội chết. Có một người rất giàu, tên là Tôn Phấn. Lương Ký tặng ông ta một con ngựa và hỏi vay năm mươi triệu. Tôn Phấn bị bắt buộc, đành đưa cho vay ba mươi triệu. Lương Ký nổi nóng sai quan dưới

quyền bắt Tôn Phấn lại, vu cho mẹ Tôn Phấn là nô tỳ của nhà họ Lương đã bỏ trốn, lại ăn trộm và mang theo rất nhiều châu ngọc, vàng bạc, nay phải mang trả lại. Tôn Phấn không chịu, liền bị đánh chết và tịch thu toàn bộ tài sản.

Lương Ký hoành hành ngang ngược, chà đạp lên pháp luật như vậy suốt gần hai mươi năm, cuối cùng xảy ra mâu thuẫn với Hán Hoàn Đế. Vì Lương Ký cử người giết hại mẹ của Lương quý nhân là người được Hoàn Đế sủng ái nên Hán Hoàn Đế chịu không nổi, liền bí mật liên hệ với năm hoạn quan có thù riêng với Lương Ký. Nhân dịp Lương Ký không phòng bị, đem hơn một ngàn vũ lâm quân, bất ngờ bao vây chặt nhà ở của Lương Ký.

Lương Ký hoảng hốt, không có cách nào đối phó, đành uống thuốc độc tự sát. Toàn bộ họ hàng, con cháu của Lương Ký đều bị xử lý, kẻ bị giết, kẻ bị cách chức trong triều, hơn ba trăm quan chức thuộc bề cánh Lương Ký đều bị cách chức. Triều đình bỗng chốc hầu như trống không, không còn quan chức nữa.

Gia tộc họ Lương sụp đổ, trăm họ mừng vui phấn khởi. Hán Hoàn Đế ra lệnh tịch thu gia sản của Lương Ký, tổng cộng lên tới ba ngàn triệu, tương đương với một nửa số tô thuế trong cả năm của toàn quốc.

Những ruộng đất của nông dân bị Lương Ký chiếm làm vườn hoa, vườn nuôi thú đều được trả lại cho chủ cũ.

Hán Hoàn Đế luận công ban thưởng, phong cho năm hoạn quan làm hầu tước, gọi là "Ngũ hầu". Từ đó trở đi, chính quyền Đông Hán lại chuyển từ tay ngoại thích sang tay hoạn quan.

82- SỰ KIẾN "ĐẢNG CỔ"

Sau khi ngũ hầu hoạn quan lên nắm quyền, chúng lại càn rỡ chẳng khác gì Lương Ký. Chúng nắm giữ triều chính, mua quan bán tước, từ trong triều đến các quận huyện trong cả nước, đều có tay chân của chúng: Tình hình xã hội vô cùng đen tối.

Lúc đó có một số quan chức xuất thân địa chủ, trí thức, bất mãn với sự chuyên quyền của hoạn quan, chủ trương cải cách triều chính, bãi chức các hoạn quan. Một số thái học sinh xuất thân địa chủ vừa và nhỏ thấy xã hội hủ bại, không tìm thấy lối thoát, cũng đòi hỏi cải cách. Họ phê bình triều chính, hết sức thâm thù bọn hoạn quan nắm quyền và những kẻ thân với hoạn quan.

Năm 165, Trần Phiên làm thái úy, danh sĩ Lý Ứng làm tư lệ hiệu úy, họ đều là những người không ưa hoạn quan Thái học sinh đều ủng hộ họ, coi họ là những nhân vật mẫu mực. Sau khi Lý Ứng làm tư lệ hiệu úy, có người cáo giác em của hoạn quan Trương Nhượng, huyện lệnh huyện Dã Vương (nay là huyện Tâm Dương, Hà Nam) là Trương Sóc tham nhũng cướp đoạt của dân.

Lý Ưng điều tra xét vụ Trương Sóc. Trương Sóc chạy đến Lạc Dương ẩn nấp trong nhà của anh. Lý Ưng tự dẫn sai dịch đến khám xét nhà Trương Nhượng tìm thấy Trương Sóc trong bức tường kép, liền giải đi, Trương Nhượng vội nhờ người đến xin xỏ, nhưng Lý Ưng đã định xong tội Trương Sóc và đem hán ra xử tử rồi.

Trương Nhượng cảm giận, khóc lóc với Hán Hoàn Đế. Nhưng Hán Hoàn Đế xét thấy Trương Sóc đúng là có tội, nên không xử phạt gì Lý Ưng.

Qua vụ đó, Lý Ưng càng trở nên nổi tiếng. Rất nhiều người trong giới trí thức muốn được gặp Lý Ưng. Ai được Lý Ưng tiếp kiến, đều coi là vinh dự đặc biệt, gọi đó là "đăng long môn" (đến cửa rồng).

Năm sau, có một phương sĩ (người làm nghề phép thuật mê tín) là Trương Thành, thường giao du mật thiết với hoạn quan, được biết qua lời hoạn quan Hầu Lãm là triều đình sắp ban bố lệnh ân xá, liền dung túng cho con giết người. Lý Ưng lập tức cho bắt hung thủ, chuẩn bị xử án.

Hôm sau, lệnh đại xá được ban bố, Trương Thành đắc ý nói với mọi người: "Chiếu thư hạ xuống rồi. Tư lệ hiệu úy không thể không tha con ta ra". Lời nói đó tới tai Lý Ưng, ông nổi giận nói: "Trương Thành biết trước lệnh đại xá, cố ý cho con giết người. Lệnh đại xá không đến lượt con hán ta". Rồi sai chém đầu con Trương Thành.

Trương Thành quyết không chịu bỏ qua, liền nhờ Trương Nhượng, Hầu Lãm giúp mình báo thù. Chúng tìm ra một quỷ kế cho đệ tử của Trương Thành là Lao Tu dâng thư tố cáo lên Hoàn Đế, vu cáo Lý Ưng kết bè



đăng với các danh sĩ và Thái học sinh phỉ báng triều đình, làm bại hoại phong tục.

Hán Hoàn Đế nhận được tố cáo của Lao Tu, liền hạ lệnh bắt bốn người trong "bê đảng" đó. Ngoài Lý Ứng, còn có Đỗ Mật, Trần Thục, Phạm Bàng..., cả thảy hơn hai trăm người. Tất cả đều bị chúng đưa vào danh sách đen của "bê đảng chống đối". Triều đình hạ lệnh ban thưởng, yêu cầu bắt hết những người đó.

Đỗ Mật cũng là một viên quan có tinh thần dũng cảm như Lý Ứng, dám đối đầu với thế lực hoạn quan. Tiếng tăm hai người tương đương nhau, người đời thường gọi gộp họ là Lý-Đỗ. Lý Ứng bị bắt nên Đỗ Mật tất nhiên cũng không thoát. Trần Thục vốn là một thái học sinh, nhưng vì nổi tiếng nên cũng bị đưa vào danh sách đen. Có người khuyên ông bỏ trốn, nhưng Trần Thục nói: "Tôi trốn được, nhưng còn những người khác thì sao? Tôi vào nhà giam, còn có thể giúp người khác can đảm lên". Rồi ông lên kinh thành, tự báo danh, vào nhà giam.

Phạm Bàng cũng giống như Trần Thục, liền ngang đi vào nhà giam.

Chiếu thư bắt đảng nhân được đưa xuống các quận, quan chức các quận liền ghi danh sách những người có liên quan, báo cáo lên, có quận có tới mấy trăm người, chỉ có thái thú quận Bình Nguyên ở Thanh Châu là Sứ Bật không báo. Chiếu thư của triều đình liên tiếp giục già ông và quan cai trị Thanh Châu còn cử người xuống Bình Nguyên tra xét. Viên quan đó tìm Sứ Bật, quả trách ông tại sao không báo danh sách lên. Sứ Bật nói: "ở đây không có đảng nhân, tôi lấy gì để báo?"

Viên quan đó nghiêm mặt nói: "Thanh Châu có 6 quận, năm quận kia đều có đảng nhân, tại sao quận Bình Nguyên lại không có?".

Sử Bật trả lời: "Thuỷ thổ phong tục mỗi nơi một khác. Các nơi khác có đảng nhân, tại sao Bình Nguyên cũng nhất định phải có?" Viên quan đó nín lặng không biết nói thế nào.

Sử Bật lại nói: "Nếu ngài cứ nhất định bắt oan người tốt, thì nhà nào ở Bình nguyên cũng có đảng nhân. Tôi thà chết, chứ bắt tôi báo đảng nhân thì tôi không thể nói ra người nào cả".

Viên quan đó không biết làm thế nào, liền ghi bữa tên một số quan chức ở Bình Nguyên để báo lên triều đình.

Những đảng nhân bị giam trong ngục bị bọn hoạn quan sai người tra tấn tàn bạo. Họ phải đeo gông, xiềng ở cả đầu và tay chân, gọi là "tam mộc" và bị mất tra hỏi từng người. Cứ như vậy trong hơn một năm.

Năm sau có một người ở Đình Xuyên tên là Giả Bưu dũng cảm tự mình tới Lạc Dương kêu oan cho các nạn nhân. Đậu Vũ, cha của Đậu hoàng hậu cũng dâng thư lên xin Hán Hoàn Đế tha cho các đảng nhân.

Ở trong ngục, Lý Ứng dùng biện pháp lấy tiến công để bảo vệ, ông cố ý đưa ra tên rất nhiều con em hoạn quan, nói chúng cũng là đảng nhân. Bọn hoạn quan lúc đó mới hoảng sợ, liền tâu với Hán Hoàn Đế: "Hiện nay thời tiết không bình thường, xin bệ hạ xuống lệnh đại xá cho thiên hạ". Hán Hoàn Đế xưa nay vốn nghe theo bọn hoạn quan mọi điều, liền tuyên bố đại xá, tha hết hơn hai trăm người bị quy là đảng nhân. Những người

này tuy được tha nhưng bọn hoạn quan không cho phép họ lưu tại kinh thành mà bắt tất cả trở về quê hương, đồng thời thông báo tên tuổi họ về địa phương, phạt họ suốt đời không được làm quan.

Lịch sử gọi sự kiện này là: "đăng cô" (giam giữ những phần tử kết bè đảng).

Không lâu sau, Hán Hoàn Đế mất, Đậu hoàng hậu và cha là Đậu Vũ bàn nhau, chọn trong hoàng tộc một chú bé mười hai tuổi là Lưu Hoàng lên kế thừa ngôi hoàng đế. Đó là Hán Linh Đế, một hoàng đế hủ bại nổi tiếng trong lịch sử.

83- PHẠM BÀNG VÀO NHÀ GIAM

Khi Hán Linh Đế mới lên ngôi, Đậu thái hậu lâm triều, phong cha là Đậu Vũ làm đại tướng quân, Trần Phiên là thái úy. Đậu Vũ và Trần Phiên là những người ủng hộ phái danh sĩ. Họ gọi những người bị cấm cố chung thân trước kia như Lý Ung, Đỗ Mật trở lại làm quan.

Trần Phiên nói với Đậu Vũ: "Nếu không tiêu diệt hoạn quan thì thiên hạ không thể thanh bình được. Tôi gần tám mươi tuổi rồi còn tham vọng gì nữa? Tôi còn ở đây, chỉ là để vì triều đình trừ hại, giúp đỡ tướng công lập công". Đậu Vũ vốn cũng có ý đó. Hai người bàn nhau, để Đậu Vũ nói với Đậu thái hậu, yêu cầu tiêu diệt hoạn quan. Nhưng Đậu thái hậu lại rất tin hoạn quan giống như Hán Hoàn Đế, nên không sao thuyết phục được. Trần Phiên lại dâng sớ tấu lên Thái hậu, nêu ra các tội ác của bọn hoạn quan Hưu Lãm, Tào Tiết, Vương Phủ. Đậu thái hậu vẫn gạt bỏ sớ tấu một bên, không xét tới.

Sự việc tiết lộ đã làm bọn hoạn quan sợ hãi. Tào Tiết, Vương Phủ liền ra tay trước. Chúng cướp ngọc tử và ấn thụ của Đậu thái hậu rồi giam lỏng Đậu thái hậu lại. Sau đó, dùng danh nghĩa Linh Đế, tuyên bố Đậu Vũ và Trần Phiên mưu phản rồi bắt giết đi.

Thế là hoạn quan lại nắm quyền. Tất cả những người do Trần Phiên, Đậu Vũ đưa lên làm quan đều bị bãi chức.

Lý Ung, Đỗ Mật bị đuổi về quê, một số danh sĩ, thái học sinh càng tôn sùng họ và căm thù bọn hoạn quan. Bọn hoạn quan cũng coi họ là tử thù, tìm mọi cơ hội hãm hại họ.

Có một danh sĩ là Trương Kiệm từng cáo giác hoạn quan Hâu Lãm, Hâu Lãm để tâm báo thù. Vừa gặp lúc gia đình Trương Kiệm đuổi một nô bộc, Hâu Lãm xúi giục người nô bộc đó vu cáo Trương Kiệm cùng hai mươi bốn người đồng hương kết thành một đảng, phỉ báng triều đình, âm mưu làm phản.

Hoạn quan Tào Tiết nắm cơ hội đó xúi giục tay chân dâng sớ tấu, xin Hán Linh Đế ra lệnh bắt đảng nhân.

Hán Linh Đế mới mười bốn tuổi, không hiểu thế nào là đảng nhân, liền hỏi Tào Tiết: "Tại sao lại bắt giết họ? Họ có tội gì?" Tào Tiết vung tay múa chân, nói một tràng, nào là đảng nhân rất đáng sợ, luôn nói xấu triều đình, nào là họ mưu phản, muốn lật đổ hoàng đế...

Hán Linh Đế nghe nói thế, lập tức hạ lệnh lùng bắt đảng nhân trong cả nước. Lệnh truyền xuống, các châu quận đều xông xáo. Có người được tin, vội đến báo cho Lý Ung. Lý Ung thần nhiên nói: "Tôi không trốn, nếu trốn,



sẽ làm hại bao nhiêu người khác. Và lại tôi đã sáu mươi tuổi rồi, sống chết có số mệnh, trốn tránh làm gì".

Ông liền tự đến xin chịu giam, và bị đánh chết. Đỗ Mật biết không tránh khỏi chết, nên tự sát.

Đốc Bưu của quận Nhữ Nam được lệnh đến Trưng Khương (nay là Yên Thành, Hà Nam) để bắt Phạm Bàng. Tới dịch quán Trưng Khương ông đóng cửa lại, ôm chiếu thư phục trên giường khóc lóc. Người trong dịch quán nghe tiếng khóc, không biết tình hình ra sao.

Phạm Bàng nghe tin, liền nói: "Tôi biết viên Đốc Bưu đó khóc là vì không muốn bắt tôi". Ông liền tự đến huyện xin chịu bắt. Huyện lệnh Quách Tráp cũng là người chính trực, thấy Phạm Bàng đến thì giật nảy mình nói: "Trời đất rộng lớn thế này, sao ngài không đi đâu, lại đến đây làm gì?". Ông ta định treo ấn từ quan rồi cùng đi trốn với Phạm Bàng.

Phạm Bàng cảm kích trước biểu hiện đó của Quách Tráp, nhưng nói: "Không cần thiết, nếu bắt được tôi, có thể triều đình sẽ ngừng việc bắt đảng nhân. Tôi không thể để liên lụy đến ngài. Và lại, Mẹ tôi đã già. Nếu tôi đi trốn, sẽ làm liên lụy đến người".

Huyện lệnh không có cách nào khác phải đưa Phạm Bàng vào nhà giam và cử người đi đón bà mẹ và các con của Phạm Bàng tới gặp mặt. Phạm mẫu và các cháu theo công sai tới nhà giam thăm Phạm Bàng. Phạm Bàng an ủi bà: "Con chết đi còn có em con phụng dưỡng mẹ, mẹ không nên quá thương tâm".

Phạm Mẫu nói: "Con đã theo được gương tốt của hai ông Lý, Đỗ (Lý Ưng và Đỗ Mật) để lại tiếng tốt cho đời sau, thì mẹ cũng thoả lòng. Mẹ không đau buồn đâu".

Phạm Bàng quý nghe Mẹ nói xong, quay đầu lại bảo các con: "Xưa nay cha không dạy các con làm việc xấu, vì việc xấu không bao giờ nên làm. Cha vẫn dạy các con làm việc tốt, thế mà suốt đời cha chưa làm việc xấu, nhưng lại rơi vào tình cảnh này đây".

Người xung quanh nghe ông nói, không ai không rơi nước mắt. Phạm Bàng bị giết. Những người lâm vào tại họa như Lý Ứng, Đỗ Mật và ông có tới hơn một trăm người. Ngoài ra, còn có sáu, bảy trăm người nổi tiếng trong toàn quốc hoặc có chút thù oán với hoạn quan đều bị hoạn quan vu cáo là đảng nhân và bắt giam. Người bị giết, người bị sung quân, nhẹ nhất cũng bị cấm cố suốt đời.

Chỉ có Trương Kiệm, người đối đầu với hoạn quan Hầu Lãm là chạy thoát khỏi cuộc bắt bớ. Ông trốn tránh khắp nơi, nhiều người không quản nguy hiểm tới tính mạng, tình nguyện che giấu ông. Khi quan lại nghe tin tìm, đến thì ông đã được báo và trốn đi nơi khác. Vì vậy những người đã che giấu ông đều gặp tai họa, nhẹ thì bị giam giữ, nặng thì bị giết, thậm chí toàn thể quận huyện đều bị trừng phạt.

Qua hai lần "hoạ đảng cố" mọi quan chức tương đối ngay thẳng trong triều đình đều bị bức hại. Mọi chức vụ từ nhỏ đến lớn hầu như đều nằm trong tay hoạn quan và vây cánh của chúng.

84- QUÂN KHỞI NGHĨA KHĂN VÀNG

Hán Linh Đế u mê, tin vào bọn hoạn quan, giao mọi việc triều chính cho chúng, chỉ vui đầu vào ăn chơi hưởng lạc. Của kho nhà nước dùng hết, để kiếm tiền, bọn chúng liền lập ra một cửa hàng đặc biệt ở Tây Viên. Những kẻ có tiền có thể công khai đến đây để mua quan tước. Chúng treo bảng ngoài cửa Hồng Đô, yết rõ giá cả từng loại quan tước. Muốn mua chức thái thú một quận phải bỏ ra hai mươi triệu, chức huyện lệnh trị giá bốn triệu. Nếu chưa đủ tiền có thể mua chịu, sau khi nhận chức sẽ phải trả gấp đôi. Những kẻ bỏ tiền ra mua chức, khi làm quan liền ra sức bóc lột hút máu mủ dân chúng. Sự đen tối và hủ bại của vương triều Đông Hán có thể coi là tột đỉnh.

Sự thối nát của triều đình, sự bóc lột của quan lại cộng thêm thiên tai liên tiếp khiến dân không còn đường sống, chỉ còn cách vùng lên phản kháng.

Bắt đầu từ Ngô quận, một số nông dân nổi lên chiếm huyện thành, giết quan lại. Ở quận Cối Kê, Hứa Sinh khởi binh ở Cú Chương (nay là Từ Khê, Triết Giang),

chỉ trong mấy ngày đã tụ tập được hơn một vạn người. Hán Linh Đế hạ lệnh cho Thứ Sử Dương Châu và thái thú Đan Dương đem quân đi dẹp, bị quân khởi nghĩa đánh bại. Thanh thế của Hứa Sinh ngày càng hùng lấy liền tự xưng là "Dương Minh Hoàng đế".

Năm 174, Tư mã Ngô quận chiêu mộ người ngựa, liên hợp với quan binh các châu quận, đánh bại Hứa Sinh. Quân khởi nghĩa Ngô quận tuy bị trấn áp, nhưng một cuộc khởi nghĩa vũ trang lớn hơn đang được nhen nhóm.

Ở quận Cự Lộc có ba anh em, người anh cả là Trương Giác, hai em là Trương Bảo và Trương Lương. Cả ba đều có tài và có hoài bão cứu dân.

Trương Giác biết nghề y, chữa bệnh cho người nghèo không bao giờ lấy tiền, nên được người nghèo quý mến và tin theo.

Ông biết nông dân chịu sự áp bức bóc lột của địa chủ cường hào và gánh chịu mọi tai họa thiên nhiên, luôn ước mong một cuộc sống thái bình để sống yên ổn. Ông quyết định tổ chức họ lại dưới hình thức tôn giáo, lập ra một đạo gọi là Thái Bình giáo thu nạp một số đệ tử, cùng đi truyền giáo với ông.

Người tin theo Thái Bình giáo ngày càng nhiều. Trương Giác cử em là Trương Bảo, Trương Lương và các đệ tử đi các nơi vừa chữa bệnh, vừa truyền đạo. Sau khoảng mười năm Thái Bình giáo đã truyền đi khắp nước. Dân chúng cả những người theo đạo và không theo đạo, không ai là không biết Thái Bình giáo. Tín đồ các nơi có đến mấy chục vạn.

Lúc đó, quan lại các địa phương mới chỉ biết Thái Bình giáo khuyên người ta làm điều thiện và chữa bệnh cho mọi người, không có ai lưu tâm hỏi han cặn kẽ. Trong triều có hai đại thần thấy được mầm mống của nó liền tâu xin Hán Linh Đế hạ lệnh cấm Thái Bình giáo. Hán Linh Đế còn mãi lo xây dựng cung điện và hoa viên, không hề chú ý đến Thái Bình giáo. Anh em Trương Giác tổ chức mấy chục vạn nông dân trong tám châu lại, chia làm ba mươi sáu phương, phương lớn có từ một vạn người trở lên, phương nhỏ có sáu bảy ngàn người, mỗi phương đều bầu ra thủ lĩnh, do Trương Giác thống nhất chỉ huy.

Họ bí mật ước hẹn với nhau vào ngày mồng 5 tháng 3 năm Giáp tý (184 trước Công nguyên) thì đồng thời phát động khởi nghĩa ở kinh thành và trong toàn-quốc, nêu khẩu hiệu "Trời xanh đáng chết, trời vàng lập nên; vào năm Giáp tý, thiên hạ đại cát". "Trời xanh" là chỉ vương triều Đông Hán. "Trời vàng" là chỉ Thái Bình giáo. Họ còn cử người bí mật viết hai chữ "Giáp tý" trong các chùa miếu ở Lạc Dương và trên cổng lớn của dinh quan các châu quận để làm ám hiệu khởi nghĩa.

Nhưng, còn cách thời gian quy định hơn một tháng, nội bộ quân khởi nghĩa có kẻ phản bội, cáo giác với triều đình. Triều đình lập tức khám xét ở Lạc Dương, người phụ trách liên lạc ở Lạc Dương là Mã Nguyên Nghĩa không may bị bắt, hy sinh, hơn một ngàn người có liên quan đến Thái Bình giáo bị giết hại.

Vì tình hình đột biến đó, Trương Giác quyết định khởi nghĩa trước một tháng. Trương Giác tự xưng Thiên công tướng quân, gọi Trương Bảo là Địa Công tướng quân. Trương Lương là Nhân Công Tướng quân nông



dân khởi nghĩa ở ba mươi sáu phương nhận được lệnh của Trương Giác, đồng thời nổi dậy. Quân khởi nghĩa đều quán khăn vàng trên đầu làm dấu hiệu, nên được gọi là quân Khăn Vàng.

Quân khởi nghĩa ở các địa phương tiến đánh các quận huyện, đốt dinh quan, mở nhà giam, tha tù phạm, tịch thu tài sản của quan lại, phá kho lương thực, trừng trị quan lại và địa chủ gian ác. Không tới mười ngày, cả nước đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Quân khởi nghĩa từ các địa phương tiến về Lạc Dương. Văn thư cáo cấp từ các nơi tới tập bay về kinh đô.

Hán Linh Đế cố gắng quýt triệu tập đại thần bàn biện pháp trấn áp cuộc khởi nghĩa. Sau đó phái Hà Tiến làm đại tướng quân, cùng với các tướng Hoàng Phủ Tung, Chu Tuấn, Lư Thực đem mấy cánh quân đi trấn áp quân khởi nghĩa. Nhưng nghĩa quân các nơi như nước trào qua đê vỡ, quân triều đình không chống đỡ nổi. Đại tướng quân Hà Tiến phải xin Hán Linh Đế gửi chiếu thư cho các châu quận, để họ tự triệu tập binh mã đối phó với quân khăn vàng. Lợi dụng cơ hội đó, các tôn thất quý tộc, quan chức các châu quận và địa chủ cường hào nhiều địa phương mượn danh nghĩa đánh quân khăn vàng, tranh nhau giành giật địa bàn, mở rộng thế lực, khiến cho toàn quốc chia năm xẻ bảy.

Đứng trước cuộc đàn áp đẫm máu của triều đình Đông Hán và địa chủ cường hào các địa phương, quân khăn vàng đã giữ vững cuộc chiến đấu ngoan cường anh dũng trong chín tháng. Trong giờ phút then chốt của cuộc chiến đấu lãnh tụ Trương Giác không may bị bệnh mất, Trương Bảo, Trương Lương lãnh đạo tướng sĩ

nghĩa quân tiếp tục chiến đấu anh dũng và đều lần lượt hy sinh.

Quân chủ lực của nghĩa quân tuy đã thất bại, nhưng những cánh quân khẩn vàng còn tiếp tục chiến đấu trong hai mươi năm nữa. Nền thống trị thối nát của Đông Hán, qua đòn đánh trí mạng của cuộc khởi nghĩa quy mô lớn này, chỉ còn tồn tại thoi thóp.

85 - VIÊN THIỆU GIẾT HOẠN QUAN

Sau đòn tiến công của quân khởi nghĩa Hoàng Cân, vương triều Đông Hán đã rất suy yếu. Tối khi Hán Linh Đế chết, hai tập đoàn ngoại thích và hoạn quan lại tranh chấp kịch liệt, càng đẩy nhanh sự suy sụp của nó.

Năm 189, Hoàng Tử Lưu Biện mới mười bốn tuổi lên nối ngôi, tức là Hán Thiếu Đế. Theo lệ thường, Hà thái hậu lâm triều, ngoại thích là đại tướng quân Hà Tiến nắm quyền. Hoạn quan Kiển Thạc vốn là đầu mục quân cấm vệ, toan mưu sát Hà Tiến, nhưng không thành. Hà Tiến liền bắt và giết Kiển Thạc.

Dưới quyền Hà Tiến có trung quân hiệu úy Viên Thiệu, là con cháu một đại sĩ tộc. Tổ tiên ông cha bốn đời liên đều là đại thần ở bậc tam công (thái úy, tư đồ, tư không), rất nhiều quan lại trong triều và các châu quận đều là môn sinh hoặc thủ hạ cũ của nhà họ Viên, vì vậy Viên Thiệu có thế lực rất lớn.

Sau khi Kiển Thạc bị giết, Viên Thiệu khuyên Hà Tiến triệt để thanh trừ thế lực hoạn quan trong triều. Ông nói: "Trước kia, Đậu Vũ muốn tiêu diệt hoạn quan,

vì tiết lộ cơ mưu nên bị hoạn quan giết. Nay tướng quân giữ binh quyền nên trừ hại cho thiên hạ, chớ bỏ lỡ cơ hội này". Hà Tiến không dám chủ động, liền đem bàn với thái hậu, nhưng Hà Thái hậu nhất định không chịu nghe theo.

Viên Thiệu lại bày kế cho Hà Tiến, khuyên Hà Tiến bí mật triệu tập binh mã các nơi về kinh đô, bức Thái hậu phải đồng ý trừ hoạn quan. Hà Tiến cho đó là biện pháp hay, liền triệu tập các nơi về làm áp lực với Thái Hậu. Chủ bạ của Hà Tiến (chủ bạ, viên quan quản lý văn thư, giải quyết công việc sự vụ hàng ngày) là Trần Lâm nghe thấy thế, vội can ngăn Hà Tiến: "Trong tay tướng quân nắm nhiều binh mã, muốn giết hoạn quan thì dễ như đốt sợi lông trên lò lửa, việc gì phải gọi quân bên ngoài về kinh thành? Gọi quân bên ngoài về có khác gì đưa dao cho người khác, tránh sao xảy ra chuyện nguy biến".

Hà Tiến không nghe theo lời can ngăn đó. Ông ta thấy trong các châu, có Tịnh Châu (nay gồm các vùng thuộc Sơn Tây, Hà Bắc, Nội Mong Cổ) là mạnh nhất, nên cho rằng gọi Tịnh Châu mục là Đồng Trác về giúp mình là tốt nhất. Vì vậy, liền sai người cấp tốc mang thư cho Đồng Trác, bảo Đồng Trác đem quân về ngay Lạc Dương.

Tin tức đó nhanh chóng tới tai bọn hoạn quan. Chúng bàn nhau: "Nếu không ra tay trước thì chúng ta sẽ đi đời!" Vì vậy, chúng mai phục sẵn dũng sĩ trong cung, rồi giả truyền mệnh lệnh thái hậu, gọi Hà Tiến vào cung. Hà Tiến vừa vào khỏi cửa cung, liền bị vũ sĩ vây chặt và giết chết.

Viên Thiệu được tin Hà Tiến bị giết, liền sai em là Viên Thuật đem quân vây đánh Hoàng cung. Viên Thuật phóng hoả đốt luôn cửa hoàng cung rồi dẫn quân xông vào, cứ thấy hoạn quan là giết. Có người không phải là hoạn quan nhưng vì không có râu, nên cũng bị coi là hoạn quan và bị giết luôn.

Qua cuộc xung đột đó, cả ngoại thích và hoạn quan đều bị tổn thất. Đúng lúc đó, quân Đông Trác từ Tịnh Châu tiến vào Lạc Dương.

Đông Trác vốn là một cường hào ở Lương Châu (nay ở khoảng Cam Túc, Ninh Hạ và Thanh Hải, Nội Mông Cổ), kết giao với bọn cường hào tộc Khương, xưng bá một phương. Sau khởi nghĩa Khăn Vàng, hần nhờ công lao đàn áp quân khởi nghĩa, được thăng làm Tịnh Châu mục (quan cai trị đứng đầu Tịnh Châu). Vốn có dã tâm xâm chiếm Trung Nguyên, nhân cơ hội có thư triệu tập của Hà Tiến, Đông Trác liền nhanh chóng mang ba ngàn người ngựa về kinh.

Tới Lạc Dương, Đông Trác muốn nắm đại quyền, nhưng vì binh mã quá ít, sợ không đè bẹp được lực lượng của quan binh ở Lạc Dương. Hần liền nghĩ ra một mẹo, cứ đêm tối là cho ba ngàn binh mã lặng lẽ đi ra khỏi thành, đến ban ngày là trống giơ cờ mở rầm rộ kéo vào thành. Cứ như thế liên tục mấy ngày, mọi người ở Lạc Dương cứ tưởng rằng Đông Trác có rất nhiều quân, một số tướng sĩ trước kia thuộc quyền Hà Tiến thấy thế cũng đua nhau chạy sang phía Đông Trác. Vì vậy, binh quyền ở Lạc Dương đã rơi toàn bộ vào tay Đông Trác.

Để độc chiếm đại quyền, Đông Trác quyết định phá bỏ Hán Thiếu Đế, lấy em của Thiếu Đế là Trần Lưu



Vương Lưu Hiệp lên làm hoàng đế. Hắn biết rằng trong số quan chức ở Lạc Dương, thì thế lực họ Viên là mạnh nhất, liền mời Viên Thiệu tới trao đổi về việc đó.

Đồng Trác nói: "Tôi thấy Trần Lưu Vương là người anh minh hơn đương kim Hoàng đế, nên có ý định đưa ông ta lên thay, ngài thấy thế nào?". Viên Thiệu trả lời: "Hoàng thượng vừa lên ngôi, tuổi còn trẻ, cũng không nghe nói có lỗi lầm gì. Ngài muốn làm việc phế lập ư rằng thiên hạ không phục".

Đồng Trác bị từ chối liền nổi giận nắm chuôi kiếm đe dọa: "Đại quyền nắm trong tay ta. Ta muốn làm thế, ai dám phản đối? Chẳng lẽ ngài cho rằng kiếm của ta không đủ sắc hay sao?".

Viên Thiệu cũng nổi giận đỏ bừng mặt nói: "Hảo hán trong thiên hạ, đâu phải chỉ có một mình Đồng Trác nhà ngươi!" Nói xong, rút kiếm ra khỏi vỏ bao, hăm hăm bước ra. Ông sợ Đồng Trác không buông tha mình, liền vội vàng về luôn Ký Châu (nay ở khoảng Hà Bắc, tây bắc Sơn Đông và bắc Hà Nam). Em của Viên Thiệu là Viên Thuật nghe tin, cũng vội rời Lạc Dương, chạy về Nam Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam).

Sau khi anh em Viên Thiệu bỏ đi, Đồng Trác liền triệu tập bá quan văn võ, tuyên bố quyết định phế lập. Lưu Hiệp lên làm Hoàng đế, tức là Hán Hiến Đế. Đồng Trác tự làm tướng quốc.

Đồng Trác là kẻ cực kỳ tàn bạo. Sau khi làm tướng quốc, hắn dung túng binh sĩ tàn sát dân vô tội. Có lần ở Dương Thành (nay ở Đông nam Đặng Phong, Hà Nam) gần Lạc Dương có lễ hội. Dân chúng tụ tập rất đông. Đồng Trác dẫn quân tới, giết hết nam giới, bắt phụ nữ

và của cải trở trên xe đem về, buộc đầu người xung quanh xe, diễu võ giương oai chở về Lạc Dương. Dọc đường, còn cho binh sĩ hô "Vạn tuế", nói là đánh thắng giặc trở về. Hành động ngang ngược tàn bạo của Đồng Trác khiến kinh thành Lạc Dương hỗn loạn. Những người có kiến thức đều lũ lượt rời bỏ Lạc Dương, trong đó có điển quân hiệu úy thành Lạc Dương là Tào Tháo.

86- TÀO THÁO KHỞI BINH

Tào Tháo là người huyện Triều đất Bái (nay là huyện Bạc tỉnh An Huy). Cha là Tào Tung, con nuôi của một hoạn quan. Từ nhỏ, Tào Tháo đã thông minh lanh lợi giỏi làm việc. Đương thời có một danh sĩ tên là Hứa Thiệu, có tài xét người. Khi Tào Tháo trưởng thành, đến xin Hứa Thiệu nhận xét, Hứa Thiệu nói: "Ta thấy anh, nếu sống trong thời thái bình, sẽ là một bày tôi giỏi, nếu trong thời loạn, sẽ là một kẻ gian hùng".

Năm hai mươi tuổi, Tào Tháo làm Bắc bộ úy ở Lạc Dương (chức quan trông coi việc trị an ở phần phía bắc Lạc Dương). Vừa nhận chức, ông sai thợ làm hai mươi cái gậy ngũ sắc, treo hai bên nha môn. Ông hạ lệnh, nếu ai phạm tội thì bất kể là hào môn đại tộc, cũng đều bị đánh gậy.

Lúc đó, Kiển Thạc (hoạn quan) có một ông chú là một ác bá nổi tiếng, dựa vào quyền thế của Kiển Thạc, đã hoành hành ngang ngược khắp Lạc Dương, không ai dám gây chuyện với hắn. Có lần trong đêm hắn vác dao đi gây sự âm ỉ, phạm vào lệnh cấm của Tào Tháo. Tào

Tháo không đếm xỉa gì đến thể lực của hắn, sai người bắt lại, dùng gậy ngũ sắc đánh cho một trận tơi tả. Tên ác bá đó chịu không nổi, chết tại chỗ. Sự kiện đó làm rung động cả kinh thành Lạc Dương. Mọi người đều ca ngợi Tào Tháo là người không sợ quyền uy, giữ nghiêm pháp luật. Bọn hoạn quan vừa căm tức vừa sợ hãi, liền tìm cách điều Tào Tháo khỏi Lạc Dương làm huyện lệnh ở nơi xa.

Trong thời kỳ khởi nghĩa Khán Vàng, Hán Linh Đế phong Tào Tháo làm kỵ đô úy, cử đến Dĩnh Xuyên (trị sở nay tại huyện Vũ, Hà Nam) trấn áp quân khởi nghĩa. Ông đã đánh bại cánh quân khởi nghĩa do Ba Tà lãnh đạo. Vương triều Đông Hán thấy Tào Tháo có công, phong làm Tế Nam tướng. Mấy năm sau, lại điều về Lạc Dương.

Đồng Trác nắm quyền ở Lạc Dương, để thu phục lòng người, đã dùng quan cao bổng hậu để mua chuộc các quan. Nghe nói Tào Tháo có chút ít tiếng tăm, liền thăng Tào Tháo làm kiêu kỵ hiệu úy. Nhưng Tào Tháo thấy Đồng Trác làm nhiều việc càn rỡ, không được lòng người, sớm muộn cũng bị đánh đổ nên không chịu làm thủ hạ của Đồng Trác mà mạo hiểm trốn khỏi Lạc Dương về Trần Lưu (nay là huyện Trần Lưu, Hà Nam) tìm cha.

Cha Tào Tháo có một số tài sản ở Trần Lưu, khi Tào Tháo về, được cha đồng ý, liền bỏ tiền ra chiêu binh mãi mã, chuẩn bị đánh Đồng Trác. Ở địa phương, có một người giàu có là Vệ Từ, cũng bỏ tiền của và lương thực ra giúp đỡ Tào Tháo. Dần dần, Tào Tháo tụ tập được hơn năm ngàn người ngựa vừa tiến hành luyện tập, vừa nghe ngóng các nơi.



Từ sau khởi nghĩa Khăn Vàng, các châu quận đều có binh mã. Rất nhiều thứ sử, thái thú các châu quận vốn có dã tâm cát cứ, nên nhân lúc Lạc Dương có rối loạn liền mượn cớ thảo phạt Đồng Trác, đua nhau chiêu tập binh mã. Trong số đó, lực lượng mạnh nhất phải kể tới Viên Thiệu.

Sau khi xung đột với Đồng Trác ở Lạc Dương, Viên Thiệu chạy về Ký Châu, làm thái thú Bột Hải. Vì Viên Thiệu thuộc dòng họ quan chức lớn, Ký Châu mục Hàn Phúc cũng là bộ hạ cũ của họ nhà Viên, nên Viên Thiệu nhanh chóng tổ chức được một đội quân lớn ở Bột Hải.

Năm 190, Tào Tháo và các đội quân thảo phạt Đồng Trác gồm mười mấy vạn người, tập hợp ở Toan Tảo (nay ở Tây nam Diên Tân, Hà Nam) gần Trần Lưu, tổ chức thành liên quân và cử Viên Thiệu làm minh chủ.

Tin tức về việc khởi binh ở các địa phương truyền tới Lạc Dương, khiến Đồng Trác lo sợ. Mặc các đại thần phản đối, Đồng Trác quyết định đưa Hán Hiến Đế và hàng triệu dân Lạc Dương dời vào Trường An, còn tự mình lưu lại vùng phụ cận Lạc Dương để đối phó với liên quân. Khi Hán Hiến Đế bị buộc rời Trường An, Đồng Trác sai đốt hết cung điện, dinh thự và nhà dân trong khoảng hai trăm dặm xung quanh Lạc Dương. Một kinh thành hoa lệ và một vùng dân cư trù phú đã bị lửa thiêu trụi, trở thành một vùng không còn tiếng gà gáy, chó sủa. Dân chúng bị lừa đi, bị đánh đập, chết đói chết khát, thi thể rải khắp trên đường.

Nhưng liên quân thảo phạt Đồng Trác tập trung ở vùng Toan Tảo vẫn còn trông nhau, ai cũng án binh bất động không dám ra tay trước. Có lần tướng lĩnh chỉ huy các đội quân thuộc liên quân họp bàn trong đại doanh

của Viên Thiệu. Tào Tháo nói với mọi người: "Chúng ta khởi binh là để thảo phạt Đổng Trác. Hiện nay Đổng Trác đã cướp thiên tử đem đi, đốt cháy cung điện và kinh thành, lòng người cả nước đều kinh hoàng căm giận. Đây đúng là thời cơ tốt để trừ nghịch tặc. Tại sao chúng ta cứ do dự, không quyết định hành động? Dù Tào Tháo nói năng khảng khái, cảm động nhưng không ai nhiệt tình hưởng ứng. Ngay cả mình chủ Viên Thiệu còn chưa hành động, thì ai còn tình nguyện ra tay trước?"

Tào Tháo thấy mọi người chỉ lo bảo toàn lực lượng của mình không dám đánh Đổng Trác thì tức giận, liền tự mình dẫn năm ngàn người ngựa, tiến binh về Thành Cao (nay là Trấn Di Thủy, Huỳnh Dương, Hà Nam). Đổng Trác nghe tin Tào Tháo tiến binh về Thành Cao, liền bố trí sẵn thế trận ở Biện Thủy (nay ở Tây nam Huỳnh Dương, Hà Nam). Quân Tào Tháo vừa tới Biện Thủy, thì gặp bộ tướng của Đổng Trác là Từ Vinh đánh chặn. Quân Từ Vinh đông, quân Tào Tháo ít, vừa giao chiến, quân Tào Tháo đã tan vỡ. Trong khi cưỡi ngựa tháo lui, Tào Tháo trúng một mũi tên vào vai, vội thúc ngựa chạy gấp. Một phát tên khác lại trúng vào con ngựa, ngựa giật mình, hất Tào Tháo ngã xuống đất. Quân Từ Vinh từ phía sau đang la hét đuổi tới gần. Trong lúc nguy cấp Tào Hồng tới kịp, nhường ngựa cho Tào Tháo, ông ta mới chạy thoát.

Chạy về tới Toan Tảo, thấy các cánh quân trong liên minh, không những án binh bất động mà còn rượu chè, ca hát say sưa, không nghĩ gì tới việc đánh Đổng Trác.

Tào Tháo giận dữ, chạy tới giữa yến tiệc của Viên Thiệu và các tướng, lớn tiếng trách mắng: "Các ngài lấy

danh nghĩa mang quân trừ nghịch tặc, mà cứ chân chừ trông ngóng ở đây khiến dân chúng thất vọng, tôi thật lấy làm hổ thẹn thay cho các ngài".

Không lâu sau, mấy chục vạn quân liên minh ăn hết lương thực liền rã đám.

Qua trận chiến đấu với Đồng Trác, Tào Tháo thấy rõ cộng tác với đám người đó thì chẳng bao giờ làm nổi việc lớn, liền tới Dương Châu (nay ở Hoài Thủy, An Huy và phía nam Trường Giang thuộc Giang Tô) chiêu binh mãi mã để chuẩn bị lại khởi binh.

87- VƯƠNG DOẢN LẬP MƯU TRỪ ĐỒNG TRÁC

Đồng Trác thấy đám thứ sử, thái tử đem binh đánh mình, người nào cũng có tính toán riêng, không thể nhất trí liên hiệp với nhau được, nên không cảm thấy có gì đáng sợ, liền tự xưng là Thái sư ở Trường An, bắt Hán Hiến đế gọi mình là "Thượng Phụ" (coi như cha). Hấn còn phong em và cháu mình làm tướng quân hiệu úy, ngay đến đứa con oe oe mới sinh của hấn cũng được phong hầu.

Để hưởng lạc, hấn ta cho xây dựng cách Trường An hai trăm dặm một thành lũy, gọi là My Ổ. Thành lũy được xây dựng cao và dày, chứa đầy của cải và lương thực. Riêng lương thực, đủ cho hấn và quan lại, quân lính dùng trong ba mươi năm.

Xây dựng xong My Ổ, Đồng Trác đặc ý nói với mọi người: "Đại sự mà thành, thì thiên hạ là của ta. Dù có thất bại, ta vẫn cứ sống yên ổn ở đây, chẳng kẻ nào đánh vào được".

Khi Đồng Trác ở Lạc Dương, đã giết hại nhiều quan lại, tới Trường An, hấn lại càng cần rõ, bá quan văn vũ

ai không thận trọng, lỡ có lời xúc phạm đến hấn là mất đầu như chơi. Một số đại thần sợ không giữ được tính mạng của mình, đều ngấm ngấm tìm cách trừ khử hấn.

Dưới quyền Đồng Trác có một thủ hạ tâm phúc là Lã Bố, một dũng sĩ nổi tiếng. Lã Bố có sức khoẻ hơn người, võ nghệ lại đặc biệt cao cường. Hấn vốn là bộ hạ của Đinh Nguyên, thủ sử Tịnh Châu. Khi Đồng Trác vào Lạc Dương, Đinh Nguyên đang đem quân giữ Lạc Dương. Đồng Trác cử người đem rất nhiều tiền bạc đến mua chuộc Lã Bố, xui Lã Bố giết Đinh Nguyên. Bị cám dỗ vì tiền tài, Lã Bố liền giết Đinh Nguyên rồi theo Đồng Trác. Trác nhận Lã Bố làm con nuôi, để Lã Bố làm tùy tùng bảo vệ, luôn luôn đi kèm Đồng Trác. Mọi người sợ sức mạnh của Lã Bố nên không dám hạ thủ Đồng Trác.

Tu đô Vương Doãn quyết tâm trừ Đồng Trác. Ông biết rằng muốn trừ Đồng Trác thì trước hết phải lôi kéo được Lã Bố. Ông thường mời Lã Bố đến nhà uống rượu, nói chuyện. Lâu ngày, Lã Bố thấy Vương Doãn tốt với mình nên cũng thổ lộ hết về tình hình quan hệ của mình với Đồng Trác cho Vương Doãn nghe.

Thì ra, Đồng Trác đối với Lã Bố tuy là cha con, nhưng tính tình Đồng Trác rất thô bạo, hơi có gì không vừa ý là nổi nóng nặng lời mắng mỏ Lã Bố. Có lần Lã Bố cãi lại, bị Đồng Trác cầm chiếc kích để sẵn bên cạnh, lao vào Lã Bố, may mà Lã Bố nhanh nhẹn đã tránh thoát được.

Sau đó, Lã Bố phải nhận lỗi, Đồng Trác mới tha thứ nhưng Lã Bố cảm thấy rất khó chịu. Vương Doãn nghe biết chuyện đó thì rất mừng, liền đem chuyện muốn giết Đồng Trác nói với Lã Bố. Vương Doãn nói: "Đồng Trác



là quốc tặc. Chúng tôi muốn trừ hại cho nước, rất mong được tướng quân làm nội ứng".

Lã Bố thấy nói đến chuyện giết董卓 Trác có vẻ do dự nói: "Tôi là con nuôi của董卓 Trác. Con sao có thể giết cha?".

Vương Doãn lắc đầu nói: "Ồ, sao tướng quân lại hồ đồ thế. Tướng quân họ Lã, hần ta họ董卓, vốn chẳng có tình cốt nhục gì. Vả lại khi hần lao kích vào tướng quân, thì có tình cảm cha con gì không?" Lã Bố tỉnh ngộ, liền đồng ý cộng tác với Vương Doãn.

Năm 192, Hán Hiến Đế bị bệnh mới khỏi, các đại vị thần vào cung Vị Ương để chúc mừng.董卓 Trác liền từ My Ổ đến Trường An. Để đề phòng bị hành thích, hần mặc áo giáp bên trong triều phục. Hai bên đường vào Trường An, hần bố trí vệ binh dày đặc. Hần còn sai Lã Bố đi sau hộ vệ. Bố trí cẩn mật như vậy,董卓 Trác tự cho rằng, không thể xảy ra chuyện gì bất trắc.

Hần đâu biết rằng Lã Bố và Vương Doãn đã bàn bạc kỹ. Lã Bố sắp xếp một số vũ sĩ tâm phúc đi lẫn trong đội ngũ đứng sẵn trước cửa cung.董卓 Trác vừa tới cửa cung liền bị vũ sĩ cầm kích đâm vào ngực, nhưng vì có áo giáp bảo vệ nên kích không xuyên thủng được.

董卓 Trác dùng tay gạt kích, nhảy xuống xe hô lớn: "Lã Bố, con ta đâu?". Lã Bố đứng phía sau, lớn tiếng tuyên bố: "Phụng mệnh hoàng đế, diệt trừ tặc thần董卓 Trác!".

董卓 Trác thấy con nuôi trở mặt, liền mắng: "Thằng chó đẻ, mày dám...". Chưa nói xong đã bị Lã Bố đâm

một nhát giáo xuyên qua họng. Bình sĩ ủa tới, cắt lấy đầu hắn.

Lã Bố lấy trong tay áo ra tờ chiếu thư, đồng đọc: "Lệnh của Hoàng thượng chỉ giết Đồng Trác, không truy cứu những người khác".

Tướng sĩ nghe đọc, đều sung sướng hô "vạn tuế".

Trăm họ ở Trường An đã chịu mọi áp bức tàn khốc của Đồng Trác, nghe nói đã trừ được gian tặc, liền ủa ra đường phố tụ họp, ca múa. Nhiều người còn mua rượu thịt về ăn mừng.

Tên giặc đầy dẫy tội ác tuy đã bị tiêu diệt, nhưng tai họa của nhân dân vẫn chưa qua. Không lâu sau, bộ tướng của Đồng Trác là Lý Thôi, Quách Dĩ lại đem quân đánh vào Trường An, giết Vương Doãn, đuổi Lã Bố. Nhân dân Trường An lại một lần nữa lâm vào cảnh bị chém giết, cướp bóc

88- DỜI ĐÔ ĐI HỨA THÀNH

Sau loạn Đông Trác, vương triều Đông Hán chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, không còn điều khiển được các châu quận. Bọn quan liêu, cường hào các địa phương tranh nhau chiếm địa bàn, hình thành cục diện cát cứ khắp nơi. Những kẻ có thế lực lớn là Viên Thiệu ở Ký Châu, Viên Thuật ở Nam Dương, Lưu Biểu ở Kinh Châu (nay gồm hai tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc và một phần Hà Nam, Quý châu, Quảng Đông, Quảng Tây). Đào Khiêm và Lã Bố ở Từ Châu (nay ở vùng phía bắc Trường Giang, Giang Tô và phía nam Sơn Đông). Họ thường đem quân đánh nhau khiến đất nước loạn lạc, hàng triệu dân chúng bị chém giết, nhiều vùng không còn một bóng người.

Thế lực của Tào Tháo vốn rất nhỏ, sau đó ông đánh bại lực lượng tàn dư của quân Khăn Vàng ở Duyên Châu (nay ở Tây nam tỉnh Sơn Đông và phía Đông tỉnh Hà Nam), tiến vào Duyên Châu xây dựng căn cứ. Ông còn lựa chọn trong số hàng binh quân Khăn Vàng một số lực lượng tinh nhuệ, mở rộng lực lượng vũ trang của

mình. Sau đó ông còn đánh bại Đào Khiêm và Lã Bố, trở thành một lực lượng cát cứ lớn mạnh.

Năm 195, Lý Thôi và Quách Dĩ xung đột nhau ở Trường An, ngoại thích Đồng Thừa và một số đại thần mang Hán Hiến Đế trốn khỏi Trường An, về Lạc Dương. Cung điện ở Lạc Dương đã bị Đồng Trác đốt hết, khắp nơi là tường xiêu ngói vỡ, gai góc mọc đầy. Hán Hiến Đế không có cung điện, phải ở trong một ngôi nhà cũ nát. Các bá quan văn võ không có nơi ở, phải dựng lều nơi các góc tường cũ để che mưa che nắng. Khó khăn lớn nhất là không có nguồn lương thực. Hán Hiến Đế cử người đi khắp nơi, kêu gọi địa phương cung cấp lương thực cho triều đình. Nhưng họ còn mãi tranh đoạt lẫn nhau, chẳng đoái hoài gì tới hoàng đế, không ai mang lương thực tới.

Các đại thần không có cách gì, từ quan thượng thư trở xuống đều phải tìm kiếm cây cỏ ăn cho đỡ đói. Các vị xưa nay quen ăn cao lương mỹ vị làm sao chịu được khổ, mới qua mấy ngày, nhiều vị đã đói gục chết nơi xó tường, trong các căn lều rách nát.

Lúc đó, Tào Tháo đang đóng quân ở Hứa Thành, (nay là Hứa Xương, Hà Nam) biết tin đó, liền họp các mưu sĩ lại bàn xem có nên đón Hán Hiến về đó không.

Mưu sĩ Tuân Húc nói: "Trước kia, Tấu Văn Công phái quân đưa Chu Tương Vương về Lạc Ấp mà giành được ngôi bá chủ, Hán Cao Tổ phát tang cho Nghĩa đế mà được lòng người trong thiên hạ. Những thí dụ đó có nhiều trong lịch sử. Hiện nay, hoàng thượng ở Lạc Dương, khổ không kể xiết. Nếu tướng quân đón được hoàng thượng về đây thì rất hợp lòng mong muốn của



nhiều người, nếu không đi đón ngay, để kẻ khác đón mất, thì chúng ta mất cơ hội tốt".

Tào Tháo nghe Tuân Húc nói rất hợp ý mình, liền cử ngay Tào Hồng đem một đội quân đi đón Hán Hiến Đế về Hứa Thành.

Một số đại thần sợ Tào Tháo, liền cử quân ngăn chặn Tào Hồng. Sau đó, Tào Tháo thân tới Lạc Dương, nói rõ hiện nay Lạc Dương đã bị tàn phá, lại thiếu lương thực. Hứa Thành có lương thực, nhưng vận chuyển không tiện lợi, xin mời hoàng đế và các đại thần tạm đến đó, để tránh tình trạng đói rét ở đây.

Hán Hiến Đế và các đại thần thấy nói Hứa Thành có nhiều lương thực, đều muốn dời đô đến đó ngay.

Năm 196, Tào Tháo đón Hán Hiến Đế tới Hứa Thành. Từ đó, Hứa Thành trở thành đô thành tạm thời của Đông Hán, nên cũng gọi là Hứa đô.

Tào Tháo xây dựng cung điện cho Hán Hiến Đế ở Hứa đô, để Hán Hiến Đế chính thức thiết triều. Tào Tháo tự xưng là đại tướng quân, bắt đầu dùng danh nghĩa Hán Hiến Đế ra lệnh cho các châu quận.

Trước hết, Tào Tháo dùng danh nghĩa Hán Hiến Đế hạ chiếu thư quả trách Viên Thiệu, là có đất rộng, quân nhiều mà chỉ lo mở rộng thế lực đánh chiếm các châu quận khác, không đến giúp đỡ triều đình.

Viên Thiệu có thế lực lớn nhưng dù sao cũng là thần tử của Hán Hiến Đế, nên nhận được chiếu thư quả trách, không có cách nào khác là dâng tấu chương lên biện hộ.

Tào Tháo lại dùng danh nghĩa Hán Hiến Đế, phong Viên Thiệu làm thái úy. Việc đó, làm Viên Thiệu nổi giận. Ông ta cho rằng Tào Tháo làm đại tướng quân, mình là thái úy tức là thấp hơn Tào Tháo thì mất thể diện, liền nổi giận đùng đùng nói: "Tào Tháo nếu không nhờ có ta thì sao có ngày nay, nay hắn ta lại dùng danh nghĩa hoàng thượng để ra lệnh cho ta sao?". Liền dâng sớ tấu, từ chối không nhận chức thái úy.

Tào Tháo cảm thấy địa vị của mình chưa vững chắc, chưa tiện gây sự với Viên Thiệu, liền nhường chức đại tướng quân cho Viên Thiệu, tự mình đổi xưng là xa kỵ tướng quân.

Tình hình Hứa đô dần dần ổn định, nhưng lâu dần bộ máy quan chức đông đảo và số đông quân lính không đủ lương thực, bắt đầu có khó khăn. Qua mười năm hỗn loạn khắp nơi hoang tàn, nhân dân đói khát, nếu vấn đề lương thực ở Hứa đô không giải quyết được thì lực lượng Tào Tháo khó lòng đứng vững.

Có một viên quan là Tào Kỳ hiến kế cho Tào Tháo: Chiêu tập dân lưu tán đến vùng xung quanh Hứa đô để khai khẩn đất hoang, lập đồn điền. Nhà nước cho họ thuê nông cụ và sức kéo, thu hoạch được bao nhiêu nộp cho triều đình một nửa, còn được giữ lại một nửa.

Tào Tháo làm theo ý đó, ra lệnh thực hiện chế độ đồn điền. Đất hoang hoá xung quanh Hứa đô nhanh chóng được khai khẩn và canh tác.

Một năm sau, vùng đất hoang được mùa lớn. Chỉ riêng số lương thực nộp lên của vùng ngoại vi Hứa Đô đã đạt tới một triệu斛. Tào Tháo lại mở rộng chế độ đồn điền ở các châu quận dưới quyền kiểm soát của mình, và đặt ra chức điền quan. Sau đó, những nơi thực

hiện chế độ đồn điền, lương thực đều đầy ắp các kho tàng.

Tào Tháo một mặt dùng danh nghĩa của hoàng đế để ra lệnh cho thiên hạ, một mặt vận dụng thành công chế độ đồn điền, giải quyết được vấn đề quân lương. Ngoài ra còn thu nạp được nhiều nhân tài như Tuân Du, Quách Gia, Mãn Sùng, Thực lực ngày càng hùng mạnh tạo điều kiện tiến lên thực hiện mọi tham vọng và hoài bão về chính trị.

89. MẬT CHIẾU TRONG ĐAI ÁO

Vào năm Tào Tháo đón Hán Đế về Hứa Đô, Từ Châu mục là Lưu Bị bị Viên Thuật và Lã Bố giáp công, bị thua, phải chạy tới nương nhờ Tào Tháo.

Lưu Bị là người quận Trác (nay là huyện Trác, Hà Bắc), vốn là dòng dõi hoàng thất thời Tây Hán. Ông mồ côi cha từ nhỏ, cảnh nhà nghèo khổ, phải cùng mẹ đan dế, dệt chiếu để kiếm sống. Sau đó, nhờ sự giúp đỡ của người trong họ, mới theo học được một ít chữ nghĩa. Nhưng ông ta không ham đọc sách, chỉ thích kết giao với hào kiệt trong thiên hạ. Có hai người lái buôn ngựa qua quận Trác, gặp Lưu Bị, rất kính trọng ông, liền bỏ tiền ra giúp ông chiêu binh mãi mã.

Lúc đó, có hai tráng sĩ đến quận Trác ứng mộ, một người tên là Quan Vũ, một người tên là Trương Phi. Lưu Bị thấy Quan Vũ, Trương Phi võ nghệ cao cường, lại có cùng chí hướng với mình, nên đối đãi đặc biệt thân thiết. Dần dần, tình cảm giữa họ với nhau phát triển thân mật hơn anh em ruột thịt. Do đó truyền thuyết dân gian thường kể về họ là ba anh em kết nghĩa.

Sau khi Lưu Bị tới nương nhờ Tào Tháo, Tào Tháo và Lưu Bị cùng nhau đánh Lã Bố, tiêu diệt thế lực cát cứ của Lã Bố. Về tới Hứa Đô, Tào Tháo tâu xin Hán Hiến Đế phong cho Lưu Bị làm Tả tướng quân và tỏ ra rất tôn trọng Lưu Bị, mỗi khi đi đâu, đều mời Lưu Bị đi cùng.

Lưu Bị thấy Tào Tháo tôn trọng mình như vậy trong lòng lại thấy áy náy không yên, bởi vì bản thân ngầm nuôi chí lớn, rất sợ Tào Tháo đoán ra và nghi ngờ.

Tào Tháo ngoài mặt tôn trọng Lưu Bị, nhưng bên trong vẫn đề phòng. Ông cử người theo dõi hàng ngày, chỉ thấy Lưu Bị cuốc đất trồng rau và xách nước tưới rau không có gì đáng nghi, nên cũng dần yên tâm.

Lúc đó, trong triều xảy ra một sự kiện. Vì quyền lực Tào Tháo quá lớn, Hán Hiến Đế thấy ông quá chuyên quyền, nên cùng ngoại thích Đổng Thừa bí mật bàn mưu diệt trừ. Hiến Đế viết một tờ mật chiếu, giấu vào một đai áo, rồi ban tặng cho Đổng Thừa chiếc đai áo đó.

Đổng Thừa nhận được mật chiếu, liền bí mật mời những người tin cậy nhất đến họp, bàn cách thực hiện nhiệm vụ. Ông thấy lực lượng mình còn ít, lại thấy Lưu Bị là dòng dõi hoàng thất, liền bí mật tìm đến mời Lưu Bị tham gia. Lưu Bị nhiệt thành nhận lời.

Không lâu sau, Tào Tháo mời Lưu Bị đến uống rượu, nói chuyện vui vẻ chan hoà. Câu chuyện dần dần chuyển sang đề tài đại sự trong thiên hạ. Tào Tháo nâng cốc rượu nói: "Tướng quân xem, hiện nay bao kẻ đang ôm ấp hy vọng tranh giành thiên hạ, trong số đó, ông thấy những ai đáng mặt anh hùng?". Lưu Bị khiêm tốn: "Tôi làm sao mà biết được".



Tào Tháo cười, ung dung nói với Lưu Bị: "Theo tôi, anh hùng trong thiên hạ đời nay chỉ có hai người là tướng quân và Tháo này mà thôi. Bọn người như Viên Thiệu thì có đáng kể gì!"

Lưu Bị vì đã nhận lời với Đồng Thừa, trong lòng lúc nào cũng nơm nớp, nghe Tào Tháo nói thế thì giật nảy mình, đánh rơi đôi đũa đang cầm trong tay xuống đất. May vừa đúng lúc đó, một làn chớp loé lên, rồi một tiếng sét vang dội. Lưu Bị nhanh trí vừa cúi xuống nhặt đũa, vừa nói: "Tiếng sét ghê gớm quá, làm giật nảy cả người". Nhờ vậy ông đã che giấu được tình cảm thật, không để Tào Tháo thấy được.

Sau buổi gặp đó, Lưu Bị nghiêng ngả kỹ lời lẽ của Tào Tháo, cảm thấy Tào Tháo đã coi mình là địch thủ duy nhất, thì sẽ không dễ dàng bỏ qua mình. Từ đó một mặt ông liên lạc với Đồng Thừa, tìm cách trừ Tào Tháo, một mặt tìm cơ hội rời khỏi Hứa Đô.

Vừa gặp dịp Viên Thiệu cử con đem binh đến Thanh Châu để tiếp ứng cho em mình là Viên Thuật. Đường đi phải qua Từ Châu. Tào Tháo thấy Lưu Bị hiểu rõ khu vực đó, liền cử Lưu Bị đi đánh chặn.

Lưu Bị đang nóng lòng muốn đi, được lệnh của Tào Tháo, liền tức tốc dẫn Quan Vũ và Trương Phi đem binh mã lên đường. Mưu sĩ Quách Gia nghe nói Tào Tháo cử Lưu Bị đi, liền vội tới can Tào Tháo:

"Lưu Bị có dã tâm, không nên để hắn đi".

Tào Tháo nghe ra, vội cử người đuổi theo, thì Lưu Bị đã đi xa.

Lưu Bị đánh bại Viên Thuật, chiếm được Từ Châu, quyết định không trở về Hứa Đô nữa. Từ Châu là nơi Lưu Bị đã từng làm châu mục, các quận huyện đều hưởng ứng theo, không phục tùng Tào Tháo nữa.

Tào Tháo nghe tin Lưu Bị chống lại mình, thì vô cùng tức giận. Mùa Xuân năm sau, có người cáo giác với Tào Tháo việc Lưu Bị đồng mưu với Đổng Thừa ở Hứa Đô, Tào Tháo liền giết Đổng Thừa và ba người tâm phúc, đồng thời quyết định tự mang quân đi đánh Lưu Bị.

Lúc đó, Viên Thiệu đã kiêm tính cả U châu (nay là miền bắc Hà Bắc và đại bộ phận tỉnh Liêu Ninh) có tới mấy chục vạn quân, phao tin sẽ đánh Hứa Đô.

Thủ hạ khuyên Tào Tháo: "Hiện nay kẻ tranh thiên hạ với ngài là Viên Thiệu. Nghe nói Viên Thiệu sắp đánh tới, mà ngài lại sang phía đông đánh Lưu Bị, lỡ Viên Thiệu từ phía bắc đánh xuống, thì làm thế nào?". Tào Tháo nói: "Lưu Bị không phải là kẻ tầm thường, nay không sớm trừ đi, thì hậu hoạ sẽ vô cùng".

Quách Gia cũng nói: "Lưu Bị mới phản biến, người qui phụ chưa nhiều, ta lập tức đánh ngay, nhất định sẽ thắng. Còn Viên Thiệu tính vốn đa nghi, dù muốn đến đánh ta, cũng không thể nhanh được".

Tào Tháo liền cử một số tinh binh giữ chặt Quan Độ (nay ở Đông bắc Trung Mâu, Hà Nam), phong Viên Thiệu tiến công. Còn tự mình dẫn đại quân tiến đánh Từ Châu.

Lưu Bị cử người đến cầu cứu Viên Thiệu. Thủ hạ của Viên Thiệu là mưu sĩ Diên Phong khuyên Viên Thiệu

nên nhân dịp Hứa Đô bỏ trống, đem quân nhanh chóng tập kích chiếm lấy. Nhưng Viên Thiệu không nghe theo.

Đại quân Tào Tháo tiến công Từ Châu, Lưu Bị ít quân, không chống đỡ nổi, đành bỏ Từ Châu, chạy sang Ký Châu nương nhờ Viên Thiệu.

90- ĐẠI CHIẾN QUAN ĐỘ

Lưu Bị chạy đến Nghiệp Thành (trụ sở của Kỳ Châu, nay ở Tây nam Lâm Chương, Hà Bắc) khiến Viên Thiệu thấy được Tào Tháo là một địch thủ đáng gờm. Vì vậy, ông quyết tâm đánh Hứa đô. Điều Phong, người trước kia khuyên Viên Thiệu đánh Hứa đô hồi trước, bây giờ lại khuyên Viên Thiệu không nên. Ông nói: "Hiện nay, Hứa đô không còn bị bỏ trống nữa, sao có thể vội đánh được. Tào Tháo tuy ít quân, nhưng lại giỏi dùng binh, nhiều tài biến hoá, không nên xem thường hẳn. Tôi thấy nên tính toán kỹ lưỡng hơn đã".

Viên Thiệu không nghe, Điều Phong cứ cố can mãi. Viên Thiệu cho rằng Điều Phong làm rối lòng quân, liền bắt giam lại. Sau đó, sai người thảo hịch kể tội Tào Tháo, gửi đi các nơi.

Năm 200, Viên Thiệu đem mười vạn tinh binh, phong Thu Thụ làm giám quân, từ Nghiệp Thành xuất phát tiến tới Lê Dương (nay ở huyện Tuấn, Hà Nam), phái Nhan Lương làm đại tướng, đi tiên phong dẫn

quân vượt qua Hoàng Hà, tiến đánh Bạch Mã (nay là huyện Hoát, Hà Nam).

Lúc đó, Tào Tháo đã dẫn quân về tới Quan Độ, nghe tin Bạch Mã bị vây, chuẩn bị tới cứu. Mưu sĩ Tuân Du khuyên: "Kể địch đông quân, chúng ta ít quân, không nên đo sức với chúng. Chỉ bằng phái một đạo quân làm ra vẻ muốn vượt sông ở Diên Tân (nay ở Tây bắc Diên Tân, Hà Nam) thu hút quân chủ lực Viên Thiệu sang phía Tây. Lúc đó, chúng ta sẽ phái đội khinh kỵ tới Bạch Mã đánh thì chúng sẽ trở tay không kịp".

Tào Tháo nghe theo Tuân Du, dùng kế dương đông kích tây để đánh lừa Viên Thiệu. Thiệu nghe tin Tào Tháo muốn vượt sông ở Diên Tân, quả nhiên phái đại quân đến ngăn chặn. Ngờ đâu Tào Tháo đã thân dẫn khinh kỵ binh đánh tới Bạch Mã. Đại tướng Nhan Lương đang bao vây thành Bạch Mã không phòng bị, bị quân Tào đánh đại bại, Nhan Lương bị giết, Bạch Mã được giải vây.

Viên Thiệu nghe tin Tào Tháo đến cứu Bạch Mã, giết mất đại tướng của mình thì nổi giận đùng đùng. Giám quan Thư Thụ khuyên Thiệu lưu đại quân ở Diên Tân, chỉ đưa một bộ phận xuất kích. Nhưng Thiệu nóng báo thù, không nghe theo lời khuyên đó, cứ hạ lệnh cho toàn quân vượt sông đánh đuổi quân Tào, và phái đại tướng Văn Sứ mang năm sáu nghìn kỵ binh đi tiên phong. Lúc đó, Tào Tháo đang rút từ Bạch Mã về Quan Độ, nghe nói quân Viên Thiệu đuổi theo, liền cử sáu trăm kỵ binh mai phục ở phía nam dốc Diên Tân, cho binh sĩ cõng bỏ yên cương, thả ngựa đi tản mát trên sườn núi, quăng vũ khí, khôì giáp vút đầy đường.



Kỵ binh của Văn Sú tới dốc phía nam, thấy vậy cho rằng quân Tào đã chạy xa nên cho binh sĩ đi thu nhặt vũ khí, khôi giáp trên đường. Bất ngờ, theo lệnh Tào Tháo, sáu trăm phục binh nhất tề xông ra chém giết, quân Thiệu không kịp chống trả, bị đánh tới tấp, Văn Sú cũng bị giết chết trong đám loạn quân.

Mới đánh hai trận, Viên Thiệu đã mất luôn hai viên đại tướng, tinh thần tướng sĩ hoang mang. Nhưng Viên Thiệu vẫn cay cú, nhất định truy kích Tào Tháo. Giám quân Thư Thụ bàn: "Quân ta tuy đông, nhưng không dững mãnh bằng quân Tào; quân Tào tuy dững mãnh, nhưng không nhiều lương thực như quân ta. Vì vậy, ta nên giữ vững ở đây đợi khi quân Tào hết lương, chúng sẽ phải tự động lui quân."

Viên Thiệu vẫn không nghe theo lời khuyên của Thư Thụ, cứ ra lệnh cho tướng sĩ tiếp tục tiến quân, đuổi tới tận Quan Độ, mới dừng lại hạ trại. Binh mã của Tào Tháo đã về tới Quan Độ từ lâu, bố trí xong thế trận, giữ vững thành lũy.

Viên Thiệu thấy quân Tào dựa vào thành lũy cố thủ, liền sai quân đắp núi đất dựng đài cao ở ngoài thành, để binh sĩ leo lên bắn tên vào thành. Quân Tào phải dùng khiên mộc để chống lại mỗi khi di động trong thành.

Tào Tháo bàn với các mưu sĩ, thiết kế ra một máy bắn đá, gọi là "xe sấm sét." Xe gồm một cần bẩy lớn, có thể phóng những tảng đá nặng mấy chục cân, phá nát các đài cao của Viên Thiệu, khiến nhiều quân Viên Thiệu bị toạc đầu vỡ trán.

Viên Thiệu lại nghĩ cách khác. Ông sai quân ngấm đào các đường hầm vào ban đêm, định xuyên qua chân

thành của Tào Tháo. Nhưng hành động đó sớm bị quân Tào phát hiện, đối phó bằng cách đào các hào dài và sâu trong chân thành để sớm tìm và chặn các đường ra của hầm ngầm. Kế hoạch của Viên Thiệu lại thất bại.

Cứ như vậy, quân hai bên cầm cự nhau ở Quan Độ hơn một tháng. Thời gian càng kéo dài thì quân Tào càng khó khăn về lương thực, binh sĩ cũng mỏi mệt. Tào Tháo thấy khó giữ được lâu, liền viết thư cho Tuân Húc ở Hứa Đô, báo tin sắp lui quân. Tuân Húc vội viết thư trả lời, khuyên Tháo cố gắng giữ vững dù có gặp khó khăn thế nào, để sẵn sàng nắm bắt thời cơ mới.

Lúc đó, lương thực của quân Viên Thiệu từ Nghiệp Thành lại ùn ùn chỗ tới. Viên Thiệu cử đại tướng quân Thuần Vu Quỳnh dẫn một vạn quân đi hộ tống đoàn xe chở lương tới tích trữ tại Ô Sào cách Quan Độ bốn mươi dặm.

Mưu sĩ của Viên Thiệu là Hứa Du, biết quân Tào Tháo thiếu lương, liền hiến kế với Viên Thiệu, cử một đội quân nhỏ vòng qua Quan Độ đánh úp lấy Hứa Đô. Viên Thiệu vẫn không nghe, cứ một mực thúc quân đánh Quan Độ.

Hứa Du đang muốn khuyên thêm nữa, thì từ Nghiệp Thành có tin tới, nói người nhà Hứa Du phạm pháp, đã bị quan địa phương bắt giam. Viên Thiệu đọc thư, liền trách mắng Hứa Du thậm tệ.

Hứa Du căm giận, lại nghĩ mình với Tào Tháo là bạn cũ, nên ngay trong đêm, rời bỏ trại quân của Viên Thiệu, chạy sang với Tào Tháo.

Tào Tháo vừa cởi bỏ quần áo ngoài chuẩn bị đi ngủ, nghe tin Hứa Du tới, thì vô cùng mừng rỡ, không kịp

khoác áo xỏ giày, chạy vội ra đón reo to: "Hay quá, bạn ta đến, chắc là đại sự sắp thành công rồi."

Hứa Du vừa ngồi xuống liền hỏi: "Quân Viên Thiệu mạnh lắm. Ngài định đối phó thế nào. Lương ăn của quân sĩ còn được bao nhiêu?"

Tào Tháo nói: "Còn đủ ăn một năm nữa."

Hứa Du cười nhạt nói: "Không còn nhiều thế đâu."

Tào Tháo lại nói: "Đúng vậy, chỉ còn khoảng nửa năm nữa thôi."

Hứa Du giả làm mặt giận nói: "Ngài chẳng lẽ không muốn đánh thắng Viên Thiệu sao? Lẽ nào, với bạn cũ mà còn nói dối như vậy!"

Tào Tháo đành nói thực: "Lương thực trong quân, chỉ đủ dùng một tháng nữa thôi! Ông xem có cách nào không?"

Hứa Du nói: "Tôi biết bạn cũ đang gặp khó khăn nên tìm tới giúp đỡ đây. Hiện Viên Thiệu có hơn một vạn xe lương thực và khí giới, để cả ở Ô Sào. Thuần Vu Quỳnh phòng bị rất lơ lửng. Ngài nên phái một đội khinh kỵ đến tập kích phóng hỏa đốt tất cả đi, thì chỉ không tới ba ngày, quân Viên Thiệu không cần phải đánh cũng tan."

Nhận được tin tình báo quan trọng đó, Tào Tháo liền gọi ngay Tuân Du, Tào Hồng tới, dặn họ giữ vững Quan Độ, còn tự mình dẫn năm ngàn kỵ binh, đi suốt đêm tới Ô Sào. Quân Tào đều mang cờ hiệu của Viên Thiệu, gặp quân canh gác, đều nói là Viên Thiệu sai tới tăng viện cho Ô Sào, quân canh gác không nghi ngờ gì, cứ để họ đi qua.

Quân Tào tới Ô Sào, liền vây chặt rồi phóng hoả, đốt hết một vạn xe lương, tướng giữ Ô Sào, là Thuần Vu Quỳnh, đang mài chày chén, luống cuống đem quân đối phó, bị quân Tào giết chết.

Tướng sĩ của Viên Thiệu đang vây đánh Quan Độ, thấy phía Ô Sào lửa cháy rực trời, thì hoang mang rối loạn. Hai đại tướng của Viên Thiệu là Trương Cáp, Cao Lãm chạy sang hàng quân Tào. Quân Tào thừa thế xông ra đánh mãnh liệt. Viên Thiệu và con là Viên Đàm không kịp mang khôi giáp cuống quýt đem theo tám trăm kỵ binh chạy về phía Bắc.

Qua trận quyết chiến này, quân chủ lực của Viên Thiệu bị tiêu diệt. Hai năm sau, Viên Thiệu ốm chết. Tào Tháo mất bảy năm nữa, mới quét hết thế lực tàn dư của Viên Thiệu, thống nhất được miền Bắc Trung Quốc.

91- TÔN SÁCH CHIẾM CỨ GIANG ĐÔNG

Trong khi Tào Tháo và Viên Thiệu tranh giành kịch liệt ở miền Bắc thì ở miền Nam, một thế lực cát cứ dần dần lớn mạnh. Đó là anh em Tôn Sách, Tôn Quyền ở Giang Đông (nay là vùng Giang Nam, ở hạ du Trường Giang).

Cha của Tôn Sách là Tôn Kiên, nguyên là thái thú Trường Sa, vốn là bộ hạ của Viên Thuật. Sau khi Tôn Kiên mất, Tôn Sách đem quân theo Viên Thuật. Viên Thuật thấy Tôn Sách là một thiếu niên anh tuấn, rất yêu quý, nói với mọi người: "Nếu ta có được một con trai như Tôn lang thì chết cũng yên tâm".

Tuy nói như vậy nhưng Viên Thuật cũng không trọng dụng Tôn Sách. Tôn Sách muốn được làm thái thú quận nhưng Viên Thuật không cho. Cậu của Tôn Sách là Ngô Cảnh làm thái thú Đan Dương (nay là Tuyên Thành, An Huy) bị thứ sử Dương Châu là Lưu Do đuổi đi. Tôn Sách xin Viên Thuật cho đến Giang Đông giúp cậu đánh Lưu Do. Viên Thuật vốn có mâu thuẫn với Lưu Do, liền cấp cho Tôn Sách hơn một ngàn binh mã.

Tôn Sách dẫn quân về phía nam, dọc đường có nhiều người xin đi theo. Tôn Sách có người bạn thân từ nhỏ là Chu Du, cũng mang người ngựa đến hội hợp, vì vậy lực lượng dần lớn mạnh lên.

Tôn Sách chiến đấu dũng cảm, quân đội lại có kỷ luật nghiêm minh, nên được dân chúng ủng hộ. Do đó, sau khi vượt sông không những nhanh chóng đánh bại được Lưu Do, giành lại được Đan Dương, mà còn chiếm được quận Ngô và quận Cối Kê. Như vậy, một vùng rộng lớn gồm tám quận Giang Đông đã bị Tôn Sách chiếm lĩnh.

Tôn Sách chiếm được Giang Đông, còn có hoài bão muốn phát triển lên phía Bắc. Nhân dịp Tào Tháo và Viên Thiệu đang kìm chân nhau ở Quan Độ, Sách chuẩn bị đánh úp Hứa Đô để cướp lấy Hán Hiến Đế. Nhưng đang lúc điều binh khiển tướng, chuẩn bị lương thảo thì xuất hiện một sự kiện bất ngờ.

Số là khi đánh chiếm quận Ngô, Tôn Sách giết thái thú ở đó là Hứa Cống, các môn khách của Hứa Cống quyết báo thù cho chủ. Có lần, nhân dịp Tôn Sách lên núi đi săn, họ phục sẵn trong rừng cây bắn lên ra, một phát tên trúng vào mắt Tôn Sách.

Tôn Sách bị trọng thương, mời thầy thuốc điều trị, chẳng những không khỏi mà bệnh tình ngày càng nặng. Biết mình không sống nổi, Tôn Sách gọi các bộ hạ đến dặn dò: "Hiện nay, chúng ta đã có đất và có quân, có thể độ sức với người khác. Mong các ông hết lòng giúp đỡ em ta là Tôn Quyền".

Tôn Quyền năm đó mười chín tuổi, tuy còn trẻ nhưng vốn thích kết giao bè bạn, quý trọng nhân tài nên đã có tiếng tăm trong giới danh sĩ Giang Đông. Tôn Sách gọi Tôn Quyền tới, trao lại ấn thụ và nói: "Hai anh em ta,



nếu xét về tài năng xông pha trận mạc thì em không bằng anh; nhưng xét về mặt xem xét người hiền tài, trọng dụng người có công thì anh không bằng em. Mong em từ nay gắng sức giữ gìn lấy cơ nghiệp ở Giang Đông". Nói xong, Tôn Sách trút hơi thở cuối cùng.

Tôn Quyền gục trên giường khóc lóc thảm thiết. Trương Chiêu khuyên ông nên thay ngay sang quan phục, lên ngựa đi thị sát ba quân và mau chóng phái người tới Ba Khâu (nay là Nhạc Dương, Hồ Nam) báo cho Chu Du biết. Chu Du vội đem quân đi suốt đêm về Ngô Trung cùng với Trương Chiêu giúp đỡ Tôn Quyền trong mọi việc.

Lúc đó, nói chung sáu quận ở Giang Đông tuy đã bị Tôn Sách chiếm, nhưng những nơi xa trung tâm vẫn còn những thế lực chưa chịu phục tùng mệnh lệnh, có người còn chờ xem tình thế ra sao để quyết định thái độ. May nhờ Chu Du, Trương Chiêu đồng tâm hiệp lực phò tá Tôn Quyền, nên cục diện mới dần dần ổn định.

Tôn Quyền nhớ lời anh dặn, chú trọng chiêu mộ nhân tài. Chu Du giới thiệu với Tôn Quyền: "Tiểu tướng có người bạn là Lỗ Túc, là người rất có kiến thức, xin tướng quân cho mời đến giúp, ông ta nhất định sẽ có ích cho tướng quân".

Tôn Quyền liền cử ngay người mời Lỗ Túc đến. Hai người gặp nhau, chuyện trò rất tương đắc. Có lần Tôn Quyền tiếp kiến tân khách, khi tiễn mọi người ra về còn lưu Lỗ Túc lại để tiếp tục đàm luận.

Tôn Quyền nói: "Nay nhà Hán suy vi, thiên hạ loạn lạc, tôi muốn kế thừa sự nghiệp của cha anh, phù trợ

thiên tử nhà Hán, lập nên công nghiệp như Tể Hoàn Công, Tấn Văn Công xưa kia, tiên sinh thấy thế nào?"

Lỗ Túc nói: "Kẻ bất tài này đã nghiên cứu kỹ đại thế trong thiên hạ. Nhà Hán không còn hưng khởi được nữa. Thế lực Tào Tháo đã rất lớn mạnh, không thể trừ được hần ngay. Tôi trộm suy nghĩ thay cho tướng quân: Ta hãy nên giữ vững mảnh đất Giang Đông này để chờ đợi thời cơ. Hiện Tào Tháo còn đang bận đối phó với các thế lực ở miền Bắc, chưa chú ý đến ta. Ta nên nhân cơ hội này đem quân đánh Lưu Biểu, chiếm lấy Kinh Châu, sau đó sẽ bình định thiên hạ. Như thế, có thể sánh với sự nghiệp của Hán Cao Tổ."

Nghe Lỗ Túc phân tích, Tôn Quyền thấy sáng hẳn ra, nhưng ngoài miệng còn nói giọng khiêm tốn: "Lời tiên sinh dạy bảo khiến Quyền này xiết bao cảm kích, nhưng nghĩ mình tài sơ đức mỏng, sao dám có cao vọng như thế!"

Thấy Tôn Quyền tôn trọng nhân tài nên khắp miền Giang Đông, nhiều danh sĩ tìm đến, văn thần vũ tướng dưới trướng ngày càng đông đảo, quang cảnh ngày càng hưng vượng.

Tào Tháo nghe tin Tôn Quyền kế thừa địa vị của Tôn Sách, để mua chuộc Tôn Quyền, liền lấy danh nghĩa vua Hiến Đế, phong Tôn Quyền làm Chinh Lô tướng quân, kiêm thái thú Cối Kê. Từ đó về sau, trên thực tế, Tôn Quyền đã xây dựng một chính quyền cát cứ ở Giang Đông.

92- GIA CÁT LƯỢNG VẠCH ĐỐI SÁCH Ở LONG TRUNG

Sau đại chiến Quan Độ, Lưu Bị chạy tới Kinh Châu nương nhờ Lưu Biểu. Biểu cấp cho Lưu Bị một số người ngựa, cho ra đóng ở Tân Dã (nay là huyện Tân Dã, Hà Nam).

Lưu Bị ở Kinh Châu mấy năm, được Lưu Biểu đối đãi như thượng khách. Nhưng Lưu Bị là người có hoài bão lớn, chí hướng chưa thực hiện được nên trong lòng lúc nào cũng buồn rầu.

Có lần, Lưu Bị nắn bóp bắp chân mình, thấy mềm nhẽo, thì buồn bã rơi nước mắt. Lưu Biểu nhìn thấy, liền hỏi lý do. Lưu Bị nói: "Không có chuyện gì lớn. Chỉ vì trước kia, Bị này thường xuyên đi trận mạc, hàng ngày không rời khỏi yên ngựa nên bắp chân rắn chắc; nay lâu ngày nhàn rỗi, bắp chân chảy xệ ra. Nhìn ngày tháng qua đi như nước chảy, tuổi sắp già rồi, chẳng làm nên việc gì lớn, nên thấy tự cảm thương thân thể".

Lưu Biểu an ủi một hồi, nhưng Lưu Bị luôn luôn nghĩ tới kế lâu dài, muốn tìm một người tài cao học rộng để giúp đỡ mình.

Ông nghe nói ở Tương Dương có một danh sĩ là Tư Mã Huy, liền tìm đến bái yết. Tư Mã Huy tiếp đãi rất trân trọng và hỏi xem Lưu Bị cần gì.

Lưu Bị nói: "Chẳng dám dẫu gì tiên sinh, Bị này tìm đến chỉ để chân thành nghe lời chỉ giáo về đại thế trong thiên hạ".

Tư Mã Huy cười lớn nói: "Một kẻ quê mùa như lão phu, hiểu sao được đại thế thiên hạ. Muốn nói về đại thế thiên hạ, phải là những bậc tuấn kiệt tài năng".

Lưu Bị năn nỉ: "Xin tiên sinh chỉ cho, ở đâu có những người tuấn kiệt như thế?"

Tư Mã Huy nói: "Vùng này có Ngọa Long, lại có Phượng Sồ. Nếu ngài tìm được một trong hai người đó thì có thể bình định thiên hạ".

Lưu Bị vội hỏi Ngọa Long, Phượng Sồ là những ai. Tư Mã Huy nói: "Ngọa Long tên là Gia Cát Lượng, tự là Khổng Minh; Phượng Sồ tên là Bàng Thống, tự là Sĩ Nguyên".

Lưu Bị hết lời cảm tạ Tư Mã Huy rồi trở về Tân Dã. Đúng lúc ấy có một nho sĩ tìm đến gặp. Lưu Bị thấy người đó cử chỉ đài hoàng, cho rằng nếu không phải Phục Long thì cũng là Phượng Sồ, liền tiếp đãi rất nhiệt tình.

Sau khi nói chuyện, mới biết người đó là Từ Thúc, một danh sĩ địa phương, nghe nói Lưu Bị đang chiêu mộ nhân tài nên đến xin theo.



Lưu Bị cả mừng, lưu Từ Thứ lại làm mưu sĩ.

Từ Thứ nói: "Tôi có một người bạn cũ là Gia Cát Khổng Minh, mọi người gọi ông ta là Ngoạ Long, tướng quân có muốn gặp ông ta không?"

Qua lời Từ Thứ, Lưu Bị được biết kỹ về Gia Cát Lượng. Thì ra, Gia Cát Lượng không phải là người địa phương. Quê ông ở huyện Dương Đô, quận Lang Nha (nay ở phía nam huyện Nghi Thủy, Sơn Đông). Ông mồ côi cha khi còn ít tuổi. Chú là Gia Cát Huyền là bạn của Lưu Biểu, nên đem ông đến Kinh Châu. ít lâu sau, ông chú mất, ông liền định cư ở Long Trung (nay ở phía Tây Tương Dương, Hà Bắc), dựng một lều cỏ, vừa cày cấy, vừa đọc sách. Ông mới hai mươi bảy tuổi nhưng học vấn uyên bác, kiến thức hơn người, bạn bè hết sức khâm phục. Ông cũng thường tự ví mình với Quản Trọng, Nhạc Nghị khi xưa. Nhưng ông thấy thiên hạ loạn ly, Lưu Biểu lại không phải là người biết dùng nhân tài, nên đành ẩn cư ở Long Trung, sống cuộc đời bình lặng.

Lưu Bị nghe Từ Thứ giới thiệu, liền nói: "Tiên sinh đã là bạn thân của Gia Cát Lượng, vậy phiền tiên sinh không quản vất vả đi cho một chuyến, mời ông ta về đây với bề tôi".

Từ Thứ lắc đầu nói: "Làm như vậy không được. Với một người như thế, tướng quân nhất định phải tự đến mời thì mới tỏ được thành ý".

Lưu Bị đã nghe Tư Mã Huy nói, nay lại thấy Từ Thứ giới thiệu như vậy, biết rằng Gia Cát Lượng là một người hiếm có, liền dẫn theo Quan Vũ, Trương Phi, cùng đến Long Trung tìm Gia Cát Lượng.

Gia Cát Lượng biết Lưu Bị đến tìm mình, cố ý tránh mặt, nên Lưu Bị tới nơi, không gặp được.

Quan Vũ, Trương Phi thấy xa xôi phiền phức quá, có ý nản, nhưng Lưu Bị nhớ lời Từ Thúc nói, hết sức kiên nhẫn, đi một lần không gặp, lại đi lần thứ hai, rồi lần thứ ba.

Lần này, sau hồi lâu chờ đợi, Lưu Bị được Gia Cát Lượng tiếp vì thấy Lưu Bị thành tâm và tha thiết quá.

Lưu Bị để Quan Vũ và Trương Phi bên ngoài rồi theo Gia Cát Lượng vào lều cỏ. Khi trong lều chỉ có hai người, Lưu Bị thành khẩn nói: "Nay nhà Hán suy vi, đại quyền rơi vào tay gian thần Tào Tháo, Bị này tuy tài hèn sức kém, vẫn rất muốn cứu vãn cục diện, nhưng không tìm ra kế sách gì, nên một lòng tìm đến đây để xin tiên sinh chỉ giáo".

Gia Cát Lượng thấy Lưu Bị chân thành khiêm tốn như vậy, liền trình bày với Lưu Bị những gì mình đã tính toán và âm ấp từ lâu. Ông nói: "Hiện nay Tào Tháo đã dẹp xong Viên Thiệu, trong tay có hàng trăm vạn quân, lại nắm được cái thế hiệp thiên tử để ra lệnh cho chư hầu. Vì vậy, khó dùng vũ lực để tranh hơn thua với hắn. Tôn Quyền chiếm cứ một dải Giang Đông đã qua ba đời. Giang Đông địa thế hiểm yếu, trăm họ đã qui phụ ông ta, lại có nhiều nhân tài phù trợ. Xem ra, ta có thể liên hợp với ông ta, chứ không thể đánh ông ta". Sau đó, Gia Cát Lượng phân tích tình hình ở Kinh Châu và Ích Châu (nay là Tứ Xuyên, Vân Nam và một phần Thiểm Tây, Cam Túc, Hồ Bắc, Quý Châu), cho rằng Kinh Châu là địa điểm trọng yếu về quân sự, lại là nơi mà Lưu Biểu không có đủ tài năng để giữ được. Ích Châu là nơi đất đai phì nhiêu, rộng lớn, xưa nay vẫn nổi tiếng là "thiên phủ chi quốc" (nơi kho tàng thiên nhiên), mà Lưu Chương là người chủ ở đó lại là kẻ nhu nhược bất tài, không được coi trọng.

Cuối cùng, Gia Cát Lượng nói: "Tướng quân là dòng dõi hoàng thất, thiên hạ đều nghe danh. Nếu tướng quân chiếm được Kinh Châu, Ích Châu, ngoài thì liên hợp với Tôn Quyền, trong thì chinh đồn nội chính. Một mai có thời cơ, có thể tiến quân từ hai hướng Kinh Châu, Ích Châu để đánh Tào Tháo. Đến lúc đó, ai mà không chào đón tướng quân? Nếu làm được như vậy sẽ lập nên nghiệp lớn, nhà Hán có thể khôi phục được".

Lưu Bị càng nghe càng thấy khâm phục tâm mắt và kiến thức của người trẻ tuổi đó, liền sụp xuống nói: "Lời tiên sinh khiến Bị này như vén mây mù mà thấy được mặt trời. Bị xin nghe theo lời dạy của tiên sinh. Xin tiên sinh cùng Bị này xuống núi giúp đời".

Gia Cát Lượng cảm động trước sự thành tâm mến mộ của Lưu Bị, liền cùng với ông về Tân Dã. Sau này, người ta gọi sự kiện Lưu Bị đi đón Gia Cát Lượng là "tam cố thảo lư", và ý kiến trình bày của Gia Cát Lượng là "Long Trung đối sách".

Từ đó, Lưu Bị coi Gia Cát Lượng như bậc thầy, và Gia Cát Lượng cũng coi Lưu Bị như chúa công của mình, tình cảm giữa hai người ngày càng thân mật.

Quan Vũ và Trương Phi thấy thế thì rất không bằng lòng, luôn phàn nàn sau lưng, cho Gia Cát Lượng còn ít tuổi, chưa chắc đã có tài năng gì mà Lưu Bị phải quá trọng vọng như thế.

Lưu Bị giải thích với họ: "Ta gặp được Khổng Minh tiên sinh, như cá gặp nước. Từ nay cấm các người không được ăn nói lung tung". Quan Vũ, Trương Phi không dám nói gì nữa.

NIÊN BIỂU CÁC SỰ KIỆN LỚN

TẬP 1

Khoảng hơn 4000 năm về trước	- Thời kỳ Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ trong truyền thuyết
Khoảng 21 thế kỷ trước công nguyên	- Kiến lập Vương triều Hạ
Khoảng 16 thế kỷ trước Công nguyên	- Thương Thang diệt Hạ, Kiến lập Vương triều Thương
Khoảng 14 thế kỷ trước Công nguyên	- Bàn Canh dời đô về Ân
Khoảng 11 thế kỷ trước Công nguyên	- Vũ Vương diệt Ân, bắt đầu thời kỳ Tây Chu
Năm 841 trước Công nguyên	- Quốc nhân bạo động, nên hành chính cộng hòa. Lịch sử Trung Quốc bắt đầu có các mốc năm tháng chắc chắn
Năm 771 trước Công nguyên	- Khuyển Nhung đánh vào Hạo Kinh, Chu U Vương bị giết, kết thúc Tây Chu
Năm 770 trước Công nguyên	- Chu Bình Vương rời đô về Lạc Ấp, bắt đầu thời kỳ Đông Chu, Xuân Thu

Năm 685	trước	- Tề Hoàn công lên ngôi, cử Quán Trọng làm Tướng quốc
Công nguyên		
Năm 684	trước	- Trận Trường Thuộc giữa Tề với Lỗ
Công nguyên		
Năm 656	trước	- Tề Hoàn Công thống lĩnh liên quân bảy nước Lỗ, Tống... đi đánh Sở
Công nguyên		
Năm 638	trước	- Trận Hoàng Thủy giữa Tống và Sở. Tống Tương Công bị bại trận
Công nguyên		
Năm 632	trước	- Trận Thành Bộc (đất Hà Nam) giữa Tấn và Sở. Quân Sở đại bại. Tấn Văn Công xưng bá
Công nguyên		
Năm 623	trước	- Tần Mậu Công xưng bá ở Tây Nhung
Công nguyên		
Năm 597	trước	- Trận đánh ở Tắt (đất Hà Nam) giữa Tấn và Sở. Quân Tấn đại bại. Sở Trang Vương xưng bá.
Công nguyên		
Năm 551	trước	- Khổng Tử ra đời
Công nguyên		
Năm 506	trước	- Ngô vương Hạp Lu đánh Sở
Công nguyên		
Năm 496	trước	- Việt vương Câu Tiễn thắng quân Ngô ở trận Tuý lý, Hạp Lu trọng thương rồi chết. Ngô Vương Phù Sai lên ngôi
Công nguyên		

Năm 475 trước Công nguyên	- Bắt đầu thời kỳ Chiến Quốc. Trung Quốc bước vào xã hội phong kiến
Năm 473 trước Công nguyên	- Việt Vương Câu Tiễn diệt Ngô
Năm 403 trước Công nguyên	- Ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy được lập thành chư hầu
Năm 359 trước Công nguyên (có thuyết cho rằng, năm 356 trước công nguyên)	- Bắt đầu có biến pháp của Thương Ưởng ở Tần
Năm 341 trước Công nguyên	- Trần Mã Lăng
Năm 307 trước Công nguyên	- Triệu Vũ Linh Vương thực hành "Hồ phục kị xạ"
Năm 284 trước Công nguyên	- Nhạc Nghị thống lĩnh liên quân năm nước đi đánh Tần
Năm 283 trước Công nguyên	- Lạn Tương Như "hoàn Bích quy Triệu (Bảo toàn ngọc bích cho nước Triệu)
Năm 279 trước Công nguyên	- Điền Đan dùng trâu lừa tấn công nước Yên, khôi phục nước Tần

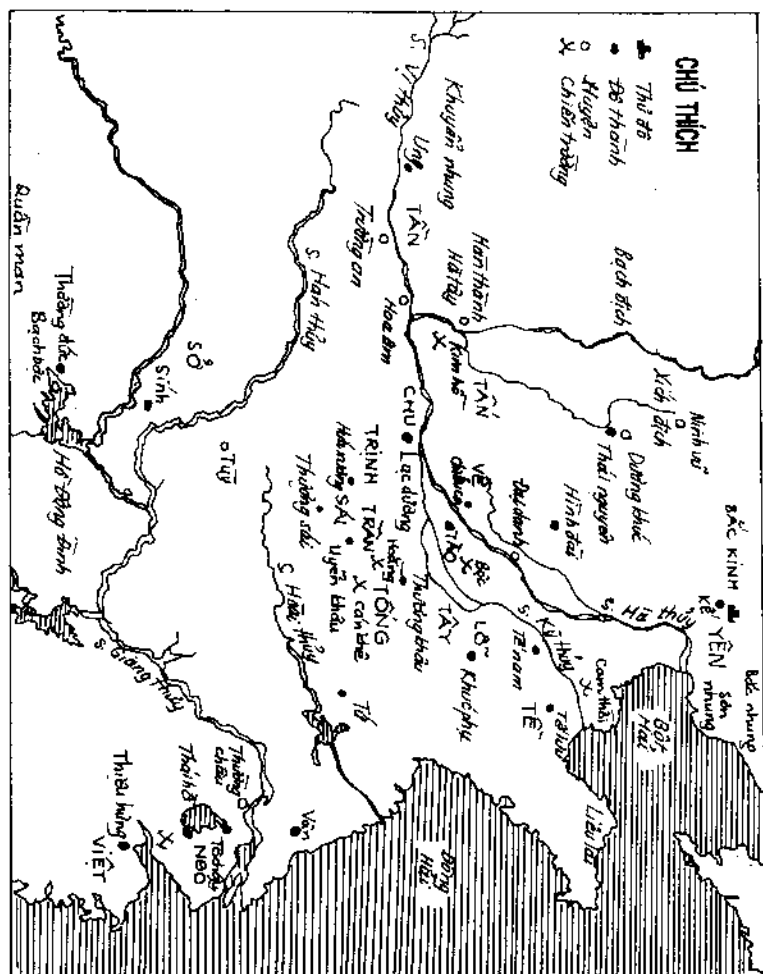
Năm 278 trước Công nguyên	- Khuất Nguyên nhảy xuống sông Mịch La tự tử
Năm 270 trước Công nguyên	- Phạm Thu vào Tần, Tần thực hành kế "Viễn giao cận công"
Năm 260 trước Công nguyên	- Tướng Tần Bạch khởi đại phá Triệu Quát
Năm 257 trước Công nguyên	- Ngụy Tín Lăng Quân cứu Triệu, đại phá quân Tần
Năm 256 trước Công nguyên	- Tần diệt Chu
Năm 238 trước Công nguyên	- Tần Vương Chính trực tiếp cầm quyền
Năm 227 trước Công nguyên	- Kinh Kha ám sát Tần Vương bị thất bại
Năm 230 đến 231 trước Công nguyên	- Tần diệt sáu nước
Năm 221 trước Công nguyên	- Tần Vương Chính xưng Thủy Hoàng Đế, lập ra chế độ Quận, huyện
Năm 213, 212 trước Công nguyên	- Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn sống nho sĩ
Năm 210 trước Công nguyên	- Tần Thủy Hoàng chết, Lý Tư, Triệu Cao lập Hồ Hợi làm Tần Nhị thế

Năm 209 Công nguyên	trước	- Khởi nghĩa Tản Thảng, Ngô Quảng. Lưu Bang, Hạng Lương đẩy binh
Năm 207 Công nguyên	trước	- Trần Cự Lộc, Hạng Vũ đại phá quân Tần
Năm 206 Công nguyên	trước	- Lưu Bang diệt Tần, Lưu Bang được phong làm Hán Vương. Bắt đầu niên kỷ Tây Hán
Năm 202 Công nguyên	trước	- Chiến tranh Sở - Hán kết thúc, Hạng Vũ tự sát, Lưu Bang xưng đế
Năm 200 Công nguyên	trước	- Hán Cao Tổ bị vây tại Bạch Đãng
Năm 196 Công nguyên	trước	- Hán Cao Tổ giết Hàn Tín, Bình Việt
Năm 188 Công nguyên	trước	- Lã thái hậu lâm triều
Năm 180 Công nguyên	trước	- Sau khi Lã thái hậu chết, Trần Bình và Chu Bột đưa Hán Văn Đế lên ngôi
Năm 167 Công nguyên	trước	- Đê Vinh dâng thư, Hán văn Đế bãi bỏ tội nhục hình
Năm 154 Công nguyên	trước	- Loạn thất quốc Ngô, Sở

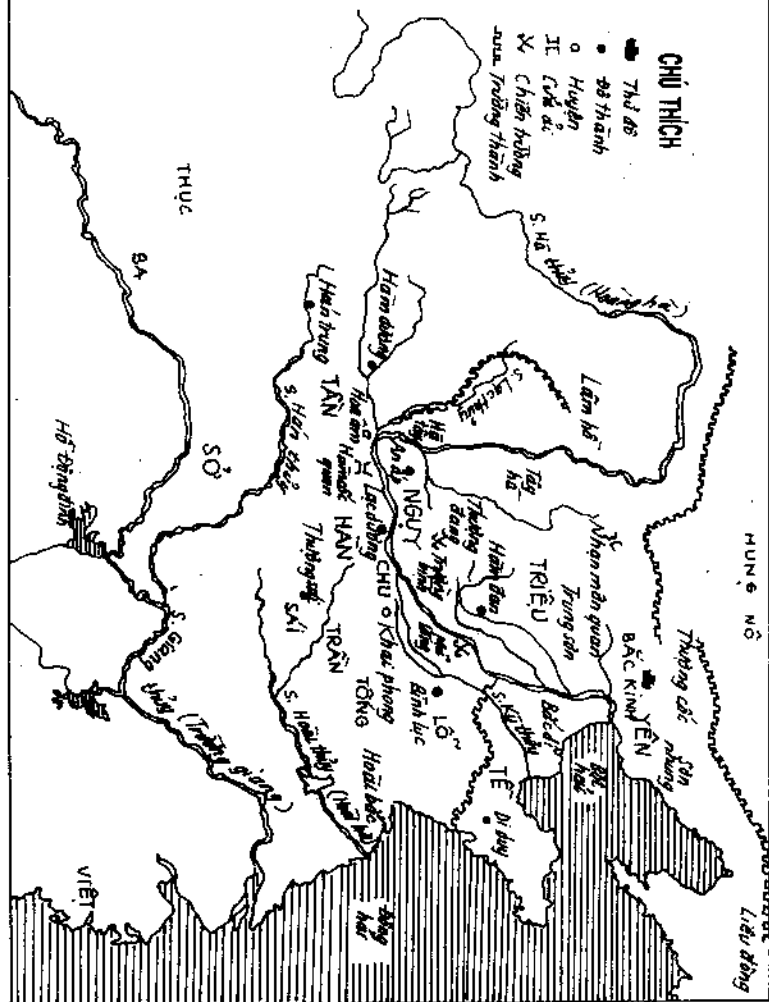
Năm 138 trước Công nguyên trước năm 119	- Trương Khiên hai lần đi sứ Tây Vực
Năm 133 trước Công nguyên	- Hán Vũ Đế lừa nhử quân Hung nô vào Mã ấp. Bắt đầu chiến tranh Hán - Nung nô
Năm 119 trước Công nguyên	- Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh đánh bại Hung nô. Hung nô rút về vùng đại sa mạc Tây Bắc
Năm 100 trước Công nguyên	- Tô Vũ đi sứ sang Hung nô, bị bắt giữ (sau 19 năm trở về Hán)
Năm 99 trước Công nguyên	- Tư Mã Thiên vào tù
Năm 87 trước Công nguyên	- Hán Chiêu Đế lên ngôi, Hoắc Quang phụ chính
Năm 33 trước Công nguyên	- Vua Hung nô Hô Hàn Nha đến Trường An. Vương Chiêu Quân sang Hung nô
Năm thứ 8 Công nguyên	- Vương Mãng kiến lập triều Tấn, Tây Hán diệt vong
Năm 17 27 Công nguyên	- Khởi nghĩa Lục Lâm, Xích Mi
Năm 23 Công nguyên	- Trần Côn Dương, Lưu Tú đại phá quân Vương Mãng. Triều Tấn diệt vong

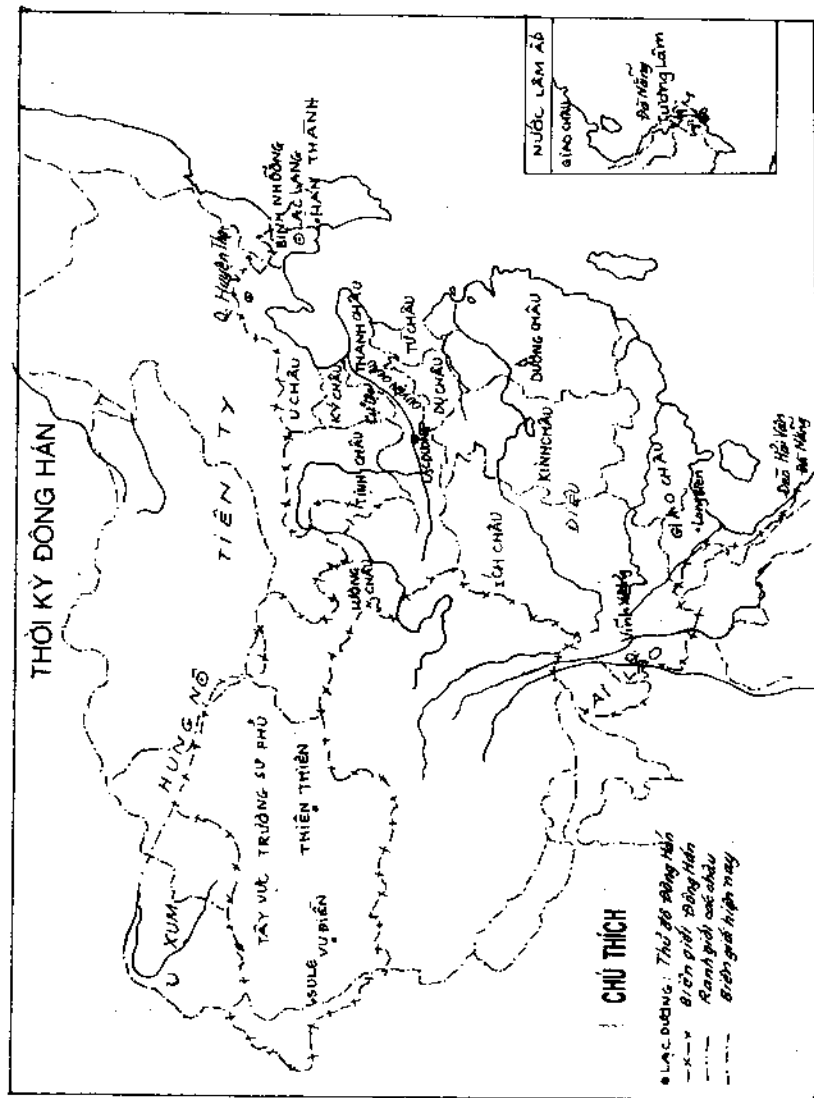
Năm nguyên	25	Công	- Lưu Tú kiến lập Đông Hán
Năm nguyên	67	Công	- Sứ giả nhà Hán đi lấy kinh Phật từ Thiên Trúc trở về nước
Năm nguyên	73	Công	- Ban Siêu đi sứ Tây Vực lần thứ nhất
Năm nguyên	132	Công	- Trương Hành chế tạo thiết bị đo động đất
Năm nguyên	166	Công	- Sự kiện "đăng cố" lần thứ nhất
Năm nguyên	169	Công	- Sự kiện "đăng cố" lần thứ hai. Lý Ung, Phạm Bành... bị giết
Năm nguyên	184	Công	- Trương Giác lãnh đạo quân Khăn Vàng (Hoàng Cân) khởi nghĩa
Năm nguyên	189	Công	- Đồng Trác vào Lạc Dương
Năm nguyên	190	Công	- Các châu quận Quan đông khởi binh dẹp trừ Đồng Trác
Năm nguyên	196	Công	- Tào Tháo đón Hán Hiến đế dời đô về Hứa Thành
Năm nguyên	200	Công	- Trận Quan Độ, Tào Tháo đánh bại Viên Thiệu

BẢN ĐỒ XUÂN THU (- 770 ĐẾN - 455)



BẢN ĐỒ CHIẾN QUỐC (- 475 ĐẾN - 221)





MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu</i>	
1- Thần thoại về khai thiên lập địa	1
2- Truyền thuyết về dùi cây lấy lửa	5
3- Hoàng Đế đánh Xuy Vitu	9
4- Nghiêu - Thuấn nhường ngôi	13
5- Đại Vũ trị thủy	17
6- Thần tiền thủ Hậu Nghệ	21
7- Thương Thang và Y Doãn	25
8- Bàn Canh dời đô	30
9- Khương Thái công câu cá	34
10- Nô lệ phản chiến	39
11- Chu Công phò tá Thành Vương	44
12- Quốc nhân bạo động	49
13- Khôi lửa Ly sơn	54
14- Nhân tài trong xe tù	59
15- Tào Quê đánh lui quân Tề	65
16- Tề Hoàn Công chín lần họp chư hầu	70
17- Sự ngu xuẩn của Tống Tương Công	75
18- Công tử lưu vong Trùng Nhĩ	80
19- Tấn Văn Công lui nhường ba xá	85
20- Huyền Cao dùng mưu lui quân Tần	90
21- Trận đại chiến Hào Sơn	95
22- Sở Trang Vương lừng lẫy một thời	100
23- Ngũ Tử Tư qua Chiêu Quan	106
24- Khổng Tử chu du các nước	111

25- Câu Tiễn nằm gai nếm mật	117
26- Phạm Lãi và Văn Chủng	120
27- Mặc Tử phá thang mây	127
28- Ba nhà phân chia nước Tấn	132
29- Thương Ưởng sửa đổi pháp luật	138
30- Tôn Tẫn, Bàng Quyên đấu trí	143
31- Trương Nghi phá tan kế hợp tung	153
32- Triệu Vũ Linh Vương học theo người Hồ	158
33- Các môn khách của Mạnh Thường Quân	158
34- Yên Chiêu Vương cầu hiền	164
35- Điền Đan đánh trận bằng trâu lửa	169
36- Khuất Nguyên tự trầm	175
37- Lạn Tương Như đòi ngọc bích về cho nước Triệu	181
38- Liêm Pha tự trói nhận tội	187
39- Kế viên giao cận công của Phạm Thư	193
40- Triệu Quát chỉ giỏi đánh giặc môm	199
41- Mao Toại tự tiến cử	204
42- Tín Lăng quân cứu Triệu	209
43- Lý Tư can việc đuổi khách	215
44- Kinh Kha hành thích Tần Vương	220
45- Tần Vương diệt sáu nước	226
46- Tần Thủy Hoàng, hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc	231
47- Cuộc hành thích ở Bắc Lăng Sa	237
48- Âm mưu ở Sa khâu	242
49- Cuộc khởi nghĩa ở làng Đại Trạch	247
50- Lưu Bang và Hạng Vũ	253

51- Trận đại chiến ở Cự Lộc	259
52- Lưu Bang vào Hàm Dương	264
53- Yến tiệc ở Hồng Môn	270
54- Tiêu Hà đuổi theo giữ Hàn Tín	277
55- Sở Hán tranh hùng	283
56- Bá Vương tự sát ở Ô Giang	289
57- Đại phong ca	294
58- Bị vây ở Bạch Đằng	300
59- Giết ngựa trắng ăn thịt	304
60- Hai tướng quốc Tiêu Hà, Tào Tham	310
61- Chu Bột giành lại binh quyền	314
62- Đề Vinh cứu cha	321
63- Doanh Tế Liễu của Chu Á Phụ	325
64- Triệu Thác cắt giảm đất phong	330
65- Trận đánh dụ địch ở Mã Ấp	336
66- Phi tướng quân Lý Quảng	341
67- Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh	346
68- Trương Khiêm mở đường sang Tây Vực	352
69- Tô Vũ chăn dê	358
70- Tư Mã Thiên viết Sử ký	364
71- Hoắc Quang phụ chính	369
72- Vương Chiêu Quân sang Hồ (Hung Nô)	374
73- Vương Mãng "phục cổ cải chế"	378
74- Khởi nghĩa Lục Lâm, Xích Mi	384
75- Đại chiến Côn Dương	390
76- Lưu Tú dựng lại vương triều Hán	396
77- Viên Lạc Dương lệnh cứng cổ	401
78- Lấy kinh, rước tượng Phật	407

79- Ban Siêu ném bút tòng quân	412
80- Trương Hành và máy đo động đất	418
81- Lương Ký, viên tướng chuyên quyền	423
82- Sự kiện "Đảng cổ"	428
83- Phạm Băng vào nhà giam	434
84- Quân khởi nghĩa khăn vàng	439
85 - Viên Thiệu giết hoạn quan	445
86- Tào Tháo khởi binh	451
87- Vương Doãn lập mưu trừ董卓	457
88- Dời đô đi Hứa Thành	462
89- Mặt chiếu trong đai áo	468
90- Đại chiến Quan Độ	474
91- Tôn Sách chiếm cứ Giang Đông	481
92- Gia Cát Lượng vạch đối sách ở Long Trung	486

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC
5.000 NĂM

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:
QUANG HUY

Biên tập: NGUYỄN QUỐC

Sửa bản in: NGÂN THANH

Vẽ bìa: VĂN SÁNG

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm. Tại Xưởng in Báo Người
Hà Nội. Giấy phép 28/CXB - 30 - VHTT, cấp ngày
30/3/1997. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 - 1997.

LỊCH SỬ
TRUNG QUỐC
5000 NĂM